

**VỀ ĐẤU TRANH
BẤT BẠO ĐỘNG
CHIẾN LƯỢC:**

**SUY NGHĨ VỀ NHỮNG
NGUYÊN TẮC CƠ BẢN**

**VỀ ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG
CHIẾN LƯỢC:**

**SUY NGHĨ VỀ NHỮNG
NGUYÊN TẮC CƠ BẢN**

Robert L. Helvey

Nguyễn Văn Thái, PhD., chuyên ngữ

Viện Albert Einstein

Bản quyền © 2004 của Robert Helvey
Tác giả giữ mọi bản quyền bao gồm cả những quyền dịch thuật
In tại Hoa Kỳ
In lần thứ nhất, Tháng Bảy, 2004
In trên giấy tái dụng.

Xuất bản phẩm này được soạn thảo dưới sự
Tài trợ của Viện Hoà Bình Hoa Kỳ
SG-127-02S, Ngày 19 Tháng Chín, 2002

Ấn bản này được thực hiện với sự trợ cấp
Của Quỹ Tưởng Niệm Connie Grice.
Connie Grice là Giám Đốc Điều Hành
Của Viện Albert Einstein, 1986-1988. Với
kinh nghiệm về phong trào dân quyền và sự dẫn thân sâu đậm
cho một thế giới hoà bình và công chính, bà đã đóng một vai trò
chủ yếu trong những năm đầu của Viện. Mặc dù cuộc đời của bà đã bị
rút ngắn đi quá nhiều, chúng tôi, những người cùng làm việc với bà, biết
rằng bà sẽ rất sung sướng là sự tưởng niệm này có thể tiếp tục hỗ trợ
công việc của Viện. Quỹ Tưởng Niệm Connie Grice được thiết lập
bởi vị hôn phu của Bà, Ông William Spencer
và chị của bà, Bà Martha Grice.

Viện Albert Einstein
427 Newbury Street
Boston, MA 02115 – 1801, USA
ĐT: USA + 617- 247- 4882
Fax: USA + 617- 247- 4035
E-mail: einstein@igc.org
Web site: www.aeinstein.org

ISBN 1-880813-14-9

“Tất cả mọi người đều mơ: nhưng mơ không đồng đều nhau. Những người mơ vào ban đêm trong những ngõ ngách bụi bặm của trí óc sẽ thức dậy vào ban ngày để tìm thấy giấc mơ của mình chỉ là hư ảo, còn những người mơ ban ngày là những con người nguy hiểm, bởi vì họ có thể hành tác lên giấc mơ của mình mà mắt vẫn mở, làm cho giấc mơ đó có thể trở thành hiện thực.”

T.S. Eliot, *Bảy Cột Trụ Khôn Ngoan*

Tặng những ai ban ngày mơ chiến thắng bạo ngược.

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	ix
Chương 1 Lí Thuyết về Sức Mạnh Chính Trị	1
Chương 2 Những Cột Trụ Chống Đỡ	9
Chương 3 Tuân Phục	19
Chương 4 Những Phương Thức và Phương Pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động	25
Chương 5 Giải Quyết Vấn Đề	41
Chương 6 Phòng Định Chiến Lược	46
Chương 7 Những Xét Định Kế Hoạch Điều Hành	63
Chương 8 Những Vận Hành Tâm Lí	72
Chương 9 Những Nhận Định về Suy Tư Chiến Lược	81
Chương 10 Sợ Hãi	93
Chương 11 Lãnh Đạo	99
Chương 12 Các Ô Nhiễm	103
Chương 13 Ảnh Hưởng Những Thính Giả Bên Ngoài	115
Chương 14 Tham Vấn và Huấn Luyện	122
MỘT VÀI Ý NGHĨ SAU CÙNG	131

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC	1	<i>Bảng Liệt Kê Những Từ Quan Trọng trong Đấu Tranh Bất Bạo Động</i>	133
PHỤ LỤC	2	<i>Các Phương Pháp Hành Động Bất Bạo Động</i>	140
PHỤ LỤC	3	<i>Thí Dụ về Giải Quyết Khó Khăn bằng Cách Dùng Nghiên Cứu Tham Mưu</i>	148
PHỤ LỤC	4	<i>Mẫu Gợi Ý cho việc Soạn Thảo Phỏng Định Chiến Lược</i>	153

HÌNH

HÌNH	1	<i>Mô Thức Quyền Lực Độc Tôn</i>	155
HÌNH	2	<i>Mô Thức Quyền Lực Đa Nguyên</i>	157
HÌNH	3	<i>Những Cột Trụ Chống Đỡ</i>	159
HÌNH	4	<i>Kéo Đối Lại với Đầy Những Cột Trụ Chống Đỡ</i>	161
HÌNH	5	<i>Đồ Biểu về Sự Trung Thành</i>	163

THƯ TỊCH

165

Cảm Tạ

Không có sự khuyến khích mạnh mẽ và kiên quyết của Peter Ackerman thuộc Trung Tâm Quốc Tế về Xung Đột Bất Bạo Động và của Harriet Hentges thuộc Viện Hoà Bình Hoa Kỳ (USIP), thì tôi đã không nhận lãnh sự thách thức của việc viết cuốn sách này. Tôi cũng muốn xác nhận sự kiên nhẫn và khuyến khích của Cô. Judy Barsalou, Giới Chức Phụ Trách Chương Trình tại USIP.

TS. Gene Sharp, sáng lập viên và hiện là Học Giả Cao Cấp của Viện Albert Einstein, đã giúp đỡ nhiều nhất với những lời bình và gợi ý của ông. Vì ông là chuyên gia xuất sắc về đấu tranh bất bạo động chiến lược, nên tôi cảm thấy miễn cưỡng khi viết một cuốn sách về một đề tài mà ông đã bàn cãi một cách quá tài tình trong nhiều cuốn sách của ông. Một hôm, trong khi thảo luận về cuốn sách của tôi, tôi đã bày tỏ những dè dặt của tôi với ông vì ông đã từng viết cuốn “thánh kinh” về đấu tranh bất bạo động chiến lược (*Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động và Từ Độc Tài Đến Dân Chủ*) và phản ứng của ông là, “Có bao nhiêu sách đã được viết về cuốn Kinh Thánh?”

Anh tôi, Frank Helvey, đã ngụp lặn trong từ bản thảo này đến bản thảo khác với một con mắt phê bình của một luật sư kháng cáo, nêu lên nhu cầu của sự chính xác, bởi vì tôi thường không hiện diện để quan sát những phát biểu của độc giả hay để trả lời những thắc mắc như tôi thường làm khi tư vấn hay khi dạy một lớp học. Constance Meadows chưa từng bao giờ tỏ ra một sự bực bội nào có biện minh khi thấy bản thảo bị trả lui với nhiều sai sót cần phải được hiệu đính.

Còn nhiều người khác nữa, quá nhiều để liệt kê danh tánh ở đây, đã ảnh hưởng đến sự suy nghĩ và sự dần thân của tôi vào việc cổ võ sự thông hiểu và việc sử dụng đấu tranh bất bạo động chống lại những chế độ áp bức. Tôi xin ghi nhận công lao của tất cả những vị này. Tuy nhiên, tôi chịu trách nhiệm về bất cứ lỗi lầm hay sơ sót nào trong cuốn sách này.

DẪN NHẬP

Thế kỉ thứ hai mươi là thế kỉ của nhiều bạo lực hơn cả trong lịch sử đã từng được ghi lại. Hai Thế Chiến đem lại kết quả là hơn 200 triệu binh sĩ và thường dân đã bị giết. Thêm vào đó, còn có những cuộc chiến tranh giới hạn, nhưng cũng thật kinh hoàng: những cuộc chiến tranh giải phóng, những cuộc chiến tranh chinh phục, và những cuộc nội chiến vì những niềm tin về chính trị hay tôn giáo. Thật khó có một ngày nào trong thế kỉ thứ hai mươi mà xung đột vũ trang có tầm cỡ không xảy ra.

Trong lúc những tiến bộ về khoa học và kĩ thuật cung cấp những phương tiện làm cho những hậu quả của các cuộc xung đột vũ trang càng lúc càng có khả năng tàn phá những mục tiêu quân sự hơn, thì đồng thời cũng có thể gây ra những tổn thất phụ thuộc còn lớn hơn nữa, nghĩa là, sự phá huỷ không dự tính về mạng sống và tài sản dân sự. Sự tổn thất phụ thuộc này xảy ra không những vì tính sát hại của những loại vũ khí mà còn vì số lượng lớn lao của những vũ khí đã được sử dụng. Những vũ khí hoá học và sinh học tương đối rẻ tiền có khả năng sát hại tập thể và sự chuyên chở và giao hàng dễ dàng đã đem lại những hậu quả kinh hoàng về những tổn thất phụ thuộc cho thường dân. Các nguồn tin tức về “bom thông minh” được sử dụng trong cuộc chiến “Bão Sa Mạc” [Desert Storm] trong những năm đầu của thập niên 1990 đã làm cho dân chúng Hoa Kỳ tin tưởng một cách sai lầm là các trận chiến sẽ nhanh, gọn, và bảo đảm. Tuy nhiên, việc liên minh do Hoa Kỳ lãnh đạo sử dụng rộng rãi đạn dược được điều khiển chính xác trong cuộc chiến chống Iraq vào khoảng đầu năm 2003 không nên được xem là tiêu chuẩn dội bom mới bởi vì ít quốc gia có thể có khả năng sử dụng rộng rãi những vũ khí đất tiền này cùng với những kĩ thuật hỗ trợ như vậy. Do đó, ngay cả trong những cuộc chiến giới hạn, bao gồm những cuộc nội chiến, thì chính thường dân là những người sẽ tiếp tục chịu đựng búa rìu của những vũ khí tối tân.

Trong khi Chiến Tranh Lạnh giữa Liên Bang Xô Viết và Tây phương bắt đầu lắng xuống trong hai thập niên cuối của thế kỉ thứ hai mươi, thì những thách đố về vũ khí nhỏ, súng nặng, máy bay, xe quân đội, và đủ loại đạn dược sẵn sàng cung ứng cho thị trường súng đạn quốc tế. Những nền kinh tế quy mô (nghĩa là càng nhiều đơn vị hàng hoá được sản xuất thì giá đơn vị càng giảm) sản xuất vũ khí mới cũng đóng góp vào việc làm cho người mua có thể tậu mãi được vũ khí với giá phải chăng. Đã từng có những quốc gia và những công ti thương mại gửi những chuyên viên tiếp

thị đi chào hàng cho họ. Giá rẻ và sự dễ dàng tậu mồi vũ khí rớt cuộc đã thúc đẩy sự leo thang của xung đột bạo động trên toàn thế giới.

Một câu hỏi được đặt ra do những phát triển của những kĩ thuật quân sự này và do sự phổ biến những vũ khí càng lúc càng có tính sát hại như thế là không biết có một nguyên tắc nào xứng đáng cho một cuộc tranh đấu mà kết quả của cuộc xung đột có thể là sự tàn phá của cả hai bên không. Ai có thể cho là mình đã chiến thắng trong một cuộc chiến có thể huỷ hoại nhiều tài nguyên nhân lực và kinh tế của một quốc gia đến độ mục tiêu của cuộc đấu tranh cũng không thể đạt được bởi ngay cả chính kẻ thắng trận? Trước sự huỷ hoại như thế, đối phương đã càng lúc càng tìm cách tránh chiến tranh bằng những chính sách ngăn ngừa hay bằng thương thuyết. Những chính sách ngăn ngừa đã từng hữu hiệu, đặc biệt là trong việc ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân. Tuy nhiên, ở nơi nào mà sự cân bằng về khả năng xúc tiến chiến tranh chưa được thiết lập rõ ràng, thì những cuộc xung đột vũ trang vẫn còn tiếp tục xảy ra. Hơn nữa, ở nơi nào mà các nhân tố sắc tộc và tôn giáo nổi bật, thì việc tính toán cho việc khởi động xung đột có thể mất đi tính khách quan của nó.

Sẽ luôn luôn có những lí tưởng đáng tranh đấu và áp bức cần dẹp bỏ. Một vài vấn đề có thể không giải quyết được chỉ bằng thương thảo, nhưng đấu tranh vũ trang có thể không phải là giải pháp ổn thoả cho một xã hội bị áp bức, vì nhà nước thường có độc quyền về quân sự và những công cụ cưỡng ép chính trị khác nữa. Điều này không có nghĩa là dân chúng bị áp bức đành phải chọn lựa giữa khuất phục và xúc tiến một cuộc đấu tranh vũ trang mà thất bại hầu như là chắc chắn. Còn có một giải pháp thứ ba thay thế cho xung đột vũ trang để theo đuổi thay đổi chính trị -- đó là đấu tranh bất bạo động chiến lược. Trong cuốn sách này, đấu tranh bất bạo động chiến lược có nghĩa là:

đấu tranh bất bạo động đã được áp dụng theo một kế hoạch chiến lược được soạn thảo trên cơ sở của một phân tích về hoàn cảnh xung đột, về những ưu và khuyết điểm của các phe tranh chấp, về bản chất, các khả năng và đòi hỏi của kĩ thuật đấu tranh bất bạo động, và đặc biệt là về những nguyên tắc chiến lược của loại đấu tranh này.¹

Những cuộc đấu tranh đòi dân chủ ở Miến Điện, Belarus, Iran, Tây

¹Gene Sharp, *Có Những Giải Pháp Thay Thế Thực Tiễn* [There are Realistic Alternatives] (Boston: Viện Albert Einstein, 2003), t. 38.

Tạng, và Zambawee là những thí dụ về những cuộc đấu tranh bất bạo động được xúc tiến chống lại các chế độ áp bức để tranh đấu cho những mục đích cao cả -- những mục đích nhằm chấm dứt bạo ngược và đem lại hoà bình và công lí cho nhân dân.

Cuốn sách này được viết ra với niềm hi vọng là nó có thể giúp ích cho những ai đang tìm kiếm hay đang xét định các giải pháp bất bạo động hầu thay thế cho đấu tranh vũ trang chống lại một chính quyền áp bức hay sự xâm lược của ngoại bang. Đây không phải là một cuốn sách về cách “làm thế nào để” xúc tiến đấu tranh bất bạo động. Đúng ra, nó chỉ cung ứng một cái khung để khuyến khích sự suy nghĩ có lớp lang về những điều căn bản của đối lập bất bạo động có chiến lược chống lại sự chuyên chế của nhà nước. Cuốn sách bao gồm thông tin về lí thuyết, về thiết kế chiến lược, và những hoạt động cần cho việc xúc tiến đấu tranh bất bạo động chiến lược đã từng chứng tỏ là hữu hiệu. Hi vọng là độc giả sẽ thấy cuốn sách được cấu trúc theo một phương cách có thể thích nghi cho việc truyền đạt bộ môn đến những người khác một cách dễ dàng trong nhiều môi trường huấn luyện khác nhau.

Đấu tranh bất bạo động chiến lược được xúc tiến thay cho xung đột vũ trang, một phần là vì xác suất chấp nhận được của hậu quả tổn thất về mạng sống và ít huỷ hoại tài sản hơn. Nhưng ngay cả khi không vì như vậy, thì kinh nghiệm cũng đã cho thấy là đấu tranh bất bạo động là một phương tiện hữu hiệu để xúc tiến cuộc đấu tranh chống lại những chế độ đàn áp. Một chiến thắng quân sự đạt được là nhờ phá vỡ được khả năng và/hoặc sự sẵn lòng của đối phương muốn tiếp tục cuộc chiến. Về phương diện này thì đấu tranh bất bạo động không khác gì chiến đấu vũ trang, ngoại trừ những vũ khí rất khác biệt được sử dụng.

Sau khi đã một phần nào quen thuộc với cuốn sách này, thì một vài độc giả có thể kết luận một cách sai lầm là sự chuẩn bị một chiến lược và những kế hoạch hỗ trợ nhằm xúc tiến một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược đòi hỏi nhiều phức tạp mà chỉ có những nhóm đối lập đã hết sức phát triển và vững chải về tài chánh thì mới có thể chấp nhận thách thức này được. Không đúng. Cửa ngõ bắt đầu đi vào việc áp dụng những điều căn bản của đấu tranh bất bạo động chiến lược là suy nghĩ về những điều căn bản đó, tập sách này không những chỉ bàn về những điều căn bản này mà còn thách thức độc giả suy nghĩ về cách áp dụng những điều căn bản này cho một lí tưởng đấu tranh. Không giống như một cẩm nang phi hành, không có một bảng liệt kê các kiểm điểm chi tiết cần phải theo. Thay vì như vậy thì có một “bảng liệt kê” những ý kiến và những gợi ý để

hướng dẫn suy tư về cách thực hiện một sự chuyển tiếp từ độc tài đến dân chủ.

Bất cứ những viết lách hay thảo luận nào về chủ đề đấu tranh bất bạo động chiến lược cũng đều mắc nợ TS. Gene Sharp rất nhiều, vị Học Giả Cao Cấp sở tại của Viện Albert Einstein. Ông đã trải qua gần năm thập kỉ xét nghiệm xung đột. TS. Sharp, khi còn học ở Đại học Oxford (1960-1964) đã phát huy một lí thuyết và một sự thông hiểu về bản chất của sức mạnh xã hội, làm nền móng cho sự thông hiểu đấu tranh bất bạo động cũng như sự nghiên cứu của Clausewitz làm nền móng cho sự thông hiểu về bản chất và lí thuyết của xung đột quân sự. Chương 1 đến Chương 4 của tập sách này đã dựa vào và rút tĩa từ những đóng góp lớn lao của ông vào công cuộc nghiên cứu lí thuyết và các áp dụng của xung đột bất bạo động. Trong số nhiều tác phẩm của TS. Sharp thì cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* (1973) gồm ba tập và cuốn *Từ Độc Tài đến Dân Chủ* (2003) là những nguồn đặc biệt quan trọng cho việc nghiên cứu đấu tranh bất bạo động chiến lược.

Trong thời gian tôi theo học tại Đại học Harvard như là một Học Giả Cao Cấp của Quân Đội Hoa Kỳ tại Trung Tâm Quốc Tế Vụ vào năm 1987-88, vào khoảng cuối đời binh nghiệp ba mươi năm của tôi như là một Sĩ Quan Kị Binh thuộc Quân Đội Hoa Kỳ, tôi đã gặp TS. Sharp trong một buổi họp của Chương Trình về những Chế Tài Bất Bạo Động. Ông đã giới thiệu đề tài của ông bằng những lời như sau: “Đấu tranh bất bạo động chiến lược nói đến việc giành quyền lực chính trị hay là từ chối để cho người khác cái quyền ấy. Nó không phải là chủ nghĩa hoà bình, không phải là những niềm tin về đạo đức hay tôn giáo.” Những lời này đã làm tôi chú ý vì nhận định của tôi về “bất bạo động” là một nhận định chịu ảnh hưởng bởi “những cậu híp pi, những người theo chủ nghĩa hoà bình, và những người trốn lính” của thời đại Việt Nam. Từ đó, Gene đã phục vụ như là một cố vấn đầy kinh nghiệm cho tôi trong việc thông hiểu những nguyên tắc, những động năng và những áp dụng của các hình thái đấu tranh có tiềm năng mãnh liệt này; như là một đồng nghiệp trong việc đáp ứng những yêu cầu về thông tin từ những người từng dần thân vào công việc đối kháng chống lại áp bức; và như là một người bạn.

CHƯƠNG MỘT

LÍ THUYẾT VỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ

Quyền lực chính trị là tổng hợp những phương tiện, những ảnh hưởng, và những áp lực – bao gồm uy quyền, các tương thưởng, và các chế tài – sẵn có để đạt những mục tiêu của kẻ nắm quyền lực trong tay, đặc biệt là những mục tiêu của chính quyền, của nhà nước, và của những nhóm đối lập.

--TS. Gene Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*

Đeo đuổi quyền lực hình như là một phần phụ thuộc tất yếu tự nhiên của nhân loại và của các cơ chế xã hội. Nó xảy ra giữa những quốc gia, trong các chính quyền, giữa và bên trong các công ti, và ngay cả giữa bạn bè². Có lẽ quen thuộc nhất đối với những người dân trung bình là những tranh đấu quyền lực về vấn đề phân phối lợi tức thuế khoá. Hàng hà sa số luật sư, các nhà vận động, các chuyên viên giao tế công cộng chăm lo quyền lợi khách hàng của họ bằng cách tranh thủ những ưu tiên thuế khoá hay những hợp đồng với chính phủ mang lại lợi nhuận. Đôi khi các phúc lợi của những phân phối như thế đối với những người đóng thuế cũng nêu lên nhiều nghi vấn. Thường thường thì ảnh hưởng đối với những quyết định về các phân phối như thế bị khuất lấp khỏi cái nhìn của công chúng. Ví dụ, duyệt sơ qua thủ tục ngân sách của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ thì sẽ thấy đầy rẫy những trường hợp các nhà làm luật ép Bộ Quốc Phòng phải nhận các máy bay, tàu thuỷ, và các vũ khí mà quân đội không cần dùng, nhất là khi những thứ này đã quá hạn, được thiết kế kém hay là những trang bị thặng dư không cần thiết. Những gì mà chính quyền chọn tài trợ có thể không cất nghĩa được, ít ra cũng đối với người dân trung bình biết ít về những đặc quyền và những người vận động cho những đặc quyền này. Ngay cả việc tiền thuế rút cuộc được sử dụng như thế nào cũng có thể là một vấn đề nghịch lí. Những người quan tâm đến môi trường đã tỏ ra kinh ngạc khi các bộ của chính quyền tìm ra những phương cách mới

²TS. Sharp phân biệt giữa sức mạnh xã hội và quyền lực chính trị. “Sức mạnh xã hội có thể được định nghĩa ngắn gọn như là khả năng điều động hành vi của những người khác, một cách trực tiếp hay gián tiếp, bằng hành động bởi những nhóm người, hành động nào tác động lên những nhóm người khác. Quyền lực chính trị là loại sức mạnh xã hội dùng cho những mục tiêu chính trị.” *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*, (Boston: Porter Sargent Publishers, 1973), 1:7.

để phá vỡ chính những luật lệ mà họ có trách nhiệm phải thi hành. Việc sử dụng các lợi tức thu được luôn luôn là một vấn đề chính trị và phản ánh một khía cạnh của những nỗ lực liên tục nhằm điều động và ảnh hưởng quyền lực.

Tuy nhiên, những tranh giành quyền lực điều động guồng máy chính quyền và những tương quan hệ quả giữa những người cai trị và những người bị trị có những hậu quả còn sâu xa hơn là sự cạnh tranh về phân phối lợi tức thuế khoá nữa. Khi cây kim trên diễn trình giữa “tự do và chuyên chế” (công nhận là những từ chủ quan) nghiêng hẳn về phía chuyên chế, thì những người bị áp bức thường mong ước có một sự thay đổi. Những thay đổi nào và thay đổi sẽ được thực hiện như thế nào tùy thuộc vào sự thông hiểu của những người bị áp bức về bản chất và cội nguồn của quyền lực. TS. Sharp vẽ ra hai mô thức để mô tả nền tảng của quyền lực trong xã hội—mô thức độc tôn, và mô thức đa nguyên.

Lí thuyết về quyền lực độc tôn

Một mô thức dùng để cắt nghĩa quyền lực chính trị, do TS. Gene Sharp mô tả, được nhắc đến như là lí thuyết “độc tôn.”³ Mô thức này mô tả quyền lực được tập trung vào trên chóp bu của một cấu trúc quyền lực vững chãi, không thay đổi [Xem Hình 1]. Những người chiếm giữ quyền lực, như được mô thức độc tôn này mô tả, có thể thay đổi vì bất cứ một số lí do nào đó; nhưng cấu trúc của chính quyền lực, nghĩa là, cái vỏ bọc bên ngoài quyền lực có hình kim tự tháp thì như thể là đã được đóng chặt vào đá hoa cương, bất kể sự xáo trộn quyền lực nào từ bên trong hay là ý chí muốn thay đổi nào từ bên ngoài. Lí thuyết này giả định là người dân lệ thuộc vào thiện chí, sự hỗ trợ và những quyết định của người nắm giữ quyền lực và người cai trị quyết định quyền lực này sẽ được hành sử như thế nào. Tốt hơn là quyền sở hữu của cấu trúc quyền lực này được thay đổi bằng những cuộc bầu cử có trật tự và hợp pháp. Tuy nhiên, dưới những chế độ chuyên chế, quyết định tổ chức các cuộc bầu cử thường do nhà cai trị quyết định, với những kết quả đại để đã được quyết định trước.

³Một cuộc thảo luận đầy đủ về quan niệm của Sharp về bản chất quyền lực chính trị có thể tìm thấy ở Tập I của cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*, tt. 7-10. Trong chương Nhập Đề của tác phẩm có thẩm quyền này, Sharp xác định quan niệm sai lầm thông thường về cấu trúc của quyền lực chính trị.

Tướng Ne Win ở Miến Điện và Robert Mugabe ở Zimbabwe là những thí dụ của những nhà cai trị chuyên chế xem gian lận bầu cử như là một thành phần của diễn trình bầu cử. Thịnh thoảng các nhà độc tài đã tính toán sai và không chuẩn bị những bước cần thiết để bảo đảm kết quả mong muốn của cuộc bầu cử. Ví dụ, chế độ quân phiệt Miến Điện đã kinh ngạc khi chấp thuận cuộc bầu cử năm 1990 và đã thất bại. Phản ứng của chính quyền đối với trở lực bất ngờ này là phủ nhận ý muốn của cử tri và bắt bớ các nhà lãnh đạo chính trị đối lập.

Những chế độ độc đoán cảm thấy thoải mái khi công chúng chấp nhận (hay phục tùng trước áp lực của) ý niệm độc tôn về quyền lực này. Chỉ đơn thuần sự kiện là họ nắm quyền lực trong tay cho họ cái quyền cai trị và ra lệnh là người dân có bổn phận phải khuất phục, bất kể nguyện vọng của người dân là gì. Sức mạnh cưỡng bức của nhà nước theo mô thức này được xem như là phương tiện chủ chốt và hợp pháp để ép buộc tuân phục. Thế kỉ thứ hai mươi cung cấp hàng hà sa số thí dụ. Trong những thập niên 1930 và 1940, nhà lãnh đạo Liên Bang Xô Viết Joseph Stalin đã gây nên thảm sát gần 20 triệu người được xem là những mối đe dọa thực sự hay tiềm năng đối với sự bám víu quyền lực của ông -- một con số tương đương với số người dân Xô Viết đã chết trong cuộc chiến chống lại nước Đức trong Đệ Nhị Thế Chiến.

Muốn đánh sập hay loại bỏ chuyên chế bằng đấu tranh bất bạo động, người ta phải vượt quá giới hạn quan niệm cấu trúc về quyền lực độc tôn và thẩm định sự phân phối quyền lực thực sự trong tất cả mọi hình thái. Trong lúc mô thức quyền lực độc tôn là một khí cụ phân tích hữu ích cho công cuộc nghiên cứu bằng cách nào những kẻ chuyên quyền chiếm, giữ, và chuyển giao những giây cương quyền lực, thì việc sử dụng mô thức này như là một kim chỉ nam cho sự suy tư về thay đổi chính trị lại tạo nên một giới hạn lớn lao cho những giải pháp có thể cần được cứu xét. Trong lúc hiểu biết về mô thức quyền lực độc tôn là một điều quan trọng đối với những “người mơ ước thay đổi,” nhưng muốn biến những giấc mơ thành hành động thì họ sẽ thành công hơn nếu thay thế mô thức quyền lực độc tôn bằng một mô thức nhìn quyền lực, việc tranh thủ quyền lực, và việc mất quyền lực theo một viễn tượng hoàn toàn khác -- một mô thức mang tính “đa nguyên” như là yếu tố chỉ đạo.

Mô thức quyền lực đa nguyên

Một mô thức hữu ích khác để thông hiểu bản chất của quyền lực được TS. Sharp nhắc đến là mô thức đa nguyên (Xem Hình 2). Không giống như mô thức độc tôn, một cấu trúc vững chãi, không thay đổi với quyền lực được tập trung ở trên chóp; mô thức này mô tả quyền lực chính trị như là đa nguyên và mong manh. Các cội nguồn của quyền lực được xác định là đang ở giữa quần chúng trong khắp toàn thể xã hội, và người nắm giữ quyền lực chỉ hành sử được cái quyền này khi dân chúng cho phép mà thôi. **Nói cách khác, nhà cai trị chỉ có thể cai trị được với sự thoả thuận và hợp tác của người dân.** Sự thoả thuận và hợp tác này có thể là tự nguyện hay là bị cưỡng ép. Thoả thuận có thể là kết quả của sự bất cần đối với một số người trong xã hội, hay là ngay cả của ảnh hưởng văn hoá đối với lễ thói tuân phục. Dù sao thì điểm quan trọng của mô thức quyền lực đa nguyên là bởi vì dân chúng cung cấp cho nhà cai trị những nguồn quyền lực của ông ta, thì dân chúng cũng có thể rút lui sự thoả thuận bị cai trị bằng cách giữ lại những nguồn sức mạnh mà họ, như là một tập thể, đã cung cấp cho chế độ.

Theo TS. Sharp thì có sáu nguồn sức mạnh sẽ là then chốt cho việc thông hiểu bản chất của đa nguyên. Như sẽ được thảo luận dưới đây, chính những nguồn sức mạnh được liệt kê này mà người ta đã tìm cách kiểm soát, ảnh hưởng sâu đậm, hoặc vô hiệu hoá. Những nguồn sức mạnh này được thể hiện trong các tổ chức và các cơ chế, gọi là những “cột trụ chống đỡ”, được thảo luận ở Chương 2.

1. Uy Quyền

Uy quyền là nền tảng của việc cho mình cái quyền cai trị và đòi hỏi sự tuân phục của người bị cai trị. Những kết quả bầu cử thường được trích dẫn như là sự hợp thức hoá quyền chỉ đạo. Đây là lí do tại sao những chế độ độc đoán cứ khăng khăng đòi tổ chức bầu cử và rồi nhồi nhét đầy thùng phiếu, hăm dọa cử tri, giới hạn các hoạt động vận động tranh cử của đối phương, và từ chối thừa nhận hoặc chấp thuận những kết quả bất lợi. Tính hợp pháp thiết yếu quan trọng đối với bất cứ chính quyền nào, và bị xem là vượt quá quyền hạn hiến định hay là một chế độ ngoài luật pháp thì sẽ có những hậu quả có thể trầm trọng tại quốc nội cũng như trong cộng đồng thế giới.

Tại quốc nội, mất đi bộ mặt hợp pháp có thể trở thành một nhân tố chính yếu cho việc hợp pháp hoá đối lập chính trị. Sử dụng quan niệm

“khế ước xã hội”, đối lập chính trị có thể tuyên bố là một chính quyền một khi đã vi phạm thực chất của hiến pháp, thì hợp đồng giữa nhân dân và chính quyền đã bị xâm phạm, cung ứng căn bản cho việc chối bỏ bổn phận phải tuân phục, hỗ trợ và hợp tác với chế độ.

Tại quốc ngoại, việc mất tính hợp pháp bởi một chế độ có thể làm cho cộng đồng quốc tế dễ đón nhận những lời kêu gọi trừng phạt về kinh tế và chính trị đối với chế độ. Những vụ tẩy chay kinh tế và chính trị có thể làm suy yếu những chế độ như thế, như đã từng xảy ra với chế độ phân biệt chủng tộc tại Nam Phi và với nền độc tài tại Miến Điện. Việc loại Zimbabwe ra khỏi khối Cộng Đồng Liên Hiệp Anh năm 2002 là một khẳng quyết sâu sắc rằng chế độ Mugabe không được đón mời cùng ngồi chung với những chính quyền dân chủ đã chuyển tiếp từ chế độ thuộc địa thành những nền dân chủ độc lập. Hơn nữa, những nhóm đối lập dân chủ có chiều hướng tranh thủ được sự hỗ trợ tài chánh và tinh thần hơn một khi uy quyền cai trị của chế độ độc đoán đã bị xói mòn một cách nghiêm trọng. Tuy nhiên, chỉ những cử chỉ hỗ trợ quốc tế này không mà thôi thì không bao giờ đủ để loại bỏ được nhà cai trị ra khỏi quyền lực. Và lại, những hình phạt như thế cũng có thể phản tác dụng nếu hậu quả của những chế tài này có hại cho dân chúng hơn là cho chế độ.

2. Nhân lực

Các con số về những người hỗ trợ, hợp tác, và nhượng bộ nhà cai trị là một yếu tố quyết định quan trọng về sức mạnh của chế độ. Điều này không có nghĩa gợi ý là nếu đa số dân chúng không yêu chuộng những nhà lãnh đạo tại chức thì một sự thay đổi chế độ là không thể tránh được. Nó chỉ có nghĩa là có tiềm năng cho sự thay đổi mà thôi. Lịch sử tràn đầy những thí dụ về sự áp bức đa số bởi thiểu số. Mặt khác, đấu tranh bất bạo động chiến lược không thể thành công mà không có sự hỗ trợ và hợp tác sinh động của đa số. Trong một cuộc đấu tranh cho dân chủ, số đông rất quan trọng!

3. Các kĩ năng và kiến thức

Cai trị hiện nay phức tạp nhiều hơn bao giờ hết. Vào đầu thế kỉ thứ 21, Tổng Thống Hoa kì được chấp nhận một cách phổ quát là người quyền lực nhất trên thế giới. Tuy nhiên, nhà cai trị quyền lực nhất này lại biết rất ít hay không biết gì về việc bảo trì máy bay và thời biểu các phi vụ, về quản lí luật hàng hải, điều động điều tra tội ác, thu thuế, hoạch định kế

hoạch chiến tranh, phân phối thực phẩm, phát triển và sửa chữa các hệ thống truyền tin, và rất nhiều chuyên môn khác nữa. Điểm muốn nói ở đây là những kĩ năng và kiến thức do dân chúng cung cấp làm cho chính quyền, ở mọi cấp, sinh hoạt được. Không có những đóng góp này, chính quyền phải sụp đổ.

4. Các nhân tố không nắm bắt được

Trong lúc khó mà đo lường được tầm quan trọng của chúng, những nhân tố không nắm bắt được như là tôn giáo, các thái độ đối với sự tuân phục và khuất phục, một ý thức về sứ mạng, hay là những phạm trù văn hoá có thể tác dụng lên mối tương quan giữa nhà cai trị với công chúng. Ví dụ, đã có một giai đoạn mà nhiều người trong một số xã hội chấp nhận “thiên chức của vua chúa”, niềm tin rằng các nhà cai trị là những thừa tác nhân của Thượng Đế trên trái đất này. Bất tuân nhà cai trị bị cho là bất tuân Thượng Đế. Trong những xã hội khác, như Nhật Bản chẳng hạn, Nhật Hoàng trước kia được xem là Thiên-vương. Dân chủ sẽ không thể có được trong những trường hợp như thế. Bước vào thế kỉ thứ 21 thì đã có những trường hợp hội nhập Hồi giáo với quyền lực chính trị truyền thống làm một trong một vài chính quyền. Trong lúc “Trả lại cho Caesar những gì của Caesar” là hoàn toàn thích đáng, nhưng cuộc tranh luận trước tiên cần phải đặt câu hỏi *thực sự cái gì thuộc về ông ta*. Dù sao thì dân chủ cũng đặt cơ sở trên niềm tin là bất cứ quyền lực nào mà nhà cai trị có được cũng là do dân “cho mượn” đó thôi.

5. Vật lực

“Ai trả tiền kèn thì có quyền yêu cầu bài nhạc” hẳn cũng áp dụng thích hợp nhất cho chính trị. Kiểm soát kinh tế, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, hệ thống truyền thông và vận tải là một lãnh vực quan trọng của những giới hạn về quyền lực đối với công chúng. Ví dụ, nơi nào nhà nước sở hữu tất cả đất đai canh tác, thì nơi đó nhà nước kiểm soát một phần quan trọng sinh kế của những gia đình nông dân. Tương tự như thế, nơi nào chế độ kiểm duyệt thịnh hành, thì nơi đó đời sống của những người liên hệ đến các lãnh vực báo chí sẽ bị kiểm chế hay ảnh hưởng bởi chính quyền. Tại những quốc gia nào mà kĩ nghệ dầu khí được quốc hữu hoá thì sẽ ít lệ thuộc vào dân chúng về lợi tức thuế khoá. Sự không cần phải lệ thuộc vào dân chúng về lợi tức thuế khoá có hiệu quả là sức mạnh tài chánh được tập trung vào trong tay chính quyền.

6. Các chế tài

Khả năng cưỡng ép phục tùng và hỗ trợ luật pháp của chính quyền, bao gồm cả những nguyên tắc chỉ đạo và các sắc lệnh, bị giới hạn bởi sự hỗ trợ, hợp tác, và chấp thuận của công chúng. Các chế tài được dùng vừa để trừng trị vừa để ngăn cản hành vi không thể chấp nhận được. Chế tài không cần phải khắt khe hay là cực đoan một cách quá đáng, như là hành quyết hay tù tội, mới hữu hiệu. Từ chối hoặc chấm dứt công ăn việc làm, mất lợi nhuận hưu liễm, giới hạn cơ hội giáo dục và thăng chức, hạn chế du hành (khu vực từ cấp hộ chiếu), áp đặt “công hữu hoá” tài sản, cắt nước, và các thứ hình phạt khác có thể được sử dụng một cách hữu hiệu để ép buộc khuất phục. Trong một vài chế độ độc đoán, các phương tiện truyền thông đại chúng thi hành tự kiểm duyệt bởi vì chính quyền có khả năng đóng cửa các nhà phát hành và các tổ chức báo chí bằng cách kiểm soát sự phân phối các ấn phẩm tin tức hay là thu hồi các giấy phép phát thanh và truyền hình. Những chế tài như thế rất thông thường.

Chế tài là khí cụ của mọi chính quyền. Các hình phạt được dùng để kiềm chế hành vi phản xã hội nhiều hơn cả. Vào những lúc khác thì chúng được dùng để gieo sợ hãi hoặc để trừng trị dân chúng vì những mục đích chính trị. Ví dụ, Đức Quốc Xã đã sử dụng trừng phạt tập thể để ngăn ngừa các hoạt động tương lai của những phong trào bí mật chống lại sự chiếm đóng của Quân Đội Đức. Bước vào thế kỉ này, chính quyền Do Thái đã biện minh cho sự trừng phạt tập thể như là một phương tiện ngăn ngừa những hành động khủng bố. Ngoài sự kiện là trừng trị một nhóm người vì hành động của cá nhân có thể là một vi phạm những nhân quyền căn bản, việc sử dụng trừng trị tập thể như là một cách phòng ngừa hữu hiệu đưa ra nhiều chất vấn. Thực vậy, trừng trị tập thể và những vụ ám sát có thể đưa đến hậu quả ngược lại với hậu quả chờ đợi hay mong muốn. Trừng trị tập thể có thể đem lại kết quả là sự quyết chí trả thù thay vì ngăn ngừa những hành động bạo động trong tương lai.

Tóm lược

Chương 1 xét đến hai mô thức về quyền lực. Mô thức độc tôn mô tả quyền lực được hành sử theo một cấu trúc bất biến trong đó nhân dân lệ thuộc vào nhà cai trị. Mô thức đa nguyên xem quyền lực được hành sử một cách khác hẳn; nhà cai trị phải lệ thuộc vào nhân dân. Các nguồn sức mạnh mà nhân dân cung cấp cho nhà cai trị cũng được xác định, và nếu những nguồn sức mạnh này bị rút khỏi nhà cai trị thì khả năng cai trị của ông ta sẽ không thể thực hiện được.

Theo quan điểm miêu tả, thì những cấu trúc khác nhau cho phép và nâng đỡ các sinh hoạt hằng ngày của chính quyền được nói đến như là “những cột trụ” chống đỡ của chính quyền. Vì vậy, những nguồn sức mạnh thể hiện trong các tổ chức và các cơ chế bên trong và bên ngoài chính quyền [Xem Hình 3, Những Cột Trụ Chống Đỡ]. Các đối thủ của một chế độ độc đoán cũng phải cần những cột trụ chống đỡ. Khi những cột trụ chống đỡ bị xói mòn đủ, thì chính quyền, hay là đối lập, đều phải sụp đổ như một ngôi nhà sụp đổ khi nền móng đã mục nát và không còn chịu nổi sức nặng của ngôi nhà nữa.

CHƯƠNG HAI

NHỮNG CỘT TRỤ CHỐNG ĐỠ

*Delidah nói với Samson, Nói cho em biết đi, em cầu xin anh,
sức mạnh của anh nằm ở chỗ nào,
và chỗ yếu nhất anh có thể bị đánh là ở đâu*

--Các Quan Toà, 16:6

Các tổ chức và cơ chế được tạo nên bởi một sự hỗn hợp của những nguồn sức mạnh như đã được nhận dạng trong Chương trước. Những nguồn sức mạnh do các nhóm này cung cấp đã đem lại cho chính quyền khả năng cai trị. Bất cứ chế độ nào cũng lệ thuộc vào một vài cột trụ chống đỡ hơn là những cột trụ khác. Đồng thời, những chế độ độc đoán cố giới hạn sự bành trướng và sức mạnh của những cột trụ chống đỡ của đối phương. Cho nên không có gì ngạc nhiên trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược, tụ điểm công tác của các kế hoạch gia là về vấn đề sắp xếp và các khả năng của những cột trụ chống đỡ.

Nhận dạng những cột trụ chống đỡ

Nhận dạng và phân tích những cột trụ chống đỡ là căn bản khi các đối thủ của một chế độ bắt đầu nghĩ về bất cứ một chiến lược bất bạo động nào. Viễn tượng cải cách chính trị hay là thay đổi chế độ thật là nhỏ nhoi cho đến khi nào những cột trụ chủ chốt của chế độ bị xói mòn, bị vô hiệu hoá, hay là bị phá vỡ. Những người xúc tiến một cuộc đấu tranh bất bạo động chống lại một chế độ độc đoán, do đó, phải hết sức chú ý đến những cơ chế và tổ chức then chốt.

Cảnh sát

Khẩu hiệu “bảo vệ và phục vụ” mô tả hình ảnh mà hầu hết các nha sở cảnh sát trên toàn thế giới đều tìm cách trưng bày ra với công chúng. Tuy nhiên, danh tánh người được bảo vệ và phục vụ thì không phải luôn luôn là dân chúng. Ngược lại, cái “bộ mặt” được nhìn thấy nhiều nhất và hiện diện khắp mọi nơi này của chính quyền đôi khi lại dành ưu tiên bảo vệ và phục vụ một chế độ thối nát và đàn áp.

Theo lẽ thông thường người ta cho rằng ở nơi nào mà tham nhũng đã thành hệ thống, thì cải cách khó hơn cả, nếu không phải là không thể được nếu không thay đổi chế độ. Ngay cả trong những xã hội dân chủ, một khi mà tham nhũng đã ăn sâu vào trong cơ cấu của cảnh sát rồi thì

cải cách chỉ có thể thực hiện được khi thay thế những cá nhân mà nhân viên cảnh sát phức tạp công tác. Một khía cạnh tích cực trong việc đặt cảnh sát địa phương dưới quyền thanh tra của những giới chức dân cử địa phương là nhân dân có người trực tiếp chịu trách nhiệm về những hành động của nhân viên các nha sở cảnh sát. Nơi nào có một lực lượng cảnh sát quốc gia thì việc tạo ảnh hưởng đối với hành vi của cảnh sát ở cấp địa phương trở nên khó khăn hơn.

Người dân không cần phải đợi có một sự thay đổi chế độ mới bắt đầu thay đổi những thái độ và hành vi của nhân viên cảnh sát. Có một vài nhân tố cần ghi nhớ liên hệ đến cảnh sát. Trước tiên, cảnh sát thường ở trong cộng đồng mà họ phục vụ. Do đó, gia đình, bà con, những người quen biết và bạn bè của họ đã thiết lập một mạng lưới tương giao (ví dụ, nhà trường, các cơ sở thương mại, những tổ chức tôn giáo, và các nhóm xã hội). Lúc bấy giờ, nếu chính quyền mô tả những người trong cộng đồng chống chế độ như là những tên tội phạm, những tên gián điệp, hay là những tên khủng bố, thì cảnh sát đã có một điểm quy chiếu khác để đánh giá sự tuyên truyền của chính quyền. TS. Gene Sharp, đã từng sống tại Na-Uy trong lúc nghiên cứu phong trào kháng chiến Na-Uy chống lại sự chiếm đóng của người Đức trong thời Thế Chiến Thứ Hai, đã sung sướng thuật lại những câu chuyện về cảnh sát địa phương thi hành lệnh của chính quyền Đức “một cách chính xác”. Trong một trường hợp, cảnh sát địa phương đã tiếp xúc với gia đình người sẽ bị bắt và yêu cầu là nghi can phải được thông báo về việc ông ta sắp bị bắt, đầy đủ về ngày, giờ và phút mà công dân này có thể chờ để đón tiếp các giới chức đến bắt ông tại nhà mình.

Thứ đến, các lực lượng cảnh sát thi hành lệnh của một nhà độc tài, nói một cách tổng quát, không nên bị xem là kẻ thù của nhân dân. Họ là công chức của một hệ thống làm lạc. Chính hệ thống mới cần phải được thay thế, chứ không phải hàng ngàn người lương thiện và đáng tôn trọng được huấn luyện và có những kỹ năng cần thiết cho việc phục vụ và bảo vệ một xã hội dân chủ. Dĩ nhiên là có một số người phải được tách riêng ra để được truy tố hình sự về những tội giết người, tra tấn, hay là cướp của, nhưng chủ đích phải nhắm vào những cá nhân đó, chứ không phải tất cả những người phục vụ trong các lực lượng cảnh sát.

Quân đội

Việc sử dụng lực lượng quân đội để tại quyền được những chế độ độc đoán xem như là con “bà chủ”. Không giống như nhân viên cảnh sát sống

và làm việc trong cộng đồng địa phương, những đơn vị quân đội thường được tách biệt khỏi xã hội dân sự, có nhà cửa, các khu thương xá, bệnh viện và trường học riêng. Sự cách biệt với công chúng có khuynh hướng cản trở sự phát triển những liên hệ cá nhân giữa những gia đình quân nhân và dân sự. Khi một chính quyền quyết định can thiệp bằng những lực lượng quân đội trong một cuộc xung đột chính trị, thì có ít động cơ cho những đơn vị quân đội để hành sử kiểm chế trong việc sử dụng bạo lực. Trong cuộc nổi dậy tại Miến Điện năm 1988, và, một năm sau đó, tại Trung Quốc, chính quyền đã gửi những đơn vị từ vùng bên ngoài cận kề những khu vực can thiệp. Trong những trường hợp này, quân đội được chính quyền xem như là đáng tin cậy hơn là cảnh sát và nghĩa quân địa phương, và do đó tuân lệnh hơn. Tại một vài quốc gia, những nơi được tiên đoán là sẽ có những cuộc biểu tình lớn, thì có những đơn vị chống nổi loạn được huấn luyện và trang bị đặc biệt được thiết lập để nâng cao khả năng phản ứng khi cần sự can thiệp quân sự.

Thời gian hoạch định những kế hoạch để phá vỡ sự sẵn sàng của Quân đội can thiệp chống lại những người dân đối kháng phải xảy ra trước rất nhiều sự quyết định của chính quyền sử dụng họ. Chia khoá của bất cứ những kế hoạch nào muốn phá vỡ sự sẵn sàng của Quân đội sử dụng các lực lượng chống lại những người đối kháng là thuyết phục họ rằng mạng sống của họ và mạng sống của gia đình họ không bị đe dọa và quân nhân chuyên nghiệp sẽ có một tương lai bảo đảm dưới thể chế dân chủ.

Những hành động của những đơn vị quân đội đáp ứng lại lệnh trên thường chịu ảnh hưởng bởi những thái độ, những giá trị và sự chuyên nghiệp của cấp lãnh đạo. Các sĩ quan thường thấy mình là ái quốc, trung thành, và bảo thủ về chính trị. Tính “chuyên nghiệp” của họ thường làm cho họ hỗ trợ lãnh đạo chính trị một cách mù quáng. Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Đức dưới quyền Adolf Hitler được cho biết là bất đồng ý kiến về những mục đích chính trị của ông ta, nhưng, dù vậy, họ vẫn hoạch định những kế hoạch quân sự để thi hành ý muốn của nhà lãnh đạo [der Führer]. Điểm then chốt ở đây là Hitler, như là nhà lãnh đạo của đảng lớn nhất của Hạ viện Đức, và đã được bầu làm Thủ lĩnh theo đúng hiến pháp, nên được xem là nhà cai trị hợp pháp.

Đưa những giá trị dân chủ vào trong văn hoá quân đội là một nhân tố quan trọng để giới hạn sức mạnh tàn phá của quân đội chống lại nhân dân. Một nhân tố khác là nhận thức về các nhà lãnh đạo quân sự sẽ có một vai trò quan trọng cho họ trong một chính quyền dân chủ. Cả hai nhân tố này đòi hỏi thời gian và sự suy tư cẩn trọng về việc làm thế nào

để cổ xúy những ý kiến này. Một lí do quan trọng tại sao phong trào bất bạo động Serb ít bị tổn thất như thế khi Quốc hội bị hàng ngàn người chiếm cứ vào năm 2000 (một người chết vì đột quy tim và một người chết vì tai nạn lưu thông) là vì Quân đội quyết định không can thiệp vào một vấn đề “chính trị”. Không nghi ngờ gì nữa, quyết định này đã chịu ảnh hưởng bởi sự kiện là phong trào dân chủ rõ ràng đã thắng và các thành phần quân đội đã có ý chuẩn bị cho mình một vai trò trong chính quyền hậu Milosevic.

Công chức

Công chức thường bị nói xấu, chỉ trích, chế nhạo và đánh giá thấp. Đôi khi những chuyên viên bàn giấy của chính quyền được nghĩ đến như là một đàn kiến-- hàng ngàn người vô danh, không ai biết đến, không có trí óc đang làm những công việc nhỏ nhoi của họ, đi đi về về từ cái xó buồng nhỏ hẹp của họ. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo chính trị, giống như “nữ hoàng” kiến lệ thuộc đàn kiến, không thể tồn tại mà không có các công chức có kĩ năng đang thi hành những sinh hoạt trông có vẻ tẻ nhạt đó. Họ là những người biến lệnh trên thành hành động: họ đưa ra các sắc lệnh, lượng giá và thu thuế, soạn thảo ngân sách, điều khiển các trường học, nhập liệu thông tin vào hàng ngàn kho dữ kiện, mua sắm cho chính quyền, kiểm soát các phi đạo và các hải cảng, cung cấp nhân viên cho các toà đại sứ, bảo trì các hệ thống truyền tin, và, trên thực tế, thực hiện tất cả những công tác làm cho chính quyền có thể hoạt động được. Không có chính quyền nào có thể sinh hoạt được mà không cần đến những dịch vụ này.

Các nhóm đối lập muốn dùng đấu tranh bất bạo động chiến lược để tìm cách thay đổi chế độ và cải cách dân chủ phải thông hiểu tầm quan trọng của việc chiếm cho được sự hỗ trợ của các nhân viên chính quyền. Nhưng cũng cần phải hiểu là sinh kế của nhân viên chính quyền lại tùy thuộc vào sự tuân phục của họ đối với những người chỉ huy của mình, và, như thế, sẽ có rất ít người có thể công khai chống chính quyền cho đến khi nào có bằng chứng cụ thể là những cột trụ chống đỡ khác của chính quyền đã bị làm suy yếu đi một cách trầm trọng rồi. Tuy vậy, sự dấn thân vào một phong trào đối lập bởi những nhân viên của chính quyền, dù không được biểu lộ công khai, cũng có thể đóng góp vào sự thắng tiến lí tưởng đấu tranh của phong trào theo những phương cách chỉ bị giới hạn bởi trí tưởng tượng mà thôi.

Phương tiện truyền thông đại chúng

Nếu một phong trào quần chúng đòi hỏi những thay đổi dân chủ muốn thành công, thì phong trào phải có những phương tiện chuyển đạt thông điệp đến những thính giả đối tượng của mình. Những chế độ độc đoán biết điều này và cố khước từ hoặc giới hạn những cơ hội như thế, đưa đến việc tạo ra những trung tâm chiến tranh điện tử và những luật lệ hà khắc siết chặt việc sở hữu hay sử dụng máy điện tính và các máy “phắc”. Miến Điện, chẳng hạn, đã áp đặt tù dài hạn cho những người có máy “không có giấy phép”. Sở hữu hay sử dụng điện thoại di động đôi khi cũng bị cấm đoán, và các chính quyền đôi khi cũng gây nhiều truyền hình của các nhóm đối lập và các buổi phát thanh từ hải ngoại để cố bưng bít thông tin không cho công chúng biết.

Kiểm soát báo chí và các hình thức truyền thông đại chúng quốc nội khác bởi một chính quyền áp bức có thể thực hiện được một cách dễ dàng. Thiết lập những hội đồng duyệt xét các ấn phẩm đòi hỏi tất cả các sách, báo định kì, và nhật báo phải nộp bản trước khi phân phối có lúc đã rất hữu hiệu. Có một động cơ mạnh thúc đẩy việc tự kiểm duyệt khi việc duyệt lại các ấn phẩm không xảy ra mãi cho đến khi tất cả các ấn phẩm đã được giải quyết xong. Các nhật báo, các loại sách báo khác, các đài truyền thanh và truyền hình có thể bị thu hồi giấy phép, các dụng cụ bị tịch thu, và các chủ nhân và chủ nhiệm bị đe dọa về thể xác. Để thắng lướt những câu thúc quốc nội này, những chương trình ở hải ngoại trở nên khá thông dụng, dù là một đài phát thanh Miến Điện phát thanh từ Na-Uy hay là một đài truyền hình của Iran tại California phát tuyến các cuộc phỏng vấn những nhà lãnh đạo đối lập đến các thính giả ở Tehran. Việc có thể thực hiện được truyền thông đại chúng phát xuất từ hải ngoại còn được dẫn chứng bởi phong trào đấu tranh dân chủ của người Serb. Hơn 60 tấn truyền đơn được đưa vào trong nước và phân phối chỉ trong vài ngày trước cuộc bầu cử năm 2000.

Cộng đồng thương mại

Ngay cả trong những chế độ tập trung, theo xã hội chủ nghĩa độc đoán nhất, những cộng đồng thương mại cũng đóng những vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Những cộng đồng này cung cấp cho người dân những hàng hoá và dịch vụ mà chính quyền không cung cấp. Thường thường, chính quyền ngầm chấp thuận các sinh hoạt chợ đen bất hợp pháp để

giảm thiểu những bất mãn được chính trị hoá của dân chúng về những thiếu hụt các sản phẩm tiêu thụ.

Làm việc với các cộng đồng thương mại có khía cạnh tiêu cực của nó, nhất là với những cộng đồng nước ngoài hay là liên quốc gia. Người ta nhận định là các hãng quốc tế thích làm việc với những chế độ độc đoán hơn là với những chính quyền cởi mở và dân chủ. Có ít điểm đòi hỏi thương thảo hơn một khi nhà lãnh đạo đã được thuyết phục về những cái lợi khi ký kết một thoả thuận thương mại. Điều kiện làm việc, lương phạn, và nghiệp đoàn thường là những vấn đề mà nhà lãnh đạo có thể giải quyết một cách thâm lặng và hữu hiệu. Điểm muốn nói ở đây là các hãng quốc tế có thể không hề lưu tâm đến việc chính quyền là dân chủ hay chuyên chế. Điều quan trọng đối với họ là lợi nhuận. Sự thách đố đối với phong trào đấu tranh dân chủ là thuyết phục các công ti này là thay đổi sẽ xảy ra và sự thay đổi này, trong tương lai, có thể quan trọng đối với họ trong việc dân chúng nhận thấy họ ít nhất cũng là trung lập trong các hành động mà họ đã làm.

Về mặt tích cực thì những thành viên của các cộng đồng thương mại quốc nội và hải ngoại thường có những mạng lưới liên lạc với các cơ sở thương mại địa phương, vùng, và quốc ngoại. Khi có lợi cho họ thì họ có thể cung cấp những nguồn tài nguyên quan trọng như là tiền bạc, thư tín, và các cố vấn cho một cuộc đấu tranh đòi dân chủ.

Giới trẻ

Ưu tư chính của những chế độ độc đoán là ngăn chặn giới trẻ bị chính trị hoá trừ phi sự chính trị hoá này hỗ trợ, và được đặt dưới sự kiểm soát của, chính quyền. Bao giờ học sinh/sinh viên và những giới trẻ khác còn chưa được phép trở thành một thách đố có tổ chức đối với sự ổn định của chính quyền, thì các nhóm đối lập vẫn còn thiếu thốn một lực lượng tiên phong truyền thống cho việc thúc đẩy thay đổi chính trị. Một vài cách mà chính quyền dùng để giữ học sinh/sinh viên khỏi hoạt động trong những phong trào chính trị được người ta biết đến khá nhiều. Ví dụ, những người công khai chống chế độ bị từ chối những cơ hội giáo dục. Thêm nữa, trường học có thể bị đóng cửa, và nhiều khuôn viên đại học khác nhau có thể được thành lập để tránh những nhóm lớn tụ tập. Tù dài hạn có thể được áp đặt cho những vi phạm các luật lệ siết chặt tự do ngôn luận và tự do hội họp. Các chương trình quốc doanh dành cho giới trẻ có thể được thành lập với tiền bạc, lương thực, y trang, và vũ khí cung cấp cho những sinh viên đe dọa các đảng chính trị đối lập.

Một vài người đã thử cắt nghĩa lí do tại sao giới trẻ lại thường hay sẵn lòng chấp nhận mạo hiểm làm tiên phong cho những phong trào cách mạng bằng cách cho là là những người trẻ “không có gì để mất” cả. Thường thường thì những người trẻ ít gắn bó nhiều với bất cứ sinh kế nào, và có thể không có nhiều trách nhiệm gia đình. Giới trẻ cũng chứng tỏ một sự hăng say của tuổi trẻ đối với cuộc đời và một niềm tin vào sự bất tử của họ. Những lí do này chỉ cắt nghĩa một phần nào sự tham gia của họ, bởi vì giới trẻ có rất nhiều điều quan trọng để mất -- mạng sống và tương lai của họ. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả không phải là điều gì có thể bị mất mát, mà là điều có thể tranh thủ được bằng cách sống trong một xã hội tự do và công chính đã đem lại động lực cho sự dẫn thân của giới trẻ. Những người trẻ thông thường không biện minh cho sự nô lệ của mình trong chế độ chuyên chế. Thông thường họ cũng không chấp nhận, như là lí đương nhiên, là không thể thay đổi được. Giới trẻ có một bản năng, mà kinh nghiệm cũng không làm sờn đi, là phân biệt được giữa sự thật và giả dối và giữa đúng và sai mà không cần những mức độ trắng đen ở giữa. Chính sự minh bạch trí tuệ này đã thúc đẩy họ.

Tuy nhiên cần cẩn trọng khi xét đến việc thu nạp học sinh/sinh viên và những người trẻ khác vào phong trào đấu tranh dân chủ. Như là một nhóm, họ là những người mạo hiểm về tất cả mọi mặt của cuộc sống. Không có sự hướng dẫn và kỉ luật rõ ràng, hành động của họ có thể trở nên cực đoan, và nếu bị khiêu khích, họ có thể biểu lộ cũng cùng những đặc tính côn đồ giống như những cá nhân được chính quyền sử dụng. Có một “quy tắc hành sử” cho tất cả mọi người tham gia phong trào là một điều quan trọng, nhưng đặc biệt quan trọng cho những tổ chức của giới trẻ, và những nguyên tắc hành sử này khẩn thiết phải có huấn luyện và lãnh đạo kèm theo để giảm thiểu những trường hợp có hành vi gây ra tai hại.

Công nhân

Chắc chắn là các lực lượng toàn cầu hoá đã làm cho cuộc sống trở nên khó khăn hơn cho công nhân ở khắp nơi. Các nghiệp đoàn đã bị làm suy yếu đi tại những quốc gia phát triển, nơi mà các hãng, xưởng hăm dọa là sẽ dời công ăn việc làm đến những nơi nào mà giá lao động rẻ hơn. Tại những quốc gia đang phát triển thì chính quyền lưu tâm đến những lợi nhuận kinh tế do công việc sản xuất được chuyển đến họ hơn là sự an toàn cần thiết của nơi làm việc, lương phạn hợp lí, và các quyền lợi của công nhân. Dân chủ, pháp trị, và tự do lập hội là những bước tiến trong

việc sửa sai sự mất quân bình về quyền lực đưa đến việc bạc đãi công nhân.

Có thể khó tổ chức công nhân, nhưng, một khi tổ chức đã bắt đầu được, thì đoàn kết sẽ lan rộng rất nhanh. Hãy nhớ đến phong trào dân chủ Ba Lan đã được phóng đến chiến thắng sau khi những công nhân thợ điện đình công ở xưởng đóng tàu thủy tại Gdansk.

Một khu vực lực lượng thợ thuyền mà những người làm kế hoạch đấu tranh bất bạo động cần đặc biệt lưu ý là khu vực vận tải và những kĩ nghệ liên hệ. Bất cứ sự gián đoạn nào trong việc vận chuyển hàng hoá, nhân sự, và các dịch vụ đều có thể đưa đến cho chế độ những tổn thất tức khắc về kinh tế và chính trị. Đồng thời, các kế hoạch gia chiến lược cũng cần phải xét đến những hậu quả không được dự tính trước có thể xảy ra, nếu dân chúng không được cung cấp lương thực và các tiện nghi cần thiết khác.

Các tổ chức tôn giáo

Theo lịch sử thì tôn giáo có tổ chức đã từng đóng những vai trò quan trọng trong những cuộc đấu tranh chính trị chống lại chuyên chế -- hầu hết đứng về phe đòi hỏi thay đổi, nhưng có lúc thì không. Thường thường các tổ chức tôn giáo có những mạng lưới, cho các vấn đề thiêng liêng cũng như tài chánh, trong khắp cùng các xã hội mà trong đó họ hoạt động, từ những nhóm ưu tú giàu có cho đến những người cùng đinh trong xã hội. Thêm nữa, bởi vì các vị lãnh đạo tôn giáo thường có học lực cao trong những cách xử thế đời cũng như trong việc đạo, nên họ thường được sự kính nể của giáo đồ cũng như của những người khác được biết đến công việc của họ, và họ thường có ảnh hưởng đến những thái độ và hành vi của những người khác sâu xa hơn là những giảng huấn về đạo đức hay tôn giáo. Họ có thể đưa một lãnh vực thiêng liêng vào phong trào đối lập và ngay cả trở thành những phát ngôn nhân mạch lạc nhất cho chính phong trào đối lập nữa. Mặt khác, họ cũng có thể trở nên cũng ảnh hưởng và cũng mạch lạc như thế cho những quyền lợi đặc biệt, hạn hẹp hơn của một chế độ chuyên chế. Theo đó, những người lãnh đạo phong trào phải được chuẩn bị cho công tác khuyến khích sự hỗ trợ của các nhà lãnh đạo tôn giáo hay là phá vỡ ảnh hưởng độc hại mà họ có thể gây nên.

Các tổ chức phi chính phủ (NGOs)

Bất cứ nhóm hay tổ chức nào có thể hoạt động bên ngoài sự kiểm soát hay thanh tra trực tiếp của chính quyền sẽ là một mối lợi tiềm năng cho phong trào dân chủ. Các NGOs quốc tế có thể gây quỹ, liên lạc trực tiếp với nhiều giới khác nhau, thủ đắc được chuyên môn cần có từ quốc ngoại, cung ứng những nhận định thu lượm được từ các kinh nghiệm của những phong trào dân chủ khác. Những NGOs quốc nội đôi khi bị giới hạn khá nhiều về lãnh vực mà họ được phép hoạt động và về các nguồn tài trợ. Dù là quốc nội hay từ ngoài vào, những NGOs này thường bị các điểm chỉ viên của chính quyền nằm vùng, nhưng trong hầu hết các trường hợp, điều này có lẽ không phải là một thách đố nghiêm trọng không thể vượt qua được. Một giá trị quan trọng của các NGOs cho đấu tranh bất bạo động là các tổ chức này cung cấp những dịch vụ cho dân chúng và do đó chứng minh cho dân chúng thấy là họ không cần phải lệ thuộc hoàn toàn vào chính quyền. Những sinh hoạt của các NGOs có thể làm suy yếu sự gắn kết có tính cưỡng ép, nhưng tế nhị, mà các chế độ độc đoán đòi hỏi để dân chúng phải tuân phục.

Một thí dụ nổi bật về hiệu lực của một NGO trong việc đánh tan sự lệ thuộc của người dân vào một chính quyền độc đoán xảy ra tại Miến Điện, chỉ một thời gian ngắn sau khi Tướng Ne Win cướp chính quyền năm 1962. Phần đất phía tây của quốc gia này trong vùng Bang Arakan bị một trận lụt tàn phá. Theo các báo cáo thì một vị truyền giáo Công giáo tức tốc đánh điện cho những vị truyền giáo ở những vùng khác trong nước và ở Ấn Độ về nhu cầu cứu trợ. Sự đáp ứng nhanh chóng và hữu hiệu; thực phẩm, áo quần, và vật liệu xây cất đến chỉ trong vài ngày. Cuối cùng khi chính quyền gửi các toán đến thẩm định thiệt hại thì họ biết được là không còn cần sự hỗ trợ của chính quyền nữa và dân chúng đã tự mình giải quyết lấy cơn khủng hoảng rồi. Người ta cho biết là Tướng Ne Win hết sức giận dữ về diễn biến này. Và đó là lí do để đuổi các vị truyền giáo Thiên Chúa Giáo ra khỏi Miến Điện.

Tuy nhiên, các phong trào dân chủ cần được nhắc nhở là những NGOs có thể có những mục đích riêng của họ. Hiểu những mục đích này là gì và làm sao để có một sự phù hợp giữa những mục đích này với các mục đích và mục tiêu của phong trào dân chủ là một điều quan trọng.

Những nguồn hỗ trợ khác là các tổ chức chuyên nghiệp, các đảng phái chính trị, các cơ sở thương mại ngoại quốc, và các chính quyền quốc ngoại, như là những đơn vị cá biệt hay là qua trung gian các tổ chức quốc tế. Không nên bỏ qua những nhóm nhỏ trong cộng đồng, được thiết lập vì

những sở thích đặc biệt như những hội may vá, các hội săn bắn và câu cá, hội đọc sách, các nhóm nghiên cứu ngôn ngữ, các hội sưu tập các đồng xu, hội làm vườn, và các hiệp hội thể thao. Đấu tranh bất bạo động chiến lược đòi hỏi cả sự kiểm soát các nguồn sức mạnh lẫn sự tham gia tích cực của dân chúng. Các tổ chức chứa đựng những nguồn sức mạnh này và cung ứng cơ cấu cho những hành động tập thể.

CHƯƠNG BA

TUÂN PHỤC

Con người sinh ra tự do, và đâu đâu con người cũng bị gông cùm.

--Jean Jacques Rousseau, *Khế Ước Xã Hội*, Tập 1, Chương 1

Trong một nỗ lực nhằm phản hồi lại những nhận định như nhận định trên đây, TS. Gene Sharp đã nêu lên những câu hỏi như sau:

Làm sao mà một nhà cai trị có thể tranh thủ và duy trì sự thống trị chính trị đối với bao nhiêu là người dân như thế được? Tại sao với những số đông như thế mà họ lại chịu khuất phục và vâng lệnh ông ta, ngay cả khi rõ ràng là làm như thế chẳng lợi lộc gì cho họ cả?⁴

Những câu hỏi mà Gene Sharp nêu lên ở trích đoạn trên là cơ sở cho sự phân tích sâu sắc của ông về lí do tại sao người ta tuân phục. Chương này, phần lớn, sẽ cung ứng sự phân tích này. Mô thức quyền lực đa nguyên (Chương 1), sự sắp xếp các nguồn sức mạnh thành những cột trụ chống đỡ (Chương 2), và tuân phục là bộ ba cần cho sự thông hiểu lí thuyết và các áp dụng của đấu tranh bất bạo động chiến lược. Do đó, thiết yếu cần phải có một sự thông hiểu quán triệt về lí do tại sao người ta tuân phục, đôi khi đến mức phải bỏ sinh mạng của mình cho những lí do mà họ hết sức chống đối. Tuân phục là “huyết mạch của quyền lực chính trị”. Một nhà cai trị không thể cai trị nếu dân chúng không tuân phục. Những chiến lược đấu tranh bất bạo động được đặt trên cơ sở của chính nhận định này. Nếu mục đích của chúng ta là động viên công chúng rút lui sự thoả thuận được cai trị bởi các nhà độc tài hay là bởi những chế độ độc đoán khác, thì trước tiên chúng ta phải hiểu tại sao người ta tuân phục đã.

Thói quen

Lí do hầu hết người ta tuân phục là vì thói quen. Chúng ta có thói quen tuân phục những người có uy quyền. Từ bé, chúng ta đã bị bắt phục tùng uy quyền. Đối với hầu hết chúng ta uy quyền bắt đầu với cha mẹ, anh chị,

⁴ *Như trên.*, 18

ông bà, và những thân nhân khác và chuyển đến các giáo sư, cảnh sát, và ngay cả những biểu tượng của uy quyền nữa. Ví dụ, chúng ta tuân theo những dấu hiệu đèn đường vì thói quen – ngay cả ở những ngã tư đường không có xe cộ.

Một mục tiêu chính yếu trong việc huấn luyện tân binh trong các lực lượng quân đội là tạo những thói quen tuân phục mới. Người tân binh phải nhanh chóng biết phản ứng lại tức khắc và không chần chừ các lệnh của người đội trưởng huấn luyện. Hàng bao nhiêu giờ tập theo lệnh kế tiếp nhau, lặp đi lặp lại, và sự thanh tra liên tục có tính hăm dọa rất ít liên hệ đến những kĩ năng chiến đấu của chiến tranh tân tiến, nhưng tất cả đều liên hệ đến việc tạo nên một tập quán vâng lệnh. Thêm vào đó, những kĩ năng quân sự căn bản, như việc sử dụng vũ khí, đã được nhồi sọ sâu đậm bằng các diễn tập lặp đi lặp lại, đến độ việc sử dụng vũ khí trở thành thói quen, và không đòi hỏi suy nghĩ có chủ ý.

Những ai trong chúng ta ghiền thuốc lá thì biết thói quen là gì. Chúng ta không biết mình đã hút bao nhiêu điếu thuốc, không nhớ là mình đã hút, và không bỏ được thuốc khi giá thuốc đã tăng đến mức phi lí. Muốn bỏ thói quen này và những thói quen khác, bao gồm cả thói quen tuân phục, chúng ta phải làm một quyết định có chủ ý, luôn luôn tự nhắc nhở mình về quyết định này, và phải lặp đi lặp lại tại sao bỏ thói quen này là quan trọng.

Sợ bị trừng phạt

Sợ bị trừng phạt vì bất tuân là một lí do khác tại sao người ta tuân phục. Mỗi khi chúng ta vi phạm luật lệ, thì quyền lực của chính quyền có thể trừng trị chúng ta. Chúng ta có thể bị phạt rất nhiều tiền. Nhà nước có thể tịch biên gia sản. Nhà nước có thể bỏ tù chúng ta. Nhà nước ngay cả có thể hành quyết chúng ta vì bất tuân luật lệ. Mục đích của các hình phạt là để trừng phạt người phạm lỗi và/hay là để ngăn chặn những người khác vi phạm cùng những luật đó hay là những luật tương tự. Một nhà cai trị chuyên chế lệ thuộc vào sự sợ hãi các hình phạt để có được sự tuân phục hơn là những nhà cai trị có sự hậu thuẫn tự nguyện của nhân dân.

Tư lợi

Có nhiều người có thể nói là họ rất ghét chính quyền, tuy nhiên họ vẫn hỗ trợ chính quyền một cách đắc lực. Xét định vai trò của tư lợi và các ân thưởng cá nhân dành cho những người ủng hộ chính quyền thì sẽ cắt

nghĩa được đầy đủ nghịch lí này. Ví dụ, những ân thưởng cá nhân dành cho những người trong các lực lượng quân đội tuân hành các chính sách thất nhân tâm và ngay cả tàn bạo nữa là gì? Thăng chức, huy chương, uy tín, các đặc quyền, và lợi tức hưu liễm có thể là những nhân tố. Trong một nền kinh tế do chính phủ kiểm soát, thì hầu hết mọi người đều làm việc cho chính phủ, nên quyền lợi riêng tư của mỗi người là không dễ mất việc, bởi vì có thể không có cơ hội công ăn việc làm nào khác. Những người khác có thể nhận lãnh những ân thưởng đáng kể về tài chánh nhờ hỗ trợ chính quyền. Chúng ta không nên kết án tất cả mọi người đã hỗ trợ một chính quyền thất nhân tâm vì tư lợi. Mỗi người đều có những lí do riêng của họ khi làm như vậy. Nhiều người tin là không còn cách nào khác. Sự thách đố đối với chúng ta là chứng minh cho họ thấy là bất tuân phục có thể có lợi cho họ.

Nghĩa vụ tinh thần

Ý thức về tuân phục như là một nghĩa vụ tinh thần là một quan niệm phổ biến trong mọi xã hội. Nghĩa vụ tuân phục này phát sinh từ:

Lợi ích Chung của Xã hội. Người ta có thể lí luận là luật pháp bảo vệ mọi công dân. Một vài điều luật bảo vệ chúng ta khỏi bị những hành vi phản xã hội (như cướp bóc, giết người, hãm hiếp). Những luật khác nhằm bảo đảm lợi ích chung của xã hội (phân phối hàng hoá và các dịch vụ, bắt người trẻ nhập ngũ vào Quân đội, thuế má). Ngay cả chính chúng ta đôi khi cũng có thể cảm thấy là lợi ích chung sẽ được phục vụ tốt hơn bằng cách tuân phục một nhà cai trị bị ghét, bởi vì chúng ta không tin là thay đổi sẽ làm cho cuộc đời tốt đẹp hơn. Joseph Stalin rõ ràng là một nhà chuyên chế. Dù vậy, hàng triệu người vẫn tuân phục ông, bởi vì sự tuân phục được xem là đem lại lợi ích chung cho xã hội. Ngay cả sau khi biết Stalin là người trách nhiệm về cái chết của hơn 20 triệu người mà có một số người Nga vẫn luyến tiếc những “ngày xưa tốt đẹp”. Chúng ta có thể xem áp lực bạn bè đồng lứa như một phản ánh của nghĩa vụ tinh thần là phải tuân phục. **Nên nhớ là – áp lực bạn bè đồng lứa tác động theo cả hai hướng và có thể hữu ích trong việc thay đổi những tập quán về hành vi.**

Các nhân tố siêu nhân

Đôi khi các nhà lãnh đạo được gán cho hình ảnh của một siêu nhân hay của một nhân vật giống như thượng đế. Khi một nhà cai trị được xem như là toàn năng hay là được xem như là hiện thân của cả một tôn giáo, thì hầu như là một điều không thể quan niệm được khi nghĩ đến bất tuân phục một nhà cai trị như thế. Ai mà dám không tuân phục Adolph Hitler khi ông đang ở đỉnh cao quyền lực của ông ta? Việc thần thánh hoá các nhà lãnh đạo đã từng có một lịch sử lâu dài. Suốt hàng bao nhiêu thế kỉ, người ta đã chấp nhận quan niệm các “vua-thánh thượng” hay là “thần quyền của nhà vua”. Một biến thể của phương thức thần quyền này là sự hoà quyền của tôn giáo với nhà nước Iran ở thế kỉ thứ 20. Để phản công lại nhân tố tuân phục này, chúng ta chỉ cần nói lên sự thật – đó là con người không thể toàn năng và nhà cai trị cũng không phải là thừa tác nhân của Thượng Đế.

Đồng cảm với những nhà cai trị

Một vài người xem các nhà cai trị của họ như là chính gia đình của họ nói rộng. Cũng một phần nào giống như những người ủng hộ một đội bóng đá cảm thấy sung sướng khi đội nhà thắng và buồn rầu khi đội nhà thua, nhà cai trị là cá nhân được nói rộng. Điều này đặc biệt đúng khi mà nhân dân và nhà lãnh đạo đã từng cùng nhau trải qua những kinh nghiệm khó khăn, như là một cuộc đấu tranh giành độc lập chẳng hạn. (Một vài nhà tranh đấu giành độc lập nổi danh gồm có Hồ Chí Minh, Tướng Ne Win, và Robert Mugabe). Nếu sự nói rộng gia đình này là một nhân tố trong sự tuân phục của một người nào đó, thì cần phải thuyết phục là một sự đồng cảm với nhà lãnh đạo không còn biện minh được nữa.

Khu vực của sự bất cần

Một số người có thể biểu lộ một sự bất cần đối với hầu hết, nếu không phải là tất cả, các luật lệ có thể phần nào tác hại đến đời sống hàng ngày của họ. Họ tuân phục chỉ vì không làm như thế có thể gây nên phiền phức không đáng công. Đối với hầu hết mọi người thì đây là một giả định có thể hợp lí đối với đa số luật lệ. Tuy nhiên, có thể có nhiều rắc rối, khi mà luật lệ siết chặt các quyền hạn và tự do căn bản xâm phạm khu vực thoải mái của sự bất cần này. Công tác của đối lập dân chủ là phải cảnh báo dân chúng là bất cần đối với sự xâm phạm này không còn thích hợp nữa vì nó

sẽ đóng góp vào việc nô lệ hoá xã hội khi mà những tự do cá nhân đã bị xói mòn bởi những hạn chế càng lúc càng tinh vi đang được áp đặt lên dân chúng.

Thiếu tự tin

Vì nhiều lí do khác nhau, một số người thiếu tin tưởng vào chính bản thân, vào sự phán đoán hay ngay cả vào khả năng của mình có đủ sức đối kháng hoặc bất tuân hay không. Ở nơi nào đã có một nền cai trị độc đoán kéo dài hàng thập kỉ thì ở đó có ít kinh nghiệm tự quyết trong xã hội và ít cơ hội đào tạo lãnh đạo. Có lẽ một số người nghĩ rằng những nhà cai trị của họ có khả năng hơn họ trong việc đưa ra những quyết định. Và rất quan trọng cho phong trào đối kháng là những người này có thể cảm thấy là họ không thể thách thức chính quyền một cách thành công hay là tham gia vào công việc giải phóng chính mình được. Việc phục hồi niềm tin của công chúng vào khả năng phán đoán những hành động của những nhà cai trị, rồi hành động dựa trên cơ sở của những phán đoán này rất thiết yếu cho sự thành công của đấu tranh bất bạo động. **Đôi khi, điều mà chúng ta nghĩ là “sự bất cần” thực ra có thể chỉ là sự thiếu tự tin.**

Tóm lược

Chúng ta vừa xét định một vài lí do tại sao người ta tuân phục các nhà lãnh đạo.⁵ Những lí do này cung cấp một phản biện đối với lí luận cho rằng tuân phục là một điều “tự nhiên”. Con người không được sắp xếp trước theo di truyền là phải khuất phục. Sự tuân phục chủ yếu là do một sự hỗn hợp của những thói quen, sự sợ hãi và các quyền lợi – thói quen và quyền lợi có thể được thay đổi còn sợ hãi thì có thể vượt qua được.

⁵ Như trên., 19-25

CHƯƠNG BỐN

CÁC PHƯƠNG THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG

*...tất cả điều mà tôi khẳng định là mọi thử nghiệm của tôi
đều làm đậm nét niềm tin của tôi vào bất bạo động như là lực lượng
mạnh nhất có sẵn cho nhân loại*

--M.K.Gandhi

Đưa một xã hội từ độc tài đến dân chủ là một việc khó làm bất kì lựa chọn con đường nào. Nếu đấu tranh bất bạo động chiến lược là con đường lựa chọn của phong trào đối lập, thì cần phải xét đến những cách khác nhau, hay là những phương thức, theo đó đấu tranh bất bạo động đem lại những thay đổi mong muốn trong tương quan quyền lực giữa nhà cai trị và người bị trị. TS. Sharp nhận dạng được bốn “phương thức thay đổi các tương quan lực lượng”. Những phương thức đó là cải hoá, thích nghi, cưỡng ép, và phân huỷ. Những phương thức này cung ứng một khuôn khổ nhận thức để xem xét thông tin về những động năng thay đổi về các tương quan lực lượng. Các loại hành động bất bạo động này cũng hữu ích như là những phương pháp tạo thay đổi hoặc thậm chí những hiệu quả của những cuộc đấu tranh hay chiến dịch bất bạo động trước đó.

Trong chương này còn có một đoạn dẫn nhập vào các loại hành động bất bạo động bao quát như: Phản đối và thuyết phục, Bất hợp tác, và Can thiệp. Hãy xem Phụ lục 2 liệt kê 198 phương pháp khác nhau do Gene Sharp nhận dạng được.

Các phương thức

Những ý kiến về đấu tranh bất bạo động chiến lược phải đi từ lí thuyết đến thực hành mới đem lại thay đổi chính trị và xã hội được. Điều quan trọng trong việc chuyển đổi từ ý nghĩ đến hành động là sự lựa chọn bởi đối lập về phương thức, hay là tiến trình, thích đáng để ảnh hưởng thái độ và hành vi của nhà cai trị. Quyết định này lúc bấy giờ lại ảnh hưởng sự lựa chọn những phương pháp nhằm đạt được những thay đổi mong muốn trong mối quan hệ giữa nhân dân và chính quyền⁶.

⁶ Muốn có một cuộc thảo luận chi tiết hơn về các phương thức và phương pháp, y/c xem *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo động* của Gene Sharp, Tập II và III.

Cải hoá

Các phương thức, hay là các tiến trình, được chọn để chống lại đối phương nhằm đem lại thay đổi mô tả dự tính hay là hiệu quả của những hành động bất bạo động ở nhiều cường độ khác nhau. Có thể có những trường hợp mà chế độ có thể được thuyết phục là quyền lợi của họ sẽ được phục vụ bằng cách chấp thuận những khuyến cáo hay là những yêu sách của nhóm đấu tranh. Phương thức *Cải hoá* có nhiều cái lợi cho nhóm đấu tranh. Việc chế độ nhìn nhận tính hợp lí của mục đích đòi thay đổi có thể làm tăng sự đáng tin tưởng và tính hợp pháp của lãnh đạo đối lập, giảm thiểu những hiểm nguy tiềm năng thường được liên kết với việc đối đầu trực tiếp với nhà nước, và rất quan trọng là bảo tồn được những tài nguyên để sử dụng ở những giai đoạn về sau của cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, phương thức này, một phương thức thường bao gồm những hành động có áp lực ở mức độ thấp, thường không đủ khi được sử dụng chống lại các chế độ độc đoán cực đoan. Mặc dù vậy, sự lựa chọn vấn đề tranh chấp và cách thức vấn đề này được xúc tiến như thế nào đôi khi cũng đưa đến thành công ngay cả với những chế độ hết sức tàn bạo.

Một ví dụ về phương thức cải hoá được sử dụng chống lại nền độc tài quân phiệt đã xảy ra tại Miến Điện và liên quan đến việc giảng dạy Anh văn tại các trường tiểu học công lập. Sau khi quân đội cướp chính quyền năm 1962, Tướng Ne Win quyết định Anh ngữ là một sự nhắc nhở đến quá khứ thuộc địa của Miến Điện và tuyên bố là Anh ngữ không được dạy ở cấp tiểu học. Vào lúc đó, Anh ngữ thường được người dân Miến Điện sử dụng như là ngôn ngữ thông dụng thứ hai. Các quan sát viên cũng đưa ra một lí do ác hiểm về sự thay đổi này. Để cô lập dân chúng khỏi bị tư tưởng và ảnh hưởng quốc ngoại, việc khước từ cơ hội học Anh ngữ chỉ là một sự nối dài của những luật kiểm duyệt khắt khe đang được định chế hoá mà thôi. Anh ngữ trong các bài giảng ở đại học cũng bị giới hạn. Sau hơn hai thập kỉ, chế độ bắt đầu thấy rõ là hình thức kiểm duyệt này đã đem lại những hậu quả trầm trọng về kinh tế. Các nhà đầu tư quốc tế miễn cưỡng trong việc thiết lập hãng xưởng ở nơi mà lực lượng lao động và cấp điều hành bậc trung không có khả năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ kinh doanh và thương mại quốc tế. Sinh viên đại học cũng không còn được thu nhận ở các trường cấp cao học Tây phương nữa. Sinh viên tốt nghiệp Trường Y khoa Rangoon không còn được chấp nhận hành nghề ở nước ngoài hay là ngay cả không được thu nhận vào các ngành chuyên môn để du học. Sau bao nhiêu năm các nhà hoạt động trong cộng đồng kinh doanh và đấu tranh dân chủ tuyên bố ủng hộ phổ biến rộng rãi việc

dạy Anh ngữ, chế độ đã nhượng bộ vì được thuyết phục là sự nhượng bộ có lợi cho chính họ.

Nhớ rằng đấu tranh bất bạo động chiến lược tấn công vào các nguồn sức mạnh, các nỗ lực cải hóa những cột trụ chống đỡ có thể hữu ích. Bước đầu tiên trong tiến trình này là phải bảo đảm là những thành viên của các tổ chức và những cơ chế bị nhắm đến hiểu là họ, như là những cá nhân, không phải là “kẻ thù của nhân dân” và, thực ra, họ sẽ được chào đón, tán thưởng, và nể trọng như là những thành viên hữu dụng trong một xã hội dân chủ. Khi nào mục đích này đạt được thì lúc đó các thành viên của những cơ chế bị nhắm đến sẽ sẵn sàng tiếp nhận thông tin về giá trị của thay đổi chính trị hơn và sau đó dễ đáp ứng những lời kêu gọi hành động hơn.

Cải hoá là phương thức chủ yếu nhằm bành trướng và tăng cường các lực lượng đấu tranh dân chủ. Sử dụng tuyên truyền khôn khéo để đối chiếu cuộc sống dưới những chế độ dân chủ và chế độ độc đoán và tin tức về các hoạt động bất bạo động hiện hành đang xảy ra trên toàn thế giới rất hữu ích cho những nỗ lực cải hoá. Tin tức về các vụ biểu tình, đình công, tẩy chay, và những hình thức chống đối khác là những thí dụ ảnh hưởng đến thái độ của dân chúng. Quan trọng hơn cả là “một viễn tượng cho ngày mai” cùng với quan điểm làm thế nào để thực hiện viễn tượng đó cần phải được trình bày cho dân chúng biết.

Có lẽ lực lượng mạnh mẽ nhất của những nỗ lực cải hoá là chứng tỏ lòng can đảm của những người chống đối chế độ độc đoán. Những hành động can đảm công khai chống lại áp bức sẽ xoá bỏ cái ấn tượng thông thường cho những người đối kháng bất bạo động là những người hèn nhát. Sự can đảm được tất cả mọi người nể trọng dù là sự can đảm được biểu lộ bởi người lính ngoài mặt trận hay bởi những chiến sĩ đấu tranh bất bạo động đối đầu với một chế độ áp bức. Trong một vài trường hợp, sự đau khổ chịu đựng bởi các thành viên của nhóm đối lập có thể ảnh hưởng rất nhiều đến thái độ của cả kẻ áp bức lẫn kẻ bị áp bức. Sự can đảm không luôn luôn được đo lường bằng máu của những cá nhân đổ ra vì lí tưởng đấu tranh. Sự sẵn lòng đương đầu với những hệ quả của một hành động bất chấp sợ hãi là thước đo đích thực của lòng can đảm. Ví dụ, những người kí bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Mỹ năm 1776 đã biểu dương một sự can đảm lớn lao chống lại Vua của nước Anh cũng như những nhà hoạt động dân quyền tham gia vào những cuộc biểu-tình-ngồi để chấm dứt phân biệt chủng tộc vào những thập niên 1950 và 1960. Cả hai loại hành động thách thức này đã làm cho dân chúng xét đến tính hợp

lí của những mục đích của một cuộc đấu tranh mà những người ủng hộ sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy.

Thích nghi

Đôi khi một chế độ chấp nhận một yêu sách hay đòi hỏi của những lực lượng đấu tranh cho dân chủ, không phải vì nể trọng hay vì lịch thiệp, mà vì chế độ có thể muốn giảm bớt căng thẳng xã hội, muốn ảnh hưởng đến thái độ của những chính quyền quốc ngoại, gây ấn tượng đối với công dân về sự ưu tư của chế độ đối với sự an lạc của người dân, hay là muốn kết thúc một vấn đề tranh chấp trước khi đối phương khai thác vấn đề này cho những mục đích riêng của họ. Chế độ chưa bị cưỡng ép nhưng đành quyết định là quyền lợi của chế độ chưa bị trực tiếp đe dọa và chế độ cũng sẽ không bị làm suy yếu đi khi phải nhượng bộ cho đối phương một vấn đề tranh chấp nào đó. Thực tế là khả năng quyền lực tuyệt đối của chế độ đã bị suy yếu và đã trở nên nhạy cảm đối với những vấn đề có thể làm công chúng thù nghịch đối với chính quyền. Tin tức thường xuyên thông báo những thích nghi có tính tượng trưng của những chính quyền độc đoán. Chính quyền quân phiệt tại Rangoon và các nhà lãnh đạo Trung Cộng thường hay thả một vài tù nhân mỗi khi có những nhân vật quan trọng từ các quốc gia phương Tây đến viếng thăm để thích nghi, phần nào, những đòi hỏi cải cách chính trị. Chính quyền Do Thái thường lệ đưa ra những hành động có tính biểu tượng để thoả nhượng những yêu cầu của chính quyền Hoa Kỳ về việc đối xử nhân đạo đối với người dân Palestine. Những vấn đề mà các chính quyền chọn để thoả nhượng hầu hết được xem chỉ là những vấn đề gây bực bội, nếu có được thoả hiệp, thì cũng không đe dọa đến quyền lực của họ. Nói cách khác, đó là một quyết định mà họ có thể thực hiện với những mạo hiểm được nhận định là tối thiểu.

Những thí dụ mới đây về các chính quyền đưa ra những thoả hiệp đối với các nhóm đối lập có thể được xếp loại từ những hành động có tính biểu tượng đến những cuộc bầu cử trông có vẻ tự do. Ví dụ, để đáp ứng lại những chống đối càng ngày càng tăng của công chúng đối với chính quyền Cộng sản Lithuania trong năm 1988, Hội Đồng Tối Cao của chế độ hi vọng giải toả những căng thẳng bằng cách thoả hiệp với phong trào dân chủ đòi hỏi tu chính hiến pháp chính thức hoá ngôn ngữ Lithuania và chấp thuận kéo cờ quốc gia tại một địa điểm lịch sử. Vào khoảng thời gian này thì phong trào dân chủ, dưới sự lãnh đạo của một “đồng tiểu ban”, “Sajudis” và những nhóm phụ trợ khác đã trở nên lan rộng và thành công

đến độ những thoả hiệp chỉ có tính biểu tượng của chế độ không còn đủ để thoả mãn nguyện vọng của dân chúng nữa.⁷ Kết quả là đối lập đã gia tăng sự tin cậy của dân chúng như là một lực lượng của sự thay đổi dân chủ.

Quyết định của Saddam Hussein năm 2002 cho phép lễ tiết tôn giáo là một thí dụ hiện đại khác về thích nghi. Mặc dù Saddam Hussein hoàn toàn kiểm soát xã hội Iraq, ông ta vẫn nhượng bộ những đòi hỏi của những người theo giáo phái Shiite tổ chức một cuộc tuần hành bao gồm cả hàng ngàn người đi đến một thánh địa tôn giáo ở vùng ngoại biên của Baghdad. Hussein đã có thể khước từ đòi hỏi này, và hiển nhiên là ông ta có những lực lượng quân đội và cảnh sát để thực thi một sự cấm đoán như thế, mặc dù vậy ông đã nhượng bộ, có thể vì hi vọng tránh khơi động, một lần nữa, đối lập công khai và bạo động chống lại nền cai trị của ông.⁸

Đồng ý với đòi hỏi tự do bầu cử là một trong những thích nghi cực đoan mà một chế độ có thể chấp nhận, mặc dù sự đúng đắn của những cuộc bầu cử như thế hầu như luôn luôn bị bóp méo. Trong hai thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ 20, có nhiều thí dụ về những chế độ độc đoán cho phép “tự do” bầu cử trong lãnh địa của họ.

Cuộc bầu cử năm 1990 tại Miến Điện chứng tỏ các chế độ sắp xếp kết quả sự lựa chọn của người dân như thế nào. Một trong những hành động chính thức cuối cùng của Tướng Ne Win của Miến Điện trước khi rời bỏ quyền lực là kêu gọi những cuộc bầu cử đa đảng. Suốt bao nhiêu tháng trước khi ông về hưu năm 1988 đã có những cuộc biểu tình đòi thay đổi chính trị, gồm cả việc đòi hỏi bầu cử đa đảng. Ne Win cho rằng những cuộc bầu cử đa đảng sẽ làm giảm bớt, nếu không phải là loại bỏ, sự chống đối nền độc tài một cách công khai. Với khả năng lọc lừa đã được chứng minh trong các cuộc bầu cử của chế độ của ông, ông cảm thấy là trong một cuộc bầu cử mà đối lập chia rẽ một cách tuyệt vọng như thế, thì chiến thắng ở thùng phiếu đã được bảo đảm⁹.

⁷ Grazina Miniotaite, *Đối Kháng Bất Bạo Động tại Lithuania: Một Câu Chuyện Giải Phóng Ôn Hoà* [*Nonviolent Resistance in Lithuania: A Story of Peaceful Liberation*], (Boston: Viện Albert Einstein, 2002), 30.

⁸ Theo báo cáo thì Saddam thoả thuận cho tuần hành với điều kiện là không được trưng biểu ngữ hoặc các biểu tượng. Những người tuần hành tuân theo, nhưng họ đã “dậm chân gây tiếng động lớn có thể nghe cách xa đó cả một dãy phố.”

⁹ Sau khi lúc đầu khước từ ý kiến bầu cử đa đảng, chính quyền Rangoon đồng ý tổ chức vào tháng Năm 1990. Trước sự hết sức ngạc nhiên của chính quyền, Liên Minh Dân Chủ Quốc Gia đã thắng với 80 phần trăm số phiếu. Chế độ liền phủ nhận kết quả bầu cử và lại đàn áp đối lập trở lại.

Điều quan trọng là khi các nhóm chọn những vấn đề có thể thoả hiệp được thì sự thích nghi này nên được diễn đạt theo những ngôn từ làm “đẹp mặt” các nhà cai trị đối với dân chúng, nếu thoả hiệp này được chấp thuận. Đồng thời công chúng phải hiểu rằng việc chính quyền thoả hiệp phản ánh sức mạnh đang phát triển của phong trào bất bạo động và những thay đổi để cải tiến xã hội không cần đòi hỏi phải đổ máu. Hiệu quả dồn dập của phương thức cải hoá và thích nghi sẽ tăng sức mạnh cho xã hội và chuẩn bị xã hội cho những hành động mạnh mẽ hơn.

Các cuộc bầu cử thông thường được các chế độ độc đoán sử dụng để thoả hiệp với những đòi hỏi thay đổi chính trị của đối lập. Đáng tiếc là đối với công chúng, các nhà lãnh đạo đối lập thường ngây thơ cho rằng những cuộc bầu cử sẽ tự do và công bằng, dân chúng có thể cưỡng lại được sự hăm dọa của chính quyền, hay là các thẩm sát viên quốc tế có thể bảo đảm được thủ tục kiểm phiếu. Những cuộc bầu cử năm 2000 tại Serbia và tại Zimbabwe năm 2002 là những thí dụ về kết quả khác nhau về bầu cử của những cuộc bầu cử gian lận.

Tại Serbia, đối lập chính trị thiết lập một hệ thống theo dõi bầu cử từ thùng phiếu đến tận văn phòng bầu cử trung ương tại Belgrade. Họ có một ban nhân viên cho chiến dịch Hãy Giành Lấy Lá Phiếu có tổ chức và được huấn luyện kĩ càng và một kế hoạch hành động trong trường hợp chính quyền muốn đánh cắp cuộc bầu cử. Phức trình sớm của các nhóm đối lập về kết quả bầu cử từ các trạm đếm phiếu phản ánh sự thắng phiếu của dân chủ, và kết quả đã được tuyên bố trước khi kết quả chính thức được đúc kết. Khi chính quyền cho biết là theo sự đếm phiếu của chính quyền thì đối lập đã không thắng, dân chúng đã xuống đường và tuyên bố thắng bầu cử với những cuộc biểu tình quần chúng xảy ra khắp cùng Serbia. Những cuộc biểu tình này đạt đỉnh trong một cuộc tuần hành đến Quốc hội. Những chuẩn bị đầy đủ đến mức độ cảnh sát và quân đội không can thiệp khi chính quyền mới được tuyên bố và tấn phong.

Cuộc bầu cử của Zimbabwe vào tháng Ba năm 2002 có một kết quả khác xa. Tại Zimbabwe, Phong Trào Thay Đổi Dân Chủ đối lập thiết kế chiến lược của họ chung quanh chiến dịch Hãy Giành Lấy Lá Phiếu và áp lực quốc tế cho một cuộc bầu cử tự do và công bằng. Phong trào ít lưu ý đến “Kế Hoạch B”, kế hoạch phòng hờ trong trường hợp cuộc bầu cử bị nhà cai trị đang tại chức, Robert Mugabe, cướp giựt. Dù vậy, đã có những triệu chứng báo trước là Mugabe không có dự định rời bỏ quyền lực. Được hứa hẹn thực phẩm và tiền bạc, các dân quân thuộc giới trẻ, được vũ trang bằng dùi cui và dao, đã được thành lập và chỉ thị tấn công những người làm việc cho đảng đối lập. Những người ủng hộ Phong Trào Thay

Đổi Dân Chủ và những người bị tình nghi là nghi đến bỏ phiếu chống lại Mugabe đã bị đánh đập và hăm dọa. Ứng cử viên tổng thống của Phong Trào Thay Đổi Dân Chủ bị bắt về tội phản quốc. Cảnh sát và nhân viên tình báo đã nhúng tay vào việc hăm dọa công chúng. Ngay cả vào ngày bầu cử vẫn có báo cáo là dân chúng đang sắp hàng để bỏ phiếu đã bị đánh đập ngay trước mắt các nhà quan sát quốc tế. Các quan sát viên từ những quốc gia Âu châu đã bị trục xuất. Các trạm bầu cử được dời đi nơi khác đúng vào ngày bầu cử, một thủ thuật của chính quyền làm cho dân chúng ngỡ ngác không biết phải bỏ phiếu ở chỗ nào. Hàng ngàn phiếu không được tính khi kết quả được đưa vào bảng tổng kết. Mugabe tuyên bố thắng. Không có một kế hoạch chi tiết và cũng không có bất cứ khả năng nào để thi hành sự uỷ thác bởi lá phiếu của người dân, Phong Trào Thay Đổi Dân Chủ không có cách nào khác ngoài việc giới hạn phản ứng của mình vào việc tuyên bố cuộc bầu cử không công bằng cũng chẳng tự do và vào việc đòi hỏi một cuộc bầu cử khác. Không có gì bảo đảm là một cuộc bầu cử mới sẽ đem lại kết quả khác hơn.

Bài học ở đây là những cuộc bầu cử này quá quan trọng đối với chế độ để họ chịu thua bởi vì sự thất bại này có nghĩa là họ mất đi tính hợp pháp đối với cả quốc nội lẫn với cộng đồng thế giới. Cũng vì cùng những lí do như thế mà đối lập dân chủ không thể thua trong các cuộc bầu cử. Cần phải có những sửa soạn để bảo đảm là dân chúng được chuẩn bị để hợp thức hoá lá phiếu của mình tại thùng phiếu với những biện pháp được chuẩn bị cẩn thận hầu ngăn chặn các nỗ lực gian lận kết quả bầu cử của chính quyền.

Cưỡng ép

Cải hoá và thích nghi dành cho kẻ áp bức sự lựa chọn chấp nhận hay khước từ những yêu cầu hay những đòi hỏi của các đối thủ bất bạo động mà ít bị hay không bị những hậu quả tức khắc. Còn phương thức cưỡng ép thì bắt buộc phải khuất phục trước những đòi hỏi đưa ra cho chính quyền. Đến lúc mà cưỡng ép đã có hiệu lực thì quyền lực thực sự của chính quyền đã bị xói mòn rất nhiều rồi. Các nhóm đối lập cần hiểu rằng những cố gắng cưỡng ép quá sớm có thể làm cho dân chúng mất tin tưởng ở họ. Những đòi hỏi có tính cưỡng ép thách thức chính sự tồn tại của một chính quyền áp bức chỉ nên đưa ra sau khi đã có kế hoạch cẩn thận và một sự phân tích khách quan về xác suất thành công đã được thực hiện. Nếu sự ép buộc tuân theo các đòi hỏi không được bảo đảm thì cần nên xét đến việc hoãn lại hay là điều chỉnh các yêu sách.

Các chính đảng và các nhóm sinh viên thường hay đưa ra những “đòi hỏi” không thể thực hiện được. Tốt hơn là nên thông báo cho chế độ biết những mục tiêu của tổ chức, và chỉ sau khi đã động viên được dân chúng, nên phát triển những khả năng thiết kế chiến lược của nhóm và xói mòn các nguồn sức mạnh của chế độ thì lúc bấy giờ những mục tiêu này mới nên trở thành là những đòi hỏi rõ rệt. Nếu, ví dụ, có một “đòi hỏi” cho một cuộc “bầu cử tự do và công bằng”, thì những chế tài nào sẽ được áp đặt lên chế độ nếu chế độ bác bỏ đòi hỏi đó?

Cưỡng ép thành công khi các đòi hỏi của đối lập được thoả mãn ngược với ý muốn của chế độ. Trong thí dụ về những cuộc bầu cử năm 2000 tại Serbia, các nhóm đối lập tuyên bố thắng dù chế độ Milosevic loan báo là cần phải có bầu cử đợt hai. Dự tính trước là chế độ sẽ gian lận bầu cử nên có rất nhiều chuẩn bị để giành quyền lực bằng đấu tranh bất bạo động chiến lược đã được hoàn tất trước khi bầu cử. Hàng trăm ngàn người tuần hành đến chiếm toà nhà Quốc hội, nhất quyết lật đổ nhà độc tài ra khỏi quyền lực. Milosevic không ở trong vị thế có thể chống lại những người lật đổ ông ta được. Những cột trụ chống đỡ chủ yếu của ông ta đã tan biến thành mây khói. Cảnh sát từ chối duy trì các chướng ngại vật chặn đường được thiết lập để ngăn những người biểu tình dân sự tiến vào Belgrade, và các lực lượng quân đội từ chối can thiệp giúp Milosevic, nêu lí do bầu cử là một vấn đề chính trị và không phải là điều đòi hỏi sự can thiệp quân sự. Sự rút lui của hai cột trụ chống đỡ này là kết quả của những nỗ lực dày công suốt thời gian mấy tháng trời thuyết phục các thành phần quân đội, cảnh sát và chính quyền là thay đổi dân chủ sẽ không làm giảm tầm quan trọng của họ hay đưa đến kết quả thanh trừng cấp lãnh đạo. Milosevic ý hội được rất nhanh là ông ta đã trở nên mất hết quyền lực.

Dù có những trường hợp về các đe dọa của phương thức cưỡng ép đã đem lại chiến thắng cho các nhóm đối lập, những đe dọa mà không có khả năng hành động đáng tin cậy sẽ phương hại đến bất cứ phong trào nào, như đã từng xảy ra tại Zimbabwe năm 2002 khi hai lần kêu gọi tổng đình công đã không được đáp ứng. Phải tốn nhiều tháng để thiết kế và phối hợp trước khi thực hiện được một cuộc đình công khác thành công. Cổ cưỡng ép mà không có khả năng áp đặt những chế tài đã hăm dọa có thể đưa đến kết quả là mất đà tiến của cuộc đấu tranh dân chủ; sự hỗ trợ năng động của dân chúng có thể hao mòn; những người ủng hộ quốc tế có thể đặt câu hỏi về khả năng tồn tại của phong trào. Khẩn thiết cần phải duyệt lại các thẩm định về các khả năng trong lúc thiết kế và thi hành các

chiến dịch bất bạo động quan trọng để tránh những hậu quả tai hại cho phong trào.

Phân huỷ

Như đã nói trước đây, khả năng của các nhóm đối lập cường ép được nhà cai trị là một phản ánh của một sự tái phân phối có chất lượng về quyền lực đã xảy ra rồi. Một khi đối lập nhận ra được là cán cân lực lượng đã nghiêng về phía mình thì chế độ cần phải được tấn công trên một mặt trận rộng lớn hơn bằng cách sử dụng những phương pháp mạnh hơn của bất hợp tác và can thiệp. *Nếu những cuộc tấn công này được kéo dài, thì chế độ sẽ **phân huỷ***, vì các nguồn sức mạnh cần có để duy trì nền cai trị không còn nữa.

Nếu sự phân huỷ của chế độ được đối lập xem là cần thiết thì bắt buộc không được giảm cường độ và tầm mức của những hành động bất bạo động cho đến khi nào chế độ sụp đổ. Một sự mất đà của đối lập, vì bất cứ lí do gì, cũng có thể đem lại cho chế độ một cơ hội để tái khẳng định quyền lực của mình. Cũng giống như giai đoạn “khai thác và bám riết” của một chiến dịch quân sự, một giai đoạn xảy ra khi sự liên tục của các vị trí phòng thủ đã bị đứt đoạn, và kẻ địch muốn rút lui, thì cuộc tấn công phải được đeo đuổi với một cường độ mạnh mẽ nhất và một sự sẵn sàng chấp nhận những mạo hiểm cao hơn để sớm kết thúc chiến dịch. Không có một kế hoạch chiến lược, một lực lượng quân sự có thể không có khả năng phản ứng nhanh kịp để tăng viện chỗ đã bị phá vỡ. Điều này cũng đúng với đấu tranh bất bạo động.

Những phương pháp của đấu tranh bất bạo động

Những hành động bất bạo động hỗ trợ và phản ánh các phương thức tạo thay đổi bất bạo động. Những phương pháp đấu tranh bất bạo động sẵn có để cho đối lập sử dụng chống lại một đối thủ thì vừa nhiều vừa mang nhiều hình thái khác nhau. Trong cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*, Sharp nhận dạng được gần hai trăm (Phụ lục 2) phương pháp, và khuyến cáo là bản liệt kê này không hoàn toàn đầy đủ. Đúng ra thì tư duy sáng tạo được khuyến khích để điều chỉnh phương pháp cho đúng với hoàn cảnh.

Những hành động bất bạo động chống lại một chế độ áp bức thường bị trả thù bằng bạo lực. Đối lập phải chờ đợi bị đánh đập, tra tấn, tù tội, và các trừng phạt khác (vũ lực, kinh tế, và xã hội). Tuy nhiên, khi chính quyền

phản ứng như vậy, thì quảng bá rộng rãi những hành động như thế thường có thể được đối lập sử dụng để tăng cường sự hỗ trợ của dân chúng đối với phong trào dân chủ và làm suy yếu chế độ bằng cách lột trần sự tàn bạo và bằng cách chất vấn tính hợp pháp của chế độ. Trong các phong trào suốt thế kỉ vừa qua, bị bắt bớ và tù tội là dấu ấn của danh dự.

Việc chọn lựa những phương pháp đấu tranh bất bạo động thích hợp tùy thuộc vào những mục tiêu mà việc sử dụng những phương pháp này muốn đạt được. Đôi khi một phong trào, hay là các tổ chức, có thể chọn một phương pháp dựa vào sở thích hay vào khả năng của phương pháp, rồi, có thể chọn hay có thể không chọn một mục tiêu cho hành động bất bạo động. Đó là lối “đặt cái cây trước con trâu”. Lí tưởng là người ta trước tiên nên xét định các mục tiêu, rồi duyệt lại bằng liệt kê các phương pháp để chọn những phương pháp nào có thể cung cấp những phương tiện thích hợp nhất trong việc tranh thủ các mục tiêu chiến thuật và chiến lược này. Để cho việc xét định được dễ dàng, các phương pháp được chia thành ba phân loại lớn. Các phân loại này là phản đối và thuyết phục, bất hợp tác, và can thiệp.

Phản đối và thuyết phục

Các hành động phản đối và cố gắng thuyết phục cung cấp một tín hiệu cho chế độ là các lực lượng đấu tranh cho dân chủ có những bất đồng ý kiến và phản đối nghiêm trọng đối với một số hành động và chánh sách của chính quyền. Các phản đối này chủ yếu có dự tính biểu tượng. Hơn nữa, những hành động này cũng còn có ý thông báo cho công chúng biết là phong trào đối lập bất bạo động đang thách thức chính quyền về những lạm dụng được xác định rõ ràng. Dù là những hành động phản đối và cố gắng thuyết phục có thể được sử dụng thuận lợi ở bất cứ giai đoạn nào của phong trào bất bạo động chiến lược, nhưng thông thường thì chúng được đưa sớm vào trong cuộc đấu tranh, ngay cả vào lúc mới khởi sự giới thiệu với quần chúng.

Bất kì hình thức phản đối và thuyết phục nào đã được chọn, thì các hành động cũng cần được các phương tiện truyền thông đại chúng thông tin rộng rãi. Những cuộc biểu tình hay những bức thư phản đối sẽ có ít hoặc không có hiệu quả nào nếu không được ai biết đến. Một thí dụ kinh động về phản đối và thuyết phục là vụ tự thiêu của một số sư sãi chống đối chính quyền được Mỹ ủng hộ tại Sài-gòn. Những hành động tự vẫn này làm nhiều người suy nghĩ tại sao lại có người chịu đựng một cái chết

đau đớn như thế để làm phương tiện phản đối chính trị. Mục đích của sự hi sinh đã đạt được, phần lớn là vì những người tổ chức đã mời các cơ quan báo chí quốc tế đến để thông tin và chụp hình diễn biến.

Những phương pháp này không tạo những cuộc tấn công trực tiếp vào các nguồn sức mạnh của đối phương, được thảo luận ở Chương 1, nhưng là những cuộc tấn công gián tiếp nhằm phơi bày những hành động của chế độ cho công chúng phán xét, biểu lộ phản đối đối với những hành động đó và cố sức thuyết phục chế độ và những người khác là cần phải có thay đổi. Đấu tranh bất bạo động mang nhiều ý nghĩa hơn, nhiều hơn rất nhiều, những biểu lộ của sự bất mãn.

Bất hợp tác

Bất hợp tác là loại gồm những phương pháp mạnh nhất sẵn có cho các phong trào đối lập. Chọn lựa và thiết kế khôn ngoan cho loại những hành động này sẽ gia tăng xác suất cắt đứt những nguồn sức mạnh của chế độ. Những nguồn sức mạnh của chế độ (như uy quyền, nhân lực, kĩ năng và kiến thức, vật lực, những nhân tố không nắm bắt được, và các chế tài) có thể bị tấn công bởi toàn thể dân chúng, chứ không phải chỉ bởi những trai tráng ở tuổi quân dịch. Không có chính quyền nào có thể tồn tại mà không có sự hợp tác của dân chúng. Thông điệp mà những phương pháp bất hợp tác muốn gửi đi là “chúng tôi, nhân dân, sẽ không còn giúp chính quyền áp bức công dân nữa.” Mục đích là làm cho chính quyền khó sinh hoạt. Tác dụng lớn nhất của bất hợp tác sẽ đạt được khi những hành động được chọn lựa hỗ trợ chiến lược bất bạo động và được phối trí thay vì bừa bãi.

Đi đôi với các chiến dịch bất hợp tác tại quốc nội đánh vào các cột trụ chống đỡ, cần phải có một nỗ lực đồng bộ tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế nhằm áp đặt các chế tài tập trung vào việc rút lui hợp tác. Bất hợp tác ở cấp quốc tế cũng như tại quốc nội có thể giúp những người ủng hộ thay đổi chính trị. Những phương tiện cắt đứt sự hỗ trợ của quốc tế gồm có những chiến dịch như là làm nhục chí hay cấm đầu tư hay nhập cảng, phản đối các chính sách của chế độ trên các diễn đàn quốc tế, giới hạn các yêu cầu chiếu khán bởi các giới chức chính phủ, giới hạn công dân mình du lịch những nơi có chế độ áp bức, và giới hạn ngoại viện vào những dự án do các cơ quan phi chính phủ quản lí trực tiếp hỗ trợ các nhu cầu nhân đạo mà thôi.

Bất hợp tác xã hội

Mọi người đều có thể thực hành bất hợp tác xã hội. Tránh liên lạc xã giao với những thành phần đối tượng của chế độ có thể gây kinh hoàng cho những giới chức này và những người trong gia đình họ. Giai cấp thượng lưu của xã hội có thể ngưng mời các giới chức của chế độ tham dự các lễ hội và từ chối tham dự các buổi giao tế được chính quyền bảo trợ và của tư nhân mà các giới chức thường được mời tham dự. Con cái và bà con của các giới chức của chế độ có thể bị gạt khỏi những danh sách được mời tham dự các lễ hội do láng giềng hay các tổ chức phi chính phủ tổ chức. Phụ huynh có thể ngăn cản con cái gặp mặt hay giao lưu với con cái của các giới chức của chính quyền. Lánh mặt gửi đi một thông điệp là người dân không thể chấp nhận những người ủng hộ chế độ. Tuy nhiên, điều này cần phải được áp dụng cẩn thận và chính xác. Nếu được sử dụng không đúng cách thì điều này có thể gây trở ngại cho những nỗ lực đang diễn tiến cố chuyển những người ủng hộ chế độ sang hàng ngũ đối lập. Các diễn biến xã hội và thể thao đem lại uy tín cho chế độ có thể bị tẩy chay. Ngay cả việc mang trang phục mà chế độ không tán đồng cũng là một hành vi bất hợp tác. Những người đã trở thành đối tượng được chọn lựa sẽ nhanh chóng ý hội được thông điệp mà hành động bất hợp tác như thế nhắn gửi.

Trong thời Mĩ bị thuộc địa, vị toàn quyền Massachusetts đã có một lần than là ông không hơn gì một tù nhân mặc dù ông đại diện vương quyền Anh quốc. Không có ai tuân phục ông, nghĩa quân địa phương tảng lờ như không biết ông, lệnh và chỉ thị đều không được đếm xỉa đến, và những thành viên của giáo đoàn đều tránh mặt ông ta.

Bất hợp tác kinh tế

Dựa trên sự kiện hiển nhiên là mọi chính quyền đều cần có lợi tức để cung cấp các dịch vụ mà công chúng mong đợi, bất hợp tác kinh tế như là một phương pháp đấu tranh bất bạo động chiến lược được dự tính để tấn công vào sự hỗ trợ chính quyền bằng cách phá bỏ hay giảm thiểu những kích lệ về kinh tế dành cho những người ủng hộ chính quyền. Bằng cách khước từ hay giảm bớt các phương tiện cần có để mua sắm hàng hoá và các dịch vụ để thi hành các chính sách, bất hợp tác kinh tế sẽ làm suy yếu khả năng của chính quyền duy trì sự trung thành của những người ủng hộ mình.

Không trả thuế hay là trả ít thuế (“tránh thuế”) là một thí dụ bất hợp tác kinh tế, cũng như việc giới tiêu thụ tẩy chay các sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp lợi tức cho chính quyền, những cuộc đình công giúp tạo bất ổn về kinh tế, hay rút lui không kí thác tiền vào các ngân hàng tạo nên một cơn khủng hoảng về tài chính mà các nhà đầu tư quốc tế không thể làm ngơ được. Thêm vào đó, các công ti quốc tế, các hiệp hội mậu dịch và các tổ chức phi chính phủ quốc tế đôi khi có thể được thuyết phục rút lui sự hợp tác kinh tế với các chính quyền đối tượng, làm cho nền kinh tế của những chính quyền này càng suy yếu hơn nữa. Bất ổn về kinh tế đưa đến không những chỉ sự suy yếu của các cột trụ chống đỡ cho chính quyền, mà còn làm giảm giá trị và giới hạn các nỗ lực của chính quyền phản công chống lại những nỗ lực bất hợp tác chính trị của đối phương -- một đóng góp không phải là không đáng kể vào các mục tiêu chiến lược tổng quát của cuộc đấu tranh bất bạo động.

Trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược, điều quan trọng là phải truy nguyên sự lưu thông ra vào chính quyền của tiền tệ có giá trị lâu bền. Mục đích là để tìm ra những điểm dễ bị tấn công bằng các phương pháp bất hợp tác kinh tế dọc theo giòng lưu thông này. Trong một vài trường hợp, tiền tệ có giá trị lâu bền bắt nguồn từ việc bán các tài nguyên thiên nhiên, và từ các hàng hoá và dịch vụ được bán ra nhờ giá lao động rẻ. Đối với xuất cảng thì những đối tượng hữu hiệu nhất cho việc sử dụng các phương pháp bất hợp tác kinh tế là các địa điểm hàng được bán ra, còn những điểm dễ tấn công nhất đối với các vụ nhập cảng vào cho chế độ là những địa điểm xuất phát.

Bất hợp tác chính trị

Dù bất cứ hành động bất hợp tác nào hay tất cả các hành động bất hợp tác, như là thành phần của một phong trào bất bạo động chiến lược, chống lại một chế độ, đều mang bản chất “chính trị”, nhưng Gene Sharp đã tìm thấy ba mươi tám hành động bất hợp tác chính trị rõ rệt trong số “198 Phương Pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động” của ông (Xem Phụ lục 2). Những hành động này chủ yếu nhắm phủ nhận uy quyền, một nguồn sức mạnh then chốt của một chính quyền hay là của một quyền lực xâm lược. Một cái lợi phụ thuộc của bất hợp tác bất bạo động là những phương pháp này còn có khuynh hướng làm tăng sức mạnh xã hội dân sự. Các tổ chức tranh thủ được kinh nghiệm và tin tưởng vào khả năng hành động của họ chống lại chế độ, đơn phương hay là cùng chung với những nhóm khác có tư tưởng giống nhau.

Bất hợp tác chính trị là một sự tấn công trực tiếp vào chính quyền. Các lời tuyên bố, những bản tuyên ngôn, và các tài liệu khác phủ nhận uy quyền mạo nhận và do đó phủ nhận tính hợp pháp của một chế độ có thể được sử dụng để thuyết phục dân chúng là chế độ không có quyền hành sử uy quyền. Những hành động phản đối này lúc này sẽ được tiếp tục bằng các vụ tẩy chay các cơ chế của chính quyền, những vụ công chức trì hoãn công việc, và hàng hà sa số cơ hội bất tuân dân sự dành cho dân chúng. Đây là những hành động mà nếu được thi hành ở tầm mức rộng lớn và liên tục thì có thể vô hiệu hoá hay ngay cả có thể phân huỷ quyền lực của cả một chế độ áp bức.

Can thiệp

Những hành động bất bạo động có dự tính hay hiệu năng phá vỡ những tập quán về hành vi, những chính sách, các mối tương quan hay các cơ chế hiện hành đều là những hành động can thiệp. Những hành động này cũng còn có hiệu năng tạo nên những tập quán về hành vi, những tương quan mới hay ngay cả tạo ra những cơ chế mới. Bởi vì những phương pháp này trực tiếp thách thức nguyên trạng hơn, nên chúng làm cho dân chúng thấy rõ và ngay tức khắc vấn đề tranh chấp được nêu lên, trực tiếp thách thức uy quyền hơn, và có thể đưa đến một giải pháp nhậm lẹ hơn. Mặt khác, những hành động can thiệp có thể đưa đến kết quả đàn áp tức tốc và ác liệt hơn là những hành động chỉ nhằm phản đối và bất hợp tác.

Lịch sử cận đại của Hoa Kỳ đưa ra những thí dụ về sự can thiệp của thành phần thứ ba trong việc thay đổi các tập quán về hành vi và các liên hệ xã hội hiện hành hữu hiệu như thế nào. Những cuộc biểu-tình-ngồi tại các quầy hàng ăn trưa thời phong trào dân quyền tại Hoa Kỳ là những hành động rất nổi bật và hữu hiệu đã trực tiếp đả kích và nhanh chóng chấm dứt phân biệt chủng tộc ở các tiệm ăn. Hơn nữa, những chiến dịch này còn đưa ra một tiếng vang cần thiết và một ý thức về sự khẩn trương cần có cho việc ban hành các luật giải quyết vấn đề rộng lớn hơn về phân biệt chủng tộc. Hàng bao nhiêu thập kỉ đã trôi qua từ khi những hành động này xảy ra, cho nên ngày nay người ta đôi khi quên đi các hành động bạo động trong những cuộc biểu-tình-ngồi này. Biểu-tình-ngồi đã khích động không biết bao nhiêu là vụ đánh đập, cảnh sát thả chó ra cắn, và nhiều hành động vũ lực khác. Hành động vũ lực này, thường do chính quyền gây ra, đã khởi động *nhu thuật* chính trị, trong ý nghĩa là sức mạnh áp dụng bạo lực chống lại những người biểu tình ôn hoà đã thúc đẩy những lực lượng còn mạnh mẽ hơn đòi hỏi công lí, hành động chống lại

phân biệt chủng tộc.¹⁰ Trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược chống lại một chế độ độc đoán, thì lực lượng đòi công lí nhân danh nhân dân này có thể không phải là chính quyền quốc gia, nhưng có thể nhờ cộng đồng quốc tế tăng viện.

Một thí dụ về sự can thiệp của quốc tế là sự xuất phát những nhân viên của Lữ Đoàn Hoà Bình Quốc Tế đến Aceh, Nam Dương vào tháng Mười Hai năm 2002. Những nhân viên này sẽ phải tháp tùng những người đại diện cho các quan sát viên nhân quyền và những người làm việc hỗ trợ nhân đạo đang gặp phải nguy hiểm bị tấn công bằng vũ lực bởi những người chống lại phong trào đòi thay đổi tình trạng chính trị ở Aceh. Đồng thời, sự hiện diện của những quan sát viên quốc tế đã ngăn chặn bạo động chống lại những giới chức thẩm quyền của chính quyền Nam Dương bởi những thành viên của các nhóm ủng hộ tự trị và độc lập. Một thí dụ khác về sự can thiệp của quốc tế là việc sử dụng những người ngoại quốc như là những hộ vệ binh bất bạo động để bảo vệ nông dân Palestine khỏi bị những dân định cư Do Thái và các Lực Lượng Phòng Vệ Do Thái tấn công.

Những hành động can thiệp có thể làm suy yếu và có thể thúc đẩy nhanh chóng sự sụp đổ của những cột trụ chống đỡ của chế độ. Với một chiến lược được suy nghĩ thấu đáo, thì những kế hoạch hỗ trợ có thể được điều chỉnh nhanh chóng để khai thác những cơ hội hiện tại. Không có một chiến lược và các kế hoạch tiên đoán các nhu cầu điều chỉnh, thì có thể mất đà tiến của cuộc đấu tranh. Một sự mất đà như thế sẽ cung ứng cho đối phương đủ thời gian để phản ứng và tái phối trí. Ngược lại, nếu các cơ chế của chính quyền nhận thấy là những hành động can thiệp là một đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của họ thì các thành viên của những cơ chế này sẽ nhất định tập hợp lại chung quanh lãnh đạo và chuẩn bị cho một cuộc chiến “một mất một còn”. Muốn giảm thiểu nguy cơ hay tác dụng của tâm trạng bị bao vây này có thể xảy ra ảnh hưởng đến những người từng ủng hộ chế độ, thì cần phải xét đến nỗ lực tuyên truyền nhắm vào những nguồn sức mạnh này và phải thực hiện những nỗ lực này cho sớm.

¹⁰ *Nhu thuật* chính trị được định nghĩa một cách ngắn gọn như là “Một tiến trình đặc biệt có thể vận hành trong thời gian của một cuộc đấu tranh bất bạo động để thay đổi những tương quan lực lượng. Trong *nhu thuật* chính trị những phản ứng tiêu cực đối với sự đàn áp vũ lực của đối phương chống lại những người đối kháng bất bạo động dội ngược trở lại chống lại đối phương, làm suy yếu vị thế quyền lực của họ và tăng sức mạnh cho những người đối kháng bất bạo động.” Muốn có một định nghĩa đầy đủ hơn, y/c xem Phụ lục 1, “Bảng Liệt Kê Những Từ Quan Trọng trong Đấu Tranh Bất Bạo Động”.

CHƯƠNG NĂM

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

***Giải pháp cho một vấn đề không thể lẩn khuất đi được
một khi mô hình nghiên cứu tham mưu được sử dụng***

--Saw Yo Shu, Hiệp Hội Quốc Gia Karen, khi được hỏi tại sao ông ủng hộ việc dạy
cách sử dụng mô hình nghiên cứu tham mưu cho Ban Tham Mưu của
Ủy Ban Thách Thức Chính Trị của ông

Cần phải có những mục tiêu, một chiến lược, và những kế hoạch hỗ trợ mới có thể tiến hành một cuộc đấu tranh thành công được. Những mục tiêu và sự hướng dẫn cho một đại chiến lược của đấu tranh bất bạo động sẽ là kết quả của những quyết định về chính sách của lãnh đạo phong trào đối lập. Đến khi phải chuyển đổi những quyết định này thành những kế hoạch hỗ trợ có thể thực hiện được, hay là khi công tác là hoạch định những mục tiêu chiến lược và những kế hoạch hỗ trợ, thì sẽ có rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

Kinh nghiệm cho thấy là các kĩ năng giải quyết vấn đề thường là một tài nguyên hiếm hoi trong những phong trào đấu tranh cho dân chủ tại những quốc gia mà chính quyền độc đoán đã kiểm soát xã hội một cách chặt chẽ, và quyết định về những vấn đề trọng đại đã được giới hạn lại vào một số người rất nhỏ ủng hộ chính quyền. Ví dụ, trong những trường hợp cực đoan, những quyết định về những lựa chọn của một cá nhân như cư trú ở đâu, học ngành gì ở đại học, phải làm công việc gì, và ăn được những thực phẩm nào là những điều có thể do chính quyền quyết định. Trong một vài trường hợp, hoặc là do sợ hãi hay vì tập quán văn hoá, những người dưới quyền thường miễn cưỡng trong việc đưa ra những đề nghị mà chỉ thi hành những quyết định của người khác. Muốn thành thạo trong việc nhìn thấy vấn đề, thẩm định được các nguyên nhân, và đưa ra những khuyến cáo có giá trị, thì người ta phải được phép có cơ hội mài dũa kĩ năng của mình trong nhiều vấn đề lớn nhỏ.

Thực tế là người ta đã từng làm hàng ngàn những quyết định trong đời sống của họ để giải quyết vấn đề. Hầu hết những vấn đề này là những vấn đề nhỏ nhặt (mặc gì, mua gì, hay mời ai đến dự lễ sinh nhật cho một trẻ nhỏ). Một vài quyết định quan trọng hơn, như là theo ngành nghề nào. Nhiều trong số những quyết định này quá ít quan trọng nên sự lựa chọn cuối cùng thế nào cũng được vì ta có thể chịu đựng được hậu quả của việc chọn lựa một giải pháp không phải là tối ưu. Tuy nhiên, đối với một vài lựa chọn khác thì không thể bắt cần được. Quyết định lập gia đình với

người nào là một quyết định có thể ảnh hưởng đến chúng ta mỗi ngày đến suốt đời!

Cũng giống như những cá nhân, các tổ chức cũng phải giải quyết vấn đề. Bởi vì những quyết định của tổ chức có thể ảnh hưởng đến nhiều người bên trong cũng như bên ngoài tổ chức, và có những hậu quả về tài nguyên, nên điều quan trọng là người làm quyết định cần phải được phúc trình những khuyến cáo khách quan và dựa trên thông tin tốt nhất có thể có được. Bởi vì có nhiều sự tương đồng trong những bối cảnh đưa ra những quyết định giữa những cuộc đấu tranh quân sự và đấu tranh bất bạo động, nên phương pháp giải quyết vấn đề của ban tham mưu quân sự có thể là một thí dụ hữu ích cho những người làm quyết định và cho những người có bổn phận đưa ra những khuyến cáo cho người làm quyết định.

Phương pháp giải quyết vấn đề này có thể được sử dụng cho nhiều chủ đề khác nhau trong lãnh vực quản trị và hành chánh, có thể súc tích hay chi tiết, và có thể được sử dụng ở mọi cấp trong phong trào. Điều quan trọng là cần thực hiện mô hình theo trình tự phác hoạ dưới đây.

Mô Hình Nghiên Cứu Tham Mưu

- 1. Xác Định Vấn Đề**
- 2. Các Giả Định**
- 3. Những Sự Kiện Liên Quan đến Vấn Đề**
- 4. Các Thảo Luận về các Sự Kiện**
- 5. Những Kết Luận**
- 6. Các Khuyến Cáo**

Đoạn văn 1: Xác Định Vấn Đề

Vì vấn đề là trung tâm của chú ý, nên nó được xác định ngay ở đoạn văn đầu tiên. Tìm được những từ ngữ để đưa vào đoạn văn này có thể không phải là một công việc dễ như mới nhìn qua. Có thể trong đoạn văn này người ta nhầm lẫn nói đến triệu chứng, thay vì nói đến chính vấn đề. Kinh nghiệm thông thường hằng ngày của một người uống hai viên át-pi-rin vì bị bệnh đau đầu kinh niên có thể minh hoạ một thí dụ lỗi lầm về luận lí này. Ông ta đã làm thuyên giảm những triệu chứng của bệnh đau đầu, còn vấn đề nằm bên dưới – cái nguyên do chính tại sao ông ta bị đau đầu – đã không được tìm thấy và không được giải quyết.

Đoạn văn 2: Các Giả Định

Trong một nghiên cứu tham mưu, thì các giả định là những ước thuyết hợp lí dùng để thay thế cho sự kiện. Thường thường các ước thuyết này nói đến những diễn biến trong tương lai, những điều kiện, và chuẩn bị các nguồn tài nguyên. Thực ra thì các giả định chỉ là những phương thức giả tạo lấp những lỗ trống của sự hiểu biết thực sự mà thôi. Lí tưởng là tốt hơn chúng ta không nên có giả định nào cả, và giả định chỉ nên đưa vào khi cần để bàn đến vấn đề phải được giải quyết. Đây là lí do tại sao các giả định nên được soi xét cẩn thận về sự xác tín của chúng. Ngoài ra còn có cái nguy hiểm của những giả định không nói ra, nhưng được hiểu ngầm, về một số khả năng nào đó của những nhóm đang được xét định cho những công tác quan trọng.

Đoạn văn 3: Những Sự Kiện Liên Quan đến Vấn Đề

Một trong những bước quan trọng để giải quyết vấn đề cho được thành công là việc thu thập thông tin về những sự kiện liên quan đến vấn đề. Trong thí dụ nguyên thủy về người bị bệnh đau đầu kinh niên, tất cả các sự kiện về lối sống của ông ta -- những dữ kiện về cách ăn uống, về thị giác, về thói quen làm việc, về thể thao thể dục, về tâm trạng căng thẳng, và nhiều dữ kiện khác nữa -- cần phải được phác thảo ra.

Đoạn văn 4: Thảo Luận về các Sự Kiện

Trong đoạn văn này, những giả định và các thông tin về sự kiện được thảo luận và phân tích trong khả năng những giả định và sự kiện này liên quan đến vấn đề. Qua tiến trình này, nhiều lựa chọn khác nhau được phác họa và xét định. Chuyện người bị đau đầu có thể là thí dụ minh họa sự quan trọng của thủ tục này. Một vị bác sĩ, tìm một giải pháp cho bệnh đau đầu kinh niên, có thể xét đến tất cả những nguyên nhân biết được của các chứng đau đầu của người bệnh. Bệnh nhân này không bị mất ngủ, có thể chịu đựng tâm trạng căng thẳng giỏi, không sống ở vùng bị bệnh sốt rét, và cũng không bị cảm cúm, nhưng ông đọc sách rất nhiều, 40 tuổi, và chưa từng đi khám mắt trong mười năm qua.

Đoạn văn 5: Những Kết Luận

Sau khi thảo luận và phân tích các giả định và thông tin có được trực tiếp liên quan đến vấn đề, thì giải đáp tốt nhất được lựa chọn và khẳng định ở trong đoạn văn này. Ví dụ, mỗi mắt có thể là kết luận mà bác sĩ đi đến về bệnh nhân bị bệnh đau đầu kinh niên.

Đoạn văn 6: Các Khuyến Cáo

Ở đoạn văn này, những kết luận được chuyển thành những khuyến cáo cụ thể cho người làm quyết định đưa đến kết quả là những hành động nhằm giải quyết vấn đề. Trong thí dụ trước, bệnh nhân phải đi khám mắt để giải quyết vấn đề đau đầu.

Một “trắc nghiệm” đơn giản cho những khuyến cáo này có thể thực hiện bằng cách dùng ba tiêu chuẩn sau đây:

1. **Thích hợp.** Những khuyến cáo này có thực sự giải quyết được vấn đề được xác định hay không?
2. **Khả thi.** Những khuyến cáo này có thể thực thi được hay không?
3. **Chấp nhận.** Người làm quyết định có sẵn lòng chấp nhận các tổn kém (trong ý nghĩa chính trị, tài chánh, và nhân lực) không? Quyết định sẽ đòi hỏi một sự chuyển đổi những tài nguyên hiện hữu hay là thủ đắc những tài nguyên mới.

Sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề này còn có thêm một cái lợi là những người làm các quyết định có thể duyệt lại việc các khuyến cáo đã được thực hiện như thế nào. Thêm nữa, những người làm quyết định có thể có thêm thông tin mà trước đó chưa được xét đến khi các khuyến cáo được thực hiện. Dựa trên thông tin mới này thì có thể cần phải duyệt lại tài liệu nghiên cứu. Khoảng giữa năm 1992, một liên minh các nhóm đối lập Miến Điện đã thiết lập Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC). Một trong những công tác đầu tiên của Ủy Ban là soạn thảo một nghiên cứu làm cách nào hay nhất để xúc tiến cuộc đấu tranh cho dân chủ tại Miến Điện trong bối cảnh tình hình luôn luôn biến đổi. Ủy ban đã soạn thảo một nghiên cứu tham mưu, mà nội dung đã được sử dụng trong các cuộc thảo luận ở cấp cao trong Hội Đồng Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện để quyết định có nên tiếp tục đặt ưu tiên vào đấu tranh quân sự hay là nên

theo con đường đấu tranh bất bạo động. Dĩ nhiên là PDC, được thành lập để hướng dẫn một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược song hành với những nỗ lực bất bạo động của Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ của bà Aung San Suu Kyi, đã thiên về giải pháp bất bạo động, nhưng họ đã cẩn thận để được khách quan. Mô hình nghiên cứu tham mưu đã được sử dụng. Nghiên cứu tham mưu của PDC là một thí dụ về cách làm thế nào để sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề này để giải đáp những câu hỏi chính sách về chiến lược. Nghiên cứu này được cung cấp ở Phụ lục 3.

Tóm lược

Với kinh nghiệm, mô hình nghiên cứu tham mưu để giải quyết vấn đề sẽ trở thành phản ứng tự nhiên đối với người sử dụng nó. Cũng giống như sự tổng hợp của những con số dùng để mở tủ sắt, trình tự của những đoạn văn trong mô hình nghiên cứu tham mưu sẽ đưa đến giải pháp cho vấn đề.

CHƯƠNG SÁU

PHÒNG ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Và do đó tôi nói rằng: Biết người, biết ta; trăm trận trăm thắng.

--Tôn Tử, *Nghệ Thuật Quân Sự* (500 TCN)¹¹

Phòng định chiến lược là một công cụ thiết yếu cho các kế hoạch gia chiến lược. Phòng định chiến lược cung cấp một phương cách có hệ thống cho việc hoạch định một đường lối hành động tốt nhất để hoàn thành sứ mạng. Phòng định chiến lược thực hiện điều này bằng cách nhận dạng và phân tích các nhân tố quan trọng như là bối cảnh (Địa hình, quân sự, chính trị), và các khả năng của những thành phần được dự tính là sẽ tham dự (cả các lực lượng bạn lẫn địch) và đối chiếu các ưu điểm và nhược điểm để hoạch định những đường lối hành động. Rồi đường lối hành động tốt nhất sẽ được chọn. Vì các kế hoạch điều hành chiến lược được dựa trên thông tin chứa đựng trong phòng định chiến lược, nên phẩm chất của phân tích và số lượng thông tin sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến xác suất thành công. Quy trình phòng định chiến lược cũng hữu ích cho việc hoạch định chính sách, giải quyết khủng hoảng, và cung cấp cho các tổ chức thành viên của phong trào dân chủ một nguồn phân tích sâu sắc và quán triệt cùng với những dữ kiện thực tế. Những người lo về kế hoạch cho các chiến dịch địa phương có thể rút gọn mô hình và nội dung để đáp ứng những nhu cầu riêng biệt của mình trong việc phác họa các đường lối hành động.

Thông tin chứa đựng trong phòng định chiến lược cần phải được liên tục cập nhật để những người làm kế hoạch có thể phản ứng nhanh hơn đối với những nhiệm vụ mới được thêm vào và điều chỉnh các kế hoạch điều hành nếu có những thay đổi quan trọng về bối cảnh hoạt động hay về khả năng. Để bảo đảm là công tác này được hoàn thành thì cần phải có người được đặc biệt chỉ định làm công việc đó, tốt hơn là chính người điều hợp các “Phòng Định Chiến Lược” là người đã từng điều khiển công việc soạn thảo phòng định. Cũng cần phải có những người khác phụ trợ trong công việc thu thập, đánh giá và đệ nạp thông tin để đưa vào phòng định và để xác định những thông tin không còn thích hợp hoặc chính xác nữa.

¹¹ Trích trong Samuel B. Griffith, *Tôn Tử: Nghệ Thuật Chiến Tranh* [Sun Tzu: *The Art of War*] (Oxford và New York: Oxford University Press, 1963), 129.

Bởi vì có những quan tâm về vấn đề an ninh, nên có thể có một vài phần của bản phông định chiến lược cần phải được đặt vào một phụ lục riêng biệt. Chỉ có những người “cần biết” thì mới được xem phụ lục này. Ví dụ, thông tin về các ưu điểm của nhân viên tổ chức, các đường thư tín, hay những điểm liên lạc nội bộ có thể rất nhạy cảm và không cần thiết cho những nhu cầu đòi hỏi thông tin của hầu hết các thành viên của các nhóm đối lập.

Mô hình chi tiết của phông định chiến lược được mô tả trong chương này, được rút ra từ “Phông Định Quân Sự về Tình Hình”, có thể không phải là mô hình mà bất cứ nhóm đối lập nào cũng chọn. Tuy nhiên, điều quan trọng là cần phải chấp thuận một phương cách có hệ thống nào đó để thu thập, phân tích và trình bày thông tin cần cho chiến lược đã được chọn và cho các mục tiêu hỗ trợ chiến lược này. Một phông định chiến lược, hay một mô hình tương tự, nên được dùng như là một “bảng kiểm kê” cho các loại thông tin quan trọng, nhưng có thể bị lãng quên nếu không có bảng kiểm kê này. (Xem mô hình gợi ý cho một phông định chiến lược ở Phụ lục 4).

Lí luận và Những Cân Nhắc về Việc Soạn Thảo Một Khẳng Định về Sứ Mạng

Khẳng định sứ mạng (nghĩa là những gì mà lãnh đạo phong trào khẳng định là những mục tiêu của cuộc đấu tranh, loại đấu tranh đã được chọn lựa, và, một cách tổng quát, cuộc đấu tranh sẽ được xúc tiến như thế nào) là điểm khởi đầu cho một phông định chiến lược. Do đó, điều thích hợp là phải duyệt lại xem việc khẳng định sứ mạng của một phông định cho phong trào đấu tranh bất bạo động chiến lược phải được thực hiện như thế nào.

Nếu một phong trào được tạo nên như là kết quả của một chính quyền áp bức, thì những mục đích và mục tiêu của phong trào sẽ phản ánh những đòi hỏi loại bỏ kẻ áp bức ra khỏi quyền lực, nhưng phong trào cũng còn phải xác định chính quyền sẽ bị lật đổ bằng cách nào và hình thái chính quyền nào sẽ thay thế chính quyền cũ. Hình thái chính quyền được chọn lựa bởi sự đồng thuận của dân chúng sẽ được đặt trên cơ sở của những đặc tính của xã hội mà dân chúng muốn có khi cuộc đấu tranh chấm dứt – nói cách khác, “một viễn tượng cho ngày mai”. Trừ phi dân chúng nghĩ đến cái gì sẽ thay thế cho chế độ đàn áp, nếu không thì họ có thể lật đổ một chính quyền chuyên chế chỉ rồi để đưa một chính quyền khác, độc đoán hơn, lên nắm quyền lực mà thôi. Do đó, điều cần thiết là phải diễn dịch cái “viễn tượng cho ngày mai” này thành những mục tiêu đưa đến những thay đổi thực tiễn.

Ví dụ, nếu có một lực lượng cảnh sát quốc gia, thường là “bộ mặt” duy nhất của chính quyền mà dân chúng trông thấy hằng ngày, và dân chúng không có quyền hạn gì đối với lực lượng này, thì dân chúng có thể mong muốn đặt cảnh sát địa phương dưới sự giám sát của những giới chức dân

cử địa phương. Người dân cũng có thể muốn ảnh hưởng đến những quyết định về các ưu tiên chính trị và kinh tế ở cấp địa phương thay vì để cho thủ đô quốc gia làm những quyết định này. Tóm lại, có thể có sự đồng thuận về tản quyền từ trung ương về với chính quyền địa phương. Những vấn đề như thế thường phát hiện là có một phong trào thay đổi đòi hỏi một hình thái liên bang nào đó.

Viễn tượng cho ngày mai cần phải đề cập đến các vấn đề về căng thẳng tôn giáo đã từng xảy ra ở đâu, hoặc vì chính quyền rõ ràng đã hỗ trợ sự phân biệt hay vì một nhóm này đã xúc phạm đến một nhóm khác. Trộn lẫn tôn giáo với chính trị luôn luôn có nhiều nguy hiểm trong một nền dân chủ, và thoả hiệp giữa hai lãnh vực thì cũng luôn luôn không được thoả đáng đối với những người mong muốn có dân chủ cũng như đối với những người muốn có thần quyền nguy trang trong chiếc áo dân chủ. Nhưng có lẽ một khuôn khổ cơ bản nhằm ngăn ngừa chính quyền áp đặt các nhiệm vụ tôn giáo lên người dân có thể thoả thuận được mà không bị hầu hết các thành phần của các nhóm tôn giáo xem là phương hại đến những nhiệm vụ tôn giáo riêng tư của họ. Một sự thoả thuận như thế có thể là nền tảng cho lời lẽ sẽ được đưa vào hiến pháp.

Viễn tượng đồng thuận này lúc đó sẽ được diễn dịch thành những mục đích của phong trào và các mục tiêu chính trị. Những mục đích và mục tiêu này lại sẽ đến lượt được diễn dịch thành những mục tiêu chiến lược rõ rệt hơn. Những người lãnh đạo phong trào có thể cung cấp những mục tiêu rõ rệt này cho những người làm kế hoạch, hay là chính những người làm kế hoạch có thể diễn dịch những mục tiêu chánh sách và các lời tuyên bố thành những mục tiêu kế hoạch chiến lược. Những điều tổng quát trong “viễn tượng” là những lời tuyên bố không đủ cho những mục đích lập kế hoạch. Ví dụ, mặc dù cái ý tưởng về một “cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người” là một mục tiêu có giá trị cho tất cả mọi phong trào đối lập, nhưng ý tưởng này là một mục đích quá rộng lớn không thích hợp cho việc thiết kế chiến lược. Vì vậy, cần phải điều hướng trọng tâm chú ý vào việc định nghĩa những vấn đề nòng cốt phản ánh chính sách, các hành động và lề lối cai trị của chính quyền ảnh hưởng tai hại đến viễn cảnh thực sự hoặc tiềm năng của “một cuộc sống tốt đẹp hơn” của người dân. Với những định nghĩa rõ ràng hơn về các vấn đề, thì tài nguyên có thể được phân phối hợp lí hơn.

Xác định cơ quan chịu trách nhiệm về thiết kế toàn bộ, điều hợp và khẳng định ai là những người xuất bản tài liệu kế hoạch là những yếu tố quan trọng khác trong việc xác định sứ mạng. Một lời tuyên bố về sứ mạng phải bắt đầu bằng từ “Al” là người dẫn bước khởi xướng cuộc đấu tranh bất bạo động trên toàn quốc. Những phong trào bất bạo động, không giống như đấu tranh vũ trang, hiếm khi có một cơ cấu hệ đẳng rõ nét. Một phương cách thoả hiệp những quyền lợi, những khả năng, và những nhân cách khác biệt nhau của các nhóm đối lập là thiết lập một tổ chức bao trùm tất cả mọi nhóm nhằm mục đích xúc tiến cuộc đấu tranh.

Bằng đồng thuận, một nhóm thành viên có thể được giao phó trách nhiệm làm nhóm hướng dẫn công việc lập kế hoạch và điều hợp. Một cách khác để tạo ra cơ phận thiết kế là tổ chức bao trùm có thể tạo ra ban “tham mưu nòng cốt” với đại diện từ tất cả hay một số tổ chức thành viên. Lúc khởi đầu thì tốt nhất là kết hợp các tổ chức thành viên chung quanh các vấn đề thay vì cố thống nhất các tổ chức. Đưa cộng đồng hải ngoại vào tổ chức bao trùm -- để họ có thể đóng góp vào công cuộc đấu tranh bằng cách gây quỹ, cung cấp những tài liệu hay nghiên cứu đặc biệt, vận động quốc tế hay hỗ trợ của các phương tiện truyền thông đại chúng -- là một điều rất thích hợp.

Sau khi những người lập kế hoạch xét định tất cả những yếu tố hình thành nên việc khẳng định sứ mạng, thì lời khẳng định sứ mạng được soạn thảo, phối trí, và trình bày cho các thành viên của tổ chức bao trùm chấp thuận. Lời khẳng định sứ mạng có thể có hình thức tương tự như sau:

Nhân dân (tên quốc gia) dưới sự lãnh đạo của Liên Minh Dân Chủ (hay tên tổ chức) sẽ xúc tiến một cuộc tấn công bất bạo động chiến lược để loại bỏ nền độc tài quân phiệt (đích danh chế độ) ra khỏi quyền lực; xây dựng một chính quyền do dân bầu cử một cách dân chủ; thiết lập một chính quyền có hình thức liên bang và bảo vệ chính quyền này khỏi bị đảo chánh.

Các phòng định chiến lược thoát đầu trông có vẻ là những tài liệu chuyên môn chỉ có thể được soạn thảo bởi những người được huấn luyện cao cấp. Nhưng dùng mô hình đề nghị, các phần khác nhau của cuộc phỏng định có thể được chia ra cho nhiều người soạn thảo, để bất cứ ai cũng có thể tham dự vào việc soạn thảo này. Khi càng lúc càng nhiều phần được hoàn tất thì những người làm kế hoạch bắt đầu thấy được “bức tranh lớn” xuất hiện từ những chi tiết chứa đựng trong tài liệu này. Một nhà phân tích càng có kinh nghiệm và càng được huấn luyện, thì “bức tranh lớn” xuất hiện càng nhanh hơn và càng rõ nét hơn.

Một thí dụ về một phỏng định chiến lược và quan sát kiến trúc của phỏng định này sẽ cho thấy giá trị của nó và chứng minh rằng xây dựng một phỏng định chiến lược nằm trong khả năng của hầu hết tất cả mọi nhóm.

Bản thảo sau đây của một dự thảo sử dụng mô hình phỏng định chiến lược đề nghị (Xem Phụ lục 4) được chuẩn bị tại Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC) ở Miền Điện năm 1992. Bản thảo này không đầy đủ và cũng không được dự liệu để cho PDC sử dụng như là công cụ cho việc thiết lập kế hoạch. Mục đích của tài liệu này là để huấn luyện những người được chỉ định soạn thảo phỏng định chiến lược. Tài liệu này có thể hữu ích cho độc giả bởi vì nó cung cấp những giải thích về lí do tại sao nhiều thể loại thông tin được đưa vào mô hình và thông tin nào cần được sắp xếp vào trong mỗi thể loại đó.

PHỎNG ĐỊNH TÌNH HÌNH

1. SỬ MẠNG

“Hội Đồng Quốc Gia Liên Hiệp Miến Điện (NCUB) xúc tiến các hoạt động tấn công thách thức chính trị có chiến lược nhằm loại bỏ Hội Đồng Luật Nhà Nước và Phục Hồi Trật Tự (SLORC) ra khỏi quyền lực; thiết lập tại Rangoon một chính quyền liên bang, dân chủ, do dân chúng tự do bầu lên; ngăn chặn đảo chánh.”

2. TÌNH HÌNH VÀ ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

(Đoạn văn thứ hai của bản phỏng định chứa đựng tất cả các thông tin về tình hình mà trong đó sử mạng sẽ được thực hiện. Trong thí dụ phỏng định chiến lược [Miến Điện] này, không những chỉ các lãnh vực như địa hình, vận tải, truyền thông và khí hậu và thời tiết đã được xét định mà thôi, mà tình hình chính trị và quân sự của những lực lượng của cả hai bên, bạn và địch, đều được truy cứu kĩ lưỡng. Và đây là nơi cần nhận dạng và xét định các giả định. Cần phải biết nhiều được chừng nào hay chừng đó về điều gì có thể tác động lên các hoạt động. Chỉ khi nào không thu thập được thông tin, thì mới, mặc dù miễn cưỡng, nên có những giả định. Nên nhớ là ở đây giả định thay thế cho sự kiện – không có giả định nào lại có thể tốt bằng sự kiện được. Một điểm khác cần xét đến là một phỏng định về tình hình cần được soạn thảo ở mọi cấp hoạt động).

A. Những Cân Nhắc Ảnh Hưởng đến Những Đường Hướng Hành Động Có Thể Có

(1) Những Đặc Tính của Vùng Hoạt Động

(a) Địa Lí Quân Sự

(LỜI BÌNH: Tại sao Hội Đồng Quốc Gia Liên Hiệp Miến Điện lại phải quan tâm đến địa lí quân sự khi chỉ xúc tiến những hoạt động thách thức chính trị? SLORC sẽ phản ứng bằng hành động quân sự, và địa lí quân sự sẽ hé lộ cho NCUB biết được là đối phương sẽ phản ứng như thế nào. Địa lí quân sự cũng còn ảnh hưởng đến sự di chuyển và thời gian tính của các lực lượng và hành động của NCUB).

1. *Địa hình.* (Các bản đồ đường binh độ cung cấp đầy đủ thông tin về địa hình bao gồm địa thế, những khu vực xây cất, đường sá, và các hệ thống hoả xa).

2. *Thủy hình.* Đối với những mục đích của NCUB thì những chỗ vượt qua các khe suối và sông ngòi là một vấn đề cần quan tâm. Nói chuyện với dân làng địa phương có thể giúp định vị được những nơi nào tốt nhất để vượt qua các khe suối hay sông ngòi và những thời gian khác nhau trong năm. Dân địa phương còn có thể cho biết những chỗ có thể vượt qua được mà ít người biết.

3. *Khí hậu và thời tiết.* Trong hoàn cảnh này thì sự hiểu biết thông thường về thời tiết cũng đủ. Ví dụ, sự hiểu biết thông thường là thường thường có gió mùa hướng tây nam vào khoảng giữa tháng Sáu đến hết tháng Chín và tháng Tư và tháng Năm thì rất nóng, và độ ẩm rất cao. (Thông tin này có giá trị gì? Những người làm kế hoạch có thể xét đến nhu cầu cần thêm nước uống và nhu cầu cân nhắc cần có những biện pháp nào để tránh cho những người tham gia khỏi bị say nắng hay lã người vì sức nóng. Có thể nên tránh những cuộc biểu tình vĩ đại vào tháng Tư và tháng Năm. Nếu bắt buộc phải biểu tình vào tháng Tư hay tháng Năm thì việc chọn giờ trong ngày, thời gian biểu tình kéo dài bao lâu, hay là phát những chai nước cho những người biểu tình có thể làm cho ảnh hưởng của thời tiết trở nên đỡ hơn). Các nhật báo có thể cung cấp thêm thông tin về thời tiết. Từ *The New Light of Myanmar* [*Ánh Sáng Mới của Miến Điện*] (trước đây là *Working People's Daily* [*Nhật Báo của Người Dân Lao Động*]) có thông tin về lượng mưa hàng ngày tại Rangoon. Thảo luận với dân chúng ở các vùng khác nhau để biết được gió mùa ảnh hưởng đến sinh hoạt của họ như thế nào có thể quan trọng về sau này. Gió mùa có ảnh hưởng đến thời biểu của các hãng máy bay Miến Điện không? (Xem trang chủ SLORC trên mạng để biết thời biểu hiện hành của các phi vụ có thể cung cấp nhiều giải đáp về các ảnh hưởng của gió mùa). Quân Đội Giải Phóng Quốc Gia Karen (KNLA) hay là Tổ Chức Độc Lập Kachin (KIO) có có những dữ kiện lịch sử về các cuộc hành quân hàng tháng của Quân Đội Miến Điện không? Có thể khám phá ra được một mô hình cố định nào dựa trên khí hậu và thời tiết không? Khí hậu và thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động thư tín như thế nào? Có tháng nào đó mà nhiều người bị bệnh không? Ai biết được điều này? Đích thân kinh nghiệm có thể là vô giá.

(b) **Vận tải.** Thông tin về lãnh vực vận tải có liên hệ gì đến việc Thách Thức Chính Trị? Di chuyển thư tín. Các điều hợp viên và những người hoạt động đi lại. Quân Đội Miến Điện di chuyển. Dân chúng di chuyển từ thành phố này đến thành phố khác hay từ làng này đến làng khác. Tiếp liệu bằng đường bộ và đường thủy. Đi từ điểm A đến điểm B tốn bao nhiêu thì giờ có thể hết sức quan trọng. Những hình thức chuyên chở nào có sẵn cho các lực lượng bạn và lực lượng địch. Những đường xe buýt trong các thành phố lớn và từ những thành phố này đến những thành phố khác có thể hữu ích. Những công nhân làm việc cho các hãng xe buýt, hoả xa, tắc-xi, và giang thuyền có thể tổ chức được hay không? Những hình thức chuyên chở này có thể bị khí hậu và thời tiết ảnh

hưởng như thế nào? Có thể mượn tắc-xi để di chuyển trong thành phố không? Những người lập kế hoạch có thể tìm những câu trả lời này ở đâu? Họ có thể bắt đầu xem các thời biểu của các xe lửa, xe buýt, các hãng máy bay và tàu bè, và họ có thể đọc nhật báo và các ấn phẩm du lịch, viếng thăm các ga xe lửa và các trạm xe buýt, và nói chuyện với du khách.

(c) **Viễn thông.** Những kĩ thuật nào có sẵn cho SLORC và cho phong trào đấu tranh cho dân chủ? Những khả năng truyền thông nào có thể thủ đắc được? (Vệ tinh, làn sóng ngắn cực mạnh, máy phác di động, v.v.). Các chiến lược gia có đủ khả năng mua các dụng cụ truyền thông an ninh không? Có nên sử dụng những người có khả năng về những ngôn ngữ hiếm trên các hệ thống quan yếu không? Chính quyền dễ bị tấn công ở những chỗ nào (Vi ba, điện thoại, các công-tắc, làm nghẽn sóng). Các thiết bị đầu cuối máy tính [computer terminals] cùng với những mô-đam dùng để phác trực tuyến đến hay đi từ Âu châu và Mĩ châu có sẵn để mua. Thông tin về chủ đề này có thể tìm thấy ở đâu? Một số các tổ chức phi chính phủ có thể quen thuộc với những kĩ thuật mới. Thường thường những người làm việc bất mãn trong ngành truyền thông của chính quyền sẽ trả lời những câu hỏi về công việc của họ một cách dễ dàng. Các sách quảng cáo danh mục về các thiết bị truyền thông thường có những bài báo về các kĩ thuật mới. Mạng lưới điện tử và các lập trình tìm kiếm dữ kiện cũng có sẵn.

(d) **Chính trị.** Trong đoạn văn này các chiến lược gia cần mô tả khung cảnh chính trị tổng quát mà trong đó họ đang hoạt động. Giới nghiêm có đang có hiệu lực hay không? Các quyết định chính trị được thực hiện như thế nào? Một “biểu đồ mạng lưới giầy điện” có phản ánh được những tương quan quyền lực chính trị không? Chính trị là đối tượng của cuộc đấu tranh, và các kế hoạch gia phải làm việc với một sự hiểu biết thấu đáo bên trong hệ thống chính trị. Do đó, họ phải biết được những khuynh hướng chính trị. Có thể nào mô tả được chiến lược của SLORC đối với phong trào đấu tranh cho dân chủ hay không? Ví dụ, Đại Hội Toàn Quốc của SLORC có phải là một thành phần của chiến lược SLORC không? Còn vụ liên hệ kinh tế đặc biệt với các tướng Thái Lan thì sao? Có một “trung tâm trọng lực” chính trị hay không? Sự *trao đổi* trong quan hệ Miến Điện-ASEAN (Hiệp Hội các Quốc Gia vùng Đông Nam Á) là gì? Những người quan sát tinh tế tìm được các câu trả lời cho những câu hỏi này ở đâu? Các thông cáo báo chí, các phóng sự tin tức, các cuộc phỏng vấn, các bài báo về các sinh hoạt, và các cuộc thăm dò dư luận chính trị là những nơi tốt để bắt đầu cũng như những phân tích chính trị do những nhà Quan Sát về Miến Điện kinh nghiệm thực hiện.

(2) Sức Mạnh Chiến Đấu Tương Đối

Đoạn văn này của bản phông định chiến lược không nên “nhảy vọt” và bắt đầu phân tích ngay thông tin có ý nghĩa gì. Nếu không thì sự phân tích quá sớm này sẽ đưa đến việc “râu ông nọ chấp cằm bà kia” (thách thức quân sự và thách thức chính trị là hai “hệ thống vũ trang” khác nhau) và thông tin có thể gây rối trí. Đoạn văn này chỉ nên giới hạn vào các thông tin đòi hỏi mà thôi.

(a) Quân Đội Đối Phương

1. *Sức mạnh.* (Số quân, cỡ và các loại đơn vị). SLORC đã xác định là họ có dự định tăng quân số lên đến 500.000 và sẽ tiếp tục là một lực lượng khinh bộ binh với những khả năng không và hải lực giới hạn.

2. *Cơ Cấu Tổ Chức.* (Tổ chức được cấu tạo như thế nào, những đơn vị nào thuộc vào những tổ chức nào?). Việc sắp xếp này có thể quan trọng trong việc quyết định những đơn vị nào sẽ ứng phó những hành động ở một số địa điểm nào đó. Hơn nữa, biết được thứ tự của mặt trận, những người làm kế hoạch có thể tập trung vào lí lịch tính tình của các sĩ quan chỉ huy đã được chọn lựa. Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC) sẽ chủ yếu chỉ quan tâm đến các Tổng Hành Dinh của các Sư Đoàn, các Tư Lệnh Vùng và cấp cao hơn mà thôi.

3. *Địa điểm và bố trí.* (Những đơn vị này ở đâu, được dàn quân như thế nào, và hiện đang làm gì?)

4. *Tăng viện.* (Những đơn vị nào thông thường được chỉ định tăng viện các lực lượng đang ra quân – Lực Lượng Không Vận, Biệt Kích, các Lực Lượng Xung Kích, các Lực Lượng Không Quân? Khoảng thời gian thông thường phải có để hành quân tăng viện từ địa điểm đồn trú đến 10, 30, 50, 100, và 200 dặm là bao nhiêu? Các nhân tố quảng cách thời gian để dàn quân sẽ ấn định thời gian Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC) có được để hoạt động trước khi mạo hiểm trở nên không còn chấp nhận được nữa).

5. *Hậu cần.* (Các đơn vị được tái tiếp liệu như thế nào? Tái tiếp liệu được thực hiện bao nhiêu lần khi đựng độ hay khi không đựng độ? Những người khuôn vác được sung công trước khi cuộc hành quân bắt đầu là bao lâu? Có có những khu vực chứa đồ cố định cho những người khuôn vác trước khi tiến hành những cuộc hành quân hay không? Các đoàn xe tái tiếp liệu có được bảo vệ chặt chẽ không? Các kho chứa vật liệu chính yếu ở đâu?).

6. *Hiệu năng chiến đấu.* (Phông định mức huấn luyện, sức mạnh, lịch sử của đơn vị, mức độ tổn thất, và tinh thần. Thông tin này quan trọng cho việc thiết kế các đề tài tuyên truyền và các kĩ thuật phân phối. Các đơn vị khác nhau có những khả năng khác nhau. Nêu danh sách những đơn vị mô tả [Sư Đoàn Bộ Binh thứ 22, Trung Đoàn 121, Lữ Đoàn Thiết Giáp]. Những danh sách này có thể giúp các chiến lược gia

không những phân tích được các mô hình, mà còn có thể “làm dấu” một số đơn vị để xét định riêng. Phúc trình về đào binh do CNAB (Ủy Ban Cho Đấu Tranh Bất Bạo Động tại Miến Điện) soạn thảo ở Ấn Độ cho thấy là Quân Đội Miến Điện xuống tinh thần. Có có những phúc trình về đào binh khác nữa đang được soạn thảo và sẽ có sẵn hay không để có thể có những kết luận là việc xuống tinh thần này đã lan rộng hay là chỉ xảy ra ở một vài đơn vị mà thôi? Điều gì đã tạo nên sự xuống tinh thần tại các đơn vị này?).

7. *Sơ Lược về Quân Đội.* Trong đoạn văn này nên đưa vào thông tin về nhân sự của Quân Đội Miến Điện – như giáo dục, giai cấp xã hội, tôn giáo, động lực, lứa tuổi, v.v. Thông tin về địa điểm của quân đội của địch có thể tìm thấy trong các nhật báo, báo chí ngoại quốc và các đài phát thanh, các phúc trình về khai thác tù binh, từ các đào binh, các phu khuân vác trốn thoát,¹² từ chính các nhân viên và cảm tình viên của nhóm đối kháng, từ việc bắt được đài, từ những phúc trình về các trận chiến, và các cuộc phỏng vấn những sĩ quan quân đội bạn đã từng nhiều lần chạm trán với địch.

(b) Quân Đội Ban

Để có những hoạt động thách thức chính trị chiến lược thành công, các lực lượng quân sự có thể được đòi hỏi phải cô lập các mặt trận của họ trong một thời gian hay là có thể đánh lạc hướng để có dịp phục hồi các toán Thách Thức Chính Trị. Quân đội của các chiến lược gia có thể rất hữu ích trong việc hỗ trợ các chiến dịch tâm lí chống lại quân đội Miến Điện. Do đó, những người làm kế hoạch nên thu thập những thông tin giống như trên đây về các lực lượng quân sự của chính mình. Họ có thể thu thập thông tin về các lực lượng quân sự bạn ở chỗ nào? Rất có thể là các vị chỉ huy quân đội sẽ miễn cưỡng trong việc cung cấp thông tin về các ưu và nhược điểm của chính mình. Thông tin này rất nhạy cảm nên cần phải được bảo mật. Do đó, nhân viên thích hợp cần phải có khả năng chứng minh nhu cầu cần biết thông tin này và thông tin đó sẽ được bảo mật như thế nào tại văn phòng của PDC (Ủy Ban Thách Thức Chính Trị). **(LỜI BÌNH: Để cho một phong trào bất bạo động có một bộ phận quân sự là một bất lợi lớn lao. Điều này gây trở ngại cho động năng của đấu tranh bất bạo động, làm cho công việc thu nạp người vào phong trào khó khăn gấp bội, làm cho phong trào dễ bị kết án là một mặt trận khủng bố cho một cuộc đấu tranh vũ trang, gây khó khăn**

¹² Thông thường Quân đội Miến Điện hay có thói quen bắt dân làm phu khuân vác để chuyển tiếp liệu quân sự cho những đơn vị đang hành quân. Đã từng có những phúc trình nhiều lần trong bao nhiêu năm về vấn đề những người khuân vác này bị ép buộc phải đi trước những hàng quân lính đang hành quân trong những vùng do dân nổi loạn kiểm soát để được sử dụng như những “máy rà mìn” bằng thân xác mình. Vì sự nguy hiểm cũng như cách đối xử tàn nhẫn của quân lính, nhiều người đã cố trốn thoát.

trong việc đạt được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, và mời gọi chính quyền ứng phó càng lúc càng bạo động. Tuy vậy, thực tế là đôi khi một vài nhóm đối lập từ chối “khước từ” giải pháp này mặc dù theo kinh nghiệm họ biết là tổn thất sẽ quá lớn không bù lại được những thắng lợi. Nếu những nhóm này không thể thuyết phục được để chuyển sang đấu tranh bất bạo động mà không cần có một bộ phận vũ trang, tuy nhiên dân chúng dưới sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng của họ vẫn được xem là thiết yếu, thì các hoạt động vũ trang phải tách xa khỏi phong trào, và chiến lược phải cân nhắc vấn đề dần dần đình chỉ sử dụng bộ phận quân sự.)

(c) Nhóm Thách Thức Chính Trị của Đối Phương

SLORC [Hội Đồng Luật Nhà Nước và Phục Hồi Trật Tự] có một tiềm năng lớn lao để chống lại một cuộc đấu tranh bất bạo động. Hiện tại thì tiềm năng này chưa được thể hiện, nhưng khẩn thiết cần phải nhận biết khả năng này là gì nếu có một nỗ lực quyết chống lại những hoạt động của chúng ta. Những lãnh vực khả năng của SLORC cần được cân nhắc là:

1. *Các ưu điểm*
 - a. Kiểm duyệt
 - b. Sở hữu đài phát thanh, truyền hình, và báo chí
 - c. Kiểm soát toàn bộ nền giáo dục
 - d. Sức mạnh tiền bạc để ảnh hưởng hành vi
 - e. Quốc tế thừa nhận và tiếp cận báo chí quốc tế và các nhà truyền thông then chốt
 - f. Được huấn luyện kĩ và có mạng lưới tình báo rộng lớn
 - g. Có khả năng truyền thông tân tiến nhất
2. *Các nhược điểm*
 - a. Không có khả năng cai trị
 - b. Bị dân chúng khinh bỉ
 - c. Không có chiến lược gia có huấn luyện
 - d. Bảo trợ một chính sách diệt chủng dân tộc thiểu số
 - e. Các nhược điểm và những chỗ dễ bị tấn công khác
3. *Những cột trụ chống đỡ*
 - a. Quân đội Miến Điện
 - b. MIS (Dịch vụ Tình Báo Quân Đội)
 - c. Các Phương Tiện Truyền Thông Đại Chúng
 - d. Các nhà đầu tư ngoại quốc
 - e. Cộng đồng doanh nghiệp
 - f. Công chức
 - g. Các cơ chế khác (ASEAN, Trung Quốc, v.v.)

4. Những tính toán về dân số

- a. Tổng quát (dùng để phân tích cả hai phe)
- b. Dân số 45.103.809 (phỏng chừng dân số 1995)
- c. 0-14 tuổi: 36% (Nữ: 7.963.544; Nam: 8.285.459)
- d. 15-64 tuổi: 60%; 65+ tuổi: 4%
- e. Tỷ lệ dân số tăng trưởng: 1,84%
- f. Sinh suất: 28.02 bé sơ sinh/1.000 dân
- g. Tử suất: 9.63 người chết/1.000 dân
- h. Mật độ dân số cao ở Rangoon, Mandalay, và Moulmein

5. Những cân nhắc chính trị về đối phương

- a. Các “đồng minh tự nhiên”
 1. Quân Đội Miến Điện
 2. MIS [Dịch vụ Tình báo Quân đội]
 3. Công chức
 4. Cộng đồng doanh nghiệp
 5. Trung Quốc, Tân Gia Ba, Nhật Bản, Nam Dương, Thái Lan
 6. Những cơ chế khác?

b. Các tổ chức

(LỜI BÌNH: Nên nhớ là các tổ chức là nền tảng của những “tụ điểm quyền lực”, nghĩa là, những nguồn sức mạnh xã hội. Những nguồn sức mạnh này có thể quan trọng trong tiến trình tàn quyền cũng như có thể được các chiến lược gia PD [Thách Thức Chính Trị] sử dụng để nhận dạng những cột trụ chống đỡ để vô hiệu hoá hoặc cắt đứt).

1. Hiệp Hội Phát Triển Đoàn Kết Nghiệp Đoàn
 2. Sangha (Lãnh Đạo Tôn Giáo Phật Giáo)
 3. Hiệp Hội Nghề Sĩ và Nhà Văn
 4. Các Tổ Chức Giáo Chức
 5. Các Tổ Chức Cựu Chiến Binh
 6. Các Câu Lạc Bộ Thể Thao
 7. Các Tổ Chức khác
- c. Những rạn nứt chính trị giữa
 1. Các cấp chỉ huy Quân đội và MIS [Tình báo Quân sự]
 2. “Phe Ôn Hoà và phe Cứng Rắn” trong SLORC
 3. SLORC và Nông dân
 4. Sĩ quan cấp thấp và sĩ quan cao cấp
 5. Binh nhì và hạ sĩ quan
 6. Những rạn nứt khác

(e) Khả Năng Thách Thức Chính Trị của Ban

Nhiều thông tin về khả năng PD [Thách Thức Chính Trị] có thể lấy được từ những người đã từng hoạt động trong phong trào Thách Thức Chính Trị và từ những người đã từng là thành viên của Ủy Ban Thách Thức Chính Trị [PDC]. Thông tin về các tổ chức, về cơ cấu tổ chức quân đội, các địa điểm và chuẩn bị của các điều hợp viên, các nhà hoạt động, và những sinh hoạt vừa qua của PD đều có thể thu thập được từ những thành viên của PDC.

1. Những cột trụ chống đỡ

(LỜI BÌNH: Các cột trụ chống đỡ là tụ điểm của những nỗ lực của chúng ta. Những cột trụ chống đỡ cho đối phương là mục tiêu tấn công của chúng ta; những cột trụ chống đỡ bạn là những tài nguyên hoạt động lớn lao nhất của chúng ta.)

- a. Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ
- b. Hội Đồng Quốc Gia của Liên Hiệp Miền Điện
- c. Hiệp Hội Các Sư Sãi Trẻ Miền Điện
- d. Các Ủy Ban Thách Thức Chính Trị
 1. Các tổ chức dân tộc thiểu số
 2. Các Tổ Chức Cộng Đồng Quốc Tế (Viện Xã Hội Công Khai, v.v.)
 3. Liên Hiệp Quốc

2. Những tính toán về dân số (Giống phần dành cho đối phương ở trên)

a. Phân phối sinh viên tốt nghiệp đại học (Sinh viên tốt nghiệp đại học cung cấp kỹ năng và lãnh đạo cho các tổ chức thách thức chính trị; họ sẽ nhận được đủ các loại thông tin khác nhau từ những người đặc trách về tuyên truyền. Trí thức theo truyền thống thường được xem là những đe dọa lớn đối với những nhà chuyên chế, và thực đúng vậy.)

b. Tỷ lệ biết chữ theo vùng

c. Các mật độ của tôn giáo và sắc tộc. (Thông tin này sẽ hỗ trợ việc chọn những người hoạt động và các điều hợp viên và cung cấp cho những người đặc trách về tuyên truyền những dữ kiện thích hợp cho việc soạn thảo tài liệu riêng biệt cho các nhóm khác nhau.)

d. Mức Sống theo từng Vùng. (Nếu một làng có ít lương thực, không có nước máy, không có điện, không có dịch vụ y tế, không có nông sản để bán, và không còn những người trai trẻ nữa, thì có lẽ chúng ta không trông mong làng này đóng góp nhiều vào những nỗ lực của chúng ta. Chúng ta phải cho họ một cái gì. Không những chỉ một cái gì thực tế, mà còn cả một viễn cảnh những gì mà một chính quyền liên bang dân chủ sẽ đem lại cho họ khi chính quyền này được thiết lập.)

3. Những cân nhắc về chính trị

a. Các “đồng minh tự nhiên”

(LỜI BÌNH: NCUB phục vụ quyền lợi của ai?)

1. Các nhóm doanh nghiệp dọc biên giới Miến Điện
2. Học sinh/Sinh viên
3. Các nhóm tôn giáo
4. Hầu hết các nhóm sắc tộc
5. NLD [Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ]
6. Các nhóm môi trường
7. Các Tổ Chức Nhân Quyền
8. Những cơ chế khác

b. Các Tổ Chức

(LỜI BÌNH: Nên nhớ là các tổ chức là nền tảng của những “tụ điểm quyền lực”. Những người tạo nên phòng đình chiến lược phải hết sức khách quan trong việc thẩm định các khả năng của những tổ chức của chính mình. Họ có thể đưa vào những tổ chức quốc tế có liên hệ hay có quyền lợi ở Miến Điện.)

1. NLD (Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ)
2. Hội Phát Triển Pan-Karen
3. Các Tổ Chức Phân Hội NCUB
4. Tiếng Nói Dân Chủ của Miến Điện
5. FTUB (Các Nghiệp Đoàn Tự Do Thương Mại Miến Điện)
6. RSO (Tổ Chức Đoàn Kết Rohingya)
7. UN [Liên Hiệp Quốc]
8. Quỹ Toàn Quốc Ủng Hộ Dân Chủ
9. Viện Cộng Hoà Quốc Tế
10. Viện Xã Hội Công Khai
11. Những cơ chế khác

c. Những rạn nứt chính trị giữa

(LỜI BÌNH: Phân hoá chính trị lan tràn trong phong trào dân chủ. Cần phải nhận dạng những bất đồng quan trọng.)

1. Chính Phủ Liên Hiệp Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện và DAB [Hiệp Hội Dân Chủ Miến Điện]
2. NCUB và Rohingya về vấn đề loại bỏ
3. NCUB và FTUB về vấn đề điều hợp
4. NCGUB và NLD-LA về vấn đề lãnh đạo biên giới
5. Những cơ chế khác

4. Những cân nhắc về an ninh

a. Hiệu lực của phản gián. (Có hiệu lực đồng đều không hay là vẫn có những cơ hội cho việc thực thi sớm các hoạt động PD [Thách Thức Chính Trị]?)

- b. Những cá nhân dễ kết nạp
- c. Những thủ tục củ soát tổ chức. (Đang làm gì để giảm thiểu cơ hội xâm nhập của cán bộ tình báo? Điểm chỉ phản thông tin, theo dõi, những chứng nhận gián tiếp là những thí dụ về vài cách kiểm chứng cán bộ kết nạp.)
- d. Truyền thông. (Thư tín được chuyển tải như thế nào? Hệ thống có an ninh không? Giao liên, truyền thanh, địa điểm chuyển giao tài liệu mật, tin tức chỉ nhận mà thôi, mật mã đã soạn sẵn, chương trình PGP [bảo mật và giải mã] và những hình thái truyền thông bằng máy điện tính khác là những thí dụ cần cân nhắc.)
- e. An ninh về thông tin và tài liệu. Chúng ta không được bao giờ xem thường khả năng của một chế độ xâm nhập các nhóm đối lập. Do đó cần phải thiết lập một “chuỗi bảo toàn an ninh” cho tất cả các tài liệu nhạy cảm. Nghĩa là, phong trào phải giữ một hồ sơ về mỗi người đã có đọc những tài liệu này và đã lưu giữ bản sao. Phải liên tục nhấn mạnh nhu cầu giới hạn những tài liệu nhạy cảm chỉ cho những người “cần biết” mà thôi. (Trong một phong trào bất bạo động có ít thông tin được xem là “mật” và đó là loại thông tin đặt người ta vào vòng nguy hiểm lớn lao.)

(3) Các Giả Định

Nhìn vào sứ mạng và thông tin thu thập được, các chiến lược gia bây giờ có thể lấp đầy các lỗ trống bằng những giả định. Họ có thể thêm vào những giả định trong lúc xét định các đường hướng hoạt động có thể chấp nhận được. Những chiến lược hữu hiệu không thể đặt trên cơ sở của những giả định. Lấy được thông tin về những sự kiện thực sự khi nào có thể được là nền tảng cho một phong trào bất bạo động thành công. Nếu cần phải đưa ra những giả định, thì nhân viên phải nỗ lực hết sức để bảo đảm là những giả định này có giá trị. Ví dụ:

- (a) Sẽ không có sự hỗ trợ quân sự cho NCUB bởi các chính quyền quốc ngoại.
- (b) Chịu ảnh hưởng bởi các hăng liên quốc gia, các nền dân chủ Tây phương sẽ không có những hành động mạnh mẽ đối với SLORC mà chỉ tự giới hạn vào những trao đổi ngôn từ trống rỗng.
- (c) Tiền bạc do những kinh doanh Nam Dương và Thái Lan gửi đến tổng hành dinh Đảng Dân Chủ Quốc Gia tác động lên chính sách của Hoa Kỳ đối với Miến Điện.
- (d) Các đầu tư của ngoại quốc thiết yếu cho việc tăng trưởng kinh tế lâu dài và cho sự ổn định chính trị của Miến Điện.
- (e) Những giả định khác.

Ở giai đoạn này của việc phỏng định chiến lược, những người hoạch định chiến lược bắt đầu sử dụng thông tin thu thập được và những giả định đưa ra. Bước tiếp theo là xác định các khả năng của địch có thể tác

động lên đường hướng hành động thách thức chính trị. Công việc trí óc này bắt đầu ở đoạn văn 2B của bản phông định chiến lược.

B. Những Khả Năng của Địch

Bằng cách duyệt lại và phân tích thông tin về Quân Đội Miến Điện, phong trào bất bạo động có thể xác định được những khả năng của địch có thể tác động lên những đường hướng hành động có thể có của phong trào. Những kết luận về các khả năng của Quân Đội Miến Điện là Quân Đội này có thể

- (1) Bắt lại, giết chết, hay là đày Aung San Suu Kyi
- (2) Tàn bạo dẹp tan những bất ổn dân sự quan trọng ở ba trung tâm dân chúng lớn mà vẫn không mất khả năng tiến hành những cuộc hành quân tại những vùng đã được giải phóng.
- (3) Tranh thủ được sự hợp tác của những tổ chức tình báo và quân sự của Trung Quốc, Ấn Độ, và Thái Lan để cô lập và giới hạn hiệu lực của các nhóm đấu tranh cho dân chủ Miến Điện dọc theo các biên giới.
- (4) Làm nghẽn các chương trình phát thanh quốc ngoại.
- (5) Tấn công và chiếm các Tổng Hành Dinh NCUB/KNU

C. Đường Hướng Hành Động (ĐHHĐ)

Sau khi duyệt lại sứ mạng của phong trào một lần nữa và phân tích những khả năng của chính mình, những người soạn thảo bản phông định chiến lược có thể hoạch định những đường hướng hành động nhằm hoàn thành sứ mạng. Nên nhớ là một chiến lược hữu hiệu phải đánh lạc hướng và gây rối loạn cho đối phương; một phương cách gián tiếp để đạt mục tiêu (với những mục tiêu trung gian) thường là phương cách tốt hơn cả; những phong trào bất bạo động cần tận dụng những sức mạnh lớn nhất của mình để tấn công vào những điểm yếu nhất của địch; và trên bình diện chiến lược, những nhà kế hoạch phải tận dụng tất cả những khả năng của họ.

ĐHHĐ 1. Một chiến lược thiết kế những điểm mạnh của PD khắp Miến Điện với những mục tiêu như sau:

- a. Xúc tiến những hoạt động PD để phản ánh sự bất ổn chính trị trên khắp toàn quốc.
- b. Kết nạp thành viên cho các nhóm đấu tranh dân chủ.
- c. Chuẩn bị cho một cuộc tổng đình công.
Để cho SLORC thấy nhiều đối tượng phân tán.

ĐHHĐ 2. Đường hướng khác

3. PHÂN TÍCH NHỮNG ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG ĐỐI NGHỊCH

Trong đoạn văn này cần phải xác định tác dụng của từng khả năng của địch đối với mỗi đường hướng hành động của phong trào. Theo như khả năng dùng ở thí dụ nói trên, thì các lực lượng dân chủ sẽ gặp khó khăn nếu đường hướng hành động dự tính là kêu gọi một cuộc nổi dậy lớn chỉ tại Rangoon, Mandalay, và Moulmein mà thôi mà trước đó chưa phá vỡ được sự tuân hành mệnh lệnh của Quân Đội Miến Điện.

4. SO SÁNH CÁC ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CỦA PHONG TRÀO

Trong đoạn văn này cần cân nhắc những cái lợi và những cái hại của mỗi đường hướng hành động (trong tương quan với những gì được xem như là những nhân tố chủ đạo). Ví dụ, một nhân tố chủ đạo có thể là sự mong muốn giữ các tổn thất dân sự ở mức tối thiểu.

5. QUYẾT ĐỊNH

Đường hướng hành động được quyết định sẽ được chuyển đổi thành một câu xác định sứ mạng hành động cụ thể.

Tóm lược

Chương này duyệt lại nội dung và tiến trình soạn thảo một phông định chiến lược. Bản phông định chiến lược là một tài liệu thiết yếu cho một kế hoạch gia chiến tranh chiến lược. Đây là một tài liệu không soạn thảo nhanh chóng được, tuy nhiên việc soạn thảo tài liệu này hẳn nằm trong khả năng của những nhóm đối lập chính trị. Một phông định được soạn thảo kĩ càng sẽ giảm cơ hội thất bại bằng cách tìm thấy đường hướng hành động tốt nhất để hoàn thành sứ mạng. Bản phông định chiến lược có thể là một tài liệu “sống” nếu được liên tục cập nhật. Cũng như trong bản nghiên cứu tham mưu, mô hình và tập trung suy nghĩ thật nhiều là điều cần thiết. Mô hình sẽ giúp suy nghĩ được rõ ràng – ngay cả khi đang bị thúc bách.

CHƯƠNG BẢY

CÁC CÂN NHẮC VỀ VIỆC LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Một nguyên tắc căn bản là không bao giờ ở thế hoàn toàn thụ động.

--Carl von Clausewitz, *Về Chiến Tranh*

Những công việc khác nhau đòi hỏi cho việc thiết lập kế hoạch điều hành một cuộc đấu tranh bất bạo động ở bình diện chiến lược và chiến thuật đưa ra nhiều thách thức cho những người làm kế hoạch. Trong những điều kiện tốt đẹp nhất, vẫn có những khó khăn trong việc điều hợp những liên hiệp lỏng lẻo mà khả năng thường được đánh giá quá cao và những ước mong thì lại khác biệt nhau. Kết hợp những mong ước này lại thành những mục đích chung trở nên một công tác quá lớn lao đối với những người lãnh đạo phong trào thường có rất ít kinh nghiệm về phân tích và thiết kế chiến lược. Ngay cả sự giao tiếp giữa những nhóm khác biệt này cũng bị làm cho khó khăn vì nhiều nhóm đã phát triển một từ ngữ riêng của họ về đấu tranh bất bạo động hay là không hiểu những quan niệm tạo nên những từ thông thường được gắn liền với đấu tranh bất bạo động.¹³

Việc lập kế hoạch quân sự thông thường xảy ra trong một bối cảnh tổ chức hệ đẳng được định nghĩa rõ ràng. Còn bối cảnh tổ chức của một phong trào bất bạo động thì thông thường là một liên hiệp giữa những người “ngang hàng” nhau, và tất cả những người “bình đẳng” này đều mong muốn mình ở vị thế “số một giữa những người bình đẳng” này. Luôn luôn có những tố cáo trong số các nhóm khác nhau là nhóm này hay nhóm nọ đã bị nhân viên chính quyền xâm nhập (trong lúc sự thật là tất cả mọi nhóm có lẽ đều đã phần nào bị xâm nhập); có thể có bất đồng ý kiến về hình thái chính quyền nào sẽ thay thế cho chính quyền đang bị chống

¹³ Xem Phụ lục 1 để biết những từ ngữ đề nghị về đấu tranh bất bạo động do Viện Albert Einstein soạn thảo.

đối; một vài người lãnh đạo có thể bị những người khác cho là quá độc đoán, và có thể, trên thực tế, không thích hợp với những giới hạn do một xã hội dân chủ áp đặt lên chính quyền (sẽ không phải là lần đầu tiên mà một lãnh chúa giúp lật đổ một lãnh chúa bạn); và vài người có thể dấn thân vào cuộc đấu tranh bất bạo động cho tới khi nào khả năng xúc tiến một cuộc đấu tranh vũ trang trở thành một giải pháp thực sự. Dù trước một sự khác biệt về mục đích và sự nghi kỵ như thế, chiến lược và những kế hoạch hỗ trợ vẫn phải được hoạch định.

Những quan tâm về an ninh

Giả định là vào một lúc nào đó mọi nhóm đối lập đang tiến hành một cuộc đấu tranh chống lại chính quyền sẽ bị chế độ đang bị tấn công nhắm đến và xâm nhập là một việc làm cần trọng. Trong lúc thâm nhập có thể là một vấn đề hệ trọng, các điểm chỉ viên của chính quyền cũng có thể được sử dụng như là một đường giây để chuyển đạt thông tin được chọn lọc đến chính quyền. Thông tin mà các nhà lãnh đạo phong trào muốn chuyển đạt đến chính quyền có thể bao gồm những phúc trình như là phong trào dự tính duy trì bất bạo động, phong trào không dự tính thù hận, khoan hồng cho các giới chức chính quyền vẫn mở rộng, đối tượng của các nỗ lực của đối lập là cái “hệ thống” đã chấp chứa các lạm dụng về nhân quyền và tham nhũng và phong trào không chống lại tất cả những người vừa phục vụ hệ thống này vừa cũng là nạn nhân của hệ thống đó. Có lẽ cũng có thể hữu ích để cho chính quyền “khám phá” qua chính người của họ là phong trào sẽ thu nhận nhân viên trong các cơ chế quân đội, cảnh sát, và công chức vào với nền dân chủ mới, với điều kiện duy nhất là công nhận uy quyền của chính quyền mới và thề nguyện trung thành với hiến pháp mới. Cũng có thể hữu ích nữa là để cho chính quyền “khám phá” qua chính người của họ là có một danh sách những người đã từng tham dự vào công việc tra tấn và các vụ hành quyết bên ngoài luật pháp. Các nhân viên mật vụ này sẽ có thể phúc trình một cách chính xác là có một hồ sơ đích danh từng cá nhân và hồ sơ này gồm có những kết án rõ rệt về các lạm dụng và những hành động tội ác khác, cùng với hình ảnh của nạn nhân minh họa tội ác, và những thệ chứng của các nhân chứng, bao gồm của cả nhân viên quân đội và cảnh sát đã từng chống đối lại sự áp bức và bạo tàn được chính quyền chấp thuận. Thêm nữa, những nhân viên của chính quyền làm việc trong phong trào đối lập sẽ có thể thông báo cho cấp trên của họ biết là đã có một bản sao của tất cả những thông tin thu

thập được này, được cất giữ một cách an toàn tại quốc ngoại để bảo toàn an ninh tài liệu.

Có một vài lãnh vực về đấu tranh bất bạo động không thể, và cũng không nên, giữ bí mật. Sự kiện rằng đang có đối lập chống lại chuyên chế hiển nhiên sẽ không là một ngạc nhiên đối với một nhà độc tài. Và cũng chẳng có gì ngạc nhiên khi biết rằng các tổ chức đang kết hợp với nhau để chống lại một nhà độc tài. Hầu như chắc chắn là bất cứ một chế độ độc đoán nào cũng biết đến những cuộc đấu tranh bất bạo động thành công trong những năm vừa qua và những cuộc đấu tranh này được xúc tiến như thế nào.¹⁴ Và cũng đúng là thông tin về việc lập kế hoạch hành động mang thời gian tính, nghĩa là, giá trị của kế hoạch sẽ giảm đi rất nhiều một khi hành động đã được xúc tiến.

Mặc dù có nhiều trường hợp khi chính quyền biết được về việc thiết lập kế hoạch và quan niệm về đấu tranh có thể có lợi cho phong trào dân chủ, nhưng cũng có những sinh hoạt cần được bảo toàn an ninh, không thể tiết lộ cho đối phương được. Nói một cách tổng quát thì địa điểm và sự di chuyển của những người lãnh đạo cốt cán, những người đã có một sự hiểu biết chi tiết về các hoạt động thiết kế liên hệ đến nhiều hơn là một tổ chức, và những người khác mà nếu bị chính quyền bắt thì mạng sống của họ sẽ bị nguy hiểm. Nhóm đối kháng OPTOR của người Serb đã tổ chức lãnh đạo của họ mà hầu hết các thành viên đều không được biết đến. Lãnh đạo không bao giờ gặp nhau như là một nhóm, mà chỉ gặp từng người một một cách ngắn ngủi tùy theo điều kiện đòi hỏi mà thôi.

Một phương cách khác để cách li thành phần thiết kế ra khỏi phong trào rộng lớn là phương cách được sử dụng bởi Hội Đồng Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện (NCUB), một tổ chức bao trùm nhiều lực lượng đấu tranh cho dân chủ chống lại nền độc tài quân phiệt tại Rangoon. Hội Đồng này thiết lập ra Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC) để phát triển khả năng phân tích chiến lược, soạn thảo các kế hoạch, và điều hợp các hoạt động bất bạo động của các nhóm thành viên. Nhóm này phức trình trực tiếp lên lãnh đạo NCUB.

Giá Trị của Thông Tin về Tổ Chức

Kinh nghiệm cho thấy là một vài loại thông tin luôn luôn được cần đến để giúp cho các cấp chỉ huy quân sự làm những quyết định đúng đắn. Tham

¹⁴ Xem Peter Ackerman và Jack Duvall, *Một Lực Lượng Mạnh Hơn: Một Thế Kỷ Đấu Tranh Bất Bạo Động* [A Force More Powerful: A Century of Nonviolent Conflict]. (New York: Palgrave, 2000).

mưu quân đội có trách nhiệm bảo đảm là thông tin này luôn luôn có sẵn. Thay vì chờ đợi được trao nhiệm vụ về những loại thông tin này trước khi đi thu thập chúng, ban tham mưu phải luôn luôn tìm kiếm thông tin cần có cho việc quyết định đúng đắn, phân tích những loại thông tin này, và lưu giữ các loại thông tin này tại những địa điểm nhất định trong những tài liệu rõ rệt. Vì vậy, khi một vị tướng bước vào tổng hành dinh điều khiển của ông và hỏi: “Địch quân đang làm gì?” thì một sĩ quan tham mưu có thể trả lời ông với những thông tin cập nhật. Được báo cáo như thế, vị tướng có thể xác định được tác dụng hành động của địch lên những kế hoạch nhằm đạt những mục tiêu của ông cũng như tìm thấy những cơ hội để khởi động những hành động tiến công xa hơn.

Các kế hoạch gia cho những hoạt động bất bạo động không thể bỏ qua hàng bao nhiêu thế kỷ kinh nghiệm của các lực lượng quân đội trong việc lập kế hoạch và thực hiện các chiến dịch. Một khía cạnh quan trọng của việc lập kế hoạch quân sự là phương cách có hệ thống của nó: soạn thảo một phông định chiến lược về tình hình, chọn những đường hướng hành động, xác định sứ mạng rõ ràng, và soạn thảo những kế hoạch hành quân. Thêm nữa, một khi các mô hình và những thủ tục chuẩn định đã được theo đúng, thì thông tin có thể tìm được theo cùng một trình tự trong mỗi tài liệu kế hoạch.

Một mô hình kế hoạch cho một chiến dịch quân sự gồm có thông tin quan trọng về những gì các lực lượng đối phương và các lực lượng bạn đang làm trong vùng đối tượng của chiến dịch, những mục tiêu của kế hoạch, và các tài nguyên sẽ được chuẩn bị sẵn. Xét định một mô hình kế hoạch cho một chiến dịch quân sự sẽ cung cấp một thí dụ về việc thông tin sẽ được sắp xếp như thế nào để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của những người chịu trách nhiệm thực thi kế hoạch đó. Như dàn bài dưới đây minh chứng, mô hình này cũng thích nghi được cho việc lập kế hoạch bất bạo động ở mọi cấp.

Mô Hình cho Một Kế Hoạch Chiến Dịch

1. Tình Hình. Những tiểu đoạn dưới đây mô tả ngắn gọn môi trường hoạt động của vùng đối tượng.

a. Tình hình bạn. Trong tiểu đoạn này, thông tin được cung cấp về các hoạt động của các thành phần bạn xung quanh vùng đối tượng. Thông tin này được giới hạn vào loại thông tin cần phải được cân nhắc khi soạn thảo các kế hoạch chi tiết cho những công việc được chỉ định cho những công tác giao phó mà thôi.

b. Tình hình địch. Đoạn văn này mô tả các hoạt động của các lực lượng địch đang xảy ra xung quanh vùng đối tượng.

2. Sứ Mạng. Đây là một lời xác định Ai, Cái gì, Ở đâu, Khi nào, và Tại sao cho công tác. Không còn có thể thắc mắc ai là người chịu trách nhiệm thi hành sứ mạng, những mục đích rõ rệt cần phải tranh thủ, khi nào sẽ bắt đầu chiến dịch, và tại sao sứ mạng này là cần thiết.

3.Thi Hành.

a. Quan Niệm về Chiến Dịch. Tiểu đoạn này mô tả nhà kế hoạch có một viễn cảnh về một chiến dịch diễn biến từ đầu cho đến cuối như thế nào. Độc giả có thể “nhìn thấy sự suy tư” đằng sau sứ mạng. Sự suy tư này có thể bao gồm sự “phân chia giai đoạn”; và sự phân chia giai đoạn này làm sáng tỏ thêm những điều trông đợi sẽ xảy ra:

(1) Giai đoạn I. Chuẩn bị. Giai đoạn này mô tả những hoạt động cần thực hiện để chuẩn bị cho (các) tổ chức đã được giao phó công tác phải hoàn toàn có khả năng.

(2) Giai đoạn II. Giai đoạn này mô tả những gì sẽ xảy ra từ khi bắt đầu chiến dịch cho đến khi đạt được các mục tiêu.

(3) Giai đoạn III. Nếu thích hợp thì tiểu đoạn này và các tiểu đoạn tiếp theo có thể dùng để xác nhận những hành động cần phải được thực hiện tức khắc nhằm củng cố mục tiêu hoặc dùng để mô tả những công tác tiếp nối nào cần được giao phó để cho tổ chức có thể suy nghĩ trước về công tác tới.

b. Công việc. Tiểu đoạn này xác định những công việc cụ thể giao phó cho các tổ chức tham gia.

4. Quản Trị và Hậu Cần. Đoạn văn này xác định các giàn xếp về điều hợp công việc quản trị và hậu cần nhằm chiếm lấy sự hỗ trợ sẵn sàng cho chiến dịch.

5. Chỉ Huy và Dấu Hiệu. Nếu có những truyền thông và những yêu cầu về phức tạp đặc biệt, thì thông tin cần được đưa vào đoạn văn này. Nếu không thì đoạn văn này đề cập ngắn gọn đến những “theo thủ tục hiện hành”. Đối với những chiến dịch bất bạo động thì đoạn văn này tốt hơn nên gọi là “Điều Hợp và Truyền Thông” để phản ánh nhu cầu thừa nhận là phải có liên lạc giữa những người tham gia các hoạt động và những người chịu trách nhiệm điều hợp các thành phần liên hệ.

Trong mô hình này, không có đoạn văn nói về các giả định. Những giả định trong một kế hoạch được xoá đi khi tài liệu đã trở thành “lệnh” (nghĩa là khi đã có quyết định thi hành lệnh và tài liệu đã được phân phối). Quy chiếu về các phụ lục (như phụ lục về hỗ trợ tuyên truyền) được ghi nhận ở phần cuối tài liệu. Phân phối các kế hoạch và các lệnh có thể có nguy cơ bị lộ. Những giả định của những người hoạch định kế hoạch cho phong trào bất bạo động sẽ là một tin tức tình báo cho chế độ đối lập. Chỉ xác định một giả định không mà thôi cũng đủ phát lộ điều mình không biết, và quan trọng hơn nữa, là phát lộ điều gì được xem là quan trọng. Các giả định cũng còn phát lộ phẩm chất của sự phân tích mà người viết kế hoạch có được. Các phụ lục sẽ chứa đựng thông tin chi tiết về các khả năng và dự tính của phong trào (như ở trong Phụ lục về Tuyên Truyền hay Phụ Lục về Truyền Thông) mà đối phương có thể sử dụng để chặn trước hay vô hiệu hoá trước khi kế hoạch hay lệnh được thi hành.

Mô hình dựa vào quân sự này không phải là mô hình duy nhất để sử dụng cho việc lập kế hoạch. Mô hình này có thể biến chế để thích nghi với bất cứ tổ chức nào, hay là có thể phác hoạ một mô hình mới. Tuy nhiên, bất cứ một tổ chức nào dấn thân vào một cuộc đấu tranh để thay đổi chính trị cũng nên cần phải sử dụng một mô hình bao gồm tất cả những thông tin thiết yếu. Sử dụng một mô hình như thế không những chỉ giúp hướng dẫn việc hoạch định một kế hoạch đầy đủ mà còn tránh được bỏ sót các thông tin quan trọng. Hơn nữa, một khi đã quen thuộc với mô hình, thì người đọc sẽ biết cách tìm loại thông tin mình cần ở chỗ nào trong kế hoạch.

Những Biện Pháp Kiểm Soát

Để phụ trợ công việc điều hợp các hoạt động của nhiều nhóm trong thời gian chiến dịch, có nhiều chọn lựa sẵn có cho người hoạch định kế hoạch sử dụng như là những biện pháp kiểm soát như:

1. Thời gian. Khi một diễn biến nào đó được dự tính là sẽ xảy ra như là một phần của một chiến dịch rộng lớn hơn, thì những tài nguyên cần sử dụng cho những hoạt động khác đã được bố trí thời gian có thể cần phải được mượn từ một tổ chức khác. Do đó ấn định một khung thời gian như là “không được sớm hơn” hay là “không được trễ hơn” cho diễn biến đó có thể là một điều thích hợp. Nếu diễn biến thực sự là một phần của một chiến dịch tìm cách phản ánh một cuộc đấu tranh quần chúng thì điều quan trọng là phải ấn định “Không-gì” để mọi hoạt động đều có thể xảy

ra cùng một lúc. Những nơi nào cần phải hành động dù có sự hiện diện đông đủ của cảnh sát và quân đội đàn áp tàn bạo, thì có thể thiết kế những cuộc biểu tình “chớp nhoáng” (tập hợp xong giải tán liền) tùy theo thời gian phản ứng phòng định của quân đội và cảnh sát. Trong những trường hợp này, cuộc biểu tình có thể được thiết kế để đạt mục tiêu trong vòng vài phút thôi.

2. Giới hạn. Một chiến lược có thể đòi hỏi nhiều chiến dịch ở nhiều địa điểm khác nhau mà tách riêng các hoạt động ở những địa điểm này là một điều thích hợp. Ví dụ, nếu phân tích thông tin gợi ý là một cột trụ chống đỡ nào đó trong tỉnh có thể bị tấn công hữu hiệu hơn nếu cổ xúy phương pháp thích nghi hơn là phương pháp cưỡng ép, thì cần phải áp đặt những giới hạn đối với một số hành động để có thể đeo đuổi những hoạt động hết sức tập trung vào việc đánh đổ cột trụ đó.

3. Những địa điểm phối hợp. Khi có nhiều hơn là một tổ chức cùng có mặt trong một khu vực cho một nỗ lực chung thì một địa điểm nhất định cần phải được chỉ định để liên lạc với nhau nhằm phối hợp và trao đổi thông tin.

4. Những điều khác. Những biện pháp chủ động khác cần phải được cân nhắc như là các khu vực tập hợp (ngay trước khi diễn biến xảy ra) và các điểm tập trung (khi đòi hỏi phải rời bỏ địa điểm biểu tình). Dù sao thì ý kiến sử dụng một hay nhiều biện pháp chủ động là để giảm thiểu sự rủi ro làm mất đi khả năng tác động lên kết quả của một diễn biến đã được hoạch định. Một khi mất chủ động, thì mục tiêu có thể không tranh thủ được, xác suất tổn thất tăng, và tiếp theo đó là sự rối loạn giữa những người tham gia.

Kéo -- Đứng Đầy -- Những Cột Trụ Chống Đỡ

Thiết kế chiến lược nên bao gồm những nỗ lực kết nạp vào phong trào đối kháng đấu tranh cho dân chủ những người bạn và những người bà con của những giới chức then chốt của những cột trụ chống đỡ cho nhà chuyên chế. Về điểm này thì điều quan trọng là nên đặt nặng vấn đề lôi kéo các thành viên của những cột trụ chống đỡ cốt yếu về phe đối kháng thay vì chọn những phương cách đẩy họ lún sâu vào trung tâm cơ cấu quyền lực của chế độ. [Xem Hình 4, Kéo ngược với Đầy Những Cột Trụ Chống Đỡ]. Nhà chuyên chế phải đối đầu với vấn nạn về sự trung thành

lâu bền của những người mà chủ mình đòi hỏi phải bắt bớ, hăm dọa, và bạc đãi những thành viên của chính gia đình mình. Một vị chỉ huy một lực lượng kiểm soát nổi loạn dĩ nhiên khó mà ra lệnh sử dụng dùi cui, dao găm, và khói gây ói, khi mà những hàng đầu của cuộc biểu tình gồm có con cái của ông ta. Theo luận lí thì vị chỉ huy này sẽ phải được thay thế bởi một vị chỉ huy khác ít kinh nghiệm hơn. Và cũng theo luận lí thì vị chỉ huy bị thay thế sẽ trở thành đối tượng kết nạp cho phong trào đối kháng đấu tranh cho dân chủ. Những khó khăn của chế độ sẽ là vô tận khi mà những cột trụ chống đỡ cho họ đã bị xói mòn một cách không còn ngăn cản được nữa.

Khả Năng và Dự Định

Một điều cần cân nhắc khác trong việc lập kế hoạch chiến lược là vấn đề khả năng so với dự định. Điều mà đối phương có khả năng làm không bỗng nhiên thay đổi. Mặt khác, các dự định có thể thay đổi rất nhanh chóng. Do đó, những kế hoạch có cân nhắc các khả năng có thể thích nghi với những thay đổi về dự định. Nếu chú trọng vào các khả năng, thì chúng ta có thể phần nào ngạc nhiên về một sự thay đổi trong cách sử dụng hay cách dàn quân của những lực lượng địch, nhưng những thay đổi như thế sẽ không đưa đến kết quả kinh ngạc đến mức làm tê liệt hoạt động. Bản phông định chiến lược cung cấp cho người làm kế hoạch chiến lược một danh sách các khả năng mà đối phương sẵn có.

Tạo tình trạng tiến thoái lưỡng nan cho đối phương

Một chiến lược được suy nghĩ kĩ lưỡng sẽ tìm cách tạo những cơ hội kết nạp người tham gia bất kể chế độ phản ứng lại những sáng kiến của phong trào dân chủ như thế nào. Nếu chế độ thẳng tay đàn áp những người biểu tình, thì sẽ càng làm cho quần chúng xa lánh hơn, do đó tăng cơ hội kết nạp. Những người làm kế hoạch nên luôn luôn tìm cơ hội đặt chế độ vào tình trạng chính trị tiến thoái lưỡng nan đưa đến những kết quả duy nhất là kết quả nào cũng bất lợi cả. Các kế hoạch gia phải nhận dạng được những niềm tin vững chắc của người dân và khiêu khích đối phương có những hành động chống lại những niềm tin đó. Những vụ giới nghiêm và các hạn chế không cho phép tụ tập đông đúc chẳng hạn có thể cản trở những ngày hội và lễ nghi truyền thống và tôn giáo.

“Hành động gây tình trạng tiến thoái lưỡng nan” nổi tiếng nhất là vụ Tuần Hành vì Thuế Muối do Mohandas Gandhi lãnh đạo năm 1930 trong thời

gian phong trào Ấn Độ đòi tự trị. Gandhi tìm ra được một vấn đề lõi cuốn được mọi tầng lớp và đảng cấp xã hội ở Ấn Độ và là một vấn đề ép buộc chính quyền thuộc địa của người Anh phải hoặc là bắt ông, một hành động sẽ “châm ngòi cho toàn cõi Ấn Độ”, hoặc là không bắt ông, thì sẽ giúp cho ông “làm cho toàn nông thôn nổi dậy.”¹⁵

Suốt hơn một trăm năm, người Anh chiếm độc quyền làm muối cho nhà nước. Vì là một nhu yếu phẩm lương thực, tất cả mọi người đều phải mua muối do chính quyền sản xuất. Làm muối không đòi hỏi kĩ năng (lấy nước biển, để nước bay hơi, rồi cào lấy muối), và độc quyền này có thể phá bỏ dễ dàng nếu người dân chỉ cần bắt đầu tự làm muối lấy. Chính quyền ý thức được những hậu quả của việc Gandhi dự định tuyên bố làm muối nếu dự định này không được ngăn chặn. Khi chính quyền không hành động (bắt ông vài tuần sau khi cuộc tuần hành đã thành công trong việc đánh đổ độc quyền), thì bất tuân dân sự đã được thừa nhận như là một vũ khí bất bạo động chính đáng có hiệu lực đánh đổ các nguồn sức mạnh của chính quyền.¹⁶

Tóm Lược

Thiết lập kế hoạch chiến lược bắt đầu bằng một mục tiêu rõ rệt rút ra từ những mục đích chính sách. Hiệu lực của việc thiết kế này phần lớn tùy thuộc vào việc tạo nên những kế hoạch rõ ràng về dự tính, giữ những công tác phù hợp với khả năng, chú trọng đến chi tiết, và tính trước được các phản ứng của đối phương. Những kế hoạch này sẽ được chu toàn tốt đẹp nhất bằng cách sử dụng một phương cách có hệ thống bao gồm các mô hình dùng vào việc tổ chức thông tin.

¹⁵ Như trên, 88

¹⁶ Để xét định chi tiết hơn về phương cách Gandhi lập chiến lược, y/c xem Gene Sharp, *Gandhi như là một Chiến Lược Gia Chính Trị* [*Gandhi as a Political Strategist*], (Boston: Porter Sargent Publishers,

CHƯƠNG TÁM

NHỮNG TÁC VỤ TÂM LÍ

Ngòi bút mạnh hơn lưỡi kiếm.

--Edward George Bá Tước Lytton Bulwer-Lytton (1803-1873)

Tác vụ tâm lí (PSYOPS) là phần quan trọng nhất của một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược được thiết kế đàng hoàng.¹⁷ Mục đích của những tác vụ này là để ảnh hưởng đến thái độ và hành vi của những thính giả đối tượng, chủ yếu là qua việc sử dụng tuyên truyền. PSYOPS đã từng bao nhiêu lần chứng tỏ hiệu lực của nó, trong các chiến dịch quân sự cũng như trong những cuộc đấu tranh bất bạo động, như là một vũ khí mạnh mẽ làm suy yếu, chia rẽ, vô hiệu hoá và phân huỷ những cột trụ chống đỡ của đối phương. Những tác vụ này cũng còn được sử dụng để hỗ trợ những nỗ lực kết nạp cho các nhóm đối lập. Mục đích của chương này là để cung ứng một phương cách xét định các thành phần và các cách sử dụng tuyên truyền.¹⁸

Từ “tuyên truyền” đã trở nên đáng chê trách đối với nhiều người trong những năm gần đây, có thể vì lí do nhiều chế độ độc đoán đã sử dụng nó một cách thành công. Ở phương Tây, bây giờ nó được gọi bằng nhiều mĩ từ khác nhau như là “Thông Tin và Giáo Dục”, “liên lạc truyền thông đại chúng”, “giao tế nhân sự” và “công tác tiếp thị”. Dù cho nhãn hiệu được gán cho từ này có tính “điều kiện hoá” đến mấy cũng không quan trọng, một khi đã có những nỗ lực nhằm tác động lên thái độ và hành vi thì đó là

¹⁷ Tổ Chức Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) định nghĩa Tác Vụ Tâm Lí là “những hoạt động tâm lí hoạch định trong thời bình và thời chiến nhắm đến những đối tượng thù nghịch, bạn, và trung lập để tác động lên thái độ và hành vi ảnh hưởng đến việc tranh thủ các mục tiêu chính trị và quân sự. Những tác vụ này bao gồm các hoạt động tâm lí chiến lược, những tác vụ củng cố tâm lí và những hoạt động tâm lí mặt trận.” Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ giới hạn định nghĩa vào những “cử toạ quốc ngoại” mà thôi. (JCS. Pub 1. 1987).

¹⁸ Những nguồn hữu ích cho việc xét định chi tiết hơn về tuyên truyền gồm có: Jacques Ellul, *Tuyên Truyền: Tạo Thái Độ* [*Propaganda: Formation Men's Attitudes*], (New York: Alfred A. Knopf, 1965); Nha Cảnh Sát Chiến Trường của Quân Đội 33-5, *Tác Vụ Tâm Lí*, 1962; Frederick Irion, *Ý Kiến Quần Chúng và Tuyên Truyền* [*Public Opinion and Propaganda*], (New York: Thomas Crowell Company, 1950); Anthony Pratkanis and Elliot Aronson, *Thời Đại của Tuyên Truyền: Việc Sử Dụng và Lạm Dụng Thuyết Phục Hằng Ngày* [*The Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Persuasion*], (New York: W.H. Freeman and Company, 2001); Noam Chomsky and David Barsamian, *Tuyên Truyền và Trí Óc Quần Chúng* [*Propaganda and the Public Mind*], (Cambridge, MA: South End Press, 2001).

tuyên truyền.¹⁹ Tự nó, tuyên truyền vì mục đích chính trị không có gì là vô luân hay là “tà” hơn là quảng cáo cho thuốc lá hay cho xà phòng. Tuyên truyền là công cụ của những nhà vận động hành lang chuyên nghiệp chào hàng những quyền lợi của khách hàng của họ với những người có quyền quyết định tại mỗi ngành lập pháp và tư pháp trên khắp thế giới.

Đáp ứng được định nghĩa rộng của tuyên truyền (ảnh hưởng đến thái độ và hành vi) là những sách về tôn giáo như là cuốn *Thánh Kinh*, cuốn *Torah*, và cuốn *Koran*; những bài khảo luận hay bài báo về việc chính quyền phải được cấu trúc như thế nào như trong *the Federalist Papers* [Những bài khảo luận bênh vực chính quyền liên bang]; hay là những tài liệu kinh hãi hơn như cuốn *The Protocols of the Learned Elders of Zion* [Biên Bản Những Buổi Họp của những Người Anh Cả Uyên Bác của Do Thái], và những quảng cáo thuốc lá với hình ảnh “Joe Camel” mà nhiều người tin là nhắm vào các trẻ em trước tuổi dậy thì. Tất cả những tài liệu này đều là những thí dụ của tuyên truyền đã trực tiếp ảnh hưởng, bằng những cách tích cực hay tiêu cực, đến đời sống của hàng trăm triệu người trên toàn thế giới. Vì vậy, sử dụng các kĩ thuật truyền thông với ý hướng thay đổi cách chúng ta suy nghĩ và hành động đã từng có một lịch sử lâu dài và phong phú.

Ngược lại với câu nói phổ quát là “sự kiện sẽ tự nói lên ý nghĩa của nó”, thực ra sự kiện chỉ có ý nghĩa khi được đặt vào trong bối cảnh. Đối với một tù nhân đã bị kết án, thì đồng hồ chỉ một giờ nào đó có thể là anh ta chỉ còn năm giờ nữa để sống mà thôi. Đối với một người làm việc văn phòng thì cùng một giờ đó có thể là báo hiệu một ngày làm việc khác đã chấm dứt. Một phức trình về sự kiện là quốc gia có tỉ lệ thất nghiệp 40 phần trăm có thể làm cho những người đã thất nghiệp hoảng hốt và những người đang có việc lo âu. Đối với những người lãnh đạo một phong trào đối lập, thì điều này có thể được nhìn trong bối cảnh của những cơ hội mới để kết án chính quyền là bất lực, không lo cho người dân và thối nát, và để tăng cường cơ sở thành viên từ những đám quần chúng càng ngày càng bất mãn. Các nhà biên tập, dù viết cho báo chí tự do hay bị kiểm soát, thường xuyên đưa những “sự kiện” vào bối cảnh ưa thích của lập trường của họ cho độc giả. Trong một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược, cần phải có những nỗ lực để trách cứ đối phương về những “sự kiện” gây hại cho dân chúng và phải xác định được điều cần phải làm để giải quyết vấn đề (và không có gì ngạc nhiên khi sự giải quyết này sẽ là thay đổi chính trị).

¹⁹ Trong phần lời phi lộ của cuốn *Tuyên Truyền: Tạo Thái Độ* [*Propaganda: Formation of Men's Attitudes*], Jacques Ellul duyệt lại nhiều định nghĩa về tuyên truyền và thấy là tất cả những định nghĩa đó đều không đầy đủ hoặc quá bao quát nên không phản ánh được điều mà ông gọi là một hiện tượng xã hội học. Tôi dùng định nghĩa rộng lớn được Ellul trích dẫn, như đã được Viện Phân Tích Tuyên Truyền chấp nhận là: “Tuyên Truyền là sự diễn đạt những ý kiến hoặc hành động được những cá nhân hay nhóm người thi hành nhằm mục đích ảnh hưởng đến các ý kiến hay hành động của những cá nhân hay nhóm người khác đối với những mục đích được quyết định trước và bằng những thao tác kĩ xảo tâm lí.”

Những Thành Phần của Tuyên Truyền

Đối Tượng. Nói chung thì toàn thể dân chúng có thể trở thành đối tượng của tuyên truyền. Tuy nhiên, để hữu hiệu hơn cả thì thính giả đối tượng cần phải được phân chia thành nhiều nhóm để điều chỉnh thông điệp riêng cho mỗi nhóm. Kinh nghiệm và nghiên cứu cho thấy rõ ràng là tuyên truyền hữu hiệu là tuyên truyền được thích nghi với những thính giả đối tượng được giới hạn hơn. Vì vậy, một thông điệp hay gửi cho một nông dân có thể được soạn thảo khác với cũng cùng một thông điệp gửi cho một sinh viên. Những đối tượng tuyên truyền chính yếu của đối lập bất bạo động sẽ là những cột trụ chống đỡ của nhà cai trị, với từng nhóm và tiểu nhóm đối tượng được phân tích theo trình độ học vấn, tôn giáo, sắc tộc, và khả năng tiếp cận với các thông điệp tuyên truyền.

Thông Điệp. Nếu mục tiêu là thay đổi một thái độ hay một hành vi của dân chúng hay một nhóm người trong dân chúng, thì điều quan trọng là mục tiêu cần rõ ràng về thái độ hay hành vi nào cần phải được thay đổi. Ví dụ, nếu dân chúng chấp nhận như là số mạng hay là cái kiếp của họ phải sống dưới một chính quyền đàn áp, thì điều cần thiết là phải nhồi vào trí óc họ cái ý là có lẽ không phải là “ý Trời” muốn họ làm tội mọi. Hơn nữa, cần phải nuôi dưỡng cái ý là tự giải phóng khỏi độc tài chuyên chế nằm trong quyền lực của họ. Cũng cần phải làm cho người dân biết rằng đang có những nhóm đối lập có tổ chức sẵn sàng tiếp nhận sự hỗ trợ và tham gia của họ. Lí tưởng là thông điệp gửi đi nên có một “địa chỉ hồi âm”, nghĩa là, dân chúng cần phải biết nhóm nào đang gửi thông điệp. Tuy nhiên, phổ biến thông tin này có thể không phải lúc nào cũng thực hiện được.

Người Gửi thông Điệp. Thông điệp được truyền đạt như thế nào liên quan đến việc chọn lựa phương tiện chuyển đạt. Phương tiện có thể là một tờ truyền đơn, một buổi phát thanh, một điện thư, một phim truyện, một cuốn sách hay là một bài báo, hay những tấm biển và áp phích. Tin đồn cũng có thể là những phương tiện chuyển đạt thông điệp hữu hiệu. Không nên bỏ sót là việc sử dụng những “nhà truyền thông then chốt” như những nhà lãnh đạo tôn giáo, những nhà lãnh đạo chính trị đối lập, các giáo sư, thợ hớt tóc và thợ uốn tóc, các nhà lãnh đạo truyền thống và tinh thần, các nhà báo, các phát ngôn viên nghiệp đoàn, các nhóm kinh doanh, và những người khác được kính trọng trong cộng đồng của họ.

Thông Tin Phản Hồi. Quảng cáo thương mại có lẽ là đơn vị sử dụng tuyên truyền lớn nhất. Tuyên truyền được sử dụng để thuyết phục chúng ta mua những sản phẩm thuốc lá bảo đảm là sẽ đem lại đủ loại vấn đề về sức khỏe mà chúng ta phải chịu, ăn hăm-bơ-cơ-gơ và khoai chiên làm nghẽn mạch máu vì mỡ, hay là mới đây, khuyến khích chúng ta nài xin

bác sĩ gia đình kê đơn những loại thuốc đặc biệt nào đó cho chúng ta dùng. Những loại quảng cáo này có thành công hay không cũng dễ đo lường -- số lượng bán được. Đối với những nhà tuyên truyền chính trị, thì thông tin phản hồi về thông điệp thường khó đo lường hơn trong ngắn hạn. Thăm dò ý kiến có thể hữu ích, nếu được những nhóm đáng tin cậy thực hiện và hoàn thành ở những thời điểm và các diễn biến cách quảng nhau. Những lúc khác thì chúng ta phải đợi cho đến lúc đối tượng chúng ta tỏ một sự thay đổi thái độ qua sự phát biểu quan điểm về thông điệp hay là hành động theo một phương cách phù hợp với thông điệp. Ngay cả những đo lường này cũng có thể đánh lừa chúng ta vì có thể những nhân tố khác đã ảnh hưởng đến sự thay đổi thái độ và hành động.

Một cách thu thập dữ kiện về đo lường hiệu lực khác là khươi ý. Khươi ý hoàn toàn khác với yêu cầu trả lời. Khươi ý chủ ý thu nhận được một câu trả lời nhưng người trả lời không ý thức được là mình đang cung cấp thông tin để trả lời một câu hỏi. Yêu cầu trả lời là hỏi đối tượng một câu hỏi nào đó cần phải được đáp lại rõ ràng. Ví dụ, khi hỏi về thái độ đối với chính quyền, thì chúng ta có thể thực hiện những cuộc điều tra dựa trên những câu hỏi như là “Quý vị có hỗ trợ những lời kêu gọi thay đổi chế độ của đối lập chính trị không? Nếu có, thì tại sao?” Trong một vài xã hội, dân chúng sợ trả lời thành thật những câu hỏi trực tiếp như thế. Để khươi những thông tin này, chúng ta phải bắt đầu bằng những câu hỏi và những lời phê bình về hiện tình kinh tế và tình hình này ảnh hưởng đến đối tượng và gia đình của đối tượng như thế nào và rồi “đi vòng quanh” những câu hỏi chủ đích bằng cách liên hệ những câu hỏi này với chủ đề mà người được phỏng vấn đã thảo luận trước đó. Nói cách khác, khươi ý dùng “phương cách gián tiếp” và tránh những câu hỏi đòi hỏi trả lời có hoặc không mà thôi.

Xếp Loại Tuyên Truyền

Tuỳ những đối tượng dự định, những thông điệp, và những bối cảnh hoạt động trong đó thông điệp được gửi đi và được tiếp nhận, mà cần phải có những lựa chọn ai nên được xác nhận như là nguồn thông tin.²⁰

Tuyên Truyền Trắng xác định nguồn của nó một cách chính xác. Các thông cáo báo chí, các bài diễn văn, những phức trình và tin tức thường trung thực trong việc xác định nguồn, cho phép đối tượng kiểm chứng. Ví

²⁰ Quân đội Hoa Kỳ sử dụng một định nghĩa hạn chế hơn về tuyên truyền trắng, tuyên truyền xám, và tuyên truyền đen trong tương quan với những áp dụng. Y/C Xem *Cẩm Nang Chiến Trường của Quân Đội Hoa Kỳ [US Army Field Manual]* 33-5 *Tác Vụ Tâm Lí [Psychological Operations]*, 1962.31-33. Jacques Ellul trong cuốn *Tuyên Truyền: Tạo Thái Độ [Propaganda: Formation of Men's Attitudes]* mô tả hai loại, trắng và đen, và ghi chú là chúng được dùng hỗn hợp với nhau. Ông mô tả tuyên truyền trắng, mà nguồn hoàn toàn công khai và ngay thẳng, được sử dụng để đánh lạc hướng sự chú trọng của quần chúng như thế nào trong khi tuyên truyền đen, “có khuynh hướng đầu những mục đích, căn cước, ý nghĩa, và nguồn của nó”, thì tìm cách ảnh hưởng dân chúng một cách kín đáo. 15.

dụ, “Ngài John Smith, Dân Biểu thuộc Southmore, trong một bài diễn văn trình bày trước Hiệp Hội Giáo Sư Đại Học, hôm nay nói rằng...”. Bởi những lời phát biểu có thể được minh xác và phân tích, nên cần phải cẩn trọng tính trước những lời phát biểu này có thể được tiếp nhận và thẩm định như thế nào. Đôi khi một trích đoạn được chọn lựa có thể làm cho người phát biểu [nguồn] bị xấu hổ và cắt nghĩa là trích đoạn đã bị lấy ra ngoài văn cảnh. Tuy nhiên, nếu nguồn phải dùng lối cắt nghĩa “ngoài văn cảnh” này cho nhiều trích đoạn, thì sự tin tưởng trở thành một vấn đề còn tai hại hơn là chính trích đoạn nữa. Mặt khác, xác định được nguồn có thể tăng sức mạnh cho hình ảnh của một người hay một tổ chức bằng cách chứng minh cả tính nhất quán của các quan điểm lẫn sự thông cảm những ưu tư của quần chúng.

Tuyên Truyền Xám không xác định nguồn một cách rõ ràng. Thay vì xác định nguồn, người ta có thể nói: “Ngày hôm qua có phúc trình là...” hay là “Nguồn tin đáng tin cậy cho biết là...” hay là “những người chứng kiến tận mắt nói rằng họ thấy...”. Tuyên truyền xám cố tỏ ra là có căn cứ và tránh tỏ ra là tuyên truyền thiên lệch.

Tuyên Truyền Đen là thông tin của tuyên truyền cố ý xác định sai nguồn, thường là xác định đối phương, được tin một cách sai lầm là nguồn đã cung cấp thông tin. “Vào chiều thứ Ba, Chỉ Huy Trường Quân Đội Wilford Ego, cố vấn tin cẩn nhất của Tổng Thống, khi được hỏi về hành vi có vẻ sai lạc của Tổng Thống tại một buổi họp báo mới đây, đã khẳng định là...”. Tuyên truyền đen có thể được sử dụng để tạo sự mất tin tưởng và rối loạn trong các lực lượng của đối phương, làm xuống tinh thần, và đánh lạc hướng sự chú trọng của địch vào những nhược điểm và dự tính của mình. Tuyên truyền đen đòi hỏi một kĩ năng sâu rộng và một sự tiếp cận với rất nhiều thông tin về đối phương. Nói một cách tổng quát thì tuyên truyền đen chỉ nên sử dụng ở cấp chiến lược để tránh lộ những chuyên viên tuyên truyền và để duy trì sự tách biệt giữa những chiến dịch tuyên truyền trắng và tuyên truyền đen.

Những Kĩ Thuật Truyền Thông

Kí Hiệu. Kí hiệu có thể là một trong những phương tiện truyền đạt ý thức hệ hay là những mục tiêu của phong trào. Một kí hiệu hữu hiệu chỉ cần đơn giản, gợi ý, dễ nhận, và có thể hiểu được dễ dàng. Dấu hiệu chữ Vạn của Đức Quốc Xã, Thập Tự của Thiên Chúa Giáo, và hình nắm tay của Phong Trào Đối Kháng của người Serb là những thí dụ về kí hiệu. Kí hiệu cũng có thể là âm thanh như tiếng trống, và mới đây, tiếng khua nồi niêu, soong chảo. Những kí hiệu hỗn hợp khác có thể bao gồm một vài hành động như một cách bắt tay, hay một cử chỉ đặc biệt nào đó. Khi chọn kí

hiệu cho một phong trào, nên cần trọng tránh xúc phạm đến những điểm tế nhị về văn hoá.

Khẩu Hiệu. Khẩu hiệu nên là một câu ngắn gọn biểu hiện những cảm xúc tức giận, hận thù, thách thức hoặc dửng dưng. “Hãy nhớ Alamo” đã thúc đẩy người Mĩ đánh Mễ Tây Cơ; “Hãy nhớ Maine” đã cung ứng một sự biện minh đơn giản cho quân chúng Mĩ hỗ trợ sự khởi động cuộc chiến Tranh Mĩ-Tây Ban Nha; “Đời Hết Rồi” được dùng để chống lại chế độ Milosevic tại Serbia năm 2000. Tại Zimbabwe, Phong Trào Thay Đổi Dân Chủ đã lấy khẩu hiệu “ĐÃ ĐỦ RỒI” được sử dụng để động viên dân chúng chống đối chính quyền bạo tàn của Robert Mugabe.

Âm Nhạc. Âm nhạc, như là tuyên truyền, cần phải được sử dụng để tô điểm những hình ảnh đầy cảm xúc về một tương lai xán lạn, để nhắc lại đau khổ và những kỉ niệm đau thương trong quá khứ, và để giúp củng cố sự thách thức toàn diện đối với nền chuyên chế hiện hành. Khi người dân kết hợp lại với nhau cùng ca lên những bài hát được sáng tác có màu sắc tuyên truyền, thì họ sẽ có khuynh hướng củng cố tinh thần cho nhau dẫn đưa đến việc chấp nhận thông điệp đã được dự tính của tuyên truyền.

Các Phương Tiện Truyền Thông In Ấn. Các phương tiện truyền thông in ấn bao gồm sách, nhật báo, các tập sách nhỏ, truyền đơn, các kí hiệu và áp phích, cung cấp cho chuyên viên tuyên truyền một danh sách nhiều phương tiện để chuyển đạt các thông điệp tuyển chọn đến những độc giả khác nhau. Các nhật báo được “kiểm soát” của cả chính quyền lẫn của phe đối lập tạo nên một diễn đàn sẵn có để tung ra những nỗ lực tuyên truyền công kích cũng như bào chữa. Tuy nhiên cần cẩn thận để tránh rơi vào cái bẫy là phải tốn quá nhiều công sức vào việc bào chữa.²¹ Cái lợi đích thực của những hình thức tài liệu in ấn là người ta có thể đọc và nghiên cứu kĩ lưỡng, cũng như thảo luận về tài liệu gốc của phong trào. Các băng hiệu và áp phích dùng các hình ảnh, kí hiệu, khẩu hiệu, và màu sắc được sử dụng để chuyển đi những thông điệp tóm lược. Độc giả có thể lưu trữ các tài liệu in ấn; điều này có nghĩa là các thông điệp cần phải nhất quán về những mục tiêu tuyên truyền vì chắc chắn sẽ có những sự so sánh. Do đó, chuyên viên tuyên truyền phải trông cậy vào những mục tiêu chính sách có thẩm quyền đã được chọn lọc một cách cẩn trọng. Chuyên viên tuyên truyền không có trách nhiệm quyết định những vấn đề về chính sách.

Thính Thị. Chìa khoá cho việc sử dụng hữu hiệu đài phát thanh để tuyên truyền là tuyển chọn thính giả đối tượng và đẽo gọt thông điệp riêng cho thính giả đối tượng đó, đồng thời đưa ra những khuyến dụ lôi kéo đối

²¹ Tuyên truyền được soạn thảo kĩ lưỡng sẽ giảm thiểu sức lực tiêu hao vào việc chống lại phản tuyên truyền. Mất sáng kiến tuyên truyền có thể là kết quả nếu phản ứng có thể có của đối phương không được xét định khi soạn thảo thông điệp tuyên truyền.

tượng nghe thông điệp. Âm nhạc phổ biến, tin tức, tiên đoán thời tiết, thể thao, các vấn đề sức khỏe, và đặc biệt là thông tin về đấu tranh bất bạo động ở hải ngoại cũng như tại quốc gia đối tượng -- tất cả những điều này đều có thể là những đề tài hấp dẫn đối với nhóm đối tượng. Truyền hình, băng video, các CD thêm hình ảnh để củng cố lời nói. Nếu một nhà lãnh đạo thuyết trình thì cũng nên xét định cần phải có những vật thể hay kí hiệu nào dễ trông thấy nữa. Một lá cờ quốc gia có thể đem lại hào quang của uy quyền. Một bức hình của một nhân vật lịch sử được kính trọng có thể nối kết diễn giả vào trong một tương quan chính danh với lịch sử của đất nước. Cân nhắc chi tiết về áo quần và các trang phục phụ nào cần phải có là một việc làm rất thích hợp. Khi muốn phản ánh mình qua hình ảnh của một người cha đối với dân chúng Đức, Hitler đã trang phục bằng một bộ com-lê hay áo quần dân sự và thường có trẻ con trong bức hình. Khi ông phản ánh mình như là một nhà lãnh đạo quân sự của đất nước dẫn dắt nhân dân Đức đến chiến thắng, thì ông xuất hiện trong một bộ quân phục.

Tiếng Đồn. Nơi nào thiếu tin tức đáng tin cậy, như trường hợp dưới một chế độ độc đoán, thói nạt áp đặt kiểm duyệt, thì nơi đó các tin đồn cung cấp một khối lượng thông tin quan trọng – dù nguồn thông tin không được biết đến và thông tin không kiểm chứng được. Nếu tin đồn là một phần của toàn bộ nỗ lực tuyên truyền, thì điều quan trọng là tuyên truyền cũng phải ít ra là dựa trên phần nào trên cơ sở sự kiện, hay là ít nhất cũng được xem như là dựa trên những sự kiện người ta biết được hay nghi ngờ là có thực. Đề tài của tin đồn phải quan trọng đối với đối tượng, và phải hấp dẫn để người khác có thể lặp lại. Tin đồn có thể được sử dụng để làm lên hay làm xuống tinh thần của thính giả đối tượng, hoặc tạo nên những cảm xúc như là hận thù, ghê tởm hay ngưỡng mộ.

Cảnh Báo!

Trong đấu tranh bất bạo động chiến lược, tuyên truyền được sử dụng để huy động dân chúng thách thức chính quyền áp bức họ. Bằng cách thay đổi thái độ của dân chúng đối với tuân phục, bất tuân dân sự có thể trở nên lan rộng. Chế độ sẽ mất đi uy quyền và chính danh. Dân chúng được khiêu khích phớt lờ những luật pháp bất công. Để lật ngược tình trạng phân hoá xã hội do sự áp bức của chính quyền đem lại, những tổ chức mới được thành lập để thay thế các tổ chức đã bị chính quyền phá huỷ, và những tổ chức này tìm cách phá vỡ hoặc vô hiệu hoá các cơ chế và các tổ chức mà chính quyền lệ thuộc (các cột trụ chống đỡ). Tóm lại, chính quyền mất khả năng cai trị.

Với một thứ vũ khí mạnh mẽ như tuyên truyền thì luôn luôn có sự nguy hiểm là nếu tuyên truyền không được sử dụng một cách khôn khéo, thì tai hại phụ thuộc có thể rất lớn lao. Nếu một phong trào thành công trong

việc thay đổi lề thói tuân phục trở thành bất tuân, thách thức và phớt lờ luật lệ của chính quyền, thì phong trào có thể sẽ phải đối diện với hỗn loạn. Nếu những cơ chế của xã hội đã bị phá nát, thì việc duy trì các dịch vụ xã hội, luật pháp và trật tự, và sự lịch thiệp có thể không thực hiện được nếu không trở lại một nền cai trị độc đoán y như cũ, điều đã đem lại lí do cho cuộc đấu tranh vì dân chủ ngay từ lúc ban đầu.

Jacques Ellul, trong cuốn sách của ông *Tuyên Truyền: Tạo Thái Độ* [*Propaganda: Formation of Men's Attitudes*], đã đặt vấn đề quan trọng này đối với nhà tuyên truyền. Ông chia tuyên truyền ra thành hai loại. Loại thứ nhất là loại “tuyên truyền kích động” dùng để thúc giục quần chúng hành động và bất tuân. Loại thứ hai là loại “tuyên truyền hội nhập”. Đây là loại tuyên truyền nhằm nhồi ý thức tuân thủ quy luật xã hội để tranh thủ sự chấp nhận uy quyền và những giá trị của những nhà cai trị mới. Loại tuyên truyền này nhằm chứng minh là dân chúng đang thụ hưởng lợi lộc do những thay đổi đang xảy ra.²²

Những kết luận có thể rút ra từ những nhận định của Ellul là đòi hỏi cần phải có một quy luật hành xử hay những hướng dẫn cần được hoạch định và bắt buộc ứng dụng cho tất cả những người tham gia vào cuộc đấu tranh. Thay vì kêu gọi bất tuân một cách tổng quát, bất tuân một số luật lệ bất công cụ thể có thể thích hợp hơn. Thêm vào đó, tuyên truyền phải thường xuyên nhắc nhở dân chúng một cách mạnh bạo là sự tuân phục đã được rút lui khỏi chính quyền và chuyển qua cho phong trào dân chủ rồi. Cần phải có sẵn một cơ chế thay thế hay song hành để nhận lãnh sự chuyển đổi lòng trung thành của quần chúng. Có thể chuyển đổi lòng trung thành của toàn thể các tổ chức như là *một khối*.

Hận thù và thành kiến là hai cảm xúc mạnh nhất và dễ nhen nhóm hơn cả. Trong một vài xã hội, những cảm xúc này luôn luôn chờ đợi để xuất đầu lộ diện. Bất cứ một thắng lợi ngắn hạn nào tranh thủ được nhờ khơi động những đam mê này để chống lại các nhóm cũng đều quá nhỏ nhoi so với cái hại dài hạn đối với việc phát triển và duy trì một xã hội dân sự ổn định mà trong đó các cơ chế dân chủ có thể hoạt động được. Tốt hơn cho những phong trào dân chủ là không bao giờ nên nhen nhóm những cảm xúc này cả. Nhưng nếu chúng có xuất đầu lộ diện thì nên được điều hướng chống lại cái “hệ thống” đã gây nên chuyên chế, chứ không nên chống lại những nhóm người thụ hưởng ân huệ của hệ thống đó. Và, bằng cách giới hạn từ “thù địch” vào một người hay nhóm người ở đỉnh cao của quyền lực, thì những cảm xúc đam mê huỷ hoại này có thể đi theo vị lãnh đạo đến tận cái chết, sự đày ải hay tù tội của ông ta.

²² Ellul, *Tuyên Truyền*. 71-79

Tóm Lược

Việc sử dụng tuyên truyền nhằm tác động lên các thái độ và hành vi của con người có thể, và đã từng, được sử dụng bởi những lực lượng độc đoán cũng như các lực lượng dân chủ trong cuộc đấu tranh giành quyền lực chính trị. Tuyên truyền, tự bản chất, không tốt cũng không tà. Chính cách thức công cụ này được sử dụng như thế nào và cho những mục tiêu nào đã cho phép người ta có thể có những phán đoán về luân lí.

CHƯƠNG CHÍN

NHỮNG NHẬN XÉT SÁNG SUỐT VỀ SUY TƯ CHIẾN LƯỢC

Vì những mục đích lớn chúng ta phải dám làm những chuyện lớn.

--Carl von Clausewitz, *Về Chiến Tranh* [On War]

Một cách hữu hiệu để học làm thế nào suy nghĩ một cách có chiến lược là làm theo những thí dụ của các định chế quân sự, theo đó học tập dưới sự bảo trợ của một cố vấn đi theo một chương trình chuyên nghiệp thật công kĩ. Không có chương trình quân sự nào dành riêng cho dân sự, và những người dẫn thân vào đấu tranh bất bạo động hiếm khi có đủ thời giờ và tài nguyên để theo học suốt hàng bao nhiêu năm trời nhằm làm sắc bén những kĩ năng suy tư chiến lược. Mục đích của chương này là để giới thiệu với độc giả một vài thí dụ về những nhận xét sáng suốt của những nhà tư tưởng chiến lược được tuyển chọn hầu mong hữu ích cho việc làm quen với lối suy tư “tổng thể”. Machiavelli, Clausewitz, Gandhi, và Liddell Hart đã được chọn vì những nhận xét sắc bén của họ, nhưng còn có những người khác nữa mà khả năng suy tư một cách có chiến lược cũng hữu ích không kém.

Machiavelli

Nếu các chiến dịch và những cuộc nổi dậy xảy ra tại Ý đã cho ta hình dung là khả năng quân sự đã tiêu tan hết rồi, thì lí do đích thực là vì những phương pháp chiến tranh cũ không hay và chưa ai có khả năng tìm ra được những phương pháp mới. Một người mới vươn lên tới quyền lực không thể tạo được danh tiếng lớn hơn là bằng cách tìm ra được những luật lệ và phương pháp mới.

--Machiavelli, *Ông Hoàng* [The Prince]

Niccolo Machiavelli (1469-1527) lớn lên khi những thay đổi lớn về kinh tế và chính trị đang xảy ra ở Âu châu.²³ Sự chuyển tiếp từ những nền kinh tế đổi chác hàng hoá đến những nền kinh tế dùng tiền đã cổ vũ trung ương

²³ Robert Maynard Hutchins, ed. , *Những Cuốn Sách Lớn của Thế Giới Tây Phương* [The Great Books of the Western World], (Chicago: University of Chicago Press, 1952), 23: IX-X.

tập quyền. Những vị đế vương, liên kết với thương gia, đã tích tụ được của cải nhiều hơn, và sự giàu sang này đã cho giúp họ tạo nên và sử dụng những người lính đánh thuê. Vì vậy, các nhà cai trị trở nên ít lệ thuộc hơn vào những quý tộc điền chủ về những dịch vụ của lính mộ chỉ có được khi họ không được cần dùng vào việc trồng trọt hay gặt hái mùa màng. Sự giàu có này cũng còn cho phép họ mua những vũ khí tương đối tối tân, súng đại bác, phá huỷ được thành luỹ của những nhà cai trị ít giàu có hơn.

Trong số những thay đổi đã xảy ra trong các cuộc tranh giành quyền hành, Machiavelli lưu ý đến những vấn đề trọng yếu trong việc sử dụng lính đánh thuê. Đúng là những nhà cai trị không còn phải lệ thuộc vào các kỹ sĩ và chư hầu nữa. Lính đánh thuê còn có thêm một cái lợi nữa là họ có thể dẹp tan đối lập ngay trong quốc gia của nhà cai trị, và họ có thể đảm trách những chiến dịch lâu dài mà không tạo nguy hại cho lợi tức sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, Machiavelli nhận định là, mặc dù có những cái lợi hiển nhiên trong việc sử dụng lính đánh thuê, họ cũng đem lại những nguy hiểm và bất lợi hiển nhiên. Những người lính được mua để đánh giặc vì vàng, chứ không phải vì thượng đế, vì vua hay vì đất nước của họ; sự trung thành nói chung và sự can đảm trong chiến trường không bao giờ chắc chắn cả -- và cũng không ép buộc được.

Machiavelli lưu ý rằng cần phải có những tổ chức và những chiến thuật mới để phản công lại việc sử dụng đại bác và rằng lính nhân dân, mộ từ các vùng thôn quê, sẽ phục vụ nhà cai trị giỏi hơn và đánh giặc hăng say hơn là lính đánh thuê. Ông còn nhận định là những phí tổn nặng nề để xúc tiến chiến tranh có nghĩa là chiến tranh cần phải đánh "nhanh và sắc bén" để tránh làm cho nhà cai trị nghèo đi và tránh tạo quá nhiều bất mãn trong dân chúng.²⁴

Việc Machiavelli cố vấn trong cuốn *Ông Hoàng [The Prince]* là cần phải có những chính quyền chuyên chế để giết địch hầu tránh những hành động trả thù thường được nhắc đến. Tuy nhiên, nhà tư tưởng chiến lược này đã đi đến những kết luận khác có ý nghĩa cho những người ngày nay cổ võ cho những xã hội cởi mở hơn. Ví dụ, ông tin rằng một khi một nhà cai trị đã vững chắc trong quyền lực của mình rồi thì một mô thức chính thể cộng hoà là tốt đẹp hơn cả. Ông còn lí luận là một chính quyền chỉ vững chắc và lâu bền được nếu chính quyền đó, ngoài một quân đội nhân dân, có được những kiểm soát và cân bằng về quyền lực chính trị.

Machiavelli đã khám phá ra được mối quan hệ giữa chính trị và những hoàn cảnh xã hội và kinh tế của thời đại của ông và ông đã khuyến cáo những thay đổi hầu thích nghi với những lực lượng đã tiêu huỷ những cơ

²⁴ Felix Gilbert, "Sự Phục Hưng của Nghệ Thuật Chiến Tranh", trong cuốn *Những Nhà Thiết Kế Chiến Lược Tân Tiến từ Machiavelli đến Thời Đại Hạt Nhân* ["The Renaissance of the Art of War," in *Makers of Modern Strategy from Machiavelli to the Nuclear Age*], Peter Paret, ed., (Princeton University Press, 1968). 11-31.

chế của thời đại phong kiến. Ông đã có khả năng có cái nhìn “tổng quan” và mô tả nó rất chính xác. Ông là một người theo chủ nghĩa thực dụng. Nhận định sáng suốt của ông, được trích dẫn ở phần đầu của chương này, mang một ý nghĩa thường bị bỏ lơ. Trong Đại Chiến Thứ I, hình như những vị chỉ huy theo những chiến lược và chiến thuật được hoạch định trước khi súng máy và các trọng pháo chính xác được phát minh. Làm sao người ta có thể cắt nghĩa cách khác về những tổn thất nặng nề như thế chỉ để giành được những thắng lợi nhỏ nhoi ở Mặt Trận Phía Tây? Câu trích dẫn còn gợi ý là nếu những gì đang làm không mang lại kết quả, thì lặp lại điều này nhiều lần sẽ không đem lại thành công.

Cũng giống như pháo binh đã thay đổi bản chất của chiến tranh trong thời Machiavelli, kĩ thuật cho chúng ta những khả năng thay đổi phương cách xúc tiến những cuộc đấu tranh bất bạo động. Máy vi tính, tiếp cận mạng lưới điện tử, điện thoại di động và vệ tinh, những lập trình viết bằng mật mã, truyền hình và truyền thanh là những vũ khí của đấu tranh bất bạo động.

Để chuẩn bị xúc tiến một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược, thì thông hiểu được những tương quan giữa chính trị và các lực lượng xã hội và kinh tế là một điều tối quan trọng. Ngày nay, chúng ta phải nhìn thấy những lực lượng này, không những chỉ trong giới hạn của một quốc gia, mà còn phải nhìn thấy những lực lượng này ở quốc ngoại nữa, vì hiện tượng toàn cầu hoá đã cung cấp những cơ hội cho việc bành trướng mặt trận ra xa hơn những gì mà Machiavelli có thể tưởng tượng được.

Một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược là một cuộc xung đột được xúc tiến theo một phương cách giúp người dân tự giải phóng. Họ tạo thành “quân đội nhân dân” theo quan niệm được Machiavelli khuyến cáo cho việc xúc tiến chiến tranh. Nếu nhân dân không tham gia vào công cuộc đấu tranh giành dân chủ cho chính họ thì chắc họ sẽ không thể chịu đựng được những thách thức trong công việc bảo tồn tự do của họ. Tiến trình tiến hành đấu tranh bất bạo động là một tiến trình tự dân chủ hoá cho người dân. Họ trải qua kinh nghiệm về sự quan trọng của lãnh đạo ở cấp quần chúng, của hợp tác giữa các nhóm, và của sự xác định các mục đích và mục tiêu.

Nhận định sáng suốt của Machiavelli rằng chiến tranh phải “nhanh chóng và sắc bén” có thể không luôn luôn thực hiện được, nhưng cái ý hướng nằm bên dưới hẳn là thích hợp. Đòn tiến là tối quan trọng đối với sự nhanh chóng và tính dứt khoát. Chiến lược gia bất bạo động dĩ nhiên phải lưu ý là các tài nguyên và sức chịu đựng của một dân tộc hữu hạn và một chiến dịch cần phải huy động dân chúng tấn công những nguồn sức mạnh của đối phương và đạt được chiến thắng trong một khoảng thời gian hợp lí. Lí tưởng là một cuộc tấn công bất bạo động chớp nhoáng vào những nơi mà các cột trụ chống đỡ của đối phương sẽ sụp đổ nhanh chóng để cho chế độ không còn phương tiện để cai trị nữa. Tuy nhiên hiếm khi một phong trào bất bạo động khi mới khởi đầu mà có được sự phối hợp,

những kĩ năng thiết kế, kĩ luật và tài nguyên để tiến hành những chiến dịch như thế.

Clausewitz

Carl von Clausewitz, con của một Sĩ Quan Quân đội Phổ, sinh năm 1780. Khi mới bắt đầu cuộc đời binh nghiệp, Clausewitz có được một người bạn đồng thời là người bảo trợ ông, Tướng Gerhard von Scharnhorst, người đã nhận ra được khả năng của ông và đã kiếm cho ông những công tác giúp ông phát triển thành một ông thầy của lí thuyết và thực hành về chiến tranh. Năm 1818, ông được thăng cấp bậc Thiếu Tướng và trở thành hiệu trưởng Trường Chiến Tranh của nước Phổ trước khi ông mất một thời gian ngắn trước năm 1831 vì bệnh dịch tả. Trong thời gian này, ông viết cuốn, *Về Chiến Tranh (Vom Kriege)*.²⁵

Cuốn *Về Chiến Tranh* không được dự định để sử dụng như là một bảng liệt kê dùng để kiểm điểm công việc điều hành chiến tranh. Cuốn sách này là một sự đánh giá có tính triết lí về chiến tranh. Clausewitz hiểu rằng cuộc Cách Mạng Pháp, và người thừa hưởng cuộc cách mạng này, Napoléon, đã thay đổi sâu đậm cách điều hành chiến tranh. Từ việc điều động những quân đội nhỏ bé, chiến tranh đã trở thành sự tranh chấp của những quân đội to lớn tìm cách giành cho kì được những chiến thắng dứt khoát và chịu chấp nhận những tổn thất vĩ đại cho cả hai bên (*Chiến tranh là một hành động vũ lực, được thúc đẩy đến mức cùng tận*). Thay vì cung cấp hướng dẫn làm sao để điều hành chiến tranh, Clausewitz cung ứng những nhận định sáng suốt làm sao để suy nghĩ về chiến tranh. Ông lưu ý là đại chiến lược (bao gồm hướng dẫn về ngoại giao, kinh tế và chính trị) phải là trách nhiệm tối hậu của lãnh đạo chính trị.²⁶ Ngày nay khi hoạch định chiến lược quân sự, các vị chỉ huy thường yêu cầu đặt những giới hạn cho chiến lược ngõ hầu bảo đảm là các mục tiêu và ưu tiên chánh sách được an toàn. Những câu thúc này thường được áp đặt qua những biện pháp như là cấp phát tài nguyên, định nghĩa vùng chiến thuật, đưa ra những quy tắc giao tranh, và ấn định các mục tiêu.

Cũng như Clausewitz và Machiavelli tôn trọng những thay đổi về bản chất của chiến tranh và cách điều hành chiến tranh, những chiến lược gia của những phong trào bất bạo động cũng phải hiểu và tôn trọng những thay đổi quan yếu ảnh hưởng đến cách điều hành xung đột bất bạo động. Có lẽ những nhân tố quan trọng hơn cả tác động lên đấu tranh bất bạo

²⁵ Peter Paret, "Clausewitz" trong cuốn *Những Nhà Thiết Kế Chiến Lược Tân Tiến từ Machiavelli đến Thời Đại Hạt Nhân* ["The Renaissance of the Art of War," in *Makers of Modern Strategy from Machiavelli to the Nuclear Age*], Peter Paret, ed., (Princeton University Press, 1968), 186-211.

²⁶ Hans W. Gaske, trong phần Dẫn Nhập cho cuốn *Những Nguyên Tắc Chiến Tranh* [*Principles of War*] của Carl Von Clausewitz, Hans W. Gasket, chuyển ngữ và biên tập (Harrisburg: Nhà Xuất Bản Dịch Vụ Quân Đội, 1952), 1-10.

động là những tiến bộ về khoa học và kĩ thuật. Ví dụ, tốc độ di chuyển người, đồ vật, thông tin, và quan trọng nhất, ý kiến là kết quả trực tiếp của những tiến bộ về khoa học và kĩ thuật.

Vì có khuynh hướng càng trở nên trung ương tập quyền hơn, các chính quyền có thể áp đặt sự kiểm soát lên dân chúng nhiều hơn bằng những luật pháp có tính hạn chế, bằng cách tăng cường theo dõi, và bằng những lực lượng cảnh sát có hiệu năng hơn. Và, ở một mức độ hạn hẹp hơn, chúng ta cũng đã từng chứng kiến sự phát triển và hiệu lực của những áp lực do các tổ chức và cơ chế phi chính phủ, cũng như do các chính quyền quốc ngoại và các công ti liên quốc gia trả đũa chính quyền. Một vài trong số những tổ chức này hiện hữu chủ yếu là để ảnh hưởng các chính quyền vì mục đích đeo đuổi những quyền lợi riêng tư, đôi khi rất là hạn hẹp, của chính họ.

Trong những cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược, cũng như trong xung đột vũ trang, “chiến trường” đã được mở rộng bao gồm những quốc gia khác. Một nguồn sức mạnh cho một chế độ độc đoán tại một quốc gia có thể là một công ti liên quốc gia có những trụ sở chính và những cổ đông quan trọng ở một quốc gia khác. Tấn công nguồn sức mạnh này có thể bao gồm những hành động tại những buổi họp của các cổ đông, tại toà án, trên các trang lập trường của báo chí, tại các khuôn viên đại học, hay bằng những cuộc tẩy chay hay phản đối ngoài đường. Có thể tìm được đồng minh bên ngoài biên giới quốc gia. Những tổ chức của Liên Hiệp Quốc [United Nations organizations], Ân xá Quốc Tế [Amnesty International], Y Sĩ Không Biên Giới [Doctors without Borders], Nhà Báo Không Biên Giới [Journalists without Borders], và Quỹ Quốc Gia vì Dân Chủ [National Endowment for Democracy], chẳng hạn, chỉ là một vài trong số những đồng minh và bạn hữu tiềm năng của những phong trào dân chủ.

Trong lúc cuốn *Về Chiến Tranh* cung cấp cho độc giả một sự đánh giá có tính triết lí về chiến tranh, thì chính những nhận định sáng suốt về chiến tranh của Clausewitz mới gây chú ý và đem lại giá trị cho những người xúc tiến đấu tranh bất bạo động.

Đối tượng chính trị là mục đích, chiến tranh là phương tiện để đạt mục đích đó, và phương tiện không bao giờ có thể được xét định biệt lập với mục đích.²⁷

Những mục tiêu của những cuộc xung đột bất bạo động thường bao gồm tự do và dân chủ, tôn trọng nhân quyền, và pháp trị như là những mục tiêu của cuộc đấu tranh; vì vậy, “phương tiện và cứu cánh” không những chỉ phù hợp với nhau mà còn củng cố lẫn nhau. Khủng bố, với mục đích là gieo sợ hãi trong dân chúng, không thích hợp như là một phương

²⁷ Carl von Clausewitz, *Về Chiến Tranh [On War]* do Michael Howard và Peter Paret biên tập và chuyển ngữ, (Princeton: Princeton University Press, 1976), 73.

tiện để đạt đến dân chủ, vì khủng bố không cổ võ dân chủ hay bất cứ những giá trị nào đem lại xã hội dân sự. Hành động quân sự quy ước chống lại một chế độ bằng những lực lượng đối lập, một hình thức mà kẻ đàn áp luôn luôn có lợi thế quá nhiều đối với những người đối kháng dân sự, thì giới lăm cũng chỉ đưa đến tình trạng bế tắc với những tổn thất khổng lồ, cả quân sự lẫn dân sự, cùng với những hao phí đáng kể về kinh tế. Chiến tranh du kích hầu như luôn luôn đem lại khổ đau lớn lao cho dân chúng dưới bàn tay của tất cả các phe tranh chấp. Có thể hiểu được tại sao kẻ áp bức xem dân chúng như là những người chiến đấu thù nghịch, thu nạp lương thực và các tiếp liệu khác, phá hoại mùa màng, tái định cư dân chúng vào những khu vực được canh gác cẩn thận, hỏi cung rất kỹ nhiều người trong dân chúng, và tuyên bố tình trạng quốc gia khẩn trương rút lui các quyền hay những bảo đảm có thể có trước cuộc xung đột. Mặt khác, du kích quân xem dân chúng như là nguồn thu thuế, lương thực, thu nạp tân binh, và tình báo cho họ. Những người bị nghi ngờ là điểm chỉ viên cho chính quyền thường bị đối xử khắc nghiệt để làm gương cho những gì sẽ xảy ra cho những người khác không hỗ trợ những nỗ lực của du kích. Đối với dân chúng đau khổ thì có rất ít khác biệt giữa các phe tranh chấp -- cả hai bên đều bị xem là những kẻ áp bức cướp bóc tàn bạo.

Các chiến thuật tạo thành lí thuyết sử dụng quân đội tại mặt trận; chiến lược làm nên lí thuyết sử dụng chiến trận cho những mục đích chiến tranh.²⁸

Nhận định này có thể bị sao nhãng khi nhịp độ của cuộc đấu tranh gia tăng, và những quyết định chiến thuật đã được thực hiện mà không quy chiếu chiến lược đã được chọn lựa. Chiến lược quyết định những cuộc giao tranh nào cần phải xúc tiến. Cái ý nghĩ cho rằng chiến lược bất bạo động là kết quả của những hành động bất bạo động đã xảy ra phản ánh một sự thiếu hiểu biết về suy tư chiến lược. Tài nguyên cho một cuộc đấu tranh bất bạo động luôn luôn thiếu. Sử dụng những tài nguyên này mà không có mục đích chiến lược là chấp nhận rủi ro mà không thể có được một thắng lợi nào cả.

Tuy nhiên, chiến lược không là gì cả nếu không có chiến trận, bởi vì chiến trận là nguyên liệu cho chiến lược, là phương tiện được chiến lược sử dụng.²⁹

Chiến lược bất bạo động hay nhất, cũng vậy, “không là gì cả” nếu không có những hành động hay chiến dịch được xúc tiến để thực hiện

²⁸ Trích của Peter Paret, “Clausewitz”, Những Nhà Thiết Kế Chiến Lược Tân Tiến, Paret biên tập., 190.

²⁹ Như trên

chiến lược đó. Nếu nguyên liệu cho chiến lược là chiến trận, thì “nguyên liệu” cho chiến trận bất bạo động là dân chúng, được tổ chức, được huấn luyện, và được lãnh đạo một cách khéo léo. Tùy thuộc vào những mục tiêu và những khả năng hiện có mà các tổ chức phải có khả năng giao tranh với đối phương bằng những vụ phản đối, những hành động bất hợp tác, và can thiệp. Nơi nào thiếu vắng những khả năng cần có để tranh thủ các mục tiêu đã được xác định, thì huấn luyện có thể cần thiết để gây dựng khả năng để cho những cuộc đụng độ có thể thành công. Áp bức, muốn bị đánh bại, cần phải được đối đầu bằng đấu tranh.

Chiến tranh là một hành động của sức mạnh ép buộc địch phải thực hiện ý muốn của mình.³⁰

Cũng giống như bom, pháo binh, thiết giáp và bộ binh, nếu được giàn trận đúng đắn, thì sẽ thành công; những phương pháp đấu tranh bất bạo động cũng vậy, cũng có thể ép buộc đối phương “thực hiện ý muốn của mình”. Một chiến lược được thiết kế giỏi với những kế hoạch hỗ trợ và những người lãnh đạo thuộc tầng lớp dân dã được huấn luyện sẽ tạo nên một lực lượng hùng mạnh dẹp tan được chính những nguồn sức mạnh cần thiết cho sự sinh tồn của chế độ. Đôi khi những phong trào đấu tranh bất bạo động tìm cách thương thảo với đối phương như là mục tiêu của cuộc đấu tranh. Điều này có thể là một sai lầm chiến lược vì nhiều lí do, bao gồm sự kiện là thương thảo có thể không đưa đến chiến thắng dứt khoát. Những cuộc thương thảo cần phải được xem như là những “phương tiện”, chứ không phải là “cứu cánh”.

Phong trào bất bạo động sẽ mất đà nếu dân chúng được yêu cầu ngưng những hoạt động tấn công để hỗ trợ những cuộc thương thảo. Phe muốn thương thảo thường được xem như là không có khả năng hoặc không sẵn lòng tiếp tục cuộc đấu tranh, vì vậy, không thể “ép buộc” địch thực hiện ý muốn của mình được. Do đó, nếu thương thảo được cân nhắc như là một mục tiêu trung hạn của chiến lược, thì yêu cầu một thành phần thứ ba kêu gọi thương thảo có thể là một điều thích hợp. Trước khi đi đến một thoả thuận về thương thảo, các nhà lãnh đạo phong trào bất bạo động phải có khả năng ép buộc tuân thủ những điều kiện đã được đồng ý ở bàn hội nghị. Nếu không thì họ sẽ mất ở bàn hội nghị những gì họ có thể đã tranh thủ được nếu tiếp tục đấu tranh. Khi lực lượng bất bạo động đã tranh thủ được đủ sức mạnh để ép buộc chế độ đến bàn hội nghị thương thảo và thi hành các điều kiện của thoả hiệp, thì lúc bấy giờ chế độ đã bị suy yếu rồi.

³⁰ Carl von Clausewitz, *Về Chiến Tranh [On War]*, Biên tập và chuyển ngữ bởi Michael Howard và Peter Paret, (Princeton: Princeton University Press, 1976), 73.

Hình phạt mà quý vị đòi đối thủ phải chịu càng nhỏ, thì quý vị có thể nghĩ là đối thủ sẽ cố gắng ít hơn và từ chối hình phạt đó; đối thủ càng ít cố gắng, thì chính quý vị cũng sẽ càng ít cần cố gắng. Hơn nữa, mục đích chính trị của chính quý vị càng khiêm nhường, thì quý vị sẽ càng thấy mục đích này ít quan trọng và quý vị càng ít miễn cưỡng khi bỏ rơi mục đích này, nếu cần phải bỏ.³¹

Như đã nói trong những chương trước, ở những giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh bất bạo động vì muốn cải tổ chính trị, mà nhóm đấu tranh bất bạo động đã đưa ra cho chính quyền những yêu sách bất khả nhượng không thể thực thi được là một điều bất cần. Những yêu sách đối với bất cứ một đối thủ nào cũng phải phù hợp với khả năng áp đặt sự thay đổi đó. Thay vì mạo hiểm thất bại trong việc tranh thủ những đòi hỏi lớn lao, thì chiến lược tốt hơn là chọn những vấn đề nhỏ hơn nhưng có xác suất thành công cao. Hơn nữa, những vấn đề ít mạo hiểm, có vẻ phi chính trị thường được xem như là không đe dọa, không quan trọng, và có lẽ không đưa đến kết quả đàn áp. Phương thức thích nghi được mô tả ở Chương 4 rất thích hợp để sử dụng trong những trường hợp này. Các loại vấn đề như thế này cũng có thể được sử dụng như những “con cò mặ c cả” trong những cuộc thương thảo có thể xảy ra vì thoả hiệp về những vấn đề này có thể không gây những tác hại trầm trọng cho phong trào.

Một cân nhắc then chốt trong việc thiết kế các giao tranh áp đảo là phải biết khi nào cần phải tuyên bố chiến thắng để tránh những va chạm không cần thiết với đối phương trong những điều kiện của họ. Nếu những mục tiêu của một cuộc đấu tranh nào đó đã đạt được, thì cần phải cân nhắc cẩn thận những nguy cơ tiềm năng trước khi thúc đẩy những mục tiêu mới. Về nguyên lí cơ bản biết khi nào cần phải tuyên bố chiến thắng, người ta có thể lập luận rằng vào năm 1989 sinh viên ở Thiên An Môn lẽ ra đã phải tuyên bố chiến thắng và phân tán ngay trước khi Quân Đội tấn công bằng thiết giáp và bộ binh. Thay vì củng cố một chiến thắng dù không trọn vẹn nhưng có ý nghĩa, phong trào đã phải chịu thất bại, mất đi hầu hết tất cả những gì đã tranh thủ được trong mấy tuần trước đó.

Gandhi

Không có một cuộc thảo luận nào về đấu tranh bất bạo động chiến lược mà bỏ lơ được hiệu lực của lãnh đạo phong trào độc lập Ấn Độ vào đầu thế kỉ thứ hai mươi được. Mohandas K. Gandhi (1869-1948) sinh tại Ấn Độ và được đào tạo làm luật sư. Ông đi Nam Phi năm 1893, và trong lúc ở đó, ông đã tham gia những cuộc phản đối chống kì thị. Ông trở về Ấn Độ năm 1915 và tham gia phong trào quốc gia đấu tranh cho nền độc lập.

³¹ Như trên

Gandhi đã chứng tỏ một trong những đặc tính nền tảng nhất của một nhà lãnh đạo – liên tục tận tâm với một chiến lược sâu sắc dù bị trở ngại. Nếu một chiến lược đã được dựa trên những phân tích cẩn thận về tình hình và đối chiếu các lực lượng, thì người lãnh đạo có thể thay đổi chiến thuật của mình, chứ không nên bị lay chuyển về sự quyết tâm của mình đối với chiến lược đó trong cơn rối ren của trận chiến. Gandhi đã thoả mãn được yêu cầu đặc biệt này của một vị tướng lãnh. Ông đã khám phá ra được cái nhìn sáng suốt về quyền lực chính trị. Ông biết rằng nhận định đó là chân lí, và suốt hơn nửa thế kỉ ông không hề suy suyển về nhận định này. Chân lí đó là “một nhà cai trị không thể cai trị được nếu dân chúng không tuân phục”. Từ chân lí này, ông đã khai triển thành một mô hình quan niệm và phác hoạ ra một chương trình toàn bộ xói mòn khả năng và ý muốn của nước Anh tiếp tục đặt nền cai trị lên xứ Ấn Độ.

Gandhi không phải là người đầu tiên cũng không phải là người duy nhất kết luận là các nhà cai trị sẽ bất lực nếu không có sự hỗ trợ và hợp tác của dân chúng. Gene Sharp trong cuốn *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*] nhắc đến một triết gia Pháp vào những năm 1500, Étienne de la Boétie.

Lúc 18 tuổi, Boétie đã viết:

... Nếu họ [những nhà chuyên chế] không được cho gì cả, nếu họ không được tuân phục, thì không cần đánh nhau, không cần phải đánh một đòn nào cả, họ sẽ bị trần trụi và thua cuộc, và không làm gì thêm được nữa, cũng giống như một rễ cây, không có đất, thì cành cây sẽ héo đi và chết³².

Năm 1908 Leo Tolstoy mô tả cái nghịch lí thiết yếu của đế quốc Anh và sự nô lệ tình nguyện. Nói về vấn đề cụ thể của Ấn Độ, Leo Tolstoy viết trong “Bức Thư Gửi cho một Người Ấn Giáo” của ông:

Một công ti Thương Mại nô lệ hoá một quốc gia gồm có hai trăm triệu người. Nói điều này với một người không tin dị đoan thì ông ta sẽ không nắm bắt được ý nghĩa của những lời nói này là gì. Ba chục ngàn người... đã bắt hai trăm triệu người phải khuất phục nghĩa là gì...? Những con số này phải chăng đã không nói rõ là không phải người Anh nô lệ hoá người Ấn Độ, mà chính người Ấn Độ đã tự nô lệ hoá mình hay sao?³³

Gandhi, năm 1920, cũng đã phát biểu cùng một quan điểm như thế: “Không có một chính quyền nào -- đừng nói gì chính quyền Ấn Độ, có thể tồn tại nếu người dân ngưng phục vụ chính quyền đó.”³⁴

³² Trích trong Sharp, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động*, I:34.

³³ *Như trên.*, I:13.

³⁴ Trích trong Sharp, Phần Chú Thích, *Gandhi Như Là một Chiến Lược Gia Chính Trị* [*Gandhi as a Political Strategist*], (Boston: Porter Sargent Publishers, 1979), 44

Gandhi tin tưởng là những nguyên nhân gốc rễ của việc người Ấn Độ khuất phục nền cai trị của người Anh là do những ảnh hưởng của lịch sử và văn hoá. Để vượt qua những hậu quả thối nát của sự khuất phục nền cai trị của người Anh, Gandhi đã thiết kế một “Chương Trình Xây Dựng” mà nếu đeo đuổi được thành công thì sẽ thay thế cái nhân cách khuất phục bằng sự tự trọng cá nhân và tập thể, và tìm cách biểu lộ trong khả năng và ý muốn của nhân dân Ấn Độ minh chứng sự bất tuân và bất hợp tác với những nhà cai trị xâm chiếm quốc gia Ấn. Năm mục đích của chương trình này là:

- Cổ vũ sự biến đổi người dân Ấn Độ thành những người có tự trọng và nhân phẩm;
- Khuyến khích giảm lệ thuộc vào những cơ chế của người Anh;
- Đeo đuổi một cuộc đấu tranh sinh động giành độc lập;
- Phân biệt giữa “người” (người Anh và những người Ấn Độ hỗ trợ họ) và “chánh sách”;
- Giành và duy trì thể thượng phong về đạo đức bằng cách cải thiện tầm mức đạo đức cá nhân và tập thể của người Ấn Độ.

Mỗi thành phần hay mục đích có thể được đeo đuổi riêng biệt và cộng chung lại với nhau sẽ có tác dụng cộng hưởng lên toàn bộ nỗ lực bất hợp tác. Sự tham dự của tất cả mọi thành phần trong xã hội Ấn Độ được xem là thiết yếu. Một khi người dân thực hiện được tiến bộ trong mỗi một mục đích, tự tin sẽ gia tăng, và họ thông hiểu được ý nghĩa của mục đích và vai trò của họ trong phong trào.

Phương tiện để xúc tiến đấu tranh bất bạo động như Gandhi hình dung là *Satyagraha* (thường được dịch là “Sức Mạnh của Sự Thật”), một loại bất tuân dân sự có nguyên tắc chống lại những luật pháp bất công và bao gồm quan niệm *ahimsa* là ý niệm không nên hại bất cứ một sinh vật nào.

Satyagraha của Gandhi là quyết tâm trung thành với Sự Thật. Nó là sự kiên trì đối với một lí tưởng công chính được đeo đuổi bằng hành động bất bạo động. Nó không phải là đối kháng thụ động. Ngược lại, nó được đặt trên căn bản hành động. Nó tấn công kẻ áp bức bằng cách cắt đứt những nguồn sức mạnh qua những hành động bất hợp tác và bất tuân tập thể. Đồng thời *Satyagraha* còn có những nỗ lực cải hoá nhằm “thay đổi tâm hồn” của kẻ áp bức muốn thấy dân chúng phải chịu đựng bất công. Lí tưởng thì chỉ có những người chấp nhận bất bạo động như là tín ngưỡng của riêng mình mới thực hành *Satyagraha*, nhưng Gandhi, đối diện với những thực tại của một thế giới không toàn hảo, đã không loại bỏ những người không phải là tín đồ tham gia vào đấu tranh bất bạo động. Gandhi còn khám phá ra được ngay cả những người đã từng thực hành

bạo động có thể thích nghi nhanh chóng với những yêu cầu của đấu tranh bất bạo động. Do đó, *Satyagraha* có thể vừa là chánh sách của Quốc Hội, đồng thời, vừa là tín ngưỡng cho nhiều cá nhân trong phong trào.

Ngài Basil Liddell Hart

Ngài Basil Liddell Hart (1895-1979) mục kích trận chiến với tư cách một Sĩ Quan Quân Đội Anh trong Thế Chiến Thứ I. Sau khi về hưu vì lí do sức khoẻ, ông đã trở thành phóng viên quân sự cho nhiều nhật báo Anh nổi tiếng và viết rất nhiều về những đề tài quân sự. Được đặc biệt chú ý ở đây là nhận định chiến lược của ông về nguyên tắc của những mục đích giới hạn hay là “phương cách gián tiếp” của ông. Thay vì tấn công đối phương ở chỗ mạnh nhất, Hart cố thuyết phục là nên nhắm vào những mục tiêu trung gian để kéo địch ra khỏi những chỗ mạnh và đánh lạc hướng địch để chúng không còn đeo đuổi những mục tiêu của chúng được nữa.³⁵

Ông nói rõ hơn:

Lí do thông thường hơn để sử dụng chiến lược của mục đích có giới hạn là cái lí chờ đợi một sự thay đổi về cân bằng lực lượng -- một sự thay đổi thường được tìm kiếm và đạt được nhờ làm tiêu hao lực lượng địch, làm suy yếu địch bằng những chọc thủng thay vì mạo hiểm những đòn nặng. Điều kiện thiết yếu của một chiến lược như thế là sự tiêu hao của địch phải lớn hơn gấp bội sự tiêu hao của lực lượng của chính mình...bằng cách tạo cho lực lượng địch phải bị phân tán hết sức tản mát; và sau hết nhưng không phải là tệ hơn cả, là bằng cách làm cạn kiệt sinh lực thể xác và tinh thần của địch.³⁶

Những nhận xét của Liddell Hart có thể áp dụng ngay được cho những phong trào bất bạo động chiến lược chống lại những chế độ độc đoán đã từng ăn sâu bén rễ. Điều này đặc biệt đúng cho những giai đoạn đầu của các phong trào đối kháng khi mà các lực lượng của họ chưa có được những tài nguyên và những kĩ năng tập thể cần thiết để có thể tạo được một sự đe dọa tức khắc và khả tín đối với nền cai trị độc đoán. Khi Liddell Hart dùng những từ “chờ đợi một sự thay đổi về cân bằng lực lượng”, ông tiếp theo bằng những gợi ý cụ thể làm sao để ép buộc sự thay đổi này. Cũng như thế, đối với các phong trào bất bạo động, “chờ đợi” không có nghĩa là bất động; trái lại, cần phải thực hiện những hành động tiến công làm suy yếu đối phương và ép buộc những thay đổi về cân bằng lực lượng thuận lợi cho phong trào bất bạo động. Bằng cách chọn những mục tiêu trung gian tránh những đụng độ trực tiếp với đối phương ở những điểm mà đối phương mạnh nhất, những cuộc tấn công gián tiếp kéo đối phương ra xa khỏi những chỗ mạnh và đánh lạc hướng đối phương để đối phương không còn đeo đuổi những mục tiêu của họ nữa.

³⁵ “Sir Basil Liddell Hart” Infoplease Online Encyclopedia 30 tháng 11 2003 (<http://www.infoplease.com/ce6/people/A0829707.html>).

³⁶ Basil Liddell Hart, *Chiến Lược [Strategy]*, (New York: Frederick A. Praeger, 1956), 335.

Tóm Lược

Trong chương này, những nhận định được tuyển chọn của bốn chiến lược gia đã được cân nhắc để chứng minh những nhân tố nào đã ảnh hưởng đến suy tư của họ và để nhấn mạnh sự chú trọng liên tục của họ vào các mục tiêu. Việc những nhận định này có thể được áp dụng vào đấu tranh bất bạo động ngày nay cũng đã được thảo luận. Trong mọi trường hợp, chiến lược gia cần phải có khả năng nhìn thấy nguyên nhân cả khu rường, chứ không chỉ những cây riêng rẽ mà thôi.

CHƯƠNG MƯỜI

SỢ HÃI

Không sợ hãi có thể là một tính bẩm sinh, nhưng có lẽ quý hơn nữa là lòng can đảm có được nhờ nỗ lực, lòng can đảm đến từ việc vun trồng tập quán từ chối để cho sợ hãi quyết định hành động của mình, lòng can đảm có thể được mô tả như là “sự trang nhã trước áp lực”-- một sự trang nhã liên tục được đổi mới dù bị áp lực khắc nghiệt và dai dẳng.³⁷

--Aung San Suu Kyi

Sợ đau đớn về thể xác là một cảm xúc mà con người ai ai cũng có kinh nghiệm trong đời sống của mình. Trong lúc tần số và cường độ của cảm xúc này biến đổi thì tác dụng của nó đối với trí óc và hành vi của chúng ta cũng biến đổi. Một lí do chính yếu bắt người ta tuân phục một bạo chúa là sợ sợ hãi những trừng phạt vì bất tuân. Sự đau đớn thể xác là sự sợ hãi có tầm mức lớn hơn sự sợ hãi mất việc làm hay mất hưu liễm do chính quyền cung cấp. Sự chết là một sự sợ hãi bẩm sinh chỉ có thể quên đi được bởi những người được thúc đẩy bởi bản năng làm mẹ luôn che chở cho con bất kì nguy hiểm nào xảy ra. Điều mà một vài người không hiểu được là sợ hãi là một phản ứng thông thường đối với một sự đe dọa cảm nhận được. Đó là một phản ứng được di truyền cài vào bộ óc của chúng ta để bảo vệ chúng ta chống lại hay giúp chúng ta sống còn trước những đe dọa đến tính mạng. Sự sợ hãi là một phản ứng theo bản năng của tất cả mọi loài vật đối với đe dọa, không được gắn liền với một giá trị luân lí nào cả. Sự sợ hãi không có gì phải đáng xấu hổ cả.

Giá trị của sự sợ hãi là khi nhận ra được những tác nhân kích thích sợ hãi, chúng ta được cảnh báo về sự nguy hiểm có thể xảy đến cho thân xác, và cơ thể của chúng ta, theo bản năng, tự chuẩn bị để hành động. Bản năng cung ứng cho chúng ta hai đường lối hành động -- bỏ chạy hay đánh lại, với ưu tiên dành cho bỏ chạy. Phản ứng này thường được quan sát ở loài vật khi, để tránh nguy hiểm, súc vật sẽ bỏ chạy khi nhận thấy nguy hiểm. Nếu nó bị bất ngờ và không thể chạy được, thì nó sẽ “cóng lại” và bất động, hi vọng là con dã thú sẽ không nhìn thấy nó và tiếp tục đi. Chỉ khi nào đến đường cùng thì con vật mới đánh lại một cách dữ dội để tự vệ mà thôi. Con người, được phú cho một khả năng có thể nhìn thấy quá tầm mức của sự đe dọa tức thời, có thể sử dụng lí trí, thay vì bản năng,

³⁷ Aung San Suu Kyi, *Tự Do Khỏi Sợ Hãi và Những Bài Viết Khác* [*Freedom from Fear and Other Writings*], (New York: Penguin Books, 1991), 184.

để hướng dẫn phản ứng của mình đối với hiểm nguy. Thông hiểu được những nguyên nhân và hậu quả của sợ hãi, chúng ta có thể chuẩn bị cho những hoàn cảnh gây sợ hãi đã được tiên đoán để giảm thiểu những hậu quả của sự sợ hãi lúc ban đầu đối với hành vi của mình.

Chức Năng Sinh Lí của Sợ Hãi

Những đặc tính thể chất của sợ hãi là kết quả đem lại do sự tuôn trào gia tăng của các tế bào thần kinh thuộc hệ thần kinh tự động. Điều này làm cho các mạch máu ở da và đường ruột go lại, do đó làm cho nhiều máu chảy về tim (làm cao áp huyết) và các bắp thịt hơn. Sợ hãi cũng làm tim đập nhanh hơn và mạnh hơn và nhịp thở gia tăng (đưa nhiều dưỡng khí hơn đến các bắp thịt). Kích thích hệ thần kinh tự động làm cho nang thượng thận tiết ra nhiều chất adrenaline, cùng với những hóc-môn khác, làm cho gan tiết ra những lượng lớn chất đường vào trong máu làm tăng thêm nguồn sinh lực cho các bắp thịt.

Trong lúc các chuẩn bị cho công việc chiến đấu này đang tiến hành, thì cơ thể cũng tự chuẩn bị để tồn tại khi bị những thương tích có thể xảy ra đe dọa đến tính mạng. Các cơ vòng, những bắp thịt ở cuối đường ruột và bàng quang giãn ra, đôi khi gây đại tiện và tiểu tiện ngoài ý muốn.

Con người có kinh nghiệm về những hậu quả này. Chúng ta đã từng ngay cả phát biểu những kinh nghiệm này bằng lời nói. Ví dụ:

“CHẤM LẠNH” rồi! Máu chạy từ bàn tay, bàn chân trở về những cơ quan quan trọng nhất để sinh tồn.

“Tóc sau gáy của tao đã dựng đứng lên rồi.”

“Tao sợ quá.”

“Tao đái trong quần rồi” hay “Tao ỉa trong quần rồi.”

Ngượng ngùng, vâng. Nhưng chúng ta không nên lấy làm tủi nhục vì bản năng tồn tại của Thiên Nhiên đã vận hành đúng đắn.

Thắng Lướt Hậu Quả của Sợ Hãi

Đấu tranh bất bạo động chiến lược đòi hỏi dân chúng phải có hành động tập thể. Điều này có nghĩa là dân chúng cần phải thắng lướt những hậu quả của sợ hãi để có thể đối đầu với những trừng phạt bằng vũ lực mà chế độ có thể áp đặt lên họ. Dĩ nhiên là nếu các tác nhân kích thích sợ hãi có thể tránh được, thì gây chuyền các diễn biến tạo nên sợ hãi sẽ không xảy ra. Tuy nhiên, trên thực tế, nhắm mắt, bịt tai và làm tê liệt các giác

quan sẽ làm cho dân chúng phân tán và hành động như là những cá nhân.

Khi lập kế hoạch cho một cuộc đưng độ mà vẫn ghi nhớ quan niệm chạy trốn khỏi những tác nhân kích thích sự sợ hãi và cân nhắc những hành động tránh giao tranh với đối phương trong những điều kiện của họ có thể là một điều thích hợp. Người ta có thể thiết kế những phương thức thực tiễn nhằm giảm thiểu con số những diễn biến kích động sự sợ hãi quá mức. Một thí dụ về nỗ lực giảm thiểu sợ hãi giữa những người tham gia trong một cuộc đấu tranh bất bạo động rất có thể bao gồm việc chọn lựa thời gian và địa điểm cho một cuộc biểu tình, cũng như nhanh chóng tuyên bố “chiến thắng” rồi giải tán trước khi các lực lượng chống biểu tình của chế độ tấn công. Vẫn còn một cách khác làm giảm đi sự sợ hãi tham gia vào một phong trào đấu tranh bất bạo động có thể là bằng cách tiến hành nhiều diễn biến ở những thành phố lân cận bắt buộc cảnh sát phải phân tán lực lượng, và vì vậy làm giảm số lượng cảnh sát cho mỗi diễn biến.

Bất ngờ thường đưa đến kết quả rối loạn. Bằng cách chuẩn bị những người hành động bất bạo động cho diễn biến, người ta có thể tránh được bất ngờ. Bao gồm trong các chuẩn bị này là những lời cắt nghĩa để làm sáng tỏ mục tiêu của hành động, để xác định một cách chính xác những biện pháp phản công có thể xảy ra của cảnh sát hay của những lực lượng quân đội, để lập kế hoạch cẩn thận cho hành động, và khi có thể được, tập dợt lại các phần hành của những tham dự viên nòng cốt. Cắt nghĩa cho những người tham gia những gì họ có thể thấy (các di chuyển của những lực lượng của chính quyền), nghe (tiếng dùi cui đánh vào khiên, tiếng lưỡi lê cắm vào súng, v.v.) và những sinh hoạt nào sẽ xảy ra trong hàng ngũ những người chống đối là một điều thích hợp.

Cung cấp cho mỗi người tham dự những hướng dẫn cho hành động là một bước quan trọng trong việc cổ xúy kỉ luật. Hành động đồng bộ, có phối hợp, trước áp lực, không thể thực hiện được nếu không có một mức độ kỉ luật nào đó. Những người tham dự cần phải được nhắc nhở về sự khác biệt giữa những hành động của một đám đông hỗn loạn và hành động của một lực lượng bất bạo động tranh đấu cho thay đổi. Khi còn là học sinh, tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm về những “thực tập cháy nhà” theo đó học sinh được hướng dẫn theo hàng một đi qua các hành lang và cửa ra đến một địa điểm tập họp ở bên ngoài. Trong vòng một hay hai phút cả trăm học sinh hoặc nhiều hơn được đưa đến một khu vực an toàn. Các giáo sư biết phải làm gì và làm như thế nào và học sinh vâng lời. Hãy so sánh hành động có kỉ luật này với những gì đã xảy ra khi

các rạp hát hay các hộp đêm bị hoả hoạn. Mọi người đều hốt hoảng và cả hàng trăm khách đều cùng cố tuôn ra cửa cùng một lúc. Kết cuộc là ít người, nếu thực sự có được người nào, thoát ra khỏi cửa an toàn. Bài học đã rõ ràng. Có một kế hoạch tốt, cần nắm chắc là những người tham gia biết kế hoạch này, và những người lãnh đạo cần bảo đảm là kế hoạch phải được thi hành.

Sự tin tưởng ở những người lãnh đạo giúp người ta có lòng tin nơi những người tham gia đấu tranh bất bạo động, và lòng tin này làm giảm bớt đi hậu quả của sự sợ hãi rất nhiều. Những người mới tham gia vào những cuộc đấu tranh bất bạo động có thể có được lòng tin bằng huấn luyện thích hợp và bằng sự chứng minh mỗi quan tâm và thông cảm do những người lãnh đạo biểu lộ đối với sự lo âu của họ. Tiếp theo là cần phải làm cho người ta an lòng. Ví dụ, nếu một người lãnh đạo không đứng vào hàng đầu của một cuộc biểu tình thì cần phải nói cho người mình biết lí do tại sao và mình sẽ ở đâu. (“Nếu tôi đứng ở hàng đầu thì không thể quan sát những gì xảy ra được và không thể liên lạc với những người lãnh đạo khác hay là không thể điều phối những thay đổi có thể cần để ngăn chặn những tổn thất không cần thiết. Quý vị nên nhớ là tôi sẽ là người tuyên bố chiến thắng để chúng ta rút lẹ khỏi đây.”).

Những người lãnh đạo, ngoài việc cất nghĩa hành động và những nguy hiểm sắp xảy ra, còn phải nhắc nhở những người tham gia lí do tại sao họ đã dấn thân tranh đấu đòi thay đổi chính trị. Hành động cụ thể này liên hệ vào hỗ trợ chiến lược toàn bộ như thế nào cũng cần phải được nhấn mạnh. Những người tham gia cũng cần phải được cho biết là hành động này cũng còn phản ánh sự lớn mạnh của phong trào và làm gương khuyến khích cho những người khác là thách thức bạo chúa bằng tập thể dân chúng là một điều có thể thực hiện được.

Khi thiết kế những diễn biến cho những cuộc đấu tranh bất bạo động, những người lãnh đạo cần phải cân nhắc những biện pháp ngăn ngừa dân chúng cảm thấy mình đơn độc. Trong những hành động công cộng, như là những cuộc biểu tình, giữ cho người dân gần nhau đủ để họ có thể chạm vào người khác, nắm tay nhau và phát biểu (hô hào, ca hát, và nói chuyện với nhau) là những cách nhắc nhở liên tục là họ không đơn độc. Trang phục giống nhau và các kí hiệu là những nâng đỡ tâm lí cung ứng một sự liên kết bằng mắt với những người khác cùng chia sẻ những niềm tin và sự dấn thân chung.

Những yếu tố quan trọng khác trong việc lập kế hoạch đáng được cân nhắc kĩ lưỡng là những hành động nhằm mục đích giảm thiểu mức độ sợ hãi của lực lượng đối phương tại địa điểm đấu tranh bất bạo động. Cảnh

sát cần được thông báo là họ sẽ không bị nguy hại và cuộc biểu tình chỉ là ôn hoà. Lời nói phải được củng cố bằng hành động. Ví dụ, những gương mặt có thiện cảm và trò chuyện cần được khuyến khích. Có lẽ nên để các thành viên trong gia đình, bạn bè hay những người khác mà cảnh sát quen biết ở những hàng đầu để giảm bớt ý nghĩ là nhóm người đối diện họ là một đe dọa về thể xác. Một cá nhân có vũ trang khi hoảng hốt có thể bắt đầu một phản ứng bạo động gây chuyền một cách không chủ ý.

Trong trường hợp có bạo động xảy ra thì cần phải có kế hoạch chăm lo cho những người bị thương tích có thể có. Nhân viên y tế và các trợ tá có huấn luyện phải có sẵn để lo cấp cứu. Sự kiện có sẵn sự chăm lo y tế này sẽ làm cho những người biểu tình an lòng. Đề cập đến sự hỗ trợ này thì có thể chấp nhận được, nhưng nói nhiều về điểm này và những tổn thất có thể xảy ra có thể gây nên một phản ứng sợ hãi tai hại. Mỗi người biểu tình cần mang theo một tấm vải trắng sạch để sử dụng cho việc băng bó cho mình, giúp cho các trợ y khỏi cần mang theo tiếp liệu quá nhiều. Tại sao lại dùng vải trắng? Vì sẽ thấy rõ hơn trong phim ảnh! Ngay cả đồ vật đơn giản như là tấm băng trắng cũng có thể có lợi rất nhiều. Các nhiếp ảnh gia sẽ chụp hình cuộc biểu tình, và, nếu có thương tích, thì người ta sẽ tìm những bức hình nào lôi kéo được sự chú ý của truyền thông đại chúng quốc tế. Có thể là một trong những bức hình này sẽ được hàng trăm triệu người xem, nhưng những người bị thương nên chú tâm vào việc chữa trị vết thương của mình thay vì chăm lo những việc hời hợt và tầm thường như là chải lại tóc hay tô điểm phấn son cho giây phút huy hoàng của mình. Cần phải chụp lấy bất cứ cơ hội nào để gửi đi thông điệp của cuộc đấu tranh bất bạo động.

Trong thời gian cuộc diễn biến mỗi người đều cần được giao phó một công tác rõ rệt cần phải hoàn tất, đòi hỏi phải được chú ý hoàn toàn. Những người lãnh đạo cần nhấn mạnh là những công tác này phải được thi hành. Chú tâm vào công tác được giao phó sẽ giảm bớt cơ hội nghe và thấy những gì xảy ra ngay chung quanh mình. Những chi tiết li ti có thể giúp người ta kiềm chế được sợ hãi. Một vài người cần được giao phó nhiệm vụ giữ hàng ngũ ngay đường thẳng lối. Những người khác cần phải lo bảo đảm là các biểu ngữ phải đứng chiều cao. (Đặt các biểu ngữ trước những người biểu tình ở một chiều cao chặn những người biểu tình nhìn thấy cảnh sát giàn hàng giúp giảm bớt sợ hãi). Một số người có thể được yêu cầu quan sát và phúc trình những hoạt động chung quanh đoàn biểu tình. Những người khác nữa có thể được yêu cầu phân phát nước uống để tránh tình trạng mất nước nơi những người biểu tình. Sẽ cần phải có những người chịu trách nhiệm khởi xướng hô hào các khẩu hiệu,

ca hát. Khuyến cáo rất đơn giản: Những người lãnh đạo phải làm cho tất cả mọi người bận rộn.

Trên bình diện riêng tư có những cân nhắc về cảm xúc có thể giúp giảm bớt những hậu quả của sợ hãi. Chấp nhận sợ hãi là bình thường có nghĩa là có kinh nghiệm sợ hãi không phải là chỉ dấu của một người hèn nhát. Tin tưởng là lí tưởng đấu tranh xứng đáng với những mạo hiểm cần phải chịu sẽ củng cố sự dẫn thân cho hành động. Tính tâm và những lễ nghi tôn giáo sẽ đem lại hiệu quả an định tâm hồn, và đặt cuộc đấu tranh trong một bối cảnh rộng lớn hơn và vào trong một cộng đồng tin đồ rộng lớn hơn. Cũng quan trọng là bổn phận đạo đức đối với những người lệ thuộc vào sự thành công của việc thi hành các trách nhiệm được giao phó. Ngược lại với sự hùng biện ái quốc của một quốc gia lâm chiến, có rất ít những hành động dũng cảm xảy ra như là kết quả của lòng yêu tự do, dân chủ, và pháp trị. Hầu hết những hành động dũng cảm đều là do kết quả của lòng trung thành và tận tụy đối với những người bạn đồng hành với mình.

Tóm Lược

Ý thức được sợ hãi là một tình trạng tự nhiên, chúng ta không nên kết án người khác, hay là cảm thấy tủi nhục khi chính chúng ta có kinh nghiệm sợ hãi. Mặt khác, nếu người ta đã thành công trong việc tự giải phóng khỏi một chế độ cai trị bằng sự sợ hãi, thì người ta hẳn đã thông hiểu những phương pháp và những kĩ thuật để thắng lướt những hậu quả tai hại của nó. Trong mục đích này, kiến thức, kỉ luật và lập kế hoạch cẩn thận đã chứng tỏ là hữu hiệu.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

LÃNH ĐẠO

Những người lãnh đạo giỏi làm cho người ta cảm thấy mình đang ở ngay chính trọng tâm của sự việc, chứ không phải ở ngoài biên. Ai cũng cảm thấy là mình đã đóng góp đáng kể vào sự thành công của tổ chức.

--Warren G. Bennis, tác giả của *Để Trở Thành Nhà Lãnh Đạo [On Becoming a Leader]*

Chất xúc tác biến đổi lí thuyết và các ứng dụng của đấu tranh bất bạo động thành hành động hữu hiệu là lãnh đạo. Trong số các vai trò của lãnh đạo trong một cuộc đấu tranh vì dân chủ là huy động quần chúng, làm gương cho những người tham gia trong cuộc đấu tranh, biểu lộ niềm tin khi những người khác tỏ vẻ nghi ngờ kết quả của cuộc đấu tranh, làm những quyết định đúng lúc, và, bảo tồn sự hỗ trợ và hợp tác tự nguyện cần thiết để chiến thắng.

Ở cái thời đại “tạo thần tượng” và “giao tế nhân sự” này thì công chúng đã trở nên yếm thế đối với nhiều nhà lãnh đạo chính trị. Họ đúng khi đặt câu hỏi là người mà họ đang xem hoặc nghe trên ra-điô hay trên truyền hình có thực sự tin những gì mình nói không, hay là hình ảnh đang được trình bày có thực sự phản ánh đúng nhân vật đó hay không. Nhiều người sẽ không ngạc nhiên khi một người nào đó có quan niệm theo Hobbes [quyền tuyệt đối của nhà cai trị] nhưng lại khoác áo của một nhà dân chủ theo lối Jefferson. Nói chung, có rất nhiều người tin là tiền tài, chứ không phải cá tính, quan điểm chính trị, hay tài cai trị, quyết định kết quả của những cuộc bầu cử. Nếu sự mô tả này về những nhà chính trị thực sự đúng với sự mô tả ý nghĩ của nhiều người, thì những thử thách mà những người lãnh đạo gặp phải thật là lớn lao. Dĩ nhiên là một vài nhà lãnh đạo cấp quốc gia khác hẳn với những nhận định của quần chúng về những nhà lãnh đạo chính trị nói chung. Nelson Mandela (Nam Phi), Martin Luther King, Jr. (Hoa Kỳ), Lech Walesa (Ba Lan), và Aung San Suu Kyi (Miến Điện) là những trường hợp ngoại lệ đặc biệt đối với những nhận định tổng quát về các nhà lãnh đạo cấp quốc gia.

Khi quãng cách giữa nhà cai trị và dân chúng trở nên quá lớn đến độ người dân không còn có ảnh hưởng hay sự kiểm soát có ý nghĩa đối với những hành động hay chính sách của chính quyền nữa, thì những người tìm cách cải cách dân chủ thường xuyên gặp phải sức mạnh ghê gớm của nhà nước đàn trấn chống lại họ. Trong những trường hợp như thế, lãnh đạo hữu hiệu có thể đem lại tin tưởng và sự can đảm trong dân chúng để cùng hành động tập thể nhằm phục hồi sự cân bằng quyền lực chính trị cổ võ tự do và công lí cho cá nhân.

Có một số nét hay là đặc điểm chung về lãnh đạo được quan sát ở những nhà lãnh đạo hữu hiệu-- cấp quốc gia hay địa phương -- của cả những cuộc đấu tranh vũ trang lẫn không vũ trang. Và mặc dù có nhận

định là những nhà lãnh đạo thực sự vĩ đại của những cuộc đấu tranh được sinh ra để lãnh đạo, nhưng trong ý nghĩa thực tiễn, những nét căn bản của lãnh đạo có thể chia sẻ bằng giáo dục, huấn luyện và kinh nghiệm. Đấu tranh bất bạo động chiến lược đòi hỏi hàng ngàn, nếu không phải là hàng chục ngàn người nhận lãnh những trách nhiệm lãnh đạo suốt thời gian cuộc đấu tranh nếu muốn thành công trong việc ép buộc những chế độ độc đoán chịu khuất phục ý dân. Trong bối cảnh của một cuộc đấu tranh bất bạo động, những nét được thảo luận dưới đây được nêu lên cho công việc xét định nhằm tăng sức mạnh cho phong trào.

Những Nét của Lãnh Đạo

1. Làm gương

Sau một thời gian, bất cứ tổ chức nào cũng sẽ phản ánh những phẩm chất và đặc tính của người lãnh đạo. Một người lãnh đạo dùng chức vụ của mình vì tư lợi không nên ngạc nhiên khi thấy nhân viên thừa hành cũng đều làm như vậy. Thối nát hệ thống không thể tránh được nếu những người lãnh đạo thối nát. Nơi nào những người lãnh đạo chứng tỏ sự trung thực, cần mẫn, can đảm, và kính trọng đối với người khác, thì những đặc tính này cũng được biểu hiện ở những người thừa hành. Tất cả những nét và đặc tính mong muốn cho một tổ chức cần được phản ánh qua thái độ và hành vi của những người lãnh đạo của tổ chức đó.

2. Biết Những Người Mình Sẽ Lãnh Đạo

Một người lãnh đạo cần phải chứng tỏ sự chăm lo và lưu tâm đối với những người mình được giao phó lãnh đạo. Ở mức độ toàn quốc, điều này có nghĩa là thông hiểu những dữ kiện thống kê về dân chúng như là dân số học, lợi tức theo nhóm (nông dân, công nhân, giáo chức, công chức, v.v.), trình độ giáo dục, tôn giáo, các sắc dân, nhập cảnh và xuất cảnh, các nguồn của Tổng Sản Lượng Nội Địa, các dịch vụ y tế và xã hội khác. Cũng quan trọng là việc thẩm định giá trị của “công việc mà người ta làm suốt ngày”. Ví dụ, ở Zimbabwe, người ta chịu đựng những khó nhọc phải đứng sấp hàng hàng giờ mỗi ngày để đợi được mua khẩu phần thực phẩm, đối đầu với sự kiện là ít nhất 25 phần trăm dân số bị nhiễm HIV/AIDS, và chấp nhận lạm phát trên 100 phần trăm và thất nghiệp 70 phần trăm. Thực tế cuộc sống của người dân ở đó cho thấy là họ không có thu nhập dư dả, thiếu ăn, và việc kiếm việc làm và kiếm ăn và việc chăm lo cho người bệnh và những thân nhân trong gia đình đang hấp hối làm cho họ có ít thì giờ còn lại để hoạt động chính trị. Như thế là những hoàn cảnh như thế chưa tẻ đủ, nên chế độ đã có những chính sách cố tình bỏ đói các thành viên của đối lập chính trị và gia đình của họ và thường xuyên gửi du đảng đến đánh đập và hãm hiếp họ. Những lời kêu gọi sự hỗ trợ của quần chúng phải phản ánh thực tế cuộc sống hàng ngày của họ.

Những người lãnh đạo cấp cộng đồng cần phải biết tên và biết mặt tất cả mọi người. Những người lãnh đạo phải cố gắng thân quen từng cá nhân về những người hỗ trợ mình, cũng như những người còn đứng hàng hai, và cần nỗ lực chứng tỏ lưu tâm đến họ. Không những những người lãnh đạo cấp địa phương cần phải thường xuyên nhắc nhở những công dân khác là cuộc sống của họ sẽ tốt đẹp hơn với một chính quyền dân chủ, mà còn phải giúp đỡ giải quyết những khó khăn mà người dân có thể đang gặp phải.

3. Thành Thạo Trong Việc Thi Hành Trách Nhiệm

Trong một cơn khủng hoảng, không có gì đưa đến thất bại và mất tinh thần nhanh hơn là một người lãnh đạo không biết công việc của mình. Những quyết định sai lầm đưa đến những nguy hiểm và tổn thất không cần thiết; tin tưởng biến mất và sợ hãi trở nên là chuyện thông thường. Người ta trông đợi người lãnh đạo biết cách làm thế nào để thắng ở mặt trận, dù là một mặt trận quy ước hay là môi trường cũng đầy thách thức như thế của đấu tranh bất bạo động. Ngoài việc đã có rồi hay là được chuẩn bị sẵn cho họ những kĩ năng và kiến thức để xúc tiến các trận chiến, những người lãnh đạo cần phải nhận thức là còn có những khía cạnh khác của lãnh đạo có thể ảnh hưởng đến kết quả của một cuộc đấu tranh. Ở cấp toàn quốc, điều này có thể có nghĩa là nhà lãnh đạo có thể phát biểu khúc chiết lí do tại sao cần phải xúc tiến cuộc đấu tranh, hay có thể có nghĩa là nhà lãnh đạo có khả năng gây cảm hứng cho quần chúng tham gia vào trận chiến. Những kĩ năng khác có thể là tranh thủ được sự hỗ trợ của quốc tế và điều động các tài nguyên cho những chiến dịch mà dựa trên phân tích kĩ lưỡng là có thể thắng được với tổn thất tối thiểu.

Ở cấp cộng đồng, những người lãnh đạo cần biết cách làm thế nào để thẩm định tình hình, chọn những phương pháp bất bạo động để sử dụng nhằm đạt những mục tiêu của kế hoạch chiến dịch, soạn thảo những kế hoạch hành động, và huấn luyện những người tham gia làm thế nào để ứng dụng phương pháp hay những phương pháp đã được lựa chọn cho thành công.

4. Tìm và Lãnh Trách Nhiệm

Hình như là trốn tránh trách nhiệm là một đặc tính của các xã hội ngày nay. Rất thường, mỗi khi chúng ta nói chuyện với một nhân viên phục vụ khách hàng về một vấn đề của món hàng chúng ta mua của họ, thì ưu tiên số một của hãng là làm thế nào để chúng ta hiểu rằng dù vấn đề là gì đi nữa thì cũng không phải là lỗi của họ. Cũng như vậy, phản ứng đầu tiên của một học sinh hỏng thi là đổ lỗi cho thầy. Một nhà lãnh đạo chính trị sẽ nói là quyết định của họ dựa trên thông tin tốt nhất có được lúc bấy giờ, và không thể trách ông ấy hay bà ấy được khi quyết định đó sai lầm. Không được chuẩn bị cho một buổi họp quan trọng thì đổ lỗi vì thiếu thì giờ chuẩn bị, vì những ưu tiên khác, vì chuyện liên quan đến con cái (bệnh, trình diễn âm nhạc, Họp Phụ Huynh Học Sinh). Con bài chủ, Trời

Định, luôn luôn là cách thoái thác trách nhiệm về sự thất bại hay nhất. Tuy nhiên, những người lãnh đạo đấu tranh bất bạo động không phải là những người tầm thường, và cuộc đấu tranh cũng không tầm thường.

Một người lãnh đạo hữu hiệu nhận lãnh trách nhiệm về sự thất bại trong việc tranh thủ các mục tiêu của tổ chức. Nếu có điều gì sai, thì không đổ lỗi cho người khác. Nhà lãnh đạo cần phải chấp nhận là đã có điều sai, nhận lãnh trách nhiệm, sửa đổi sai lầm, học hỏi từ những sai lầm này, và tiếp tục làm việc. Những người tham gia sẽ biết ơn việc lãnh đạo nhận lãnh trách nhiệm về những lỗi lầm của họ. Điều này cũng đem lại cho người lãnh đạo cái thế để thực hiện những sửa sai cần thiết. “Này, các bạn, tôi đã tự nhận khiển trách về lỗi lầm này. Tôi đã không theo dõi sự hướng dẫn của tôi bằng giám sát. Tôi không muốn phải nhận khiển trách vì những lỗi lầm cũ trong tương lai nữa. Chúng ta phải tìm cách làm thế nào để ngăn chặn điều này không cho xảy ra nữa”. Cách bóp nghẹt sáng kiến nhanh nhất là đổ lỗi cho những người cấp dưới. Một phương cách hữu hiệu đối với những lỗi lầm là thừa nhận lỗi lầm thường xảy ra khi tiến hành đấu tranh. Không ai toàn hảo cả. Tuy nhiên, không tha thứ được những người không chịu học hỏi kinh nghiệm lỗi lầm của mình và tái phạm.

5. Nhường Cho Người Khác Nhận Lãnh Công Lao

Khi bàn cãi về một diễn biến thành công, người lãnh đạo giỏi luôn luôn tránh dùng từ “Tôi”. Ông ta dùng từ “Chúng ta”, “Họ”, “Anh/Ông ấy”, “Bà/Cô ấy” -- nhường công lao cho những người dưới quyền mình. Chính những đóng góp của họ đã đem lại thành công. Em bé thông báo là quân đội chính quyền đang tiến đến; bà già bưng nước lại cho những người chống đối tại một cuộc biểu tình; cô gái thiết kế tờ truyền đơn; người đàn ông liều mạng sống để phân phát những tờ truyền đơn này; những người lãnh đạo cộng đồng lập kế hoạch chi tiết cho hành động và những người thi hành kế hoạch này – đây là những người nên được nhận lãnh công lao về những thành công của phong trào.

Nhà lãnh đạo có thể là một chiến lược gia hay là một nhà chiến thuật xuất sắc nhất trên thế giới – nhưng những tài năng của ông ta sẽ không có nghĩa gì cả nếu những ý kiến và những quan niệm hành động của ông ta không được người khác thi hành. Kết quả của phương cách lãnh đạo bằng cách nhường công lao cho người khác là mỗi một cá nhân đều bắt đầu tin rằng mình là quan trọng, rằng thành công tùy thuộc vào sự đóng góp của mình, và rằng sự đóng góp của mình được tán thưởng.

6. Lòng Trung Thành

Trung thành trong một xã hội dân chủ không đơn giản. Đó là một con đường hai chiều đòi hỏi các thành viên của tổ chức hỗ trợ những lãnh đạo họ và những người lãnh đạo, đến lượt mình, phải tôn trọng và quan tâm đến những người hỗ trợ mình. Trung thành không có nghĩa phải là một

người chỉ “dạ vâng”, tuân phục tuyệt đối bất cứ điều gì chủ dạy. Thực ra, điều đó có thể là một hành vi bất trung khi để cho những người lãnh đạo làm điều có thể có hại cho phong trào dân chủ mà không cảnh báo lãnh đạo biết là có điều gì không ổn trong kế hoạch đang được xét định. Trung thành đòi hỏi là, khi có sự bất đồng ý kiến, thì sự bất đồng ý kiến này phải được trình bày để lưu ý lãnh đạo, dù không nên trước mặt thuộc cấp, cùng với những lí lẽ tại sao bất đồng ý kiến và những khuyến cáo đề nghị để sửa sai vấn đề. Người lãnh đạo có bốn phạm đáp trả bằng cách thiết lập một thủ tục trong phạm vi tổ chức để bảo đảm là những quan ngại hợp lí được giải quyết. Có thể là sự bất đồng ý kiến được nảy sinh từ việc thuộc cấp trung thành này không được biết đến một số dữ kiện hay những kế hoạch cho những mục tiêu chiến lược rộng lớn hơn, những chiến dịch đang được tiến hành song hành, hay những hoạt động của địch đang được chờ đợi. Dù sao thì khi các quyết định hành động đã được phân phát để thi hành, thì những quyết định này cần phải được hỗ trợ hết mình. Trung thành cũng còn đòi hỏi là lãnh đạo có một thủ tục đưa ra quyết định cho phép những người có khả năng nhất có ý kiến trong tiến trình này.

7. Biết Địch

Điều này có nghĩa là mọi chi tiết thông tin liên quan đến địch cần phải được thu lượm và phân tích. Ví dụ, những câu trả lời cho những câu hỏi như là địch suy nghĩ như thế nào, thông thường địch làm gì, địch làm gì khi bị áp lực, địch tin gì, và điều gì quan trọng và không quan trọng đối với địch là tất cả những nhân tố cần phải được cân nhắc. Thực sự, ai là địch? Ta biết được gì về những người lãnh đạo nòng cốt sẽ điều khiển các chiến dịch chống lại đối lập dân chủ? Biết được đối phương, các chiến lược gia có thể tiên đoán được phản ứng của họ.

8. Học Hỏi từ Kinh Nghiệm

Phương pháp học hỏi tốn kém hơn cả là học hỏi từ những lỗi lầm của mình. Học từ những lỗi lầm và thành công của người khác thì có hiệu lực hơn rất nhiều. Đối với một vài người, thì kinh nghiệm trực tiếp không phải là thầy dạy hay nếu họ không thể học hỏi từ chính lỗi lầm của mình. Trong những năm gần đây, có nhiều nguồn nghiên cứu và tham khảo đã được ấn hành về đấu tranh bất bạo động chiến lược để việc học hỏi kinh nghiệm của người khác có thể thực hiện được.³⁸ Thêm vào đó, có một số tổ chức phi chính phủ sẵn lòng chia sẻ nghiên cứu và kinh nghiệm về lãnh

³⁸ Thí dụ về những sách như thế là Bertin Lintner, *Căm Phấn: Miến Điện Tranh Đấu Đòi Dân Chủ* [Outrage: Burma's Struggle For Democracy], (London and Bangkok: White Lotus, 1990); Howard Clark, *Đối Kháng Dân Sự Tại Kosovo* [Civil Resistance in Kosovo], (London: Pluto Press, 2000).

vực đấu tranh bất bạo động.³⁹ Để sử dụng trực tiếp hơn, thì điều quan trọng là phải soạn “Những Bài Học Học Được” sau mỗi và tất cả mọi chiến dịch và những người khác có thể cùng chia sẻ thông tin này. Một khoá học cho chiến lược gia, tự nó một mình, không thể tạo bất cứ người nào thành chiến lược gia được. Suy tư một cách chiến lược là kết quả từ kinh nghiệm tranh thủ được nhờ kinh nghiệm cá nhân, hay quan trọng hơn, là qua người khác, nhờ đọc sách và thảo luận về những kinh nghiệm của người khác.

9. Tăng Tối Đa và Thử Thách Khả Năng của Thuộc Cấp

Lãnh đạo cần phải chọn đúng người vào đúng chỗ. Đối với những ai đã từng nghiên cứu Thế Chiến II thì những tên như Tướng Patton và Tướng Eisenhower là những tên quen thuộc. Mỗi vị tướng đã đem lại cho nỗ lực chiến tranh của Đồng Minh những kĩ năng và cá tính rất khác nhau. Patton là một vị chỉ huy mặt trận xuất sắc hướng dẫn quân lính hoàn thành những công tác ở mặt trận mà hầu hết mọi người đều nghĩ là quá sức chịu đựng của họ. Ông là một nhà lãnh đạo được người ta sợ và kính nể. Với sự cao ngạo của ông và sự khinh khi không hối tiếc đối với một vài vị chỉ huy Đồng Minh, chắc ông đã bị gửi về nước rồi nếu không phải vì sự kiện ông là một nhà lãnh đạo chiến trường đã được chứng minh. Trái lại, Tướng Eisenhower, một sĩ quan tham mưu giàu kinh nghiệm và hết sức có khả năng, đưa ra hình ảnh của một người trầm lặng, dễ dãi có thể lôi cuốn được người khác hỗ trợ và tự nguyện hợp tác. Vì lí do này mà ông đã được giao phó chỉ huy chiến trường Âu châu và chịu trách nhiệm xâm chiếm Âu châu. Ông có thể nhận những vị lãnh đạo quân sự từ tất cả các quốc gia đồng minh và kêu gọi được sự hỗ trợ và hợp tác của họ để thiết lập kế hoạch mĩ mãn và tung quân đánh chiếm Normandy, một chiến dịch phức tạp nhất trong lịch sử. Điểm muốn nói ở đây là lãnh đạo cần phải biết những ưu điểm và tài năng của thuộc cấp và sử dụng chúng để được lợi hơn cả.

Phong Cách Lãnh Đạo

Phong cách lãnh đạo khác nhau theo một diễn trình đi từ cực kì độc đoán đến tình trạng “người đầu tiên trong số những người bình đẳng” một cách dân chủ. Hoàn cảnh sẽ ảnh hưởng đến việc chọn lựa phong cách lãnh đạo. Một nhân tố khác quyết định phong cách lãnh đạo là sự cần thiết phải chọn một phong cách phù hợp với cá tính của mình.

Nói một cách tổng quát, những cái lợi chính yếu của phong cách lãnh đạo độc đoán bao gồm sự kiện là phong cách này:

³⁹ Những tổ chức phi chính phủ [NGOs] có thể cung cấp thông tin là Viện Albert Einstein [Albert Einstein Institution] (www.aeinstein.org) và Trung Tâm Quốc Tế Về Đấu Tranh Bất Bạo Động [International Center On Nonviolent Conflict] (www.nonviolent-conflict.org).

- thích hợp một cách lí tưởng nhất cho những tình trạng khủng hoảng đòi hỏi phải hành động tức khắc;
- thích hợp cho những trường hợp vị lãnh đạo không được thuộc cấp biết đến nhiều và ông ta đang trên tiến trình thiết lập uy quyền của mình; và
- hữu ích trong những hoàn cảnh nhóm đã có bị thất bại và cần cảm thấy tin tưởng là người lãnh đạo biết phải làm gì.

Luôn luôn có những luật trừ cho những xác định “một cách tổng quát”. Trong thời gian khủng hoảng, có thể không có thì giờ để hỏi ý kiến người khác hay thảo luận giải pháp. Tuy nhiên, nếu các biện pháp phòng hờ đã được dự tính trước và kế hoạch đã được hoạch định sẵn, thì những quyết định thực thi chúng có thể được thực hiện nhanh chóng. Trong những tình trạng khủng hoảng thì trách nhiệm quyết định chiến thuật phải được đẩy xuống cấp thấp nhất, nơi thông tin được cập nhật hơn cả và là nơi những quyết định sẽ được thi hành.

Có những cái bất lợi của mô thức độc đoán. Không giống như môi trường quân đội, nơi mà sự tuân phục được luật pháp bắt buộc, dân chúng hỗ trợ phong trào bất bạo động và mạo hiểm vì họ muốn như vậy, và họ không thể bị bắt buộc làm điều gì cả. Chỉ lệ thuộc vào uy quyền mà thôi sẽ bóp nghẹt sáng kiến, và những người đi theo có thể trở thành như thế -- thành những người không làm gì cả nếu không có chỉ thị từ trên. Tuy nhiên, nếu người ta tin mình là một thành phần trong tiến trình đưa ra quyết định, thì họ sẽ lo lắng đến thanh danh của mình và sẽ hăng say hơn trong việc đảm bảo là kế hoạch “của họ” hay và được thi hành một cách hữu hiệu.

Những cái lợi của phong cách lãnh đạo dân chủ là phong cách này:

- cổ xúy sự hỗ trợ tự nguyện bởi vì những người tham gia đã, hay có thể đã, tham dự vào tiến trình đưa ra những quyết định;
- khuyến khích đổi mới vì, nếu thời giờ cho phép, người lãnh đạo có thể hỏi ý kiến (các phiên họp phát biểu tự do, chẳng hạn) để giải quyết vấn đề;
- đưa đến kết quả là mọi người đều biết được lí do tại sao và bằng cách nào mà có được những quyết định, do đó phát huy sự tin cậy vào người khác và tự tin ở mình;
- cung ứng cho các thành viên kinh nghiệm vô giá khi chính họ nhận lãnh phần vụ lãnh đạo trong một xã hội dân chủ.

Có một số bất lợi xuất hiện khi sử dụng phong cách lãnh đạo dân chủ. Trước tiên, nếu người lãnh đạo thiếu bất cứ nét lãnh đạo thiết yếu nào, thì sự khiêm khuyết này sẽ lộ ra ngay. Thêm vào đó, đi đến một quyết định có thể rất tốn thì giờ nếu có nhiều ý kiến khác nhau.

Bất kì phong cách lãnh đạo nào đã được chọn lựa, người lãnh đạo còn có bổn phận phải huấn luyện thuộc cấp. Điều này có nghĩa là những người chung quanh lãnh đạo phải được thấy quyết định được đưa ra như thế nào, được thông báo tại sao một vài thông tin lại quan trọng hơn những thông tin khác, và phải được yêu cầu đưa ra những đề nghị.

Những đề nghị này cần được phê bình. Nói cách khác, người lãnh đạo cần phải là vị cố vấn bảo trợ cho người của mình. Khi tài năng của họ tăng trưởng thì ông phải uỷ nhiệm thêm trách nhiệm cho họ. Sự bảo trợ thuộc cấp này, ở mọi cấp bậc trong phong trào, sẽ cổ xúy sự tin cậy, tự tin, và tận tụy. Hơn nữa, một người lãnh đạo mà không huấn luyện người thay thế mình phòng khi chết chóc, bệnh hoạn hay bất bớ là một người lãnh đạo kém.

Tóm Lược

Những người lãnh đạo thành công đều cùng chia sẻ một số đặc tính. Không có nhà lãnh đạo nào cần phải minh chứng tất cả những đặc tính này mới thành công, nhưng tất cả mọi nhà lãnh đạo thành công đều được thấy biểu lộ một vài đặc tính trong số những đặc tính đó. Lãnh đạo thường có tính hoàn cảnh – đòi hỏi nhiều hay ít của một đặc tính hay phong cách lãnh đạo này hơn là phong cách khác. Tuy nhiên điều quan trọng là phải nhớ rằng năng lực quan trọng hơn là phong cách lãnh đạo chọn lựa.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

NHỮNG CHẤT Ô NHIỄM

Chất ô nhiễm, d. Một chất làm ô nhiễm một chất khác; Ô nhiễm, đg. Làm cho dơ bẩn, không sạch hay hư hại qua tiếp xúc.

--Tự Điển Thế Kí Thứ Hai Mười của Webster, Không Rút Gọn, 1975

Cũng giống như nước có thể làm ô nhiễm xăng trong xe hơi -- những lượng nước nhỏ bé cũng có thể làm cho máy xe phát lửa sai và kêu khục khặc, nhiều nước hơn có thể làm máy ngưng chạy hoàn toàn -- các phong trào bất bạo động cũng có thể có những chất gây ô nhiễm làm cho phong trào vô hiệu lực hay ngay cả phá tan phong trào. Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét những chất gây ô nhiễm gây tệ hại nhất cho các tổ chức đeo đuổi đấu tranh bất bạo động.

Bạo Động Như Là Một Chất Ô Nhiễm

Bạo động của đối lập đối với chính quyền hay đối với những người hỗ trợ chính quyền, dù được phép hay không, là một chất ô nhiễm tệ hại cho sự thành công của cuộc đấu tranh bất bạo động. Chỉ một hành động bạo động duy nhất cũng có thể đem lại cho chính quyền lí do thuận tiện để trả thù tàn bạo bất cứ đối tượng hay những đối tượng nào trong phong trào đối lập mà chính quyền cố tình cho là đã trực tiếp hay gián tiếp có trách nhiệm. Bạo động từ phe đối lập còn có thể đưa đến hậu quả không dự tính là làm tiêu huỷ sự tin tưởng và tham gia của công chúng vào phong trào mà sự sống còn đã được đặt trên căn bản tranh thủ các mục tiêu bằng chiến lược và những chiến thuật bất bạo động.

Những thí dụ cực đoan về bạo động khiêu khích trả thù bằng vũ lực là những nhóm khủng bố Hamas của Palestine và Hồi giáo Jihad và những vụ liêu chết cho bom nổ chống lại người dân Do Thái trong vụ người dân Palestine nổi dậy [Intifada] lần thứ hai chống việc người Do Thái chiếm đất. Bởi vì giới thẩm quyền Palestine không tích cực tách mình ra khỏi những hành động khủng bố này cho nên sự ủng hộ của người dân Do Thái cho một quốc gia Palestine qua thương thảo trở thành mây khói, và cộng đồng thế giới rút lui không tạo ảnh hưởng kiềm chế chính sách định cư của Do Thái và việc Do Thái chiếm West Bank bằng võ lực. Hơn nữa, bao giờ những thay đổi quan trọng về lãnh đạo của giới thẩm quyền Palestine chưa được thực thi, thì lãnh đạo hiện hành vẫn bị chối bỏ như là một thực tại cho những thương thảo trong tương lai nhằm chấm dứt cuộc xung đột. Nếu mục tiêu của những vụ tấn công khủng bố này là chấm dứt sự xâm chiếm của Do Thái, thì người ta phải đặt câu hỏi về sự khôn ngoan về việc đối đầu với người Do Thái ở điểm mà họ mạnh hơn cả -- lực lượng quân sự.

Cũng như trong bất cứ cuộc đấu tranh chính trị nào, bao gồm cả những cuộc đấu tranh bạo động nhất, tầm quan trọng của sinh lực, sự hăng say,

và lí tưởng của giới trẻ đóng góp vào sự thành công khó mà cho là được đánh giá quá cao được. Nhưng một trong những cái lợi nổi bật của chiến lược bất bạo động -- một cái lợi luôn luôn không hưởng được khi sử dụng bạo động -- là hàng ngũ dân chúng và lãnh đạo được lợi hết sức nhiều vì không có hạn chế về tuổi cũng như phái tính. Bạo động, trái lại, sẽ loại bỏ với lí do chính đáng những người không được khỏe mạnh dù họ là những người hỗ trợ có giá trị cho phong trào. Gia nhập phong trào bất bạo động cũng còn phù hợp với chủ thuyết hoà bình và niềm tin tôn giáo nữa. Những hành động bạo động có thể đưa đến kết quả làm mất sự hỗ trợ của những cá nhân hay những nhóm người có thể tăng cường uy thế đạo đức của phong trào dân chủ. Cộng đồng quốc tế khó mà biện minh sự hỗ trợ cho một lí tưởng đấu tranh của một phong trào, dù cho lí tưởng này có giá trị và chính đáng như thế nào đi nữa, mà qua chính hành động của phong trào, hay qua sự tuyên truyền khôn khéo hay những *chuyên viên khiêu khích* của đối phương, sự hỗ trợ đó có vẻ như là hỗ trợ những hành động bạo động chống lại chính quyền.

Biểu Hiện Không Thống Nhất Như là Chất Ô Nhiễm

Sức mạnh của “phong trào nhân dân” đòi hỏi sự tham gia sinh động của “người dân”. Và những người bị áp bức được lôi cuốn đến với những phong trào đòi thay đổi khi họ nhận thấy những phong trào này phản ánh những nguyện vọng của người dân và khi họ thấy lãnh đạo có khả năng hướng dẫn phong trào đến thành công. Không giống như những người cuồng tín cực đoan về tôn giáo sẵn lòng hi sinh tính mạng mà không cần có một hi vọng chiến thắng nào trên trần gian này, hầu hết mọi người đều có lí trí. Nếu biết một chiếc máy bay không có những trang cụ định hướng thì chúng ta sẽ không đi máy bay này. Những người có lí trí cũng sẽ không mạo hiểm mạng sống và sinh kế của họ tham gia một phong trào chính trị chống lại một bạo chúa nếu phong trào này thiếu một mục đích và một chiến lược rõ ràng để đạt được chiến thắng.

Không thống nhất giữa những thành viên của liên hiệp trong một phong trào dân chủ có thể đưa đến kết quả là mất tin cậy và tin tưởng vào khả năng phong trào đạt được những cái cách chính trị. Sự mất tin cậy này lại đóng góp vào việc phân hoá xã hội; và sự phân hoá này lại tạo ra một cảm giác bất lực và chủ bại. Những chế độ độc đoán cổ xúy phân hoá xã hội bằng cách thay thế hay xâm nhập các tổ chức hiện hữu bên ngoài vòng kiểm soát của chính quyền. Các tổ chức này thông thường thu hút nhiều thời gian và lòng trung thành của nhiều cá nhân, nhưng sự xâm nhập bởi nhân viên chính quyền vào những tổ chức này đã cản trở họ phát biểu ý kiến về điều kiện sinh sống của họ và về chính trị. [Xem Hình 5, Biểu Đồ Tròn về Lòng Trung Thành]. Sự không thống nhất giữa những người lãnh đạo cản trở khả năng người dân thắng lướt những hậu quả của sợ hãi. Cuối cùng, có rất ít sự khác biệt giữa những người lãnh đạo

của các nhóm đấu tranh cho dân chủ và những *điệp viên khiêu khích* của chính quyền gây nên tình trạng không thống nhất.

Một vài phong trào không bao giờ tồn tại lâu bền được, một phần là vì sự bất hoà giữa lãnh đạo làm cho hợp tác khó, nếu không phải là không thể, thực hiện được đối với những vấn đề thiết yếu. Một số phong trào khác, một khi đã mạnh, lại mất đi hiệu lực và sức quyến rũ vì dân chúng chúng kiến được hậu quả của những tranh giành nhau trong tổ chức. Những chỉ dấu thấy được của sự thiếu thống nhất là khi đòi hỏi cần phải có một hành động của tập thể quần chúng thì một vài nhóm từ chối hợp tác, hay là có những nhóm tỏ ra là không có khả năng đưa ra một chiến lược có phối hợp để hỗ trợ những yêu cầu thay đổi chính trị của công chúng.

Một trong những phương cách hữu hiệu để cổ võ và duy trì thống nhất trong phong trào là giữ các mục tiêu của cuộc đấu tranh ở mức thực tối thiểu. Và cũng cần phải thật rõ ràng đối với mọi người là tranh thủ được những mục tiêu này sẽ có lợi cho tất cả mọi thành viên trong xã hội, gồm cả nhiều người hiện đang hỗ trợ đối phương.

Nhận Thức Về Việc Loại Trừ

Những chính sách và/hay những lời khẳng định mà có thể bị nhận thấy là giới hạn sự tham gia vào một cuộc đấu tranh chính trị có thể đưa đến thù nghịch hay vô cảm bởi những nhóm bị loại trừ. Có thể có những nỗ lực, chẳng hạn, của những người theo chủ thuyết hoà bình muốn giữ phong trào bất bạo động “thuần túy và đạo đức” (không màng đến thực tế là đa số người ta không chia sẻ cùng một chủ nghĩa lí tưởng đó). Ở Venezuela phong trào bất bạo động chống lại chính quyền của Tổng thống Hugo Chavez đã được chế độ và những người hỗ trợ chế độ khéo léo mô tả đặc tính của phong trào là đang được tiến hành theo đường hướng chủng tộc và kinh tế với người nghèo và người da màu ủng hộ Tổng thống, và những người giàu, giới trung lưu, và người da trắng ủng hộ phe đối lập. Những vấn đề tranh chấp thực sự như là thối nát, bất tài, và diễn biến từ từ đi đến độc tài đều được khuất lấp dưới chiêu bài chia rẽ chủng tộc và giai cấp.

Sự Hiện Diện của Người Ngoại Quốc trong Phong Trào Dân Chủ

Phe đối kháng không nên để cho việc những người ngoại quốc tham gia vào bộ phận quốc nội của cuộc đấu tranh chính trị trở thành một trở ngại công khai. Một sự trợ giúp như thế cần phải được sẵn sàng thừa nhận và ngay cả cần phải được phong trào mô tả một cách thân nhiên là phe đối kháng yêu cầu những người ngoại quốc trợ giúp kĩ thuật và những người này không có quyền hành trực tiếp cũng như không chịu trách nhiệm khắt khe. Lí lẽ cần thừa nhận một cách nhanh chóng và minh bạch sự trợ giúp

của người ngoại quốc là một lí lẽ vững chắc. Trước tiên, và nhất là, trong khả năng có thể được, các thành viên của phong trào cần phải được thông tin nhiều chừng nào hay chừng ấy để họ có đủ lí lẽ phán đoán khả năng của lãnh đạo và tài năng cũng như có thể là những lợi ích đặc biệt của bất cứ những cố vấn kĩ thuật ngoại quốc nào cho lãnh đạo. Trong lúc có những trường hợp không thể công khai hoá sự cố vấn hay trợ giúp của người ngoại quốc vì điều kiện của sự cố vấn hay trợ giúp này, lãnh đạo của phe đối kháng cần phải cân nhắc cẩn thận những cái lợi mong có được so với những tai hại có thể xảy ra khi công khai hoá.

Thứ đến, có một chính sách về sự rõ ràng tổng quát liên hệ đến vấn đề tham gia của những người có quốc tịch ngoại quốc vào phong trào bất bạo động chiến lược có thể tước mất vũ khí luận điệu của chính quyền cho rằng bất cứ thành đạt nào của phong trào đối kháng cũng đều do sự quyết định của những người ngoại quốc cả. Không những những lời tố cáo của chính quyền sẽ bị suy yếu trong lối trình bày của họ mà phản ứng của phe đối kháng còn có thể đơn giản và trực tiếp như: “Như chúng tôi đã có nói rõ ràng trong nhiều cơ hội trước đây, lãnh đạo phong trào cẩn thận chọn các cố vấn từ một nhóm rất lớn những người có khả năng thuộc mọi thành phần xã hội và tất cả mọi quốc gia yêu chuộng tự do. Khi yêu cầu cần có cố vấn, thì sự yêu cầu này thường chứng tỏ là hữu ích trong việc đạt được những quyết định đồng thuận của lãnh đạo. Điều này đã xảy ra đúng như quy định.”

Có những người ngoại quốc có thể có rất nhiều kiến thức và kĩ năng có thể hữu ích cho phong trào dân chủ đã dần thân vào hay đang suy tính thực hiện một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược. Những người này cần được tiếp xúc -- với sự hiểu biết rõ ràng là các huấn luyện viên và tham vấn viên không được tham dự vào tiến trình làm những quyết định -- và tài năng của họ cần được khai thác.

Sự Tham Gia Tích Cực của các Lực Lượng Quân Đội vào Công Cuộc Đấu Tranh Chính Trị

Khuyến khích chính trị hoá cơ chế quân đội quốc gia là một điều sai lầm. Việc quân đội tránh liên hệ vào một cuộc đấu tranh chính trị quốc nội là đã khó rồi, nhất là khi lãnh đạo chính quyền được xem như là hợp pháp qua bầu cử, và lãnh đạo, nhân danh uy quyền hiến định, đưa lực lượng quân đội ra chống lại đối lập chính trị. Cần phải tiên liệu là khi mà phong trào trở nên mạnh hơn, thì ít nhất cũng cần phải cân nhắc việc chính quyền có thể đưa lực lượng quân đội ra chống lại phong trào đấu tranh bất bạo động. Do đó, phong trào đối kháng cần phải sớm khởi công những nỗ lực làm nản chí các lực lượng quân đội không để họ tham dự vào một cuộc chiến chống lại chính người dân của mình.

Một khi quân đội đã đứng về phe này hay phe kia, thì ngay cả dù có những lí tưởng đấu tranh dân chủ nhất, xác suất quân đội dần thân vào một cuộc đấu tranh vũ trang chống lại một đại bộ phận quần chúng sẽ gia

tăng, và với sự gia tăng này, xác suất một cuộc nội chiến hay một vụ đảo chánh xảy ra cũng sẽ gia tăng. Cả hai diễn biến có thể xảy ra này đều bất lợi cho người dân và cũng không làm tăng sức mạnh cho phong trào bất bạo động. Nếu quân đội giành quyền kiểm soát chính quyền với lí do chuyển tiếp, trừ phi bị tấn công ngay tức khắc, sự chuyển tiếp này sẽ kéo dài hàng năm, và ngay cả hàng thập kỉ.⁴⁰ Nếu có một vài sĩ quan cao cấp nào cảm thấy một cách rất mãnh liệt là họ phải đứng về phe đấu tranh thì họ phải từ nhiệm và đeo đuổi ý thức hệ chính trị của họ như là những cá nhân trong phe phái chính trị phù hợp với họ.

Cơ Cấu Tổ Chức Không Thích Hợp Cho Đấu Tranh Bất Bạo Động

Một cơ cấu tổ chức mà không dẫn đưa đến việc duy trì sự tập trung vào những mục tiêu cốt lõi của cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược thì sẽ mời gọi những chất ô nhiễm vào. Cũng như trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, quyết định bằng uỷ ban sẽ không thích hợp. Lí tưởng là, ở cấp độ chiến lược, cần phải có một người nào đó chịu trách nhiệm quyết định là các chiến dịch sẽ được xảy ra khi nào và ở đâu, trong lúc những cá nhân khác phải chịu trách nhiệm xúc tiến các mặt trận và chiến dịch. Ở mọi cấp trong phong trào, công tác không nên được giao phó mà không biết cá nhân nào chịu trách nhiệm thi hành công tác đó. Trách nhiệm không bao giờ nằm ở số nhiều “chúng ta” mà chỉ ở số ít “Tôi” mà thôi. Điều này không muốn nói là không có nhiều người tham dự vào việc soạn thảo và trình bày các đề nghị lên người làm quyết định và là những đề nghị này sẽ không được cứu xét cẩn thận, nhưng chỉ muốn nói là chỉ cá nhân mới cần phải chịu trách nhiệm đối với những quyết định này và đối với việc thực thi chúng.

Các đảng phái chính trị luôn luôn có cái cảm dỗ gây ảnh hưởng đối với những quyết định để đặt mình vào tư thế thuận lợi trong thời kì hậu xung đột. Đôi khi, các hoạt động này lại chiếm ưu tiên hơn là chính việc đi đến thời kì “hậu xung đột”. Cần phải có một phương sách nào đó trong phong trào để bảo đảm là tất cả các kế hoạch đều phải dựa trên cơ sở của những phân tích khách quan, trực tiếp hỗ trợ các mục tiêu, và được giao phó cho những tổ chức nào trong phong trào có khả năng thành công hơn cả. Lí tưởng là phương sách này là một ban kế hoạch có thể tin cậy chống lại được áp lực thiết kế những kế hoạch thiên vị nhóm này hay nhóm kia dựa trên những nền tảng khác với những mục tiêu và khả năng. Một tổ chức muốn có một tư thế thuận lợi trong phong trào chỉ cần có những lực lượng được huấn luyện và lãnh đạo tốt nhất.

⁴⁰ Phải tốn đến 17 năm sau mới hạ bệ được Pinochet ở Chí Lợi. Chế độ độc tài ở Rangoon đã kéo dài trên 40 năm.

Phong trào nên có những phương thức tiếp tục theo dõi để bảo đảm là những cam kết của tổ chức đều đã được thoả mãn. Một khi đã có sự thoả thuận về các mục tiêu và về chiến lược rồi, thì tất cả các tổ chức đều được trông đợi là phải xung phong hỗ trợ hết lòng. Các kế hoạch hỗ trợ chiến lược, một khi đã được các tổ chức thành viên chấp thuận, thì không còn có thể được xem là có thể chọn hay không “tuỳ ý” nữa. Nếu một nhóm nào đó được giao một công tác rõ ràng là quá khả năng của nhóm như đã được xác nhận trong phỏng định chiến lược, thì lỗi lầm này phải được trình bày cho những người lập kế hoạch biết ngay tức khắc để được điều chỉnh. Có thể cần phải tăng cường tổ chức với những khả năng phụ trội hay là, như là một biện pháp cuối cùng, trao công tác lại cho một thành phần khác. Soạn thảo những “Bài Học Học Được” cũng rất hữu ích cho việc lượng giá mức độ dần thân của các tổ chức, cũng như mức độ các mục tiêu, đã đạt được.

Các Chuyên Viên Khiêu Khích

Giả thuyết là các điểm chỉ viên của chính quyền thẩm nhập vào phong trào bất bạo động để báo cáo những khả năng và dự tính của phong trào không phải là sự can dự duy nhất của chính quyền mà phong trào chờ đợi. Ngầm ngầm hơn là các điểm chỉ viên là các *chuyên viên khiêu khích*, những người sẽ cố khiêu khích bạo động, gây bất hoà trong phong trào, và đẩy phong trào ra xa khỏi những nhược điểm của chính quyền. Phản ứng đối với những đe dọa này là không nên quá nghi kị mà nên thức tỉnh về những chỉ dấu về thói chuyển hướng thảo luận về những lựa chọn tương lai có thể cần phải được cứu xét kĩ lưỡng.

Tóm Lược

Trong lúc loại bỏ hoàn toàn các chất ô nhiễm phong trào bất bạo động là một việc làm có thể không thực hiện được; tuy nhiên, bằng cách thức tỉnh, có những hành động phòng ngừa, và hành động nhanh chóng khi khó khăn đột khởi, thì phong trào có thể giới hạn được tác dụng tai hại của các chất ô nhiễm này đối với phong trào và đối với các thành viên của liên hiệp. Sự ngăn cản ô nhiễm phong trào quan trọng hơn cả là lãnh đạo mạnh và hữu hiệu.

CHƯƠNG MƯỜI BA

TÁC ĐỘNG KHÁN THÍNH GIẢ QUỐC NGOẠI

Một nhà tuyên truyền là một chuyên viên bán thái độ và ý kiến.

--Hans Speier, kinh tế gia, nhà xã hội học và khoa học gia về chính trị

Mặc dù trọng tâm của bất cứ một cuộc đấu tranh bất bạo động đòi thay đổi chính trị nào cũng phải là quốc nội, nhưng sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế vẫn là một thành phần quan trọng. Những hỗ trợ ngoại giao và rất nhiều các loại hỗ trợ quốc ngoại khác có thể nói rộng “mặt trận” của đấu tranh bất bạo động chiến lược và gia tăng khả năng của các tổ chức đối kháng. Mặt khác, có những cái giá hiển nhiên hoặc không trông thấy được cần phải trả cho công việc thiết lập cộng tác với các chính quyền và tổ chức quốc ngoại. Mục đích của chương này là cung ứng một cái khung rộng lớn và những gợi ý cho việc cứu xét cách tác động các khán thính giả quốc ngoại.

Các Chính Quyền

Nói một cách tổng quát thì các chính quyền phản ánh sự khôn ngoan thường được gắn liền với Nữ Hoàng Elizabeth I của nước Anh là: “các quốc gia không có bạn bè, chỉ có quyền lợi”. Đôi khi những quyền lợi này có thể liên hệ đến an ninh, kinh tế hay chính trị. Thường hơn cả thì những quyền lợi này rất là thực tiễn, và chủ nghĩa lí tưởng thường được dùng để gói ghém những quyền lợi đó để làm cho những quyền lợi này dễ được chấp nhận đối với dân chúng bị ảnh hưởng bởi những quyền lợi đó mà thôi. Vào những thế kỉ 19 và 20, chủ nghĩa quốc gia là chiến lược gói ghém hết sức hữu hiệu để động viên cho chiến tranh. Cái “gánh nặng của người da trắng” để biện minh cho chính sách thực dân không gì khác hơn là một lá bùa che dấu ý đồ thực sự là động năng trực lợi. Khi quyền lợi quốc gia thay đổi, vì bất cứ lí do gì, thì các chính sách cũng thay đổi và đôi khi thay đổi rất đột ngột. Các đồng minh thay đổi (ai mà có thể nghĩ được rằng vào năm 1936, Liên Bang Xô Viết lại có thể là đồng minh của những nền dân chủ Tây Phương vào năm 1941) ngay cả đến mức bỏ rơi đồng minh giữa lúc chiến tranh đang diễn tiến.

Do đó, điều quan trọng là những người có trách nhiệm tranh thủ sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế cần phải thấu hiểu nhu cầu cốt nghĩa công cuộc đấu tranh bất bạo động đòi thay đổi chính trị với các chính quyền quốc ngoại có tiềm năng viện trợ trên căn bản quyền lợi hỗ tương. Có được một chính quyền dân chủ nắm quyền lực hỗ trợ các giá trị của những quan hệ đa phương và song phương là một lí do chính đáng cho một chính quyền dân chủ hỗ trợ, hay, ít nhất, cũng giữ vị thế trung lập. Khi

những cơ hội đầu tư được thêm vào, và những đầu tư hiện tại được bảo vệ, thì những vận động hành lang về kinh doanh có thể có động cơ để bảo trợ lí tưởng đấu tranh dân chủ. Trên căn bản những quyền lợi về an ninh, một quốc gia bạn có thể có giá trị trong cơn khủng hoảng bằng cách chấp thuận cho phép máy bay quân sự bay qua lãnh thổ, dàn xếp những trao đổi về tình báo, hoặc có thể ngay cả dàn xếp những địa điểm đồn trú cho các lực lượng ngoại quốc nếu quyền lợi chung bị đe dọa.

Sự hỗ trợ và thông hiểu bởi ngành hành pháp của một chính quyền là một điều thiết yếu quan trọng. Một thủ lãnh quốc gia chỉ cần nói đến một cuộc đấu tranh dân chủ là có thể làm cho toàn quốc chú ý và đem lại chính danh cho lí tưởng đấu tranh. Việc thừa nhận này có thể đưa đến kết quả có thêm sự chú ý của các phương tiện truyền thông đại chúng cùng với thông tin về bối cảnh, những câu chuyện thích thú về con người, và các bình luận lập trường về cuộc đấu tranh. Trong hầu hết mọi trường hợp, một cuộc đấu tranh bất bạo động được tiến hành vì dân chủ thường có được thế thượng phong đạo đức, đặt đối phương vào thế tự vệ trong chính trường quốc tế.

Ngành lập pháp của mỗi quốc gia đều có những phương tiện chính thức và không chính thức riêng biệt để ảnh hưởng ngành hành pháp. Ở Hoa kì, chẳng hạn, thì những buổi điều trần Quốc Hội có thể là một phương tiện hữu hiệu để tranh thủ tiếng vang cho cuộc đấu tranh vì dân chủ, rồi tiếp theo bằng những buổi thuyết trình, các quyết nghị, và ban hành luật thuận lợi.

Các Tổ Chức Phi Chính Phủ

Công việc chuyển đổi một đề tài thành đề tài của một vấn nạn, rồi thành sự lưu tâm toàn quốc của một chính quyền là một tiến trình phức tạp và khó khăn đòi hỏi vô số những kĩ năng, chuyên ngành và kinh nghiệm, và, trong mỗi một quốc gia, các thủ tục chính xác lại khác biệt nhau. May mắn là trong nhiều quốc gia dân chủ có những tổ chức trợ giúp các phong trào dân chủ tranh thủ được tiếng vang và sự hỗ trợ. Trong cộng đồng các tổ chức phi chính phủ (NGO), có một số rất thành thạo về lãnh vực bí hiểm làm sao để gây ảnh hưởng đối với chính quyền. Có những nhóm cổ võ quyền của công nhân, chống lại những lạm dụng nhân quyền, biện hộ cho những nạn nhân của tra tấn, cung ứng hỗ trợ cho những cuộc bầu cử tự do và công bằng, cổ võ những giá trị dân chủ ở hải ngoại, hay tìm cách hoà giải trong hoà bình và làm trung gian hoà giải các xung đột. Nếu một hay nhiều hơn trong số những NGOs này xét định một phong trào nào đó đáng được ưu tiên lưu ý, thì họ có thể cung cấp những trợ giúp vô giá trong việc hoạch định và thực thi một chiến lược để lèo lái qua những gì mà đối với người ngoài trông như là một mê lộ của những văn phòng và những buổi họp không bao giờ chấm dứt.

Cũng như các chính quyền, những tổ chức phi chính phủ cũng có những quyền lợi. Nên thu thập thông tin về những quyền lợi và *lẽ lối hoạt động* của họ trước khi đến với họ để xem họ có thể giúp đỡ được không. Điều quan trọng là một phong trào không nên nhận lãnh hành trang của một NGO có thể tạo xung khắc trong phong trào hay là không đáp ứng những quyền lợi tốt đẹp nhất của người dân. Một thí dụ cực đoan của loại lỗi lầm này có thể là một phong trào bất bạo động tìm kiếm sự hỗ trợ của một NGO chống đối mọi hình thức kiểm soát sinh đẻ trong khi phong trào đại diện cho một xã hội đang chịu khốn khổ vì những tỉ lệ cao về HIV và AIDS, dân số cao, và nghèo đói.

Để được hữu hiệu, mối quan hệ giữa một NGO và một phong trào dân chủ phải được đặt trên cơ sở phù hợp về quyền lợi, sự tương kính, và ngay thẳng. Về phần tổ chức yêu cầu sự giúp đỡ, tương kính bao gồm sự thông hiểu là, đối với một NGO, thời gian là một tài nguyên quý giá. Chuẩn bị đầy đủ cho các buổi họp, cung cấp các bài thảo luận được viết ra cho các mục họp, và cung cấp các phản hồi cho những yêu cầu về thông tin phụ thêm đúng giờ là những chỉ dấu của chuyên nghiệp và sự kính trọng. Sự ngay thẳng, cũng vậy, rất thiết yếu. Một phong trào tự tuyên bố mình là bất bạo động mà duy trì một thành phần vũ trang thì có thể gây ngưng ngừng cho một NGO nếu sự hiện hữu của thành phần vũ trang này bị khám phá sau khi mối quan hệ giữa phong trào và NGO đã được thiết lập.

Các tổ chức trong phong trào nên được khuyến khích tìm kiếm những NGOs mà sở thích và quyền lợi phản ánh những mục đích cụ thể của các tổ chức đó. Ví dụ, những nhóm phụ nữ, các nghiệp đoàn thương mại, các đảng phái chính trị, các hiệp hội báo giới và các tổ chức chuyên nghiệp khác có thể trở nên mạnh hơn và hữu hiệu hơn nhờ liên kết với các nhóm như thế ở quốc ngoại. Chính nhờ qua các tổ chức thành viên mà sức mạnh của phong trào được thể hiện. Có thể là không hữu ích cũng như không cần thiết là lãnh đạo của phong trào phải liên hệ trực tiếp vào các nỗ lực thiết lập những quan hệ với các tổ chức viện trợ có thể có, ngoài việc biết là có những nỗ lực này, và ủng hộ những nỗ lực đó khi thích hợp.

Một vấn đề mà tổ chức viện trợ phải đối đầu thường là quảng cách giữa những mục tiêu của khoản tài trợ và những kết quả khi tổ chức tài trợ đo lường hiệu năng của sự hỗ trợ của họ. Ở nơi nào mà nghèo đói quá mức, thì người ta có thể hiểu được là một phần của khoản tài trợ cần được phân phối để trợ giúp các hoạt động cung cấp thực phẩm, nhà cửa, và phương tiện chuyên chở. Tuy nhiên, các tổ chức nên hiểu là những hình thái hỗ trợ này không phải là công việc bác ái không cần phải được đền bù trở lại gì cả. Những tổ chức nhận lãnh tài trợ cần phải xét định đề cương về tài khoản được chấp thuận như là một kế ước. Một kế ước có nghĩa là để đền bù lại sự tài trợ của tổ chức viện trợ, người nhận lãnh tài trợ có bổn phận “giao hàng” như là gia tăng số thành viên, thiết lập những hệ thống thư tín, các chương trình huấn luyện, sản xuất và phân

phối các tài liệu in ấn, hoặc bất cứ những gì cần để thoả mãn các mục tiêu của khoản tài trợ. Thoả mãn hoặc vượt quá những trách nhiệm của kế ước sẽ đặt tổ chức vào vị thế được tái tài trợ, còn nếu không thi hành kế ước thì buộc tổ chức tài trợ phải chấm dứt mối quan hệ. Trong cộng đồng NGO, yêu cầu hỗ trợ thường vượt quá những tài nguyên hiện hữu rất nhiều. Ứng hộ thất bại không thể là một xa hoa mà NGO có thể có sức chịu đựng nổi.

Truyền Thông Đại Chúng

Ngoài việc gây dựng sự hỗ trợ từ bên trong các chính quyền quốc ngoại và các cộng đồng NGO, nếu không có được sự hỗ trợ của truyền thông đại chúng thì có lẽ phong trào sẽ không có được sự ủng hộ của công chúng. Sự hiểu biết và hỗ trợ lan rộng của công chúng về một cuộc đấu tranh dân chủ sẽ tạo đà tiến và sự giúp đỡ cho những nỗ lực khác trong việc tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế.

Liên lạc với truyền thông cũng là một lãnh vực đòi hỏi cố vấn chuyên môn để hoạch định một chiến lược truyền thông và để thông hiểu những đòi hỏi về cách làm việc với các phóng viên, các nhà biên tập, và các nhà truyền thông khác trong báo giới, truyền hình và truyền thanh. Cũng còn cần phải có nhu cầu hiểu biết độc giả chính yếu của một tổ chức về tin tức. Ví dụ, tờ *Washington Post* và *Washington Times* có những độc giả chính yếu khác, cũng như tờ *New York Times* và *Wall Street Journal*.

Hiểu biết về các nhà báo có thể đang tìm kiếm thông tin chi tiết về cuộc đấu tranh dân chủ cũng hữu ích. Tại nhiều quốc gia có những Câu Lạc Bộ Phóng Viên Ngoại Quốc mà các thành viên có thể liên hệ với những tổ chức tin tức lớn, những nhà báo tự do, hay “bán thời gian” cho các cơ sở báo chí khác. Lấy tên của họ và tìm hiểu về khả năng, gốc gác nghề nghiệp, bao gồm, có lẽ, cả việc tìm trên mạng điện tử, có thể xác định được những người mà phát triển một quan hệ chuyên môn gần gũi có thể gặt hái được nhiều cái lợi.

Các nhà báo chú trọng vào tin tức, tốt nhất là tin tức độc quyền, và để cho tin tức “đáng là tin tức”, nhà báo cần có thông tin cơ sở và các thông cáo báo chí để trích dẫn. Một điều quan trọng là nhà báo muốn được thông báo trước khi có diễn biến. Muốn có được điều này thì cần phải có một quan hệ tin cậy lẫn nhau. Trách nhiệm phát huy mối quan hệ này thuộc về phần hành giao tế nhân sự của phong trào hay tổ chức. Những phóng viên kinh nghiệm thường hay hoài nghi và nghĩ là người ta cố dùng họ cho những mục đích riêng của mình. Bị sử dụng tự nó không phải là cơ sở để từ chối làm quen, nhưng nếu không có những cơ hội cho phóng viên trở nên một cộng sự viên trong việc thông tin về cuộc đấu tranh, thì có thể là phóng viên thấy không đáng thì giờ của mình để đi xa hơn là thông cáo báo chí đã đưa ra.

Công chúng càng ngày càng lệ thuộc vào truyền hình để biết tin tức. Điều này đặt tầm quan trọng vào báo chí bằng hình ảnh và video. Một nhà báo/chủ nhiệm chương trình truyền hình kinh nghiệm đã cung cấp một khuyến cáo khôn ngoan cho những ai muốn gia tăng tối đa tiềm năng của phương tiện truyền thông điện tử:⁴¹

Quy tắc # 1. Trong lúc không nên lơ là hay không để ý đến bất cứ một nguồn báo chí nào, các bạn phải cố tìm cho được một hay hai phóng viên/nhà sản xuất đặc biệt quan tâm, bén nhạy, và dễ làm quen để gây dựng một quan hệ lâu dài. Đãi một chai bia hay một li cà phê, hay để họ đãi cơm trưa.

Quy tắc # 2. Lấy lòng một hay hai người mà bạn đã chọn bằng cách cung cấp cho họ thông tin thực sự hữu ích, ngay cả khi tin tức không trực tiếp có lợi cho chương trình của bạn. Mục đích là để gây dựng lòng tin, chứng minh khả năng “phán đoán tin tức” của bạn, chứng tỏ là bạn chú trọng đến lợi ích của họ, và để tỏ ra là bạn có quen biết lớn. Các bạn nên duy trì tiếp xúc đều đặn, nhưng đừng làm phiền báo chí trừ phi bạn có điều gì mới hoặc hay để chia sẻ.

Quy tắc # 3. Bạn hãy sẵn sàng cho báo chí. Hãy khuyến khích họ tiếp xúc bạn; cho họ số điện thoại và địa chỉ điện thư của bạn và nhanh chóng trả lời điện thoại của họ. Nếu bạn đã làm theo quy tắc # 2 trên đây, thì bạn bắt đầu có những cú điện thoại của báo chí, hỏi bạn có biết gì về một điều gì đó, hay chỉ tham khảo ý kiến của bạn. Dĩ nhiên là bạn nên cẩn trọng về những gì bạn tiết lộ, nhưng một khi nhà báo tìm đến bạn thì đó là một cơ hội để gây ảnh hưởng trên công luận.

Quy tắc # 4. Đừng giàn cảnh diễn biến cho truyền thông. Đừng kêu gọi báo chí lại trừ phi bạn có một vài tin tức đích thực tiềm ẩn trong diễn biến. Một khi đòi hỏi này đã được thoả mãn, thì bạn nên sắp chương trình và giàn cảnh diễn biến làm thế nào để gia tăng tối đa nội dung gây cảm xúc và ảnh tượng và đúng vào thời gian và địa điểm cho phép các nhà sản xuất chương trình hành động kịp thời hạn của họ một cách thoả mái.

Quy tắc # 5. Thông báo cho báo chí biết trước càng sớm được chừng nào hay chừng ấy về bất cứ diễn biến hay hành động nào mà bạn tin chắc là sẽ có ý nghĩa và đáng là tin tức. Đừng thổi phồng các mong đợi.

Đừng trông cậy vào các thông tư; nếu có thể được, nên đích thân tiếp xúc bằng điện thoại. Cung cấp đầy đủ chi tiết chính xác, gọn ghẽ về những gì sẽ xảy ra, khi nào, ở đâu, tại sao, và bao gồm những ai, v.v. Đừng quên cung cấp thông tin về máy móc hay hậu cần trông có vẻ tầm thường, nhưng có thể là thiết yếu, nhất là đối với toán quay truyền hình.

⁴¹ Tác giả của những quy tắc này muốn được dấu tên.

Nếu thích hợp, nên cung cấp hướng dẫn, những thuyết trình về bối cảnh, và những cuộc phỏng vấn với những nhân vật then chốt.

Quy tắc # 6. Nên nhớ là lí tưởng đấu tranh của bạn không những chỉ được phục vụ bởi sự lưu ý của báo chí đối với những hành động và thành quả của chính quý vị, mà còn bởi sự lưu ý của báo chí đối với những gì đối phương của bạn đang làm. Phong trào của bạn có thể biết rõ những điều chế độ đang làm hay đang chuẩn bị mà báo chí muốn biết, và bạn có thể chia sẻ thông tin này khi bạn có thể chia sẻ được, phù hợp với việc bảo vệ an ninh cho bạn và tính vô danh cho các nguồn tin.

Quy tắc # 7. Nên nhớ là các phóng viên và nhà sản xuất phải “bán” câu chuyện của họ cho thượng cấp, và phải giúp thượng cấp trong công việc này bằng cách cắt nghĩa những nhân tố như là bối cảnh, tình hình, các liên hệ, hay là những hiệu quả mà thượng cấp có thể không hay biết, và có thể làm cho câu chuyện được thêm phần hấp dẫn hơn. Bạn có thể biết được những chi tiết về cuộc đời hay những mối quan hệ giữa những nhân vật chính yếu, hay là những liên hệ về tài chánh và kinh doanh sẽ làm cho câu chuyện có ý nghĩa hơn. Nếu có thể được, bạn nên cung cấp những đoạn video để tăng giá trị cho câu chuyện.

Quy tắc # 8. Bạn nên cẩn thận không nên bóp méo những đoạn video mà bạn đã trao cho các nhà báo. Phải cung cấp đầy đủ và chính xác những chi tiết như ngày, địa điểm, và nội dung của những cảnh mà bạn cung cấp. Phải nắm chắc là bạn có quyền pháp lí cung cấp tài liệu này, và chiếu đoạn phim trên truyền hình sẽ không làm nguy hại bất cứ ai được trình chiếu trong đoạn phim và không đặt bạn vào hoàn cảnh bị khiêu nại về pháp lí.

Quy tắc # 9. Đừng bao giờ phỉnh gạt hoặc cung cấp thông tin thất thiệt hay đánh lạc hướng nhà báo. Điều này có thể có lợi cho bạn trong ngắn hạn. Nhưng tai hại trong dài hạn thực không đáng.

Quy tắc # 10. Nên nhớ là những mạng lưới, các hãng truyền thông, những dịch vụ tin tức có những tính giả khác nhau, có những chu kì tin tức, phong cách khác nhau, và những đòi hỏi kĩ thuật khác nhau. Ngoại trừ những trường hợp hết sức bất thường và khẩn cấp, các nhân tố này cần được phản ánh trong cách thức bạn tiếp xúc với họ. Một phóng viên thực hiện tin tức ngắn tại chỗ cho đài truyền hình có những nhu cầu khác với một phóng viên báo chí nạp bản một câu chuyện dài 1.500 từ.

Tóm lược

Tác động khán thính độc giả quốc ngoại qua sự hỗ trợ của các NGOs hay bằng cách sử dụng có nghệ thuật các phương tiện truyền thông đại chúng

có thể thiết yếu cho sự thành công của một phong trào. Những sự hợp tác được hình thành với những lực lượng bên ngoài này có thể đem lại tính hợp pháp, sức mạnh, tài nguyên và tin tức báo chí cho các phong trào bất bạo động, nhưng trong những hợp tác này có những trách nhiệm kế ược cần phải được chu toàn.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

THAM VẤN VÀ HUẤN LUYỆN

Một thực tế đáng tiếc là sự lưu tâm theo đuổi đấu tranh bất bạo động như là một hình thức thay thế cho đấu tranh vũ trang rất thường xảy ra sau khi đấu tranh vũ trang đã thất bại hoặc là sau khi một sự cứu xét công phu quyết định là đấu tranh vũ trang không phải là một giải pháp có thể đưa đến chiến thắng. Hàng bao nhiêu tháng, năm hay hàng chục năm đã từng được đầu tư vào đấu tranh vũ trang có thể biểu hiện một tổn phí bỏ đi đáng kể, và người ta có thể hiểu được tại sao có sự miễn cưỡng khi phải thừa nhận là đấu tranh bạo động không là, và đã không bao giờ là, một giải pháp có thể thực hiện được. Thất bại có thể không phải là do lỗi của những người tham gia; họ có thể rất có khả năng, ngoại trừ đối với những lực lượng lớn mạnh hơn nhiều vượt quá xa sức kiểm soát của họ.

Sự thất bại của một cuộc đấu tranh vũ trang chống lại một chế độ chuyên chế ngày nay không có gì là ngạc nhiên. Từ khi cuộc Chiến Tranh Lạnh chấm dứt, các cường quốc không còn cần đến những quốc gia “khách hàng” để xúc tiến những cuộc chiến tranh uỷ nhiệm ngõ hầu bảo đảm những quyền lợi của họ chống lại khối các quốc gia đối lập nữa. Các quốc gia ngày nay tập trung nhiều hơn vào những quyền lợi kinh tế có thể được đeo đuổi một cách có hiệu năng hơn trong những môi trường ổn định về chính trị.

Gia tăng trung ương tập quyền vào các chính phủ, kèm thêm những tiến bộ về kĩ thuật để kiểm soát và dẹp tan các nhóm đối lập dễ dàng hơn, như là truyền thông, kiểm soát đám đông, thâm thập thông tin tình báo, và những biện pháp đàn áp khác, làm cho việc huấn luyện, di chuyển, và sử dụng các nhóm vũ trang hết sức khó khăn. Ngay cả trong những xã hội dân chủ, mà cuộc “chiến chống khủng bố” cũng đã đưa đến một sự chấp nhận vô tiền khoáng hậu về sự kiểm soát và theo dõi những cá nhân -- những hành động mà cách đây một vài năm là một điều không thể tưởng tượng được. Đối với những chế độ độc đoán, cuộc chiến chống khủng bố đã mở những cánh cửa cơ hội cho việc đàn áp càng gắt gao hơn. Các nhóm đối kháng vì dân chủ bị gán cho cái nhãn hiệu là quân khủng bố có thể bị chính quyền tàn sát mà không có được một tiếng thì thầm phản đối từ các quốc gia dân chủ.

Trong lúc những nhân tố này đã làm cho đấu tranh vũ trang đòi thay đổi dân chủ hầu như không thể thực hiện được, thì những nhân tố đó cũng thay đổi cách thức những phong trào bất bạo động cần suy tư về cách làm thế nào để thực thi chiến lược của họ. Một thí dụ là việc sử dụng điện thoại. Ngày nay người ta có thể theo dõi điện thoại suốt ngày đêm, và bây giờ một máy điện thoại cầm tay chỉ an toàn khi đã tháo gỡ pin. Còn

về máy điện tính, được sử dụng khắp thế giới, thì chỉ có một cách duy nhất để hoàn toàn xoá dữ kiện trên ổ cứng là đốt nó đi hay là đưa nó gần một nam châm điện mạnh. Dùng búa tạ đánh vào ổ cứng cũng không bảo đảm được là các chuyên viên về máy điện tính không rút ra được một số thông tin. Bấm nút xoá bỏ chỉ làm cho người sử dụng máy không thấy được mà thôi, chứ không che mắt được các cơ quan tình báo của chính phủ. Vô hiệu hoá các “cookies” chỉ lôi kéo sự chú ý của những người đã cài chúng vào máy. Sử dụng các chương trình mật mã, ngay cả khi chúng không được giải mã kịp thời, sẽ lôi kéo sự chú ý đến những người sử dụng các chương trình này.

Đã từng có nhiều sách viết về đấu tranh bất bạo động chiến lược. Trong lúc những sách này, cùng với các phim, những bài báo, và các tập sách nhỏ là, và sẽ là, những nguồn tài liệu vô giá cho những người khai phá việc sử dụng đấu tranh bất bạo động hay là cho những người đã dấn thân vào trong hình thức đấu tranh này, những tài liệu này tự chúng sẽ không đủ. Khi thời gian là một nhân tố và kiến thức và các kĩ năng cần được chuyển đạt nhanh chóng, thì nên yêu cầu sự trợ giúp của các chuyên gia tham vấn và những giảng viên kinh nghiệm. Nhận lãnh một sự yêu cầu như thế là một trách nhiệm tuyệt hảo.

Sử Dụng Nhân Lực Tối Đa Để Việc Huấn Luyện Được Hữu Hiệu

Một trong nhiều đóng góp của phim *Một Lực Lượng Mạnh Hơn [A Force More Powerful]* vào lãnh vực đấu tranh bất bạo động chiến lược là hàng triệu người đã có được cơ hội xem và nghe một thông điệp rõ ràng đã từng được cổ xúy hàng bao nhiêu năm – là có một giải pháp thay thế hữu hiệu cho những giải pháp được nhìn nhận là giới hạn của bạo động hay là khuất phục trong cuộc đấu tranh giành quyền lực.

Đồng thời với sự gia tăng chú ý của công chúng đến đấu tranh bất bạo động, chúng ta cũng nhìn thấy một sự gia tăng về những yêu cầu về thông tin hay là về huấn luyện về việc sử dụng đấu tranh bất bạo động chống lại những chế độ áp bức. Không có một tổ chức nào có khả năng huấn luyện mọi khía cạnh của đấu tranh bất bạo động. Một vài tổ chức thì chú tâm vào các kĩ năng giải quyết các đòi hỏi chiến lược cho những phong trào toàn quốc; một số tổ chức khác lại chuyên về những kĩ năng và kĩ thuật chiến lược, trong lúc những tổ chức khác nữa thì phát huy các khả năng tổ chức các lớp thường dân đấu tranh bất bạo động để đem lại sự tự tin cho những người ít được đại diện trong tiến trình chính trị. Có lẽ là bất cứ nhóm nào cổ võ việc sử dụng đấu tranh bất bạo động cũng sẽ được nhờ cậy cung cấp huấn luyện, các khoá hội thảo, hội luận về chủ đề này.

Chuẩn Hoá Kiến Thức Nòng Cốt

Có câu hỏi là: Chúng ta có nên nghĩ đến việc chuẩn hoá theo một cách nào đó những gì cấu thành một mô kiến thức và kĩ năng nòng cốt về lí thuyết và áp dụng đấu tranh bất bạo động hay không? Tất cả chúng ta đều biết, chẳng hạn, là có những quan niệm và những nguyên tắc về đấu tranh bất bạo động có thể áp dụng được dù cho người ta chuẩn bị một cuộc đình công đòi tăng lương, phản đối những lạm dụng về nhân quyền, hay là lập kế hoạch cho một phong trào bất bạo động toàn quốc để đem lại thay đổi chính trị. Chúng ta cũng biết rằng những quan niệm và nguyên tắc này áp dụng xuyên văn hoá và xuyên quốc gia, cũng như những nguyên tắc quân sự về chiến tranh có thể áp dụng được trên toàn thế giới. Những quan niệm này được áp dụng như thế nào tùy tác dụng của những điều kiện đặc biệt của các môi trường xung đột, nhưng lí thuyết vẫn có giá trị. Có lẽ một “mô kiến thức nòng cốt” có thể giúp tạo nên một cái khung hiểu biết chuẩn để được gắn kết hầu hết, nếu không phải là tất cả, các chủ đề liên quan đến đấu tranh bất bạo động.

Một số chủ đề có thể được gom vào trong “mô kiến thức nòng cốt” có thể là:

- 1. Sự quan trọng của việc chọn lựa các mục tiêu tối hậu và trung gian cho cuộc đấu tranh.** Có một mục đích rõ ràng giúp sử dụng tài nguyên đúng đắn hơn, giúp quyết định được những ưu tiên, và đem lại cho công chúng không những một lí do để ủng hộ và tham gia, mà còn cung cấp một phương tiện để đo lường hiệu năng của lãnh đạo khi cuộc đấu tranh diễn tiến.
- 2. Bản chất đa nguyên của quyền lực, những nguồn gốc của quyền lực và quyền lực này được thể hiện như thế nào trong các cơ chế và tổ chức được gọi là những “cột trụ chống đỡ”.** Không có một sự thông hiểu rõ ràng về mô hình đa nguyên về quyền lực, về những nguồn gốc của quyền lực, cách quyền lực thể hiện qua các “cột trụ chống đỡ” như thế nào, thì người ta sẽ thấy không thể suy nghĩ một cách chiến lược về đấu tranh bất bạo động được. Những kĩ thuật để có được một cái nhìn nhanh chóng về các ưu và khuyết điểm của những cột trụ chống đỡ hay một sự phân tích chi tiết hơn cho việc thiết kế hành động có thể được trình bày trong những khoá học theo dõi hay những buổi tham vấn. Xem Chương 1 và 2.
- 3. Trưng bày kho vũ khí rộng lớn về những khí cụ và phương pháp bất bạo động.** Điều này không những chỉ cung cấp cho nhóm đấu tranh một danh mục những giải pháp mà còn tạo ấn tượng nơi thành viên là đấu tranh bất bạo động có nghĩa hơn là chỉ

một loạt những cuộc biểu tình. Xem Chương 4, Phương Pháp và Phương Thức.

4. **Sợ hãi và các kĩ thuật lướt thắng những tác dụng của sợ hãi.** Khủng bố công chúng là một kĩ cụ hữu hiệu lưu giữ các nhà độc tài tại chức. Khủng bố làm tê liệt, gieo kinh sợ, và phân hoá xã hội. Kinh nghiệm cho thấy là có một số kĩ thuật hữu ích cho việc lướt thắng những tác dụng của sợ hãi. Mục tiêu không phải là làm cho người ta không sợ hãi, mà là giúp cho người ta vẫn sinh hoạt được mặc dầu sợ hãi. Xem Chương 10, Sợ Hãi.
5. **Trưng bày những nền tảng của tuyên truyền.** Xác định được những quan niệm về Thông Điệp, Đối Tượng, Người Gửi Thông Điệp, và Phản Hồi sẽ cung ứng một mô hình để suy nghĩ về chủ đề quan trọng này. Xem Chương 9, Những Tác Vụ Tâm Lí.
6. **Các chất ô nhiễm những phong trào bất bạo động.** Một đe dọa nguy hiểm cho phong trào bất bạo động là những hành động bạo động được gán cho phong trào. Những hành động riêng rẽ là đã tệ rồi. Nhưng khi bạo động đi đến mức những hành động như thế có thể được chuẩn bị và thi hành với sự hiểu biết của lãnh đạo, thì thật là quá tai hại. Khi gây dựng một phong trào “quần chúng” thì luôn luôn có những áp lực thêm vào những mục đích và mục tiêu để bảo đảm sự hỗ trợ của nhiều khu vực khác nhau trong xã hội. Có một giới hạn cho lượng hành trang mà mỗi phong trào có thể mang theo. Điều quan trọng là những mục tiêu chiến lược cần được hạn chế thay vì liên tục được nới rộng. Dĩ nhiên là luôn luôn có sự nguy hiểm của “bàn tay ngoại quốc”. Tranh chấp phe nhóm nội bộ sẽ làm tiêu tan sinh lực của phong trào và trợ giúp chế độ chia để trị. Một trong những lí do làm cho các phong trào thất bại là một vài người lãnh đạo đã ưu tư về cách làm thế nào để phân chia quyền lực lâu trước khi họ có quyền lực để phân chia. Một chất ô nhiễm khác là ý niệm sai lầm rằng đấu tranh cho dân chủ đòi hỏi phải có những cơ cấu tổ chức dân chủ để tiến hành cuộc đấu tranh. Đây là một cuộc chiến tranh bất bạo động, nhưng dù sao vẫn là chiến tranh. Chiến tranh đòi hỏi lãnh đạo mạnh và kỉ luật. Xem Chương 12, Các Chất Ô Nhiễm Đấu Tranh Bất Bạo Động.

Đa Dạng Hoá Các Nguồn Kiến Thức và Kĩ Năng

Những người đang cứu xét hoặc đã dấn thân vào đấu tranh bất bạo động cần được khuyến khích nên đa dạng hoá những người cung cấp huấn luyện về kĩ năng và kiến thức. Ví dụ, khi giải quyết nhu cầu động viên công nhân hỗ trợ những chiến dịch khác nhau đang được thiết kế, thì các chiến lược gia có thể nhận thấy những người tổ chức nghiệp đoàn kinh

nghiệm là tài nguyên thích hợp hơn cả. Về vấn đề này thì những người tổ chức nghiệp đoàn kinh nghiệm phải đến từ những khu vực cụ thể cần được tổ chức – như canh nông, kĩ nghệ, dịch vụ, hoặc những lãnh vực khác, chẳng hạn.

Thêm nữa, vì tuyên truyền, hay để dùng một từ hoa mỹ hơn, thông tin và truyền thông, đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đấu tranh bất bạo động, nên cần phải tìm kiếm chuyên môn của những chuyên gia tham vấn về giao tế nhân sự dày kinh nghiệm và đã thành công.

Phụ nữ tạo thành phân nửa nhân lực sẵn để kết nạp vào phong trào bất bạo động. Trong một vài xã hội phụ nữ không phải là một phần quan trọng của tổng thể lực lượng lao động. Có thể cung cấp những người đến từ những quốc gia cùng có những phạm trù văn hoá tương tự, với kinh nghiệm đấu tranh bất bạo động để chia sẻ những ý kiến làm sao động viên phụ nữ và tìm ra những vai trò hữu ích cho họ trong cuộc đấu tranh.

Cần đặc biệt chú trọng đến giới trẻ. Trong đấu tranh bất bạo động, cũng như trong xung đột quân sự, chính những người trẻ đứng ở hàng đầu. Họ là tiên phong cho những phong trào cải cách xã hội, phải là như thế. Tuy nhiên, có nhiều điều họ cần phải biết và biết rất sớm trong phong trào. Không những họ cần được cung cấp sách vở để học tập và những khoá hội thảo về chiến thuật và lãnh đạo, mà họ còn phải có cơ hội gặp gỡ những đàn anh của các nhóm trẻ từ những cuộc đấu tranh khác để học hỏi về những thành công và thất bại của họ nữa. Kinh nghiệm bản thân là một ông thầy giỏi, nhưng học hỏi từ kinh nghiệm của người khác thì hẳn là đỡ tốn kém hơn.

Ưu tiên duy nhất là trao cho người yêu cầu những tài nguyên huấn luyện có khả năng sẵn về những kĩ năng và kiến thức mà người ấy yêu cầu. Điều này không luôn luôn có nghĩa là những người kì cựu trong đấu tranh bất bạo động là những người có khả năng nhất cho việc huấn luyện hay tham vấn.

Điều Gì Tạo Nên Những Giảng Viên và Tham Vấn Viên Hữu Hiệu

Ngay cả nếu chúng ta có kiến thức và các kĩ năng sẵn để đáp ứng những yêu cầu về tham vấn và trợ giúp huấn luyện, chúng ta cũng cần phải cân nhắc các phẩm chất và kĩ năng mà các giảng viên của chúng ta cần phải có để bảo đảm là kiến thức và các kĩ năng được yêu cầu được chuyển đạt một cách hữu hiệu. Một vài phẩm chất và kĩ năng đó là:

1. Là một người biết nghe và biết quan sát giỏi. Nhấn mạnh sự quan trọng trong việc thu nhận thông tin cũng như việc cung cấp thông tin, người ta có thể tiết kiệm được thì giờ quý báu bằng cách thẩm định kiến thức đã có trước, tôn trọng những mong đợi của nhóm, và thu thập các phản hồi về sự thành công của việc truyền đạt môn học được trình bày. Những giảng viên và tham vấn viên

kinh nghiệm hiểu được sự quan trọng của việc quan sát ngôn ngữ cơ thể và mắt của học viên. Trong giờ nghỉ, một việc làm có thể hữu hiệu là để người phụ giảng thu thập những cảm nghĩ của nhóm để điều chỉnh cách trình bày, xét lại những đề tài không được hiểu rõ, hay có lẽ nên chuyển đến một đề tài mà lúc bấy giờ nhóm tỏ ra thích thú. Không khẩn thiết là tham vấn viên hay huấn luyện viên cần phải nói suốt buổi học. Giữ tinh lặng một vài lúc có thể đem lại cơ hội cho những người khác phát biểu, và điều mà họ nói cũng quan trọng như, hay là còn quan trọng hơn, điều mà giảng viên hay tham vấn viên có thể đã nói.

Liên quan đến việc thẩm định kiến thức có trước, TS. Gene Sharp có viếng thăm một nhóm đối lập Miến Điện tại tổng hành dinh trong rừng của họ tại Manerplaw, Miến Điện vào khoảng cuối năm 1992. Nhóm vừa mới được giới thiệu những quan niệm về đấu tranh bất bạo động chiến lược. TS. Sharp được giới thiệu với một trong số những học viên, là một giáo sư đại học. Thay vì trao đổi một vài mẫu chuyện vui, vị giáo sư tức khắc đi vào một cuộc thảo luận về những điểm cụ thể trong bộ sách gồm ba tập của Gene, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*]. Vị giáo sư đã đọc cuốn sách này một năm trước đó.

Nhiều chuyện có thể đã xảy ra giữa thời gian yêu cầu một tham vấn viên và khi có được tham vấn. Do đó, mục đầu tiên của chương trình phải là tổng duyệt tình hình do một hay nhiều người trong nhóm cần tham vấn trình bày. Chủ điểm đã được giàn xếp cho việc tham vấn có thể đã bị các diễn biến thay đổi ["OBE"=overtaken by events] và những ưu tiên mới có thể đã được xác định. Sau khi duyệt lại những chủ đề này và quyết định những chủ đề nào tham vấn viên có đủ khả năng giảng dạy, rồi chương trình tham vấn sẽ được sửa đổi cho thích hợp. Những tài liệu ghi chú cho các chủ đề được yêu cầu trước đó có thể để lại cho nhóm. Các đề tài đòi hỏi những tham vấn viên khác chỉ cần giải quyết đến mức độ là gợi ý có thể tìm kiếm chuyên môn này ở đâu mà thôi.

2. Nhạy cảm về liên hệ xuyên văn hoá. Có vài điểm căn bản mà tất cả mọi huấn luyện viên đều phải tôn trọng. Ví dụ, học viên, trong bối cảnh của những kinh nghiệm và môi trường của họ, sẽ tiếp thu thông tin được trình bày. Huấn luyện viên có thể thúc đẩy sự tiếp thu này nhanh chóng hơn bằng cách sử dụng những thí dụ phù hợp với bối cảnh đó. Thường thường các thông dịch viên được sử dụng biết rất ít về bộ môn nên cần phải thiết lập những quy tắc căn bản khắt khe để tránh việc thông dịch viên "dạy" lớp. Có một trường hợp, một huấn luyện viên khá thông thạo về ngôn ngữ của học viên nhưng quyết định không tiết lộ kĩ năng ngôn ngữ của mình cho người thông dịch biết. Thông dịch viên, rõ ràng là cảm thấy

thoải mái với chủ đề, đã bắt đầu phát biểu quan điểm của chính mình thay vì quan điểm của huấn luyện viên. Ông ta đã bị thay thế ngay!

3. Biết bộ môn nhiều hơn là giáo án đã soạn thảo. Điều này quan trọng khi giảng viên trả lời các câu hỏi và củng cố các mục tiêu giảng huấn. Đây là một khiếm khuyết trầm trọng trong các chương trình “huấn luyện huấn luyện viên”. Kinh nghiệm cho thấy là sau hai hay ba lần huấn luyện, các huấn luyện viên thường không trả lời được đầy đủ các câu hỏi vượt quá những gì có sẵn trong giáo án. Do đó, các huấn luyện viên cần được tiếp cận với những tài liệu nguồn, được người chuyên nghiệp chuyển ngữ, và phải được trác nghiệm về những tài liệu này. Đồng thời, chỉ dấu của một nhà chuyên môn trong bất cứ lãnh vực nào là phải nói: “Tôi không biết câu trả lời cho câu hỏi đó. Để tôi suy nghĩ và sẽ nói chuyện với ông/bà sau”.

4. Thông hiểu học tập diễn biến như thế nào. Trong lúc dữ kiện rõ rệt về việc ghi nhớ thông tin tiếp thu được nhờ đọc sách, nhờ nghe, và nhờ hành động (hay là nhờ hỗn hợp những cách này) không thể kiểm chứng được, nhưng lí lẽ thông thường cho thấy là bất cứ điều gì mà người ta có tham dự vào đều củng cố kiến thức mà ông/bà ta đã được trình bày qua sách vở hay qua các bài thuyết giảng. Do đó, huấn luyện viên cần củng cố các nhận định của mình bằng hình ảnh và đưa vào những thực tập thực tiễn khi nào có thể được. Huấn luyện viên Quân Đội về luyện tập quân sự trước đây có một châm ngôn hay về giảng huấn có thể áp dụng được cho tất cả mọi giảng viên: “Nói cho họ biết những gì bạn sẽ nói với họ, nói những điều đó với họ, và nói với họ những gì bạn đã nói với họ”.

Một tham vấn viên cần hiểu biết không những chỉ về nhóm yêu cầu tham vấn, mà cả về việc nhóm này thuộc vào chỗ nào trong phong trào. Nói cách khác, có phải là tham vấn cho một nhóm hệ phái hay là cho dòng chính của phong trào đối kháng? Có được sự ủng hộ và hỗ trợ năng động của những người lãnh đạo cao cấp của phong trào thì tốt hơn nhiều. Nếu một buổi họp có thể giàn xếp được, thì tham vấn viên có thể trình bày một tổng quan về đấu tranh bất bạo động chiến lược để đưa phần lí thuyết và các áp dụng vào những cuộc đấu tranh khác. Nếu vẫn còn nghi ngờ về sự phát triển và tồn tại của phong trào thì điều thích hợp là nên gợi ý một “dự án thử nghiệm” để những người trong phong trào mà ý kiến thường được lãnh đạo phong trào tôn trọng thẩm định. Rất đơn giản, nếu lãnh đạo phong trào không được thuyết phục rằng đấu tranh bất bạo động phải là giải pháp chọn lựa, thì phong trào sẽ không nhận được những tài nguyên

về tài trợ và các nhân viên ưu tú mà phong trào cần đến để thành công trong việc thực thi các mục tiêu của mình.

Việc một chế độ độc tài nhận ra được tầm quan trọng của sự đe dọa do đấu tranh bất bạo động đem lại rất lâu trước khi lãnh đạo của đối kháng nhận ra được điều này không phải là một điều bất thường. Do đó, cần cẩn trọng, không nên công bố khoá huấn luyện cán bộ đầu tiên. Các huấn luyện viên trong mọi trường hợp cũng không cần phải biết tên học viên. Thực ra, điều khôn ngoan là cần nhấn mạnh là khi đến tham dự huấn luyện, học viên nên tự giới thiệu mình bằng một “bí danh” và tên thật cũng không được giảng viên hoặc các học viên khác chưa từng gặp nhau trước biết.⁴²

Nếu hoàn cảnh cho phép thì các huấn luyện viên và tham vấn viên cần trú ngụ cùng chỗ với nhóm học viên để có thể cùng nhau trao đổi chuyện trò ngoài giờ học. Nói cách khác, các huấn luyện viên cần phải được tiếp cận dễ dàng. Sự chuyển đạt kiến thức có thể thường xảy ra một cách hết sức hữu hiệu trong những giờ ngoài giờ làm việc.

⁴² Tác giả này nhớ lại một trong những lớp của ông dạy ở một địa điểm hẻo lánh với những học viên có những cái tên như là “Othello”, “Bright”, “Zulu”, “Roméo”, “John Kennedy”. Hẻo lánh trong bối cảnh này có nghĩa là một địa điểm chỉ định có “chim giết rắn” mà kỉ lục là giết 6 con rắn một ngày.

MỘT VÀI Ý NGHĨ SAU CÙNG

Làm sao để suy nghĩ về đấu tranh bất bạo động chiến lược và lí thuyết về quyền lực xã hội nằm bên dưới việc thực thi quyền lực này không nên được xem như là một vấn đề cao siêu. Trái lại, đấu tranh bất bạo động chiến lược cần phải được công nhận như là một bộ môn có thể hiểu được và áp dụng được bởi tất cả những ai tìm cách quặng đi cái ách áp bức của chính quyền. Người dân cần phải hiểu rõ ràng rằng họ nắm giữ chính những nguồn sức mạnh mà bạo chúa sử dụng để đàn áp họ, và nhân dân, như là một tập thể, có thể khước từ cung cấp những nguồn sức mạnh này cho nhà cai trị, làm cho giải phóng có thể thực hiện được.

Mục đích của cuốn sách này là giới thiệu cho độc giả những căn bản của đấu tranh bất bạo động và một thảo luận ngắn gọn về những áp dụng thực tiễn những căn bản này. Đây không phải là một tác phẩm có tính khẳng quyết, mà chỉ là một phương thức suy tư về cách tích tụ sức mạnh vô song của nhân dân để chế ngự áp bức. Phương thức này chứng tỏ những tương đồng giữa đấu tranh vũ trang và không vũ trang, nhưng sự nhấn mạnh có chủ ý đã được đặt lên một điểm tương đồng mà có lẽ ít được chú ý hơn cả, đó là sự quan trọng của việc sử dụng một phương thức có hệ thống trong việc đi đến một quyết định và việc thiết lập kế hoạch. Một chiến lược hay sẽ cung cấp hướng đi và những ưu tiên cho việc tranh thủ các mục tiêu của phong trào và cho phép có sự uyển chuyển cần có để điều chỉnh những kế hoạch nhằm đáp ứng những cơ hội và các thách thức mới. Cứ đeo đuổi một kế hoạch, khi đã có những thay đổi của các nhân tố về hoàn cảnh -- những thay đổi này xảy ra là một chuyện bình thường -- mà dựa theo các nhân tố đó kế hoạch này đã được soạn thảo, là một sai lầm lớn lao vào bậc nhất. Tuy vậy, với một chiến lược sâu sắc, thiết kế cẩn trọng, và lãnh đạo mạnh, một phong trào bất bạo động có thể thực hiện những điều chỉnh này rất nhanh chóng và ép đối phương phải đấu tranh trong điều kiện của mình – và chiến lược đó cùng với lãnh đạo có thể tạo nên một sự khác biệt có tính quyết định đối với kết quả của bất cứ cuộc đấu tranh bất bạo động nào.

Phụ Bản Một

Liệt kê những Tù Quan Trọng trong Đấu Tranh Bất Bạo Động

THÍCH NGHI (ACCOMMODATION): Một phương thức tạo thay đổi của hành động bất bạo động theo đó đối thủ quyết định, trong lúc họ vẫn còn lựa chọn được, đồng ý về một thoả hiệp và chấp nhận một số đòi hỏi của những người đối kháng bất bạo động. Thích nghi xảy ra khi đối thủ chưa thay đổi quan điểm của họ và cũng chưa bị cưỡng ép bằng bất bạo động, nhưng kết luận là nên giải quyết bằng thoả hiệp. Thích nghi có thể là kết quả từ những ảnh hưởng mà, nếu cứ tiếp tục, có thể đưa đến cải hoá, cưỡng ép bất bạo động, hay phân huỷ hệ thống hoặc chế độ của đối thủ.

UY QUYỀN (AUTHORITY): Là phẩm chất điều hướng những xét đoán, những quyết định, những khuyến cáo, và những lệnh của một số cá nhân và cơ chế nào đó được người ta tự nguyện chấp nhận là đúng và do đó có thể được người khác ứng dụng nhờ sự tuân phục và hợp tác. Uy quyền là nguồn sức mạnh chính trị chính yếu, nhưng không cùng đồng nghĩa.

TÃY CHAY (BOYCOTT): Bất hợp tác về xã hội, kinh tế, hoặc chính trị.

KHƯỚC TỪ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN (CIVIC ABSTENTION): Đồng nghĩa với các hành vi bất hợp tác chính trị.

HÀNH ĐỘNG CÔNG DÂN (CIVIC ACTION): Đồng nghĩa với hành động bất bạo động xúc tiến vì những mục đích chính trị.

THÁCH THỨC DÂN SỰ (CIVIC DEFIANCE): Những hành vi khẳng định phản đối bất bạo động, đối kháng hoặc can dự được xúc tiến vì những mục đích chính trị.

ĐÌNH CÔNG DÂN SỰ (CIVIC STRIKE): Ngưng hẳn hoạt động về kinh tế được xúc tiến vì mục đích chính trị. Không những công nhân có thể đình công, mà quan trọng là sinh viên, chuyên viên, chủ tiệm, nhân viên bàn giấy (bao gồm cả công chức), và những thành viên ở nấc thang cao cấp trong xã hội cũng thường tham gia.

BẤT TUÂN DÂN SỰ (CIVIL DISOBEDIENCE): Cố tình vi phạm bằng phương thức hoà bình một số đạo luật nào đó, một số nghị định, điều lệ,

sắc lệnh, hay lệnh của quân đội hay của cảnh sát, hay những điều tương tự. Đây thường là những luật lệ được xem là hiển nhiên trái với đạo đức, không công bằng, hay là bạo ngược. Tuy nhiên, đôi khi có những luật chủ yếu chỉ có tính quy lệ hay trung dung về đạo đức cũng có thể được bắt tuân như là một biểu tượng chống lại những chính sách rộng lớn hơn của chính quyền.

ĐỐI KHÁNG DÂN SỰ (CIVIL RESISTANCE): Đồng nghĩa với đối kháng bất bạo động

CẢI HOÁ (CONVERSION): Một thay đổi về quan điểm của các đối thủ mà hành động bất bạo động đang được xúc tiến chống lại bằng cách làm cho họ trở nên tin tưởng là chấp nhận những mục tiêu của nhóm người bất bạo động là đúng. Đây là một trong bốn phương thức tạo thay đổi của hành động bất bạo động.

PHÂN HUỖ (DISINTEGRATION): Phương thức tạo thay đổi thứ tư của hành động bất bạo động, theo đó các đối thủ không những chỉ bị cưỡng ép mà hệ thống hay chính quyền của họ bị phân huỷ và sụp đổ do kết quả của sự bất hợp tác và thách thức ồ ạt. Các nguồn sức mạnh bị hạn chế hoặc bị cắt đứt bởi sự bất hợp tác cực độ đến nỗi hệ thống hoặc chính quyền của đối thủ phải tan vỡ.

NGƯNG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (ECONOMIC SHUT-DOWN): Ngưng những sinh hoạt kinh tế của một thành phố, một khu vực, hay một quốc gia ở tầm mức đủ để đưa đến tê liệt về kinh tế. Động lực thường là chính trị.

Điều này có thể thực hiện được bằng một cuộc tổng đình công của công nhân trong lúc ban quản trị, thương nghiệp, các cơ sở thương mại, và các chủ tiệm nhỏ đóng cửa và ngưng các sinh hoạt kinh tế của họ.

TỰ DO (CHÍNH TRỊ) (FREEDOM (POLITICAL)): Một hoàn cảnh chính trị cho phép cá nhân được tự do lựa chọn và hành động và cũng cho phép cá nhân và nhóm được tham dự vào những quyết định và điều hành xã hội và hệ thống chính trị.

ĐẠI CHIẾN LƯỢC (GRAND STRATEGY): là quan niệm rộng lớn nhất về cách làm thế nào để đạt được một mục tiêu trong một cuộc xung đột bằng một phương thức hành động đã được chọn lựa. Đại chiến lược nhằm phối hợp và điều hướng tất cả những tài nguyên thích hợp và sẵn có (nhân lực, chính trị, kinh tế, đạo đức, v.v...) của nhóm để đạt các mục tiêu trong cuộc xung đột. Vài chiến lược có giới hạn hơn có thể được áp dụng trong khuôn khổ đại chiến lược để đạt những mục tiêu đặc biệt nào đó của những giai đoạn phụ thuộc của cuộc đấu tranh toàn diện.

NHÓM KHIẾU NẠI (GRIEVANCE GROUP): Nhóm quần chúng mà những khiếu nại của họ là những vấn đề được nêu lên trong cuộc xung đột và được những người đối kháng bất bạo động bênh vực.

NHÂN LỰC (HUMAN RESOURCES): Một từ được dùng ở đây để chỉ số người hay nhóm người tuân phục “nhà cai trị” (nghĩa là nhóm cai trị đang chỉ huy nhà nước), hợp tác, hoặc hỗ trợ nhóm cai trị thực thi ý đồ của họ. Điều này bao gồm tỉ lệ những người và nhóm người như thế trong quần chúng, và mức độ, hình thái, và sự độc lập của những tổ chức của họ. Sức mạnh của người cai trị tùy thuộc vào việc có hay không có các nguồn nhân lực này là điều đã tạo nên một trong những nguồn sức mạnh chính trị.

VẬT LỰC (MATERIAL RESOURCES): Đây là một nguồn sức mạnh chính trị khác. ‘Từ’ này chỉ tài sản, tài nguyên thiên nhiên, nguồn tài chính, hệ thống kinh tế, phương tiện truyền thông, và phương thức chuyên chở. Mức độ nhà cai trị kiểm soát, hay không kiểm soát, các thứ này sẽ giúp quyết định mức độ hay là giới hạn sức mạnh của nhà cai trị.

NHỮNG PHƯƠNG THỨC TẠO THAY ĐỔI (MECHANISMS OF CHANGE): Là những tiến trình theo đó tạo được thay đổi trong những trường hợp đấu tranh bất bạo động thành công. Bốn phương thức tạo thay đổi là cải hoá, thích nghi, cưỡng ép bất bạo động, và phân huỷ.

PHƯƠNG PHÁP (METHODS): Là những phương tiện rõ rệt của hành động trong khuôn khổ kĩ thuật hành động bất bạo động. Hiện có gần hai trăm phương pháp được xếp thành ba loại chính: phản đối bất bạo động và thuyết phục, bất hợp tác (về xã hội, kinh tế, và chính trị), và can thiệp bất bạo động.

BẤT HỢP TÁC (NONCOOPERATION): Một phân loại lớn của những phương pháp hành động bất bạo động bao hàm sự hạn chế cố tình, ngưng việc, hoặc rút lại sự hợp tác xã hội, kinh tế, hay chính trị (hay là hỗn hợp các phương pháp này) đối với một người, một hoạt động, một tổ chức, hay một chế độ không được chấp nhận.

Những phương pháp bất hợp tác được xếp thành những phân loại phụ là bất hợp tác xã hội, bất hợp tác kinh tế (các vụ tẩy chay kinh tế và nhân công đình công), và bất hợp tác chính trị.

BẤT BẠO ĐỘNG (TÔN GIÁO HOẶC ĐẠO ĐỨC) (NONVIOLENCE (RELIGIOUS OR ETHICAL)): Những tín ngưỡng và hành vi thuộc đủ loại mà theo đó bạo lực bị cấm chỉ dựa trên căn bản tôn giáo hay đạo đức. Theo một vài hệ thống tín ngưỡng, thì không những hành động bạo lực bị ngăn cấm mà ngay cả tư tưởng và lời nói hận thù. Một số hệ thống tín

ngưỡng còn bắt buộc phải có thái độ và hành vi tích cực đối với kẻ thù, hay ngay cả bác bỏ quan niệm kẻ thù. Những người có lòng tin như thế thường có thể tham gia những cuộc đấu tranh bất bạo động cùng với những người thực thi đấu tranh bất bạo động vì những lí do thực tiễn, hoặc họ có thể lựa chọn không tham gia.

HÀNH ĐỘNG BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT ACTION): Một kĩ thuật tổng quát để xúc tiến phản đối, đối kháng, và can thiệp mà không dùng bạo lực. Hành động như thế có thể thực hiện bằng (a) các hành vi bỏ lơ – nghĩa là, các tham dự viên khước từ làm những việc mà họ thường làm, theo thông lệ cần phải làm, hoặc bị luật pháp hay điều lệ bắt buộc phải làm; hay là bằng (b) các hành vi tự tiện – nghĩa là, các tham dự viên làm những việc mà thường họ không làm, theo thông lệ không cần phải làm, hoặc bị luật pháp hay điều lệ cấm không được làm; hay là bằng (c) cách hỗn hợp cả hai cách. Kĩ thuật này bao gồm nhiều phương pháp rõ rệt được xếp loại thành ba nhóm chính: phản đối và thuyết phục bất bạo động, bất hợp tác, và can thiệp bất bạo động.

CƯỜNG ÉP BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT COERCION): Một phương thức tạo thay đổi của hành động bất bạo động theo đó các đòi hỏi được đáp ứng ngược với ý muốn của đối thủ vì họ đã bị bất hợp tác và thách đố lan tràn lấy mất đi khả năng kiểm soát hoàn cảnh một cách có hiệu năng. Tuy nhiên, các đối thủ vẫn còn tại chức và hệ thống chưa bị phân huỷ.

NỔI DẬY BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT INSURRECTION): Một cuộc nổi dậy chính trị phổ biến bằng bất hợp tác và thách đố quy mô chống lại một chế độ hiện hành bị xem là áp bức.

CAN THIỆP BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT INTERVENTION): Một nhóm lớn các phương pháp hành động bất bạo động, trong một hoàn cảnh xung đột, can dự trực tiếp vào các sinh hoạt và sự điều hành hệ thống của đối thủ bằng những phương tiện bất bạo động. Những phương pháp này được phân biệt với các cuộc phản đối và bất hợp tác có tính biểu tượng. Việc can thiệp gây rối loạn này hầu hết mang tính thể chất (như là xuống-đường-ngồi) nhưng cũng có thể là tâm lí, xã hội, hoặc chính trị.

PHẢN ĐỐI VÀ THUYẾT PHỤC BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT PROTEST AND PERSUASION): Một nhóm lớn các phương pháp hành động bất bạo động là những hành vi biểu tượng diễn đạt ý kiến phản đối hay cố thuyết phục (như những đêm không ngủ, diễn hành hay làm hàng rào cản). Những hành vi này vượt quá giới hạn phát biểu ý kiến bằng lời nói nhưng chưa phải là bất hợp tác (như là một cuộc đình công) và can thiệp bất bạo động (như xuống-đường-ngồi).

ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT STRUGGLE): Việc xúc tiến cuộc xung đột quyết liệt bằng những hình thái mạnh mẽ của hành động bất bạo động, đặc biệt là để chống lại những đối thủ kiên quyết và tháo vát có thể phản công bằng đàn áp.

VŨ KHÍ BẤT BẠO ĐỘNG (NONVIOLENT WEAPONS): Những phương pháp đặc trưng của hành động bất bạo động.

NHỮNG CỘT TRỤ CHỐNG ĐỠ (PILLARS OF SUPPORT): Những tổ chức và các khu vực của xã hội đang cung cấp cho chế độ hiện hữu những nguồn sức mạnh cần có để duy trì và bành trướng khả năng quyền lực của chế độ.

Thí dụ là cảnh sát, các nhà tù, và quân đội cung ứng những trừng phạt, các nhà lãnh đạo đạo đức và tôn giáo cung ứng uy quyền (chính danh), các nhóm lao động và thương gia và các nhóm đầu tư cung cấp tài nguyên kinh tế, và cũng như thế đối với các nguồn sức mạnh chính trị khác nhận dạng được.

THÁCH THỨC CHÍNH TRỊ (POLITICAL DEFIANCE): Sự áp dụng chiến lược của đấu tranh bất bạo động để làm tan rã một chế độ độc tài và thay thế vào đó bằng một hệ thống dân chủ.

Sự đối kháng bằng bất hợp tác và thách thức này huy động sức mạnh của dân chúng bị áp bức nhằm hạn chế và cắt đứt các nguồn sức mạnh của nền độc tài. Những nguồn sức mạnh này được cung cấp bởi những nhóm người hay những tổ chức gọi là “những cột trụ chống đỡ”. Khi thách thức chính trị được sử dụng thành công thì có thể làm cho một quốc gia trở nên không thể cai trị được bởi nền độc tài hiện tại hay tương lai và do đó có thể bảo tồn được một hệ thống dân chủ chống lại những đe dọa mới có thể có.

NHU THUẬT CHÍNH TRỊ (POLITICAL JIU-JITSU): Một tiến trình đặc biệt có thể vận hành trong một cuộc đấu tranh bất bạo động để thay đổi tương quan lực lượng. Trong nhu thuật chính trị những phản ứng tiêu cực đối với việc đàn áp những người đối kháng bất bạo động bằng vũ lực sẽ được chuyển đổi để vận hành một cách chính trị chống lại các đối thủ, làm suy yếu thế đứng quyền lực của họ và tăng sức mạnh cho thế đứng quyền lực của những người đối kháng bất bạo động. Điều này có thể thực hiện được chỉ khi nào sự đàn áp bằng vũ lực được tiếp nhận bằng thách thức bất bạo động liên tục, chứ không phải bằng bạo động hay đầu hàng. Sự đàn áp của đối phương lúc đó sẽ được xem như là điều bất lợi nhất cho họ. Kết quả có thể là có nhiều thay đổi ý kiến trong những thành phần thứ ba, trong nhóm khiêu nại tổng quát, và ngay cả trong số những người thường ủng hộ đối phương. Những thay đổi ý kiến này có thể đưa đến việc rút lui sự hỗ trợ cho đối phương và gia tăng sự hỗ trợ cho những

người đối kháng bất bạo động. Kết quả có thể là đối thủ bị đa số quần chúng lên án, chống đối nội bộ trong hàng ngũ đối phương, và đối kháng gia tăng. Những thay đổi này đôi khi có thể tạo ra những chuyển đổi trọng đại trong tương quan lực lượng có lợi cho nhóm đấu tranh bất bạo động. Nhu thuật chính trị không vận hành được trong tất cả mọi trường hợp đấu tranh bất bạo động. Khi không dùng được thì sự chuyển đổi tương quan lực lượng tùy thuộc rất nhiều vào mức độ bất hợp tác.

SỨC MẠNH CHÍNH TRỊ (POLITICAL POWER): Là toàn bộ các ảnh hưởng và áp lực sẵn có để sử dụng vào việc quyết định và thực thi những chính sách chính thức cho một xã hội. Sức mạnh chính trị có thể được sử dụng bởi các thể chế chính quyền, hay bởi các nhóm và tổ chức li khai để chống lại chính quyền. Sức mạnh chính trị có thể được trực tiếp áp dụng vào một cuộc xung đột, hoặc có thể được để dành lại như là một khả năng tồn trữ để sử dụng về sau.

CHẾ TÀI (SANCTIONS): Là những hình phạt hoặc trả đũa, bạo động hay bất bạo động, được áp đặt hoặc vì người ta đã không hành động như chờ đợi hay như ước muốn, hoặc vì người ta đã hành động một cách bất ngờ hoặc khi bị cấm. Những trừng phạt bất bạo động so với những trừng phạt bạo động thì ít khi để trả đũa vì bất tuân phục hơn là để nhằm đạt một mục tiêu nhất định. Chế tài là một nguồn sức mạnh chính trị.

TỰ LỰC (SELF-RELIANCE): Khả năng quản lí công việc của chính mình, tự mình xét đoán, và đem lại cho bản thân, cho nhóm hay tổ chức của mình, sự độc lập, tự quyết, và tự túc.

CÁC KĨ NĂNG VÀ KIẾN THỨC (SKILLS AND KNOWLEDGE): Sức mạnh của nhà cai trị được hỗ trợ bởi các kĩ năng, kiến thức và khả năng do những người hay nhóm người trong xã hội (nhân lực) cung cấp và bởi sự liên quan giữa những kĩ năng, kiến thức và khả năng sẵn có này với những nhu cầu của nhà cai trị đối với những điều này.

CÁC NGUỒN SỨC MẠNH (SOURCES OF POWER): Đây là những nguồn gốc của sức mạnh chính trị. Những sức mạnh này bao gồm: uy quyền, nhân lực, các kĩ năng và kiến thức, những nhân tố không nắm bắt được, vật lực và chế tài. Những điều này phát xuất từ xã hội. Mỗi nguồn sức mạnh đều được gắn chặt với và lệ thuộc vào sự chấp nhận, sự hợp tác, và tuân phục của dân chúng và các tổ chức của xã hội. Có được sự cung cấp đầy đủ những nguồn này, nhà cai trị sẽ mạnh. Khi sự cung cấp bị làm cho yếu đi hay bị cắt đứt thì sức mạnh của nhà cai trị sẽ suy nhược hoặc sụp đổ.

ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG CÓ CHIẾN LƯỢC (STRATEGIC NONVIOLENT STRUGGLE): Là đấu tranh bất bạo động áp dụng theo một kế hoạch chiến lược đã được soạn thảo dựa trên cơ sở của sự phân tích về hoàn cảnh xung đột, những ưu và nhược điểm của các nhóm đối phương, bản chất, các khả năng, và các đòi hỏi của kỹ thuật đấu tranh bất bạo động, và đặc biệt là những nguyên tắc của loại đấu tranh đó. Xem thêm: đại chiến lược, chiến lược, các chiến thuật, và các phương pháp.

CHIẾN LƯỢC (STRATEGY): Là một kế hoạch cho việc xúc tiến một giai đoạn chính yếu, hay một chiến dịch, trong khuôn khổ của một đại chiến lược cho một cuộc xung đột toàn bộ. Một chiến lược là cái ý căn bản làm sao để cuộc đấu tranh của một chiến dịch nào đó phải phát triển, và làm thế nào để những bộ phận rời rạc của chiến dịch phải ăn khớp với nhau để đóng góp một cách có lợi nhất cho việc đạt được các mục tiêu. Chiến lược vận hành trong khuôn khổ của đại chiến lược. Các chiến thuật và các phương pháp hành động rõ rệt được sử dụng trong những hoạt động ở tầm mức nhỏ hẹp hơn nhằm thực thi chiến lược cho một chiến dịch nhất định.

ĐÌNH CÔNG (STRIKE): Là chủ ý giới hạn hoặc ngưng hẳn công việc, thường là tạm thời, để tạo áp lực với các chủ nhân hầu đạt một mục tiêu kinh tế hay đôi khi với chính quyền nhằm thắng lợi trong một mục đích chính trị.

CHIẾN THUẬT (TACTIC): Là một kế hoạch có giới hạn đặt nền tảng trên một quan niệm là làm sao, trong một giai đoạn hạn hẹp của một cuộc xung đột, sử dụng một cách hiệu quả những phương tiện hành động sẵn có để đạt được một mục tiêu có giới hạn rõ rệt. Chiến thuật là để dùng trong việc thực thi một chiến lược rộng lớn hơn trong một giai đoạn của cuộc xung đột toàn bộ.

BẠO LỰC (VIOLENCE): Là đối xử tàn ác trên thân xác người khác gây nên thương tích hay tử thương, hoặc là đe dọa áp dụng cách đối xử như thế, hoặc là bất cứ hành vi nào lệ thuộc vào việc gây thương tích hay tử thương hay là sự đe dọa như vậy.

Một vài loại bất bạo động có tính tôn giáo hay đạo đức quan niệm bạo lực một cách bao quát hơn nhiều. Định nghĩa hẹp ở đây cho phép những người tin tưởng như thế hợp tác được với những người hay nhóm người được đào tạo trên cơ sở thực tiễn trong việc thực hiện đấu tranh bất bạo động.

Phụ Bản Hai

Những Phương Pháp Hành Động Bất Bạo Động

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP PHẢN ĐỐI VÀ THUYẾT PHỤC BẤT BẠO ĐỘNG

Những tuyên cáo chính thức

1. Các diễn văn công cộng
2. Thư chống đối hay ủng hộ
3. Tuyên ngôn của các tổ chức hay cơ sở
4. Tuyên cáo công cộng có chữ kí
5. Tuyên ngôn buộc tội và bày tỏ dự tính
6. Kiến nghị của nhóm hay của tập thể quần chúng

Quảng bá truyền thông

7. Khẩu hiệu, biếm họa, và các kí hiệu biểu tượng
8. Biểu ngữ, áp phích, và các hình thức thông tin được trưng bày
9. Truyền đơn, sách mỏng, và sách
10. Báo hằng ngày và báo định kì
11. Ghi băng, đài, truyền hình, và videô
12. Viết chữ kéo bay trên trời và viết chữ lên mặt đất

Trình diễn nhóm

13. Các nhóm uỷ nhiệm
14. Trao giải thưởng giễu
15. Nhóm vận động hành lang
16. Làm hàng rào cản
17. Bầu cử giễu

Những hành vi công cộng biểu tượng

18. Trưng bày những lá cờ và những màu sắc biểu tượng
19. Đeo vật biểu tượng (nút, huy hiệu ủng hộ)
20. Cầu nguyện và lễ bái
21. Phân phát những vật biểu tượng
22. Cởi bỏ áo quần để chống đối
23. Phá huỷ tài sản của chính mình (nhà, tài liệu, chứng liệu khả năng và thành tích, vân vân)
24. Ánh sáng biểu tượng (đuốc, đèn lồng, nến)
25. Trưng bày ảnh chân dung
26. Sơn vẽ để phản đối
27. Bảng hiệu hay tên mới và/hay là tên mang tính biểu tượng

28. Các âm thanh biểu tượng (“những ca khúc biểu tượng” cùng với huýt sáo, chuông, còi, vãn vãn)

29. Đòi lại tài sản một cách biểu tượng (chiếm lại đất hay nhà)

30. Những cử chỉ thô bỉ

Áp lực lên cá nhân

31. “Bám sát” các giới chức (có thể cần liên tục theo dõi họ, hay là nhắc nhở họ, hoặc có thể giữ im lặng và tỏ sự kính trọng)

32. Khiêu khích các giới chức (giễu hay là mạt sát)

33. Kết thân (bắt người ta phải chịu ảnh hưởng mạnh trực tiếp để thuyết phục họ là chế độ mà họ phục vụ không công chính)

34. Những đêm không ngủ

Kịch nghệ và âm nhạc

35. Những hài kịch ngắn và các trò đùa tinh nghịch

36. Trình diễn kịch và âm nhạc

37. Ca hát

Diễn hành

38. Tuần hành [bước đều theo hàng ngũ để biểu dương lực lượng và biểu thị thái độ chính trị]

39. Diễn hành [thường đi ngang trước các lễ đài hay đường phố để biểu dương sức mạnh]

40. Đám rước tôn giáo [đi kiệu]

41. Hành hương

42. Đoàn xe mô tô

Vinh danh những người quá cố

43. Đền tang chính trị

44. Đám tang giả vờ

45. Biện lễ an táng thành biểu tình

46. Công khai biểu lộ sự tôn kính tại những nơi chôn cất

Tụ họp công khai

47. Tụ họp để chống đối hay để ủng hộ

48. Mít tinh chống đối

49. Mít tinh chống đối nguy trang

50. Hội luận với vài ba thuyết trình viên thông suốt vấn đề

Rút lui và công khai từ bỏ

51. Bãi công đột nhiên

52. Thình lạng

53. Khước từ các vinh danh

54. Từ bỏ

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP BẤT HỢP TÁC XÃ HỘI

Khai trừ

55. Từ chối giao tiếp

- 56. Từ chối giao tiếp có chọn lọc
 - 57. Khước từ giao hợp (tẩy chay sinh lí)
 - 58. Dứt phép thông công (tẩy chay tôn giáo)
 - 59. Cấm tham dự thánh lễ và rước lễ (ngưng các dịch vụ tôn giáo)
- Bất hợp tác với những sinh hoạt, phong tục, và các định chế xã hội**

- 60. Ngưng các hoạt động thể thao và xã hội
- 61. Tẩy chay những buổi giao tế xã hội
- 62. Bãi khoá của học sinh/sinh viên
- 63. Bất tuân xã hội (tập quán hay là quy tắc xã hội)
- 64. Rút lui khỏi những định chế xã hội

Rút lui khỏi hệ thống xã hội

- 65. Không ra khỏi nhà
- 66. Hoàn toàn bất hợp tác cá nhân
- 67. Công nhân bỏ việc (bỏ đi nơi khác)
- 68. Nơi an toàn (rút về nơi mà người ta không thể động đến bạn được nếu họ không muốn vi phạm những cấm kỵ về tôn giáo, xã hội, hay luật pháp)
- 69. Lẩn tránh tập thể (cư dân của một khu vực nhỏ lìa bỏ nhà cửa và làng mạc của họ)
- 70. Di cư để phản đối (hijrat: một cuộc di cư vĩnh viễn có chủ ý)

**NHỮNG PHƯƠNG PHÁP BẤT HỢP TÁC KINH TẾ:
TẨY CHAY KINH TẾ**

Hành động bởi giới tiêu thụ

- 71. Người tiêu thụ tẩy chay hàng hoá hay các hãng
- 72. Không xài những hàng hoá đã bị tẩy chay (những hàng hoá mình đã có)
- 73. Chính sách khắc khổ (giảm tiêu thụ đến mức tối thiểu)
- 74. Giữ lại không trả tiền mướn đất/nhà (đình công tiền mướn)
- 75. Khước từ mướn đất/nhà
- 76. Tẩy chay toàn quốc bởi giới tiêu thụ (từ chối mua các sản phẩm hay sử dụng các dịch vụ từ một quốc gia khác)
- 77. Tẩy chay quốc tế bởi giới tiêu thụ (một số quốc gia chống những sản phẩm của một quốc gia nào đó)

Hành động bởi công nhân và các nhà sản xuất

- 78. Công nhân tẩy chay (từ chối làm việc với những sản phẩm hay dụng cụ do đối phương cung cấp)
- 79. Tẩy chay bởi các nhà sản xuất (các nhà sản xuất từ chối bán hay là giao hàng)

Hành động bởi giới trung gian

- 80. Tẩy chay bởi các nhà cung cấp hay các nhà quản lí (công nhân hay người trung gian từ chối quản lí hay cung cấp một số hàng hoá nào đó)

Hành động bởi sở hữu chủ và cấp quản trị

- 81. Tẩy chay bởi các nhà buôn (các nhà buôn lẻ từ chối mua hoặc bán một số hàng nào đó)
- 82. Từ chối cho mượn hoặc bán tài sản
- 83. Đóng cửa (chủ phát động ngưng công bằng cách tạm thời đóng cửa tiệm/hãng/xưởng)
- 84. Khước từ sự hỗ trợ về kĩ nghệ
- 85. Thương gia “tổng đình công”

Hành động bởi giới nắm giữ các nguồn tài chánh

- 86. Rút tiền ra khỏi ngân hàng
- 87. Từ chối trả lệ phí dịch vụ, lệ phí thành viên, và lệ phí ấn định
- 88. Từ chối trả nợ hay tiền lãi
- 89. Cắt ngân khoản hay tín dụng
- 90. Khước từ mang lại lợi tức (từ chối tự nguyện gây lợi tức cho chính quyền)
- 91. Khước từ tiền của chính quyền (đòi hỏi trả công bằng cách khác)

Hành động bởi chính phủ

- 92. Cấm vận nội địa
- 93. Vào sổ đen các nhà buôn đối tượng
- 94. Cấm vận bán cấp quốc tế
- 95. Cấm vận mua cấp quốc tế
- 96. Cấm vận mậu dịch quốc tế

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP BẤT HỢP TÁC KINH TẾ: ĐÌNH CÔNG**Những cuộc đình công có tính biểu tượng**

- 97. Đình công phản đối (cho một giai đoạn ngắn được báo trước)
- 98. Bãi công đột nhiên nhằm lạ (đình công chớp nhoáng: đình công phản đối ngắn, tự phát)

Những cuộc đình công nông nghiệp

- 99. Nông dân đình công
- 100. Nhân công nông trại đình công

Đình công bởi các nhóm đặc biệt

- 101. Khước từ lao động cưỡng bức
- 102. Tù nhân đình công
- 103. Thợ thủ công đình công
- 104. Đình công của giới chuyên nghiệp

Những cuộc đình công kỹ nghệ thông thường

- 105. Đình công cơ sở (tại một hay nhiều chi nhánh dưới quyền một ban quản trị)
- 106. Đình công kỹ nghệ (ngưng công ở tất cả các cơ sở của một ngành kỹ nghệ)
- 107. Đình công ủng hộ (đình công liên đới nhằm ủng hộ các yêu cầu của công nhân bạn)

Những cuộc đình công có giới hạn

- 108. Đình công riêng rẽ (từng công nhân một, hay từng vùng một, ngưng công từng phần một)
- 109. Đình công tiếp nối (Nghịệp đoàn lần lượt đình công tại từng hãng/xưởng một của một ngành kỹ nghệ)
- 110. Lãn công
- 111. Đình công bằng cách làm đúng theo luật (làm việc hoàn toàn theo đúng luật lệ để làm trì chậm sản xuất)
- 112. Ở nhà vì bệnh (khai “bệnh”)
- 113. Đình công bằng cách từ nhiệm (Một số lớn công nhân cứ lần lượt từng người một xin thôi việc)
- 114. Đình công có giới hạn (từ chối làm những việc không đáng kể hay từ chối làm việc trong một số ngày nào đó)
- 115. Đình công chọn lọc (công nhân từ chối làm một số loại công việc nào đó)

Những cuộc đình công liên kỹ nghệ

- 116. Đình công trải rộng (một số kỹ nghệ bị đình công cùng một lúc)
- 117. Tổng đình công (tất cả các ngành kỹ nghệ đều bị đình công cùng một lúc)

Hỗn hợp các loại đình công và ngưng sinh hoạt kinh tế

- 118. Hoàn toàn đóng cửa tiệm, văn phòng để phản kháng (mọi sinh hoạt kinh tế đều tạm ngưng trên căn bản tự nguyện)
- 119. Ngưng hẳn mọi hoạt động kinh tế (công nhân đình công và chủ nhân các hãng/tiệm đồng loạt ngưng mọi sinh hoạt kinh tế)

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP BẤT HỢP TÁC CHÍNH TRỊ

Phủ nhân uy quyền

- 120. Giữ lại hay rút lui sự trung thành
- 121. Khước từ ủng hộ công khai (đối với chế độ hiện hành và các chính sách của chế độ)
- 122. Tài liệu và diễn văn kêu gọi chống đối

Công dân bất hợp tác với chính quyền

- 123. Dân biểu tẩy chay các cơ quan lập pháp
- 124. Tẩy chay các cuộc bầu cử
- 125. Tẩy chay làm việc cho chính phủ và các chức vụ chính phủ
- 126. Tẩy chay các bộ, các nha sở, và các cơ quan khác của chính phủ
- 127. Rút ra khỏi các cơ sở giáo dục của chính quyền
- 128. Tẩy chay các tổ chức được chính quyền hỗ trợ
- 129. Khước từ hỗ trợ nhân viên công lực
- 130. Tháo gỡ bằng hiệu, dấu chỉ địa điểm
- 131. Từ chối chấp nhận các giới chức được bổ nhiệm
- 132. Từ chối giải thể các cơ chế hiện hành

Những giải pháp khác của công dân thay thế cho sự tuân phục

- 133. Tuân hành một cách miễn cưỡng và chậm chạp
- 134. Bất tuân khi không bị giám sát trực tiếp
- 135. Bất tuân thông dụng (không quảng cáo, kín đáo)
- 136. Bất tuân trá hình (trông như tuân hành)
- 137. Từ chối tụ tập hay họp nhằm mục đích phân tán
- 138. Biểu-tình-ngồi
- 139. Bất hợp tác tòng quân và trục xuất khỏi nước
- 140. Lẩn trốn, trốn thoát, giấy tờ giả
- 141. Bất tuân dân sự đối với những luật “phi lí”

Hành động bởi nhân viên chính quyền

- 142. Từ chối có chọn lọc sự hỗ trợ đối với chính quyền (từ chối thi hành các chỉ thị; thông báo cho cấp trên biết sự từ chối)
- 143. Chặn hệ thống chỉ huy và thông tin
- 144. Trì hoãn và cản trở
- 145. Toàn bộ hệ thống hành chánh bất hợp tác
- 146. Ngành tư pháp bất hợp tác (bởi các chánh án)
- 147. Cố ý vô hiệu năng và bất hợp tác có chọn lọc bởi nhân viên công lực
- 148. Nổi loạn

Hành động của chính quyền tại quốc nội

- 149. Tránh né và trì hoãn bán pháp lí
- 150. Bất hợp tác bởi những đơn vị thành phần của chính phủ

Hành động của chính quyền ở cấp độ quốc tế

151. Những thay đổi đại diện ngoại giao và các ngành khác
152. Trì hoãn và huỷ bỏ các cơ hội diễn biến ngoại giao
153. Hoãn lại việc thừa nhận ngoại giao
154. Cắt đứt liên hệ ngoại giao
155. Rút khỏi các tổ chức quốc tế
156. Khước từ sự gia nhập vào các cơ quan quốc tế
157. Loại ra khỏi các tổ chức quốc tế

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP BẤT BẠO ĐỘNG**Can thiệp về tâm lí**

158. Dang mình dưới nắng mưa
159. Nhịn đói
 - a) Nhịn đói để tạo áp lực đạo đức
 - b) Tuyệt thực
 - c) nhịn đói để cải hoá [satyagrahic]
160. Xử án ngược (bị cáo trở thành “công tố viên” không chính thức)
161. Quấy nhiễu bất bạo động

Can thiệp bằng thân xác

162. Ngồi bảm trụ
163. Đứng bảm trụ
164. Diễn hành bằng xe
165. Lợi nước/bùn để phản đối
166. Đi vòng vòng (tụ tập tại một địa điểm có ý nghĩa biểu tượng và luôn luôn di động)
167. Tập trung cầu nguyện
168. Đột kích bất bạo động (bước đều đến một địa điểm then chốt đã được chỉ định và đòi sở hữu địa điểm này)
169. Đột kích bất bạo động bằng máy bay (có thể thả truyền đơn hay tiếp tế lương thực)
170. Xâm lấn bất bạo động
171. Xen kẽ vào giữa một cách bất bạo động (chen mình vào giữa một người và đối tượng của công việc hay sinh hoạt)
172. Gây cản trở bất bạo động
173. Chiếm cứ bất bạo động

Can thiệp về xã hội

174. Thiết lập những mẫu mực xã hội mới

- 175. Gây tràn ngập các cơ sở
- 176. Gây trì hoãn
- 177. Chiếm diễn đàn
- 178. Du kích kịch trường (gây gián đoạn kịch trường một cách bất ngờ)
- 179. Tạo ra những cơ chế xã hội thay thế khác
- 180. Tạo ra những hệ thống truyền thông thay thế khác

Can thiệp về kinh tế

- 181. Làm trái ngược với đình công (làm việc quá mức)
- 182. Đình công tại chỗ (chiếm cứ nơi làm việc)
- 183. Chiếm đất bất bạo động
- 184. Thách thức cấm vận
- 185. Làm bạc giả vì động cơ chính trị
- 186. Mua chặn hết hàng hoá
- 187. Tịch thu tài sản
- 188. Thái độ hàng hoá
- 189. Bảo trợ có chọn lọc
- 190. Tạo những thị trường thay thế khác
- 191. Tạo những hệ thống vận tải thay thế khác
- 192. Tạo những cơ chế kinh tế thay thế khác

Can thiệp về chính trị

- 193. Tạo tràn ngập các hệ thống hành chính
- 194. Tiết lộ danh tánh các nhân viên mật vụ
- 195. Tìm cách đi tù
- 196. Bất tuân dân sự đối với những luật “vô thưởng vô phạt”
- 197. Tiếp tục làm việc mà không cộng tác
- 198. Hai chủ quyền và chính phủ song hành

Hiện tượng những người tranh đấu cho các quyền dân chủ và công lí không biết toàn bộ những phương pháp đấu tranh bất bạo động là điều xảy ra quá thường xuyên. Có chiến lược khôn ngoan, chú tâm đến các động năng của cuộc đấu tranh, và cẩn trọng chọn lựa các phương pháp có thể tăng xác suất thành công của nhóm. Gene Sharp đã nghiên cứu và xếp loại 198 phương pháp này và cung ứng một chọn lọc phong phú những thí dụ từ lịch sử trong tác phẩm gây ảnh hưởng sâu xa của ông, *Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động* [*The Politics of Nonviolent Action*] (3Tập). Boston: Porter Sargent Publishers, 1973.

Phụ Bản Ba

Thí Dụ Về Cách Giải Quyết Vấn Đề Bằng Cách Sử Dụng Mô Hình Nghiên Cứu Tham Mưu

Vào giữa năm 1992, liên minh các nhóm đối lập Miến Điện đã thành lập Ủy Ban Thách Thức Chính Trị (PDC). Một trong những công tác đầu tiên của Ủy Ban là nghiên cứu làm cách nào để xúc tiến cuộc đấu tranh đòi dân chủ tại Miến Điện cho được mỹ mãn nhất trong những hoàn cảnh biến đổi. Ủy Ban soạn thảo một bản nghiên cứu tham mưu; nội dung của bản nghiên cứu này được dùng trong những cuộc thảo luận cao cấp trong Hội Đồng Quốc Gia Liên Hiệp Miến Điện để quyết định xem có nên tiếp tục dành ưu tiên cho đấu tranh vũ trang hay là cần phải theo đuổi đấu tranh bất bạo động. Hiển nhiên là PDC, được thành lập để hướng dẫn một cuộc đấu tranh bất bạo động chiến lược để đi song hành với những nỗ lực bất bạo động của Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ của Aung San Suu Kyi, thiên về giải pháp bất bạo động, nhưng họ cẩn thận để được khách quan. Mô hình nghiên cứu tham mưu đã được sử dụng. Bản nghiên cứu tham mưu của PDC là một thí dụ về làm sao để sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề này để giải đáp những câu hỏi về chiến lược.

Nghiên Cứu Tham Mưu của Ủy Ban Thách Thức Chính Trị

- 1. VẤN ĐỀ:** Nhận dạng những phương tiện hữu hiệu nhất để khuyến khích dân chúng tham gia vào cuộc đấu tranh giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh vì dân chủ tại Miến Điện.
- 2. GIẢ ĐỊNH:** Đại đa số những người dân Miến Điện chống đối sự cai trị của Hội Đồng Phục Hồi Luật Pháp Nhà Nước và Trật Tự (SLORC).
- 3. NHỮNG SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ:**
 - A.** Có khoảng 44 triệu dân sống tại Miến Điện

- B. Các Lực Lượng Quân Đội Miến Điện tổng cộng khoảng 400.000 quân so với thành phần quân sự của các lực lượng dân chủ có khoảng 10.000 người (**GHI CHÚ: hiện tại ít hơn 4.000**).
- C. Lãnh đạo phong trào dân sự đòi dân chủ đã bị SLORC bắt đi một cách rất hữu hiệu bằng cách bắt bớ, bỏ tù, đày, hãm dọa, và hành quyết.
- D. Tài nguyên không có sẵn để vũ trang và huấn luyện người dân cho cuộc xung đột vũ trang.
- E. Chính Phủ Liên Hiệp Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện (NCGUB), một mình, không thể cổ võ phong trào dân chủ bên trong Miến Điện. Chính Phủ không có cơ cấu hay nhân viên có huấn luyện để lập kế hoạch, tổ chức và quản lí một nỗ lực chiến lược.
- F. SLORC đã nắm sáng kiến của cả quân đội lẫn chính trị trong cuộc đấu tranh chống lại nhân dân Miến Điện.
- G. Trong 10 năm qua, cuộc chiến Thách Thức Chính Trị thành công đã được xúc tiến tại nhiều quốc gia (Azerbaijan, Bangladesh, Phi Luật Tân, Nga, Ba Lan, Đông Đức, Georgia, Lithuania, Estonia, Latvia, Haiti, và Thái Lan).
- H. Cộng đồng thế giới có khuynh hướng lưu tâm đến, và hành động với những cuộc đấu tranh chính trị khi có đại bộ phận quần chúng dẫn thân vào cuộc đấu tranh.

4. THẢO LUẬN:

- A. Gần nửa thế kỉ nay, các sắc tộc thiểu số tại Miến Điện, bao gồm khoảng một phần ba dân số, đã phải chịu đủ loại tấn công về quân sự và chính trị do chính quyền bảo trợ. Những nỗ lực này có mục đích nhằm tiêu diệt chính trị, xã hội, và văn hoá của những thiểu số sắc tộc đặc thù. Các mức độ bạo lực đối với các nhóm thiểu số này không được công chúng biết đến nhiều. Chỉ kể từ năm 1988, khi Quân Đội Miến Điện thực hiện những điều tàn ác đối với chính họ thì công chúng mới biết được những gì đã xảy ra trước đó hàng chục năm với các nhóm thiểu số. Vì phát lộ được việc này mà người Miến và các nhóm sắc tộc khác có một kẻ thù chung; đó là nền độc tài quân phiệt tại Rangoon.
- B. Bốn mươi bốn (44) triệu dân Miến Điện (**Ghi chú: năm 2003, 50 triệu**) bị một lực lượng quân đội/cảnh sát khoảng trên 400.000 khủng bố và bắt làm nô lệ. Nói một cách khác, ở Miến

Điện, cứ mỗi 100 người trong các nhà tù Miến Điện thì có một người “canh tù”. Tỷ lệ 100:1 tù nhân/canh tù này (**Ghi chú: năm 2003, 125:1**) là một biện pháp khéo léo trong việc sử dụng khủng bố, hăm dọa của chế độ, và khuynh hướng phân hoá của phong trào dân chủ.

- C. Bởi vì nền độc tài sử dụng khủng bố và những hình thức áp bức khác, lớp lãnh đạo thứ nhất, thứ hai, và thường thường là lớp thứ ba của phong trào dân chủ đã bị gạt ra khỏi xã hội Miến Điện. Những lực lượng dân chủ cần phải đưa lãnh đạo vào Miến Điện, và những người lãnh đạo mới cần phải được huấn luyện cho những trách vụ trong cuộc đấu tranh.
- D. Những địa điểm buôn bán chính yếu dọc theo các biên giới đã bị Quân Đội Miến chiếm. Việc chiếm giữ này có nghĩa là các tài khoản có được để mua sắm vũ khí và tiếp liệu đã bị giảm đi rất nhiều. Thêm nữa, không có sự hỗ trợ quân sự từ quốc ngoại. Do đó, không có sẵn tài nguyên để bành trướng thành phần quân sự của phong trào đấu tranh dân chủ. Hơn nữa, dù cho có đủ tài chánh đi nữa, tăng cường một lực lượng lớn mạnh đủ để đánh bại những lực lượng hùng mạnh và trang bị đầy đủ như SLORC là một điều không quan niệm được.
- E. Chính Phủ Liên Hiệp Quốc Gia của Liên Hiệp Miến Điện (NCGUB) mang cờ hiệu cho Chính Phủ của Liên Minh Toàn Quốc vì Dân Chủ (NLD) đã thắng cử vào năm 1990. Ngay cả ở những vùng không được bầu cử, sự lãnh đạo của Daw Ang San Suu Kyi vẫn được chấp nhận. Do đó, NCGUB đại diện cho lãnh đạo được nhân dân Miến Điện công nhận. Không có sự hỗ trợ của Hội Đồng Toàn Quốc của Liên Hiệp Miến Điện (NCUB) thì NCGUB không thể đưa ra được cho thế giới một hình ảnh đáng tin cậy của sự hiện hữu của một chính phủ song hành đích thực.
- F. Bởi vì mạnh hơn về quân sự và vì sự thiếu thống nhất của đối phương, SLORC đã có thể khởi động những cuộc tấn công quân sự và chính trị vào những thời điểm và địa điểm họ chọn lựa. Nếu sự thống nhất chính trị, nay tỏ ra là đang phát triển giữa các nhóm đối lập, có thể tiếp tục thì các lực lượng dân chủ có thể giành được sáng kiến chính trị.
- G. Lịch sử của đấu tranh bất bạo động lớn mạnh, đặc biệt là trong thập kỷ vừa qua, đã xác tín sự hữu ích của hình thức đấu tranh này trong những trường hợp mà lực lượng quân đội hùng mạnh

được sử dụng để áp bức dân chúng. Những khả năng “Thách Thức” chính trị, cũng như các kĩ năng quân sự, không bị giới hạn bởi quốc tịch, nhóm văn hoá hoặc là những mức độ áp bức nào đó.

- H. Báo chí thế giới đã tường trình những giai đoạn cuối của cuộc nổi dậy năm 1988 và vụ đàn áp đầu tiên của Quân Đội Miến Điện. Chỉ vì những hành động ào ạt của công chúng bên trong Miến Điện mà các chính quyền đã hành động để áp đặt các trừng phạt đối với nền độc tài quân phiệt. Khi không có sự tham gia của tập thể quần chúng thì cũng không có áp lực của quốc tế.

5. KẾT LUẬN:

- A. Muốn đánh bại chế độ Rangoon, nhân dân Miến Điện phải có khả năng thách thức SLORC như đã làm năm 1988, để phối hợp những nỗ lực của mình cùng với những thành phần quân sự và quốc tế đấu tranh cho dân chủ, và để hoạch định những kế hoạch hợp nhất và tập trung tài nguyên vào những kế hoạch này.
- B. Cán cân lực lượng có thể thay đổi thuận lợi cho nhân dân Miến Điện nếu công chúng có thể được sử dụng hữu hiệu để chống lại SLORC.
- C. Cần phải có hỗ trợ hỗ tương giữa NCUB và NCGUB nếu muốn duy trì sự hợp nhất về chính trị.
- D. Thách Thức Chính Trị tỏ ra là đem lại được những khả năng khởi động đấu tranh chính trị tấn công chiến lược chống lại những nền độc tài.

6. KHUYẾN CÁO:

- A. Thiết lập một Văn Phòng Thách Thức Chính Trị phức tạp trực tiếp lên Chủ Tịch Đoàn của Hội Đồng Toàn Quốc của Liên Hiệp Miến Điện (NCUB). Văn phòng này sẽ chịu trách nhiệm hoạch định các kế hoạch chiến lược, xác định các yêu cầu về tài nguyên, giám sát giáo dục và huấn luyện Thách Thức Chính Trị, và điều phối mọi thiết kế chiến lược hành động.
- B. Tức khắc tổ chức những Khoá Học về Thách Thức Chính Trị để chuẩn bị nhân viên chọn lọc cho việc sớm trở về bên trong Miến

Điện để họ có thể kết nạp, huấn luyện và tổ chức những khả năng hành động tấn công.

- C.** Phân công cho những tài nguyên Bí Mật hỗ trợ các hoạt động của các đơn vị Thách Thức Chính Trị.

Phụ Bản Bốn

Mô Hình Gợi Ý

Cho Việc Soạn Thảo

Bản Phỏng Định Chiến Lược

PHỎNG ĐỊNH TÌNH HÌNH

1. SỨC MẠNG

2. TÌNH HÌNH VÀ ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

A. NHỮNG CÂN NHẮC ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

- 1) Những đặc tính của địa điểm hành quân
 - a) Địa lí quân sự
 1. Địa hình
 2. Thủy hình
 3. Khí hậu và thời tiết
 - b) Vận tải
 - c) Viễn thông
 - d) Chính trị
- 2) Sức mạnh chiến đấu tương đối
 - a) Quân đội đối phương
 1. Sức mạnh
 2. Cấp đơn vị
 3. Địa điểm và tư thế
 4. Các tầng viện
 5. Hậu cần
 6. Hiệu năng chiến đấu
 7. Lí lịch của sĩ quan
 - b) Quân đội bạn (như trên)
 - c) Thách Thức Chính Trị của đối phương
 1. Ưu điểm
 2. Khuyết điểm
 3. Các cột trụ chống đỡ
 4. Những xét định về dân số
 - a. Mật độ dân số
 - b. Phân phối sinh viên tốt nghiệp
 - c. Tỷ lệ biết chữ trong số người ủng hộ
 - d. Mật độ sắc tộc và tôn giáo
 - e. Mức sống (những người ủng hộ)

5. Những xét định về chính trị
 - a. Các “đồng minh” tự nhiên
 - b. Các tổ chức
 - c. Những rạn nứt chính trị
 6. Những xét định về an ninh
 - a. Hiệu lực của phản gián
 - b. Nhược điểm để kết nạp
 - c. Thủ tục điều tra lí lịch của tổ chức
 - d. Truyền thông
 - e. An ninh về thông tin và tài liệu
- d) Thách Thức Chính Trị phía Bạn (như trên)
- 3) Các giả định

B. CÁC KHẢ NĂNG CỦA ĐỊCH

C. ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

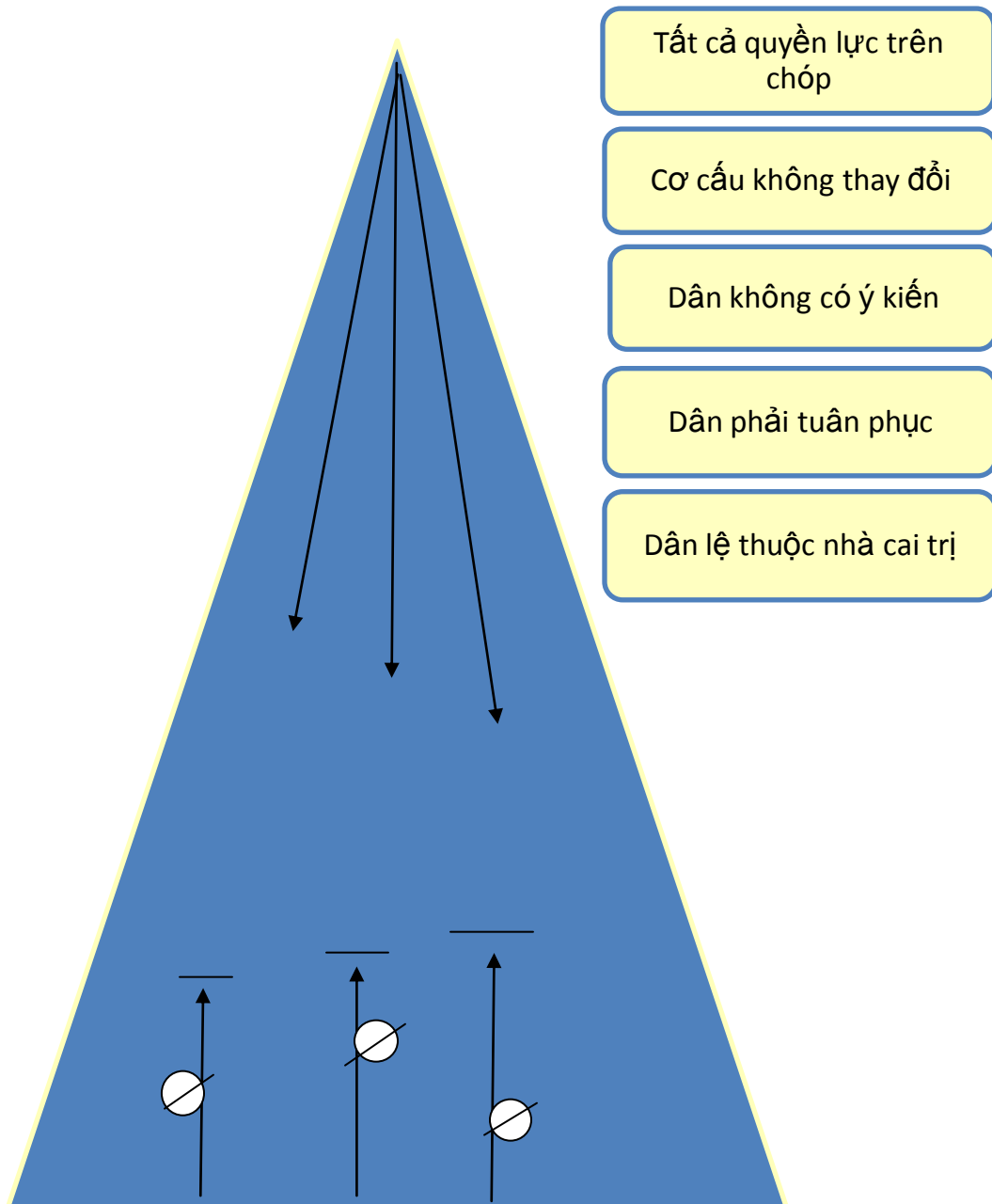
3. PHÂN TÁCH ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỐI PHƯƠNG

4. ĐỐI CHIẾU VỚI ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH

5. QUYẾT ĐỊNH

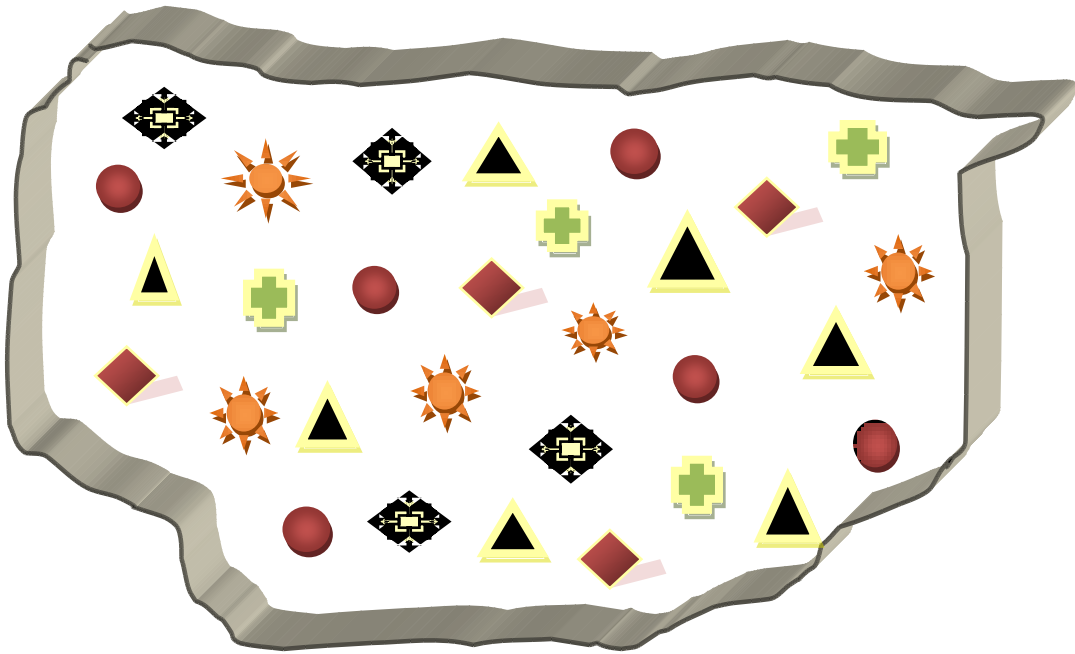
HÌNH 1







MÔ THỨC QUYỀN LỰC ĐỘC TÔN



HÌNH 2

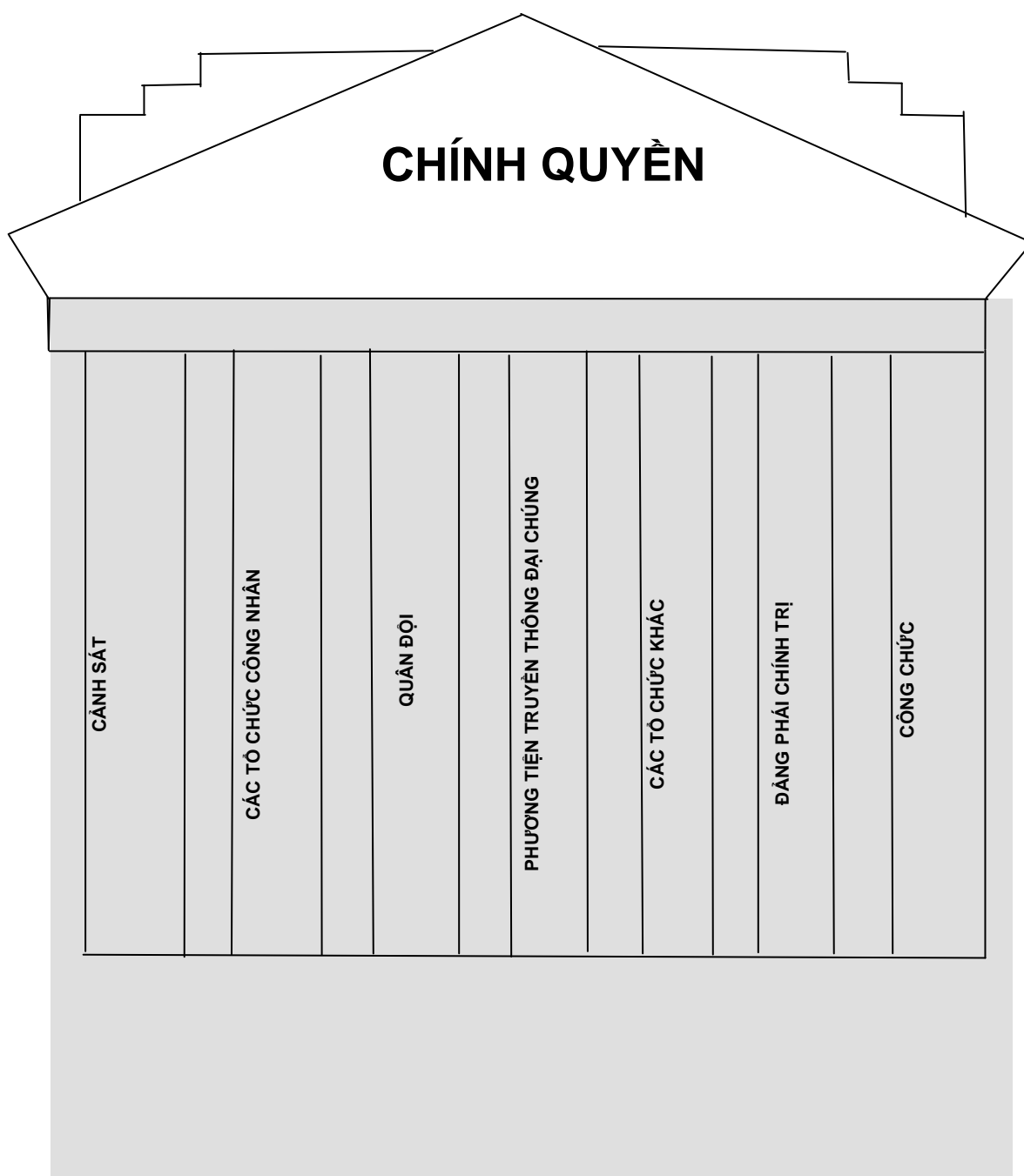
MÔ THỨC QUYỀN LỰC ĐA NGUYÊN

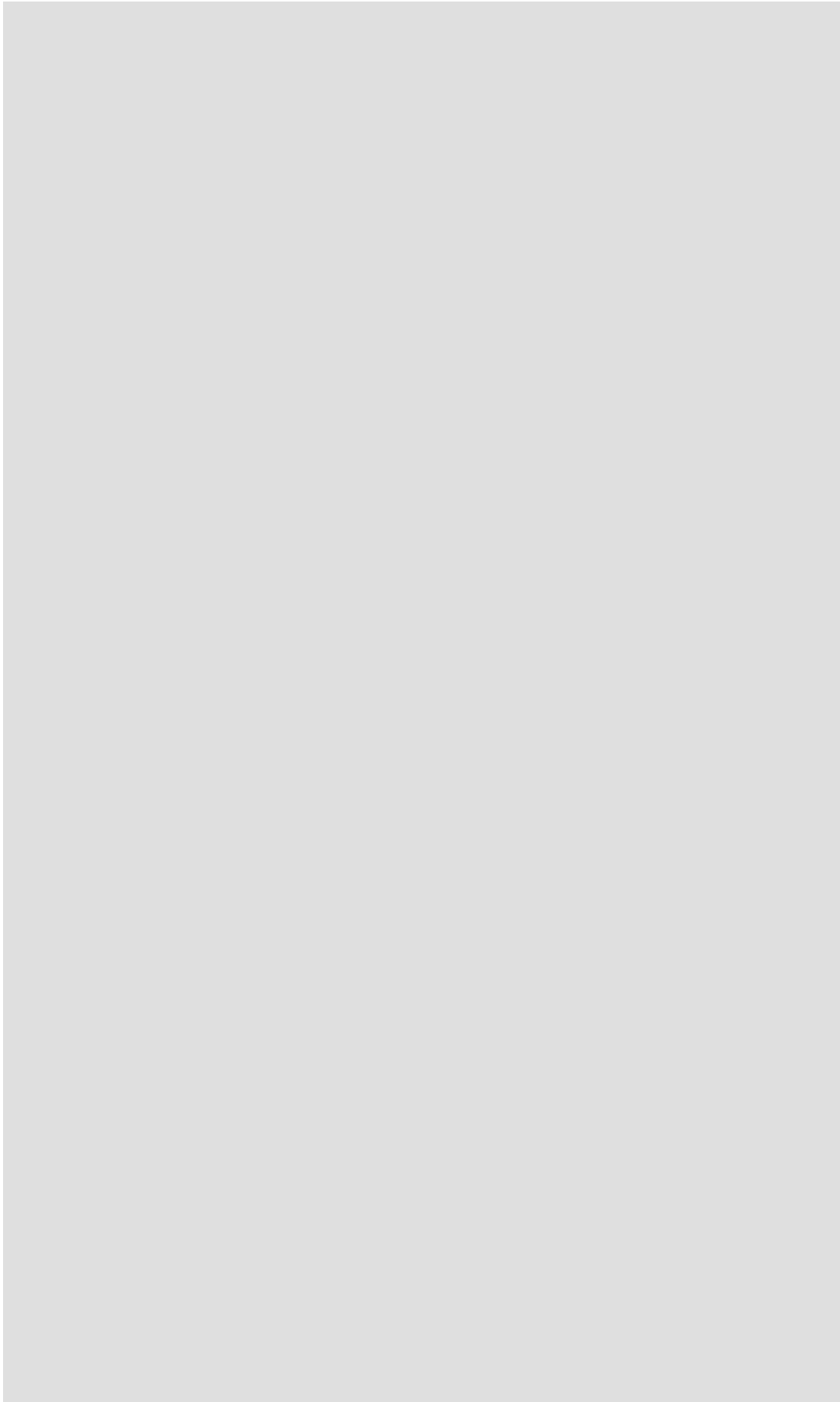


-  Tính hợp pháp (Uy quyền)
-  Số người (nhân lực)
-  Kỹ năng và Kiến thức
-  Những yếu tố không nắm bắt được
-  Vật lực
-  Chế tài

HÌNH 3

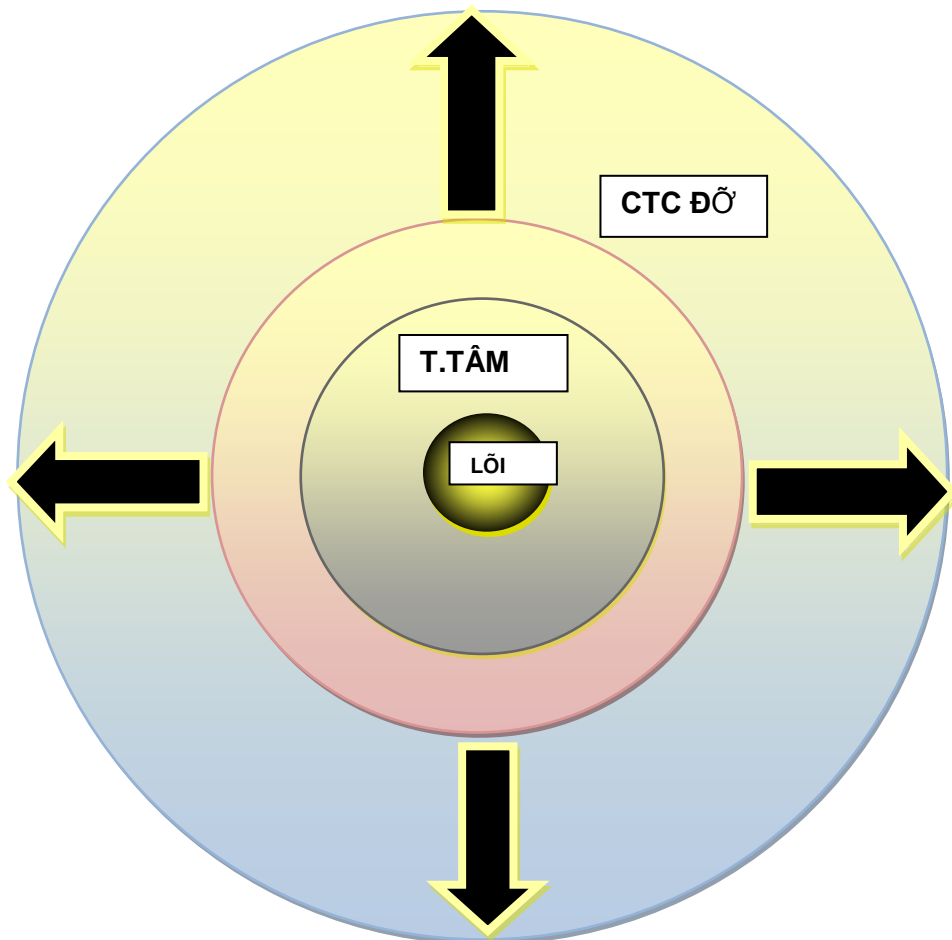
NHỮNG CỘT TRỤ CHỐNG ĐỠ





HÌNH 4

KÉO NGHỊCH VỚI ĐẦY NHỮNG CỘT TRỤ CHỐNG ĐỠ



Các chiến lược bất bạo động tìm cách kéo các cột trụ chống đỡ ra khỏi kẻ cai trị, do đó cách li ông ta ra khỏi những nguồn sức mạnh.

HÌNH 5

SƠ ĐỒ TRUNG THÀNH



THƯ TỊCH

Adler, Glenn and Eddie Webster, eds. *Trade Unions and Democratization in South Africa* [*Nghiệp Đoàn Thương Mại và Dân Chủ Hoá ở Nam Phi*], 1985-1997. New York: Saint Martin's Press, 2000.

Ackerman, Peter and Jack Duval. *A Force More Powerful: A Century of Nonviolent Conflict* [*Một Lực Lượng Mạnh Hơn: Một Thế Kỷ Đấu Tranh Bất Bạo Động*]. New York: Palgrave, 2000.

Ackerman, Peter and Christopher Kruegler. *Strategic Nonviolent Conflict: The Dynamics of People Power in the Twentieth Century* [*Đấu Tranh Bất Bạo Động Chiến Lược: Động Năng của Sức Mạnh Nhân Dân Trong Thế Kỷ Thứ Hai Mươi*]. Westport, Connecticut and London: Praeger, 1994.

Aung San Suu Kyi. *Freedom From Fear and Other Writings* [*Tự Do Khỏi Sợ Hãi và Những Bài Viết Khác*], Edited By Michael Aris. New York: Penguin Books, 1991.

Chomsky, Noam and David Barsamian. *Propaganda and the Public Mind* [*Tuyên Truyền và Trí Óc Quần Chúng*]. Cambridge, MA: South End Press, 2001.

Clark, Howard. *Civil Resistance in Kosovo* [*Đối Kháng Dân Sự ở Kosovo*]. London: Pluto Press, 2000.

Clausewitz, Carl von. *On War* [*Về Chiến Tranh*]. Edited and translated by Michael Howard and Peter Paret. Princeton: Princeton University Press, 1976.

_____. *Principles of War* [*Những Nguyên Tắc của Chiến Tranh*]. Edited and translated by Hans W. Gatzky. Harrisburg: Millitary Publishing Company, 1952.

Dajani, Souad. *Eyes Without a Country: Searching for a Palestinian Strategy of Liberation* [*Những Con Mắt Không Có Xứ Sở: Đi Tìm Một Chiến Lược Giải Phóng*]. Philadelphia, Temple University Press, 1994.

Department of the Army Field Manual 33-5. *Psychological Operations* [*Tác Vụ Tâm Lý*]. 1962.

- Ellul, Jacques. *Propaganda: The Formation of Men's Attitudes* [Tuyên Truyền: Tạo Thái Độ]. New York: Alfred A. Knopf, 1965.
- Fink, Christina. *Living Silence: Burma Under Military Rule* [Sự Tĩnh Lặng Sống: Miến Điện Dưới Nền Cai Trị của Quân Đội]. London: Zed Books, 2001.
- Griffith, Samuel B. *Sun Tzu: The Art of War* [Tôn Tử: Nghệ Thuật Chiến Tranh]. Oxford and New York: Oxford University Press, 1963.
- Hutchins, Maynard in Introduction of *Great Books of the Western World* [trong lời Dẫn Nhập của *Những Cuốn Sách Lớn của Thế Giới Tây Phương*]. ix-x. Chicago: University of Chicago Press, 1952.
- Irion, Frederick. *Public Opinion and Propaganda* [Ý Kiến Quần Chúng và Tuyên Truyền]. New York: Thomas Crowell Company, 1950.
- Liddell Hart, Basil. *Strategy* [Chiến Lược]. New York: Frederick A. Praeger, 1956.
- Lintner, Bertil. *Outrage: Burma's Struggle for Democracy* [Con Giận Dữ: Miến Điện Đấu Tranh cho Dân Chủ]. London and Bangkok: White Lotus, 1990.
- Miniotaite, Grazina. *Nonviolent Resitance in Lithuania: A Story of Peaceful Liberation* [Đối Kháng Bất Bạo Động tại Lithuania: Một Câu Chuyện Giải Phóng Ôn Hoà]. Boston: Albert Einstein Institution, 2002.
- Paret, Peter, Ed. *Makers of Modern Strategy from Machiavelli to the Nuclear Age* [Những Người Tạo Nên Chiến Lược Tân Tiến Từ Machiavelli đến Thời Đại Nguyên Tử]. Princeton: Princeton University Press, 1968.
- Pratkanis, Anthony and Elliot Aronson. *Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Persuasion* [Thời Đại Tuyên Truyền: Sử Dụng và Lạm Dụng Thuyết Phục]. New York: W.H. Freeman and Company, 2001.
- Sharp, Gene. *The Politics of Nonviolent Action* [Chính Trị của Hành Động Bất Bạo Động] (Gồm 3 tập: *Power and Struggle* [Quyền Lực và Đấu Tranh], *The Methods of Nonviolent Action* [Các Phương Pháp Đấu Tranh Bất Bạo Động], và *The Dynamics of Nonviolent Action*

[*Các Động Năng của Hành Động Bất Bạo Động*]. Boston: Porter Sargent Publishers, 1973.

— — — . *Gandhi as a Political Strategist* [*Gandhi Như Là Một Chiến Lược Gia*]. Boston: Porter Sargent Publishers, 1979.

— — — . *There Are Realistic Alternatives* [*Có Những Thay Thế Thực Tiễn*]. Boston: Albert Einstein Institution, 2003.